

Bài KHÁNG CÁO Cười cùng



J.o.a.n.n.e . F.l.u.k.e
Vy An dịch



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

BẢN KHÁNG CÁO CUỐI CÙNG

Tác giả: **Joanne Fluke**

Dịch thuật: **Vy An**

Thể loại: **Tiểu thuyết trinh thám.**

Nhà xuất bản: **NXB Lao Động**

Ebook: **nguyenthanh-cuibap**

Nguồn text: **Waka**

Lời Dẫn

Thêm Một Nạn Nhân

Michael tìm thấy quần bò và áo sơ mi ướt trong tủ quần áo. Thế là đã rõ, quả đúng như anh nghi ngờ, tối qua anh lại mộng du đi lang thang dưới mưa rồi. Giờ anh phải tìm hiểu xem mình đã đi đâu và làm gì.

Tay anh run run lật giở tờ báo. Trên này có đăng tin một người phụ nữ bị sát hại tại Westwood. Và khi đọc đến tên nạn nhân, Margo Jantzen, mặt anh tái mét.

Cuốn danh bạ điện thoại vẫn mở đặt trên bàn uống nước và Michael ép bản thân phải nhìn nó. Tên và địa chỉ Margo Jantzen rành rành chính giữa trang giấy...

CHƯƠNG

1

Hollywood, California

Carole Hart biết cuộc hôn nhân của mình đã chết, nhưng cô không phải típ người thích than vãn khóc lóc. Cô đã cạn khô nước mắt sau biết bao nhiêu thăng trầm kể từ khi kết hôn, và cô đã hạ quyết tâm. Cô vẫn yêu và sẽ không bao giờ hết yêu Michael, nhưng li hôn với anh là cơ hội duy nhất để cô có một cuộc sống bình thường. Người chồng mới cô sẽ lấy sau khi hoàn tất thủ tục li hôn hẳn là trụ cột vững vàng cho gia đình. Và dù những cảm xúc nồng nàn từng có với Michael không còn, cô nghĩ mình vẫn sẽ sống tốt.

Nhưng dù quyết tâm đến mấy thì nước mắt vẫn chực trào ra khi Carole cài cúc chiếc áo sơ mi hàng thiết kế và cẩn thận xếp vào trong cái va li đồ đã cũ. Bởi lẽ đó là món đồ hàng hiệu duy nhất mà cô có. Cái áo là quà sinh nhật từ Amy Weston, cô bạn đồng nghiệp thân thiết nhất của Carole. Hãng phim Star sở hữu những tủ đồ chứa đủ loại phục trang và nhân viên ở đó thường bị nhầm là diễn viên hạng A. Nhưng Carole là ngoại lệ duy nhất. Trong suốt bấy nhiêu năm làm việc ở xưởng phim, cô chưa từng bị một khách du lịch nào nhầm với ai. Váy vóc, áo xống của cô toàn là đồ mua từ hồi độc thân, được cắt ngắn và chỉnh sửa để mong cho bắt kịp thời đại nhưng chưa bao giờ mang hơi hướng thời thượng. Carole không mua lấy một món trang phục mới nào kể từ hồi kết hôn cùng Michael. Phần lớn tiền lương của cô đều đổ vào chi trả cho những nhu cầu thiết yếu hàng ngày, như tiền nhà, tiền điện nước. Đã vậy phí để duy trì công việc của Michael lại quá cao, mọi khoản tiền hai vợ chồng dành dụm được đều nhanh chóng dùng để trang trải cho các lớp diễn xuất của anh. Ấy là chưa kể phí sinh hoạt Hiệp hội Những Diễn viên Màn bạc Hoa Kỳ. Và còn tiền chụp những

bức ảnh hào nhoáng anh gửi tới các đạo diễn tuyển vai nữa chứ. Mặc cho Carole có tần tiện chặt bóp thế nào, tình hình tài chính của họ cũng chẳng khá khẩm lên chút nào.

Carole đã từng rất lo lắng vì có lần các háo đơn đến hạn thanh toán chất đồng trong nhà nhưng Michale lại còn lấy đó làm trò đùa. Anh bảo chỉ cần thắng lớn trong một màn cá cược đua ngựa là họ có thể vênh mặt với đời ngay. Carole đã nghĩ đó là câu nói đùa hay nhất mình từng nghe. Nhưng tất cả chỉ còn là chuyện ngày xưa.

Sáu năm trước, khi cô kết hôn với Michael, những cặp vợ chồng trong khu chung cư Hollywood này đã thành lập một nhóm hỗ trợ không chính thức. Tất cả đều còn trẻ và nghèo. Họ đều đang chờ đợi ngày nổi tiếng. Họ cùng nhau ăn những bữa tối đạm bạc để chia sẻ những buồn vui, tùy vào hoàn cảnh. Hồi đó, Carole nổi tiếng với món salad bắp cải. Bắp cải rẻ hơn xà lách vì nó không phải loại rau củ theo mùa. Cô thái và trộn bắp cải cùng hỗn hợp rẻ tiền gồm giấm, đường, muối và tiêu đen. Nếu Michael có việc làm tuần đó, cô sẽ rắc thêm ít ớt chuông vàng vàng đỏ đỏ lên trên để trang trí. Lần đầu tiên cô làm món salad trộn, Michael đã dí dỏm nói đùa đây là những ngày salad ^[1] của họ. Carole cười hùa theo mọi người, nhưng cô không hiểu đầu của tai nheo ra sao. Về sau khi cô hỏi, Michael bảo đó là câu nói trong vở kịch Anthony và Cleopatra của Shakespeare.

Nhớ lại những ngày đó, Carole nhận ra mình chẳng có mấy điểm chung với Michael. Anh là cử nhân đại học, còn cô làm trợ lý trong World-Star ngay khi học xong cấp ba. Họ lần đầu gặp nhau là tại một buổi thử vai, và Carole đã chết mê chết mệt chất giọng nam tính cùng gương mặt điển trai của Michael. Khi Michael nhận được vai, anh mời cô đi ăn tối để chúc mừng.

Hồi ấy Michael và cô hay cùng ăn tối lắm. Và họ cũng thường xuyên ăn trưa tại mấy quầy hotdog hơn nhân lúc anh được nghỉ giải lao giữa các phân cảnh.

Và còn có những buổi tối lãng mạn tại căn hộ chật chội của anh - cũng chính là căn hộ cô sắp sửa rời bỏ, nơi họ từng quán lấy nhau và cùng nhau

nghe những bản nhạc.

Những trợ lí khác, kể cả Amy, đều khuyên cô đừng dính dáng tới cánh diễn viên. Nhưng cô không nghe. Và trước khi cô thật sự suy nghĩ về cuộc sống đôi lứa của họ rồi đây sẽ bấp bênh thế nào, cô đã trở thành vợ của Michael Hart, một bà nội trợ đảm đang, người làm món salad bắp cải phục vụ những bữa tối đạm bạc, nơi cánh đàn ông thảo luận về cái gọi là nghệ thuật vị nghệ thuật, còn đám phụ nữ ngồi bên cạnh ước ao những thứ trong mơ họ cũng chẳng mua nổi.

Lúc đầu, kết hôn với một diễn viên có vẻ cũng thú vị. Carole được trải nghiệm cảm giác sung sướng lâng lâng khi thấy chồng trên màn ảnh. Nhưng nghề diễn cũng bạc, và một diễn viên muốn đặt chắc chân trong giới giải trí cần rất nhiều thời gian. Các đôi vợ chồng khác dần dà đánh đổi giấc mơ của họ lấy sự đảm bảo tài chính. Hầu hết mọi người trong nhóm quyết định trôi theo dòng đời xô đẩy, và họ hi sinh nghệ thuật để vì nhân sinh. Từng cặp từng cặp rời khỏi những căn hộ tù túng để dành tiền thuê những căn nhà nhỏ tại thung lũng, nơi họ có thể bắt đầu một gia đình thật sự. Rồi, vào một ngày nọ trong năm thứ tư kết hôn, Carole và Michael nhìn quanh và nhận ra mình là thành viên cuối cùng của nhóm hỗ trợ năm nào còn bám trụ ở đây.

Michael chưa từng trách móc những người bạn của mình vì đã bỏ cuộc. Cuộc sống của một nghệ sĩ đích thực rất gian truân, và không phải ai cũng chịu đựng được những khó khăn đó. Họ vẫn giữ liên lạc, và thi thoảng Carole và Michael lái xe tới những căn hộ biệt lập trong thung lũng nhân lễ tân gia hay lễ mừng đầy tháng con một người bạn nào đó. Cánh đàn ông sẽ vỗ vai Michael và bảo rằng họ ngưỡng mộ vì anh vẫn tận tâm với nghề, nhưng những bà vợ lại nhìn Carole bằng ánh mắt thương hại và đề nghị giúp cô chút đỉnh. Đó là cái ti vi màu kênh càng mà chồng Tina đã thay bằng ti vi màn hình rộng. Vì để nó mãi trong ga-ra cũng choán chỗ nên họ cho Carole và Michael. Rồi còn cái máy xay sinh tố Cuisinart cũ của Ellen, bộ đồ sứ cũ không hợp với giấy dán tường mới của Patricia, món đồ thủy tinh không tương thích với máy rửa bát mới của Yvonne, và máy trả lời

điện thoại [2] Tom không còn cần đến vì giờ anh ấy đã đăng kí sử dụng dịch vụ trả lời tự động.

Carole vui vẻ nhận những món đồ bỏ đi ấy, dù nhiều lúc cô cảm thấy như được bạn bè bố thí. Cô cố hết sức không ganh tị với những ngôi nhà mới rộng rãi, những chiếc xe hạng sang, cùng các kì nghỉ nơi trời Âu. Cô tự nhủ rồi một ngày nào đó, mình sẽ có tất cả những thứ ấy. Cô tin vào tài năng của Michael, và cô có thể đợi. Nhưng khi cô bế những đứa con của bạn trên tay, nỗi phần uất trong cô càng lớn. Hai vợ chồng đã thống nhất không có con tới khi tài chính ổn định, nhưng cô phải đợi đến bao giờ đây?

Ba tháng trước, trong buổi sáng ngày Carole tròn ba mươi tuổi, cô tỉnh dậy và suy ngẫm về đời mình. Michael là một diễn viên xuất chúng, và nếu nhận được vai, anh thường được trả cát-xê rất cao. Nhưng có những giai đoạn khốn khó khi Michael thất nghiệp và Carole lại phải lo lắng khi tiền tiết kiệm của họ cứ cạn dần. Cảm giác căng thẳng không biết khi nào chồng nhận được vai mới đã khiến cô trở nên tàn tạ. Cuộc đời họ là một chuỗi thăng trầm, bị xáo trộn bởi những ý tưởng điên khùng của các đạo diễn tuyển vai và giám đốc hãng phim. Không có một sự đảm bảo nào trong giới giải trí, một chút cũng không. Carole đã biết điều đó từ đầu. Cuối cùng, vào buổi sáng sinh nhật tuổi ba mươi, cô cũng nhận ra rằng họ sẽ không bao giờ có được sự yên ấm cô hằng ao ước, kể cả khi Michael thành ngôi sao. Anh có thể thành công lớn vào năm nay nhưng lại sẽ trở thành độc dợc phòng vé năm kế tiếp. Cô đã từng thấy chuyện đó rồi.

Michael đã cùng những người bạn cũ tổ chức cho cô một bữa tiệc bất ngờ, dù lúc ấy hai vợ chồng đang trong giai đoạn khốn khó: khi các chủ nợ réo gọi liên tục, tiền thuê nhà đã quá hạn trả hai tuần. Tối đó, khi đi làm về, Carole thấy mọi người đang đợi mình. Có rất nhiều đồ ăn và sâm panh để chào đón cô.

Sau khi thưởng thức rượu vang ngon tuyệt, Daryl Forrester kéo hai vợ chồng cô ra góc bếp nói chuyện. Hồi mới quen, Daryl còn là một họa sĩ trẻ phải trầy trật chạy ăn từng bữa, giờ anh đã là giám đốc một công ty, có vợ đẹp con khôn và một căn nhà lớn ở thung lũng. Anh bảo Michael rằng

Amcorp đang cần người dẫn chương trình trong các buổi hội nghị chuyên đề hằng ngày dành cho nhân viên tiếp thị và anh đề cử Michael cho công việc ấy. Họ trả lương cơ bản sáu mươi ngàn đô la một năm cộng thêm một phần trăm trích từ doanh thu bán hàng tăng thêm mỗi năm. Michael có thể kiếm được từ bảy mươi đến tám mươi ngàn một năm, hoặc hơn thế.

Carole nhắm mắt cầu nguyện. Nếu Michael nhận việc thì số tiền anh kiếm được có thể giải quyết sạch mọi rắc rối tài chính của hai vợ chồng. Họ sẽ trang trải được các hóa đơn và nghiêm túc tính tới chuyện mua nhà, mua một chiếc xe sang trọng và sinh con như Carole hằng khao khát. Nhưng Michael cảm ơn Daryl vì đã nghĩ tới anh và từ chối đề nghị ấy.

Sau khi mọi người ra về, Michael cố phân trần. Anh rất xin lỗi đã làm Carole thất vọng, nhưng trách cô vì không nhận thấy việc dẫn chương trình cho những buổi hội nghị chuyên đề tiếp thị của một công ty lớn chỉ nhằm mục đích thương mại. Anh là diễn viên, không phải con rối của công ty. Một công việc như vậy sẽ giết chết anh.

Họ lên giường và cố giải quyết những bất đồng bằng tình dục, nhưng phép màu nhiệm đã không còn tác dụng. Sau khi Michael lăn ra ngủ, Carole trằn trằn nhìn bóng tối và nhận ra mình sống với Michael sẽ không có tương lai. Dù đau đớn nhưng cô quyết định rời xa anh để có một cuộc sống bình thường. Nhưng cô nên đi đâu? Và cô sẽ làm gì? Cô bắt đầu lên kế hoạch.

Trước tiên, cô quay lại với hiện tại. Giờ đã là tám giờ tối, cô bỏ đồ lên xe và lái tới nhà Amy. Phòng ngủ ngọt ngào, thiếu không khí kể cả khi cô mở cửa sổ rộng hết cỡ. Máy điều hòa đã hỏng từ hai tháng trước, nhưng họ không có tiền sửa.

Chiếc va li đồ cũ của cô đã hỏng khóa. Trong lúc dùng thắt lưng khóa nó lại, cô tự hứa với lòng rằng ngay khi tái hôn, cô sẽ vào cửa hàng Gucci sắm cho mình cả một bộ va li đắt tiền. Anh nhân tình rất bàng hoàng khi cô báo tin có bầu, nhưng cô biết phải xử lí ra sao. Giọng cô vừa đủ để tỏ ra tổn thương khi nói rằng tất nhiên đứa bé là con anh ta. Và không, cô chẳng tặng tịu với ai hết. Cô giữ kín mối quan hệ của họ vì biết không nên có bất cứ tin

đồn nào về anh, dù là nhỏ nhất. Mỗi quan tâm duy nhất của cô là làm sao cho con cô một gia đình bình thường, có cả bố và mẹ cùng một môi trường thật tốt. Đứa bé xứng đáng được hưởng những điều tuyệt vời. Anh ta không nghĩ vậy sao?

Anh ta là người thông minh và nhanh chóng hiểu ra mình đã bị dồn vào thế bí. Chỉ một câu nói với nhằm người, anh ta có thể hôn tạm biệt sự nghiệp của mình. Họ hẹn nhau cùng ăn trưa vào ngày mai, và Carole biết chắc giờ này anh ta đang ngồi trong văn phòng tính toán phương án vẹn toàn nhất để bảo vệ danh tiếng, đồng thời đáp ứng yêu cầu của cô.

Carole nhắc điện thoại và gọi cho Amy để báo tin mình sắp tới. Amy hẳn đang ngồi ngay cạnh điện thoại, vì cô ấy nhắc ống nghe ngay tiếng chuông đầu tiên.

“Carole!” Amy lo lắng. “Có chuyện gì sao? Mình tưởng giờ cậu phải tới rồi chứ!”

“Ừ, lúc đầu mình cũng tính thế, nhưng Michael về đúng lúc mình đang xếp đồ.”

“Ôi lạ Chúa!” Amy hít một hơi sâu. “Cậu ổn không? Mình sẽ có mặt ở đó trong hai mươi phút nữa nếu cậu muốn.”

“Mình cảm ơn, nhưng không cần đâu. Giờ anh ấy đi rồi.” “Có tệ lắm không?”

Carole thở dài. “Đấy là câu nói giảm nói tránh kém nhất năm đó! Mình sẽ kể cho cậu nghe sau. Giờ mình phải đi trước khi...” Carole ngừng một lúc khi nghe có tiếng chìa khóa tra vào ổ. “Michael quay lại rồi! Giữ máy nhé, Amy. Mình đi xem anh ấy muốn gì đã.”

Carole đặt điện thoại xuống và đứng lên. Cô ngạc nhiên khi thấy đầu gối run lẩy bẩy và cô từ từ hít một hơi sâu. Thật nực cười khi sợ hãi chính người đàn ông đã đầu gối tay ấp cùng mình suốt sáu năm trời. Tính tình Michael có phần thất thường, nhưng anh thường biết cách kiểm soát điều đó. Có lẽ anh đã nghĩ lại mọi chuyện và quay lại để xin lỗi cô.

“Michael? Em ở đây.” Carole thở dài khi đi ra cửa. Cô nghĩ đến một cảnh tượng khác. Anh sẽ nói yêu cô và xin cô ở lại. Có thể anh còn thề thốt

sẽ gọi cho Daryl Forrester để xem Amcorp còn cần người không. Cô sẽ nói đi nói lại với anh rằng chuyện đã quá muộn. Cuộc hôn nhân của họ đã kết thúc. Anh không còn lựa chọn nào khác ngoài chấp nhận.

Đèn ngoài hành lang đã tắt và lúc đầu, cô không trông thấy khẩu súng. Đến lúc nhận ra, cô không còn kịp la lên.

CHƯƠNG

2

Mười năm sau

Bệnh viện công chuyên điều trị tội phạm tâm thần Oakdale

Michael Hart không biết hiện là mấy giờ. Cái đồng hồ trong phòng sinh hoạt chung bị đám dây dợ chằng chịt che khuất. Anh đã ở đây nhiều năm, nhưng vẫn không chắc đám mạng kim loại bao quanh đồng hồ là để bảo vệ nó, hay để anh không biết thời gian trôi chậm thế nào trong cái không gian tù túng này.

Trong buổi sáng đặc biệt này, bệnh nhân bị cấm lui tới phòng sinh hoạt chung. Đồng hồ sẽ không bị những quả bóng bàn và cầu giấy bay lạc đe dọa. Không một bệnh nhân khu B nào được phép vào bên trong động tới đồng hồ ghế lung lay như răng ông lão, hay cái ti vi trong phòng này. Michael là ngoại lệ duy nhất.

Anh đang ngồi trên chiếc ghế nhựa màu xanh, đối diện với những người chịu trách nhiệm phán xét anh, một hội đồng gồm các bác sĩ và nhân viên xã hội. Tay anh run run, và anh nắm chặt tay ghế để gắng sức tập trung. Anh có cảm giác đầu mình là một quả bong bóng được bơm đầy khí heli, to và nhẹ hơn không khí, cứ gật và lắc không kiểm soát được như thể bị kẻ khác giật dây. Y tá tối qua ép anh uống thuốc bằng được - cô ta không muốn Michael la hét, gặp ác mộng, hay mộng du trong ca trực của mình, mặc cho anh đã giải thích rằng anh cần tỉnh táo cho buổi nói chuyện sáng nay, và anh cần suy nghĩ được thông suốt.

Âm thanh lách cách vang lên khi chiếc bút của một người đàn ông tóc bạc đeo kính phi công rơi xuống nền đá hoa. Mọi người quan sát ông ta cúi xuống nhặt nó lên. Đó là chiếc bút bi hiệu Cross, và Michael tự hỏi liệu mình có chiếc bút nào sánh được với nó không. Bộ bút bi và bút chì hiệu

Cross là món quà tốt nghiệp trung học theo truyền thống. Dì Alice đã tặng Stan một bộ mạ vàng, và Michael đã mong nhận được phần thưởng tương tự. Nhưng ngạc nhiên thay, anh lại được dì tặng cho một chiếc Volkswagen con bọ mới cứng. Giờ Stan còn giữ nó không nhỉ? Michael suýt phì cười khi tưởng tượng ra hình ảnh ông anh giỏi giang của mình vi vu khắp chốn bằng chiếc VW con bọ cà tàng, nhưng anh kịp thời kìm được. Anh phải tập trung vào chuyện ở đây, trong căn phòng này. Đây là đêm công diễn vở kịch quan trọng nhất đời anh. Anh phải vào vai một người hoàn toàn bình thường, kiểu sẽ làm việc cả tuần rồi dành ngày nghỉ để cắt cỏ trong vườn và dọn dẹp ga-ra. Anh là dạng người đi trên đường phố cũng chẳng ai thèm ngoái lại nhìn, một gã bình thường chẳng lấy gì làm nổi bật mà người ta vẫn thấy trong bản tin buổi tối, trả lời những câu hỏi ới đất hời với chiếc microphone dí vào mặt họ.

Michael cố không thở gấp khi lượng adrenaline ^[3] trong người anh bắt đầu tăng vọt. Như vậy có nghĩa là anh đang gặp bế tắc. Anh nhớ mang mang ra một chuyện gì đó, một kí ức đã bị chôn vùi về người đàn ông bước đi trên đường. Nhưng giờ anh không có thời gian để tìm hiểu. Giám đốc bệnh viện, bác sĩ J. Bowman, đang châm tẩu. Tấm màn sân khấu sắp được kéo lên.

Gắn trên ve áo bác sĩ Bowman là một tấm biển tên bằng đồng. Có lẽ ông ta đeo để nhắc nhở bản thân rằng mình là ai. Michael đã hỏi người hộ lý anh quý mến về bác sĩ Bowman. Và Jack bảo vị bác sĩ này suốt ngày ru rú trong văn phòng, uống say bí tỉ để quên đi áp lực công việc.

Một đám khói xám bay về phía Michael, và anh hít một hơi thật sâu trước khi nó tới bao lấy đầu anh. Có tấm biển CẤM HÚT THUỐC hai màu đỏ trắng treo trên tường bên dưới cái đồng hồ bị bao khung kim loại, nhưng nó chỉ áp dụng với bệnh nhân. Bác sĩ Bowman có thể vi phạm bất kì nội quy nào ông ta muốn. Ông ta là người chịu trách nhiệm về bệnh viện cơ mà. Và việc Michael có được xuất viện hay không hoàn toàn nằm trong tay ông ta.

“Chúng ta bắt đầu nhé?” Bác sĩ Bowman liếc về phía đồng hồ cứ như có thể nhìn xuyên qua mạng nhện. Đoạn, ông ta mở ca táp và hắng giọng.

“Xin thứ lỗi, thưa bác sĩ Bowman,” một nhân viên xã hội tóc xù giơ tay. Michael nhớ đã thấy cô ta ngoài hành lang lúc đi điều trị. “Hình như ông đã giữ hồ sơ ca bệnh này?”

“Tôi có à? À đúng. Chúng đây.”

Bác sĩ Bowman chuyển những tập hồ sơ bìa đỏ cho các thành viên còn lại của hội đồng. Khi Michael hỏi, Jack đã giải thích rằng bệnh viện quy ước màu đỏ là để đánh dấu tội phạm bị kết tội giết người. Mọi thứ đều được quy ước bằng màu. Quy định là thế. Michael ước gì tập hồ sơ của mình có màu khác - xanh lam chẳng hạn, dù màu đó đánh dấu bệnh nhân đồng tính, hoặc màu vàng dành cho kẻ mắc chứng tâm thần phân liệt dạng hoang tưởng cũng tốt. Nhưng may mà anh cũng biết trong đó có gì; anh không còn ngạc nhiên nữa. Jack đã lén cho anh xem bản sao, và Michael ghi nhớ toàn bộ nội dung trong mười phút cho phép đi vệ sinh. Một diễn viên giỏi cần một trí nhớ tốt, và anh vẫn nghĩ mình là một diễn viên giỏi.

Tiếng giấy xột xoạt khi các thành viên hội đồng lật ra trang đầu tiên. Thông tin cá nhân.

“Giờ,... ở Michael này,” bác sĩ Bowman liếc nhìn hồ sơ ca bệnh. “Anh vui lòng cho tôi biết họ tên đầy đủ?”

“Xin lỗi, thưa bác sĩ?” Cô nhân viên xã hội lại ngắt lời. “Không phải ta nên thông báo cho bệnh nhân biết mục đích của buổi nói chuyện sao?”

“Gì cơ?” Bác sĩ Bowman giật mình. “À, đúng rồi. Tất nhiên là cô đúng.” Trong lúc Bowman lục lọi ca táp, Michael quan sát ông ta thật kĩ càng.

Mọi thứ ở bác sĩ Bowman đều toát lên chút lồi thoi lệch thếch. Ông mặc bộ vét từng có thời đắt tiền nhưng giờ nó bó chặt ở khúc giữa, và trên cà vạt thì có vài vết dầu ăn to tướng. Bộ râu quai nón muối tiêu cần tĩa tốt, và nó chẳng hề ăn rơ với màu tóc. Bác sĩ Bowman ở vào độ tuổi ngoài năm mươi, vậy mà tóc đen bóng lộn. Điều ấy thật không bình thường, trừ khi... Michael nín cười.

Vị bác sĩ rút ra một tờ giấy và xem xét một lúc. Đôi má chấy xệ của ông ta có hai điểm đỏ, còn mũi thì chẳng chịt những mạch máu xanh đen. Nếu được phép, Michael sẽ tuyên ông ta đóng phim Days of Wines and Roses [4], nhưng anh không định đả động tới chuyện đó. Anh có thể điên, nhưng không ngu.

Bác sĩ Bowman lại hắng giọng và bắt đầu đọc. “Như anh có lẽ đã biết, ờ... Michael, hội đồng này có một trách nhiệm duy nhất: đảm bảo anh là công dân tốt, biết tuân thủ kỉ luật xã hội một khi được trả tự do. Chúng tôi cần phải hỏi anh vài câu để xem anh đã nắm được bao nhiêu phần hiện thực, cũng như khả năng suy luận lô-gic và hiểu lí lẽ của anh đến đâu. Chúng ta nói đến đâu rồi nhỉ?”

“Tôi nghĩ ông sẽ hỏi tên bệnh nhân,” cô nhân viên xã hội mớm lời.

“Ờ, đúng rồi.”

Bác sĩ Bowman quay sang nhìn Michael và cố nở một nụ cười trấn an. Hiệu quả không tốt lắm. Quên Days of Wines and Rose đi. Bác sĩ Bowman không bao giờ trở thành diễn viên được.

“Thư giãn đi, Michael. Anh không phải sợ gì hết. Tất cả chúng tôi đều quan tâm tới anh. Tôi muốn anh nghĩ chúng tôi là bạn của anh.”

Michael gật đầu và cố giữ vẻ thản nhiên trên gương mặt. Ở đây chẳng có ai là bạn bè của anh, và nếu không tính cô nhân viên xã hội anh chỉ biết sơ sơ kia thì ở đây toàn những gương mặt xa lạ. Jack đã đệ đơn xin được tham gia, nhưng bị từ chối. Hội đồng này toàn những người có quyền có chức cả đấy. Làm gì có chỗ cho một hộ lý xen chân.

“Chúng ta bắt đầu thôi.” Bác sĩ Bowman cầm hồ sơ và nhìn trang đầu tiên. “Anh hãy cho chúng tôi biết họ tên đầy đủ.”

Michael mở miệng trả lời. “Michael Allen Hart.” Khi một vài thành viên hội đồng cầm bút và bắt đầu viết, anh nhận ra mình bỏ sót một phần tên của mình. Giờ anh phải giải thích, dù Jack đã dặn anh đừng làm gì theo ý mình, chỉ cần trả lời câu hỏi và nhớ mỉm cười là được. Đây hẳn là ngoại lệ.

“Hart là nghệ danh của tôi, thưa bác sĩ Bowman. Tôi đã sử dụng nó từ hồi tốt nghiệp đại học. Còn trên giấy tờ hợp pháp là Gerhardt, Michael

Allen Gerhardt.”

Bác sĩ Bowman gật đầu, “Rất tốt, Michael. Tôi mừng vì anh nhận thức được. Anh làm ơn cho tôi biết địa chỉ căn nhà gần đây nhất của anh nhé?”

Michael do dự. Chắc chắn họ không muốn hỏi địa chỉ nhà tù anh đã ở vài tháng. Hoặc bệnh viện nơi anh trải qua các ca phẫu thuật. Anh sẽ nói địa chỉ căn hộ vậy. Chắc là đúng ý họ thôi.

“Số sáu một năm một, đại lộ Franklin, căn hộ số mười tám, Hollywood, California. Tôi... tôi không nhớ mã bưu điện. Chín không hai sáu chăng?”

Bác sĩ Bowman xem lại hồ sơ. “Là chín không không hai tám, nhưng anh trả lời được vậy là tôi mừng rồi. Hội đồng cũng không mong anh có thể vượt qua kì thi kiểm tra về mã số bưu điện đâu.”

Có vài tiếng cười, và Michael nhớ ra phải mỉm cười. Người bình thường sẽ mỉm cười lịch sự, dù lời tếu táo nhạt đến đâu.

“Và tên bố mẹ anh?”

“Robert Stanley Gerhardt và Cassie, gọi tắt của Cassandra, Gerhardt.”

“Còn tên thời con gái của mẹ anh?” “Cassandra Michele Norman.”

“Anh có người bà con nào đang sống ở tiểu bang California không?”

“Có anh trai tôi, Stan Gerhardt, sống ở Los Angeles và dì Alice...” Michael ngừng lại khi nhớ ra dì Alice đã mất. Vậy là anh đã nói sai hai điều, mà cuộc nói chuyện chỉ mới vừa bắt đầu. “Tôi xin lỗi, bác sĩ Bowman. Tôi vừa chợt nhớ ra dì Alice đã qua đời hồi năm ngoái.”

“Vậy sao?” Bác sĩ Bowman xem xét hồ sơ một lát. “Đúng thế. Michael. Anh biết hôm nay là ngày mấy không?”

“Ngày mười bốn tháng Chín.” “Và là thứ mấy?”

“Thứ Năm.”

“Anh bảo thứ Năm à?” Bác sĩ Bowman nhú mày. Michael gật đầu và cô nhân viên xã hội lại lên tiếng.

“Anh ta nói đúng, thưa bác sĩ. Hôm nay là thứ Năm.” Bác sĩ Bowman lờm cô, và Michael mong cô ấy không gặp rắc rối gì. Cô là người duy nhất trong hội đồng có vẻ đứng về phía anh.

“Vậy chúng ta tiếp tục nhé, Michael. Tổng thống Mỹ hiện tại là ai?”

Michael sửng ngờ. Anh phải biết cả điều đó nữa à?

Thật không công bằng!

“Tôi... tôi không chắc, thưa bác sĩ Bowman. Chúng tôi không được xem thời sự trên ti vi vì nó khiến một vài bệnh nhân cảm thấy khó chịu và chúng tôi cũng chẳng được đọc báo. Tôi biết năm 1988 là năm bầu cử, và theo như tin tức cuối cùng tôi được nghe thì Phó Tổng thống Bush [5] đang dẫn đầu số phiếu.”

Michael nhăn mặt khi một vài thành viên hội đồng viết ghi chú. Nếu biết họ sẽ hỏi về tổng thống, anh đã hỏi Jack rồi.

“Được rồi, Michael.” Bác sĩ Bowman lại xem hồ sơ. “Tôi biết những câu hỏi sau đây sẽ khiến anh đau lòng, nhưng chúng tôi cần biết anh có nhớ rõ ràng chuyện từ mười năm trước không... ờ... mà đó là ngày bao nhiêu ấy nhỉ?”

Có một sự im lặng không mấy dễ chịu, và cuối cùng cô nhân viên xã hội cất tiếng. “Ngày mừng hai tháng Mười, thưa bác sĩ.”

“Cảm ơn cô, cô Gray.” Lại quay sang bệnh nhân, bác sĩ Bowman hỏi, “Michael? Làm ơn trả lời câu hỏi.”

Michael hít một hơi sâu. Anh đã từng trả lời tới câu này, nhưng sau khi anh kể tất cả và bộc lộ mọi nỗi sợ hãi cùng bất an, họ vẫn từ chối cho anh ra viện.

“Ngày mừng hai tháng Mười là ngày vợ tôi, Carole, qua đời.” “Qua đời?”

“Cô ấy bị giết. Và tôi bị kết án.” “Rất tốt, kể tiếp đi, Michael.”

“Tôi có một buổi thử vai, nhưng vì nó bị hủy bỏ nên tôi về thẳng nhà. Và khi mở cửa, tôi thấy Carole đang thu dọn hành lí. Tôi không tin nổi khi cô ấy bảo sẽ ra đi. Cô ấy muốn li hôn.”

“Và anh cảm thấy ra sao?”

“Tôi bị sốc. Và thấy đau lòng. Nhất là khi tôi thấy lá thư cô ấy viết. Rõ ràng cô ấy định ra đi mà không nói với tôi.”

“Anh có thấy tức giận không?”

Michael nhăn mặt nhưng anh biết mình phải nói thật. “Có chứ, tôi nghĩ mình xứng đáng được hưởng nhiều hơn, nhưng tôi cố không tỏ ra giận dữ. Tôi bảo mình yêu cô ấy, rằng tôi muốn xử lí mọi chuyện êm thấm như xưa. Tôi còn đề nghị hai vợ chồng đi gặp chuyên viên tư vấn hôn nhân, nhưng cô ấy không nghe. Cô ấy cứ tiếp tục thu dọn hành lí và lặp đi lặp lại rằng cuộc hôn nhân của chúng tôi đã chấm hết và tôi phải chấp nhận.”

“Cô ấy không nói lí do muốn ra đi ư?”

“Không. Cô ấy bảo giờ có nói chuyện cũng muộn rồi. Toàn bộ mọi chuyện thật kinh khủng!”

Bác sĩ Bowman nhào tới. “Và thế là anh giết cô ấy!” “Không!” Michael tóm chặt tay ghế đến độ các đầu ngón tay trắng bệch. “Tôi... chúng tôi cãi vã, trách móc nhau nặng lời. Rồi tôi bỏ đi.”

“Bác sĩ Bowman?” Cô nhân viên xã hội lại cất tiếng. “Bệnh nhân bị kích động quá rồi, và tôi thấy chúng ta nên thông cảm cho...” Giọng cô nhỏ đi khi bác sĩ Bowman đập năm tay xuống bàn.

“Tôi cảnh cáo cô đấy, cô Gray. Tôi là chủ tịch hội đồng, và tôi được phép truất quyền tham dự của cô. Tôi chắc chắn anh Michael đây biết rằng không ai trong căn phòng này, kể cả tôi, muốn khiến anh ta phải chịu đau lòng không cần thiết. Có phải không, Michael?”

“Đúng, thưa bác sĩ Bowman.”

“Anh đang làm rất tốt, Michael. Giờ hít một hơi thật sâu và thả lỏng, rồi nói cho tôi nghe anh đã đi đâu sau khi rời căn hộ.”

“Tôi đến quán rượu Barney’s Beanery, ở Tây Hollywood. Tôi mong sẽ tình cờ gặp vài người bạn. Tôi cần người nói chuyện, một ai đó có thể cho tôi lời khuyên.”

“Tất nhiên rồi. Và anh có gặp ai ở đó không?”

“Không, tôi ngồi đó chừng hai tiếng, nhưng không một người quen nào của tôi tới quán, thế nên tôi bỏ đi.”

“Và sau lúc đó thì anh về nhà và giết cô vợ của mình?”

Đây là lúc bác sĩ Bowman muốn anh gục ngã, muốn anh thừa nhận giết Carole. Nhưng anh không hề! Anh biết mình không giết cô! Đây chính là cái mà nhà văn Joseph Heller gọi là Catch-22 [6] đây. Nếu anh nói dối rằng mình đã trở lại căn hộ và giết Carole trong cơn giận dữ, bác sĩ Bowman sẽ vỗ lưng anh vì anh đã chấp nhận sự thật và thả anh ra. Ông đã nói như vậy trong buổi họp nhân viên, và Jack đã nghe phong thanh được thông qua mạng lưới ngồi lê đôi mách ở bệnh viện. Không có bí mật nào giữa các hộ lý với nhau. Nhưng nếu Michael nói thật và thề không giết Carole, bác sĩ Bowman sẽ phán quyết rằng anh đang chối bỏ sự thật và nhốt anh cùng cái đồng hồ bị đóng lồng này mãi mãi.

Bác sĩ Bowman lại lên tiếng. Michael buộc phải lắng nghe. “... vì anh thôi, Michael. Tôi muốn giúp anh, nhưng tôi cũng đành bó tay nếu anh không chịu hợp tác. Đơn giản lắm. Anh chỉ cần cho tôi biết chính xác anh đã giết vợ thế nào là được.” Michael mở miệng để chơi cùng ông ta. Đó là cách duy nhất. Rồi anh thấy cách bác sĩ Bowman nhào người, hào hứng lắng nghe. Mắt ông ta không chớp, và hình như ông ta có vấn đề về đường hô hấp. Tiếng phì phò bật ra từ đôi môi nhợt nhạt khiến Michael nhớ lại một chuyện xấu xí trong quá khứ.

Mất một lúc anh mới nhớ ra. Dì Alice đã đưa họ tới một buổi hội chợ. Khi đi qua các gian triển lãm, họ tò mò khám phá. Stan đi mua kẹo bông, còn Michael đứng đợi anh ấy cạnh mấy tấm áp phích sặc sỡ quảng cáo những chuyện phi thường bên trong lều. Anh nhìn chăm chăm hình một con rắn hai đầu trong chai, một người nửa nam nửa nữ, một quý bà có râu, và chỉ ước ao được vào bên trong để nhìn cho rõ. Rồi một người đàn ông tươi cười tới cùng một tấm vé dư. Michael có muốn vào trong không?

Michael biết mình không nên. Stan đã bảo anh phải đứng im, không được đi đâu hết. Anh nhìn quầy bán kẹo bông và thấy rất nhiều người xếp hàng đằng trước Stan. Vậy là anh có thời gian đi vào trong xem những điều kì diệu và quay lại trước khi Stan đến được quầy.

Một thằng bé khó mà cưỡng lại được một sức hấp dẫn nhường đó.

Ngay khi cửa lều đóng lại, người đàn ông trông thân thiện kia đã thay đổi. Ông ta tóm chặt tay Michael. Và kéo nó chạm vào một thứ Michael biết mình không nên chạm. Anh vùng vẫy thoát ra, nhưng vẫn nhớ người đàn ông trong căn lều thở hệt như bác sĩ Bowman lúc này.

“Đừng kìm nén nữa, Michael. Tôi biết thế nào là tốt nhất cho anh.”

Bác sĩ Bowman dịch ghế tới gần hơn và vươn tay định cầm tay Michael. “Anh sẽ thấy khá hơn nhiều khi kể cho tôi nghe toàn bộ. Carole làm anh tổn thương ghê gớm. Tất nhiên, anh muốn trừng phạt cô ấy, muốn thấy cô ấy đau đớn. Khiến cô ấy...”

Ý nghĩ đó đập vào đầu anh như một cái búa tạ. Thằng điên biến thái này đang định mớm cho anh nhận tội giết Carole!

Hắn phải có ai đó giật sợi dây quả bóng bay, vì Michael đột ngột lao ra khỏi cái ghế nhựa xanh để bóp cổ bác sĩ Bowman.

Hãng luật Gerhardt, Merrill và Davis

Los Angeles, California

Stan dừng chân nhìn mặt đồng hồ Rolex rồi tiếp tục đi lại trên chiếc thảm Aubusson màu nâu vàng mới mua. Thư kí của anh đã gọi điện hỏi thăm Jerry Bowman từ hơn một giờ trước và vị bác sĩ vẫn chưa gọi lại. Chưa từng ai dám để Stan Gerhardt đợi lâu như thế!

Khi đi hết chiều dài căn phòng làm việc rộng rãi, Stan nhận ra sự xa hoa xung quanh mình. Văn phòng hãng luật Gerhardt, Merrill và Davis mới được Ralph của hãng Brentwood tân trang, với chi phí gọi là chấp nhận được. Vài bức tranh sơn dầu bản gốc treo trên tường, một món đầu tư chắc chắn sẽ sinh lời gấp hai hoặc ba lần vào mười năm nữa.

Những chiếc ghế xoay kiểu cách nhưng thoải mái bọc da dê thật được đặt cạnh cái bàn họp bằng gỗ hồng sắc nguyên tấm. Những ô cửa sổ cao kịch trần được che lại bằng rèm lụa dày dặn, chỉ cho vừa đủ ánh sáng lọt vào phòng và bức tượng bằng đồng tạc Nữ thần Công lí đeo băng bịt mắt và cầm cân được đặt tại góc phòng bên cạnh lò sưởi bằng đá cẩm thạch. Bức tượng là tác phẩm của một nghệ sĩ nổi tiếng và dưới ánh mặt trời chiếu vào, nó hắt ra những tia sáng lấp lánh dịu nhẹ.

Stan thoáng cười khi nghĩ tới mâu thuẫn giữa mình và Ralph. Gã nhân viên thiết kế nhỏ thó khó tính đã vênh vác bước vào khu văn phòng của Stan như Nữ hoàng Tháng Năm [1], làm phiền các luật sư cấp cao lẫn cấp thấp của hãng bởi những bảng màu sơn và mẫu vải. May mà hãn cũng biết đường để Stan được yên thân - cho tới cái ngày hãn xông xộc xông vào giữa buổi họp nhân viên hàng tuần. Hãn bắt anh phải quyết định ngay là

muốn chọn màu xanh trứng sáo hay màu dưa vàng. Stan mỉm cười và bảo hẳn dùng màu dưa vàng.

Vì công trình trang trí của Ralph cho hãng Gerhardt, Merrill and Davis sẽ đăng trên một số tạp chí danh tiếng nên tay chuyên viên thiết kế này cứ nặng xị lên để đạt được sự hoàn mỹ. Nội thất được lựa chọn kĩ càng và ấy là cả một quá trình mệt mỏi kéo dài tới vài tháng. Từng món đều phải khớp đúng với ý tưởng về không gian làm việc thân thiện với môi trường của Ralph. Khi người ta giao chiếc điện thoại bàn của nhân viên tiếp tân đến, và vì nó có màu ngà chứ không phải màu kem, Ralph đã nặng xị cả lên, la hét với nhân viên giao hàng như thể anh ta là người phải chịu trách nhiệm. Và đến lúc đó, Stan quyết định anh phải cho hẳn biết ai là kẻ có quyền.

Anh rời văn phòng vào giữa trưa và đến một tiệm đồ nội thất cũ, nơi quảng cáo sẽ giao hàng qua đêm. Khi Ralph tới vào ngày hôm sau, Stan đã giao cho hẳn một cái tủ hồ sơ “của gia bảo” bằng kính xấu xí, hỏng hóc. O, anh chưa nhắc tới bao giờ à? Thế vậy đây là lỗi của anh, cho anh xin lỗi. Nhưng chắc chắn Ralph có thể linh động đặt ở đâu cho hợp thiết kế. Stan, tất nhiên, không phải chuyên gia trang trí nội thất, nhưng anh nghĩ nên bày các tủ hồ sơ khắp các góc, mỗi phòng một cái chứ nhỉ? Món đồ cổ gia bảo này sẽ tạo hơi hướng truyền thống và tiếp nối cho hãng luật còn khá non trẻ này.

Ralph lắp bắp mãi không nói thành lời, mặt mày đỏ gay. Rồi hẳn bắt đầu thở khò khè. Có vẻ “món đồ gia bảo” của Stan đã khiến hẳn xúc động đến độ lên cơn suyễn.

Nhưng thông thường họ không dùng tủ hồ sơ cũ. Stan cuối cùng cũng đầu hàng, nói rằng anh đã bị lay động bởi con mắt nghệ thuật của Ralph. Nhưng ấy là chuyện sau khi anh đã khiến tay nhân viên thiết kế nhỏ thó đạo đức giả kia căng thẳng một hồi lâu.

Có tiếng điện thoại nội bộ, Stan vội vã nhắc máy, nhìn mặt một chút khi giọng nói bị tăng âm của cô thư kí vang trong tai. Hẳn phải có cách giảm âm lượng chứ. Anh phải bảo cô gọi nhân viên kĩ thuật đến xử lí ngay thôi.

“Tôi đã liên lạc được với bác sĩ Bowman rồi, thưa ông Gerhardt, đường dây số năm ạ.”

Stan ngồi trên cái ghế bọc da và cầm điện thoại cách tai cả tắc. “Cảm ơn nhé, Joyce. Cô gọi giùm người tới sửa hệ thống điện thoại chết tiệt này được không? Tôi muốn nó được sửa ngay trong hôm nay. Và cô thông báo với giáo sư Zimmer rằng tôi phải trễ hẹn một chút. Mời ông ấy cà phê hay gì đó nhé.”

“Vâng, tôi làm ngay đây, thưa ông Gerhardt.”

Khi Joyce cúp máy, Stan với mở ngăn kéo phía trên bên trái của cái tủ gỗ hồng sắc để lấy ra một xấp giấy vàng mới. Michael sắp được thả, ấy vậy mà chẳng ai báo cho anh hay. Anh phải nói chuyện thẳng thắn với Bowman.

Stan ấn nút đường dây 5 mạnh tới độ cái điện thoại kêu lạch cạch, nhưng anh kìm nén cho giọng thật chân thành. Anh biết Bowman sắp bị thuyên chuyển công tác, nhưng anh chưa sẵn sàng làm láo với ông ta.

“Alô, Jerry, hình như sáng nay ông có chút rắc rối với em tôi, phải không?”

Gương mặt Stan phờ phạc hơn bình thường khi nghe bác sĩ kể lại chuyện ban sáng. Từng có lần anh tính phẫu thuật thẩm mỹ để sửa cái mũi khoằm và đường khóe môi vốn là nét xấu di truyền của nhà Gerhardt, nhưng trong mười năm qua, kể từ ngày em trai anh không ở gần, anh đã bỏ luôn ý định đấy. Michael đẹp trai, nhưng cuối cùng vẻ đẹp đó dẫn cậu ấy tới đâu nào? Stan đã kết luận rằng khôn ngoan vẫn ăn đứt vẻ ngoài và nếu có người nào không đồng tình với anh thì người đó chỉ là một tên ngốc.

Vị bác sĩ cuối cùng cũng kể lễ xong và Stan đặt bút xuống. “Cảm ơn ông đã cho tôi hay, Jerry. Tất nhiên, tôi cũng nhẹ lòng khi biết ông không bị thương nặng. Và ông nói giờ em tôi đã bình tĩnh rồi?”

Anh nghe Bowman nêu đơn thuốc ông ta kê và những quản thúc với Michael. Giờ đến lúc anh chơi cứng rồi.

“Có điều này làm tôi lẩn cấn mãi, Jerry ạ. Sao không ai báo cho tôi biết chuyện em mình sắp được phóng vấn nhỉ? Tôi tưởng ta đã thống nhất rằng

tôi được thông báo đầy đủ là tốt nhất cho Michael cơ mà.”

Bác sĩ giải thích lời thôi lãng nhăng và mắt Stan nheo lại.

“Tôi hiểu. Chúng ta khó lòng tin tưởng vào các thư kí mới lắm. Có lẽ, trong tương lai, ông sẽ vui lòng cho tôi gọi điện trực tiếp tới ông?”

Bowman bắt đầu giở quẻ đây. Stan mỉm cười trước giọng nói tỏ rõ sự khó chịu và để ông ta huyên thuyên một lúc. “Đúng, Jerry, tôi chắc chắn rồi. Xin lỗi tôi không có thời gian hàn huyên lâu, tôi còn có hẹn với thân chủ.”

Stan kết thúc cuộc gọi và ấn nút gọi nội bộ, lần này đã nhớ để ống nghe xa tai khi thư kí nhắc máy. “Joyce à? Cô kiểm tra lịch hẹn giùm tôi và hủy các cuộc hẹn vào chiều mai nhé.

Tôi sẽ rời văn phòng từ mười một giờ. Sau đó cô hãy đưa giáo sư vào văn phòng tôi.”

Anh thở dài khi nghĩ về vị bác sĩ điều trị cho em mình. Anh biết Bowman là kẻ bất tài vô dụng. Hèn chi ông ta chấp nhận làm việc tại một bệnh viện công thay vì đi mở phòng mạch riêng. Stan định mai sẽ lái xe tới Oakdale và vào thăm không báo trước. Sẽ dễ tìm ra điểm thiếu sót khi đến thăm đường đột và Stan có bạn bè ở các cấp cao. Có lẽ cô nhân viên xã hội đã gọi điện cho anh sẽ chỉ điểm cho anh chút đỉnh. Khi tới đó, anh sẽ thăm Michael một chút. Stan cười khúc khích khi nghĩ tới cảnh em mình muốn bóp chết Bowman. Hành động của Michael có thể điên rồ, nhưng cậu ấy chắc chắn xử lí đúng người!

Có tiếng gõ cửa và Joyce đưa giáo sư Zimmer vào. Stan đứng dậy bắt tay người đàn ông kia. Anh chỉ nhớ mang máng ông có mặt trong phiên xử Michael, một người gầy gò, nhút nhát, đeo cặp kính dày cui và có thói xấu nghiêng răng. Ông không chịu cho biết mình muốn gì qua điện thoại.

“Tôi tưởng sẽ được gặp anh ngay, anh Gerhardt ạ.” Giọng giáo sư Zimmer giống hệt như người, thích rào trước đón sau và lí nhí. “Tình cờ thay, tôi vừa nắm được một vài bằng chứng ngoại phạm cho em trai anh vào đúng cái tối xảy ra án mạng.”

Phải cố lắm Stan mới giữ được vẻ mặt bình thản. Có lẽ chẳng có gì đâu. Anh nhớ hình như James Zimmer là dạng tí người dễ bị kích động.

“Ông nói ông có bằng chứng?”

Giáo sư Zimmer gật đầu và rút một đĩa DVD khỏi ca táp. “Tôi dành năm năm qua tại đại học Gateway để nghiên cứu về tin thời sự và vai trò của nó đối với xã hội. Luận điểm của tôi là các nhà đài định hướng ý kiến dư luận bằng cách chọn hoặc không chọn những mẫu phóng sự để phát sóng. Và theo lẽ tự nhiên, điều quan trọng nhất là gây được ảnh hưởng của truyền thông lên...”

“Xin lỗi, thưa giáo sư,” Stan cắt ngang bài độc thoại hăn sẽ dài lê thê. “Michael được phỏng vấn trên truyền hình?”

“Không, không phải. Anh thấy đấy, tôi được tiếp cận toàn bộ băng tư liệu về những cuộc phỏng vấn ngẫu nhiên trên đường phố của đài KLAX. Chả là nhà đài tặng nó cho đại học mà. Tôi nghiên cứu các phân đoạn, nhưng cũng xem cả những cảnh họ cắt bỏ. Họ quyết định không đưa chúng lên sóng vì rất nhiều nguyên nhân, một vài vì lí do kĩ thuật, một số khác vì...” - giáo sư Zimmer nhòai người tới tỏ vẻ bí ẩn - “Nếu luận điểm của tôi chính xác, vậy nguyên nhân là do ý kiến của người được phỏng vấn không hợp với ý tưởng ban đầu của nhà đài.”

“Tôi hiểu.” Stan hít sâu một hơi. Giáo sư Zimmer có thể rề rà ở đây cả tiếng đồng hồ, chỉ để nêu quan điểm. “Và Michael là đề tài của một trong những cuộc phỏng vấn ấy?”

“Không phải đề tài, anh Gerhardt ạ. Một người khác được phỏng vấn, nhưng em trai anh ở phía sau theo dõi. Vì một người không thể ở hai nơi cùng một lúc, vậy chứng tỏ anh ta không giết vợ.”

“Cuốn băng tư liệu đó có ghi rõ ngày giờ chứ?”

“Theo một cách nào đó,” giáo sư Zimmer mỉm cười. “Đoạn phỏng vấn liên quan tới cuộc bãi công của y tá tại bệnh viện hạt và có vài khuôn hình các y tá giơ áp phích biểu ngữ. Nếu anh còn nhớ thì cuộc bãi công đó diễn ra suốt một đêm, vậy nên đoạn phim tư liệu phải được quay vào ngày mùng hai tháng Mười, năm 1979.”

“Còn về giờ quay?” Stan nhào tới. Có lẽ vị giáo sư này thật sự nắm được thông tin gì đó.

“Thời gian thì hơi rắc rối một chút. Thực chất thì không có đề cập tới giờ.”

Stan lắc đầu. “Không có thời điểm chính xác, giáo sư Zimmer, chúng ta không thể kháng...”

“Gượng đã nào, anh Gerhardt. Tôi chưa nói hết. Cuộc phỏng vấn diễn ra bên ngoài bệnh viện. Có một chiếc xe buýt đỗ lại vào giữa cuộc phỏng vấn, vậy nên họ phải đợi nó nhận và trả khách xong. Máy quay vẫn tiếp tục hoạt động, và số xe buýt được ghi lại rõ ràng. Đó là chuyến tốc hành 9B.”

“Nói tiếp đi.” Stan ngả lưng ra ghế. Có thúc giục vị giáo sư này cũng chẳng được mấy tích sự.

“Tôi đã xem các tài liệu của công ty và phát hiện ra chuyến 9B đó rất đặc biệt. Nó chỉ dừng lại tại bệnh viện vào lúc bảy giờ bốn mươi lăm phút và tám giờ mười lăm phút.”

“Chắc chắn ông đã tìm hiểu rất rõ ngọn ngành rồi, thưa giáo sư. Nhưng chiếc xe buýt kia dừng lúc nào vậy?”

“À há!” Giáo sư Zimmer nhướn mày như thể ông đang trả lời câu hỏi của một sinh viên đặc biệt chậm hiểu. “Anh thấy đó, anh Gerhardt, là chuyến nào cũng không quan trọng. Nếu em trai anh xuất hiện trước bệnh viện hạt vào bất kì giờ nào trong hai mốc thời gian ấy thì anh ta đều không thể giết vợ. Đi từ bệnh viện tới căn hộ của anh ta ít nhất cũng đã mất hơn ba mươi phút rồi. Nếu em anh rời bệnh viện lúc bảy giờ bốn mươi lăm phút, ngay sau khi 9B đỗ lại, anh ta không thể về nhà trước tám giờ mười lăm phút. Và vì bạn của cô Hart nghe thấy tiếng súng nổ và khai rằng giờ tử vong là đúng tám giờ, vậy chứng tỏ em trai anh vô tội.”

Stan không thể không đồng ý. “Tôi hiểu rồi. Và nếu Michael rời khỏi đó sau khi vụ án mạng xảy ra, cậu ấy không thể tới bệnh viện trước...”

“Tám giờ ba mươi phút. Mười lăm phút so với thời điểm có thể xuất hiện trên khung hình quay xe buýt. Anh có đầu quay video trong văn phòng chứ? Tôi muốn anh xem cảnh quay cho chắc ăn. Tôi đã tự ý cho một

bồi thẩm khác xem và cả hai đều chắc chắn người đàn ông trong đó đúng là em trai anh.”

Stan xem thước phim và im lặng trong lúc lấy đĩa ra. Người đàn ông kia chắc chắn là Michael.

“Thế nào?” Giáo sư cười kiêu hãnh. “Anh nghĩ sao, anh Gerhardt?”

Stan hăng giọng. “Quả là giống Michael. Ông đã thử tìm người quay đoạn phỏng vấn đó chưa?”

“Chưa, nhưng tôi sẵn lòng thử.”

“Thế này là ổn rồi, thưa giáo sư, ông làm đủ rồi. Tôi sẽ lo liệu từ đây. KLAX, phải không nào?”

Giáo sư Zimmer gật đầu và Stan cầm cái đĩa, bỏ vào một phong bì, rồi đưa cho giáo sư.

“Ông làm ơn dán phong bì, rồi viết tên và đề ngày tháng ở ngoài nhé? Thế là để chứng thực cái đĩa trong phong bì này đúng là cái chúng ta cùng xem ngày hôm nay.”

Giáo sư kí tên và viết ngày tháng. Sau đó, Stan cầm phong bì và nhấn chuông gọi thư kí. Một lát sau, cô ta xuất hiện tại cửa.

“Joyce? Cầm phong bì này và cho vào két sắt nhé. Lưu vào mục Chứng cứ A. Michael Hart.”

Sau khi Joyce cầm phong bì rời đi, Stan quay lại với giáo sư. “Tôi thật lòng cảm ơn vì tất cả những việc ông đã làm, thưa giáo sư Zimmer. Ông đã tình cờ phát hiện ra thứ có thể giải oan cho em tôi. Thành thực mà nói, tôi rất bất ngờ và hài lòng khi ông không báo thẳng với cảnh sát.”

“Cảnh sát sao?” Giáo sư Zimmer nhú mày. “Tôi còn chẳng nghĩ tới họ. Tôi tới gặp anh vì anh là luật sư bào chữa cho em mình.”

“Và việc ông làm thật quý hóa quá!” Stan mỉm cười. “Nếu ông đưa cái đĩa tới cảnh sát, hẳn họ sẽ khai lại vụ này. Mà việc đó chỉ khiến công chúng xôn xao. Càng ít người biết về phát hiện của ông thì càng tốt cho Michael.”

Giáo sư tỏ vẻ bối rối và Stan vội phân trần. “Bằng chứng ông đưa tôi chắc chắn có thể giúp mở một phiên tòa mới, nhưng trước đó còn rất nhiều

công việc râu ria khác. Tôi phải tìm ra người quay phim và yêu cầu anh ta chứng thực đã quay đoạn phỏng vấn kia. Rồi tôi cần bản khai có tuyên thệ của nhà đài rằng họ đã trao cuộn phim cho đại học Gateway. Và một lá thư từ ban quản trị Gateway xác nhận rằng ông, là nhân viên của trường, đã tiếp cận thước phim đặc biệt này. Tất nhiên, tôi sẽ cố tìm những người khác trong đoạn phim xem biết đâu họ nhớ có nói chuyện với Michael. Rồi tôi sẽ tập hợp các quan điểm nhận dạng khả quan từ những chuyên gia về cấu trúc xương khi so sách khung hình này trong thước phim với các bức hình của Michael. Khi mọi thứ đã đầu vào đấy, vấn đề sẽ trở nên đơn giản khi sử dụng bằng chứng bào chữa hai năm rưỡi này - bằng chứng không có vào thời điểm Michael bị tuyên án - và đệ đơn kháng cáo.”

“Phức tạp thế cơ à?” Giáo sư Zimmer tỏ vẻ bối rối.

“Tôi e là vậy. Chúng ta cứ hi vọng rằng mình có thể giấu nhem thứ này tới khi có mọi thứ cần thiết. Để cánh báo giới đánh hơi được thì chuyện sẽ rắc rối lắm.”

“Vậy à?”

“Vâng.” Stan thở dài sườn sượt. “Ông thấy đấy, thưa giáo sư Zimmer, em trai tôi là bệnh nhân bệnh viên công Oakdale. Cậu ấy bị suy nhược tâm thần hoàn toàn chỉ một thời gian ngắn sau khi bị tuyên án.”

“Ôi quỷ thần ơi!” Giáo sư Zimmer chớp mắt. “Tôi rất lấy làm tiếc, anh Gerhardt.”

“Đợt trước cũng khổ lắm, nhưng người ta bảo tôi là cậu ấy khá hơn nhiều rồi, tâm thần đã ổn định. Tôi không muốn khiến cậu ấy hi vọng nhiều rồi lại thất vọng lắm, chỉ vì chúng ta bỏ qua vài công đoạn. Tôi sợ cậu ấy sẽ... ờ... Tốt hơn tôi không nên đi sâu vào chi tiết nữa. Nói chung là sẽ tốt hơn cho Michael nếu cậu ấy không biết gì về vụ này tới khi mọi chuyện đã xong xuôi.”

“Tất nhiên rồi. Tôi hiểu rõ mà, anh Gerhardt.”

Stan hắng giọng. “Và ấy là lí do tôi hơi lo lắng về vị bồi thẩm đã xem đoạn phim này. Nếu người đó nhắc...”

“Anh yên tâm đi, anh Gerhardt,” giáo sư Zimmer cắt ngang. “Người bồi thẩm kia sẽ không hé răng nửa lời.”

“Vâng, nhưng có lẽ sẽ tốt hơn nếu để tôi gọi và đích thân nhấn mạnh tầm quan trọng của...”

“Thôi, việc đó cứ để tôi. Tôi xin thề vấn đề này sẽ được giữ kín như bưng. Tôi đã chiếm nhiều thời gian quý báu của anh quá rồi. Tạm biệt nhé, anh Gerhardt.”

Giáo sư Zimmer đứng lên và đi ra cửa. Stan mở miệng định hỏi tên viên bồi thẩm lần nữa, nhưng anh chưa kịp nói gì thì giáo sư đã đi mất.

Bệnh viện công Oakdale

Michael Hart chớp mắt khi có người mở cửa. Họ đã chèn chấn rất chặt quanh người anh để anh đừng hòng nhúc nhích. Anh đang ở trong một căn phòng có tường lót đệm và nằm thẳng lưng trên cái giường bệnh viện.

“Chào Mike. Thấy khá hơn chưa?”

Đó là Jack. Michael thấy tốt lên ngay. Viên hộ lí có bộ ngực như hộ pháp này đã làm việc ở Oakdale gần như từ hồi Michael nhập viện tới giờ và là người bạn thật sự duy nhất của anh.

“Ôi, vì Chúa! Họ buộc anh như buộc gà lễ Giáng sinh ấy. Chắc họ sợ anh sẽ đập đầu vào tường sau khi tôi về tối qua. Nằm im đợi tôi cởi trói nhé.”

“Cảm ơn nhé, Jack.” Giọng Michael vang lên thành tiếng thều thào, khảo khảo. Cổ họng đau rát như thể anh đã la hét hàng giờ liền, và anh thấy khát kinh khủng. Anh cố liếm môi nhưng hình như trong người anh chẳng còn một chút nước bọt nào nữa rồi.

“Chắc anh khát lắm hả?” Jack nhấc gì đó khỏi trán anh và Michael thấy giờ mình mới gật đầu được. “Giờ ổn rồi, Mike. Đừng nói gì nhé. Thế chỉ tổ làm họng anh rát thêm thôi. Tôi sẽ kiếm cho anh ít nước trái cây sau khi cởi cái thứ này ra.”

Anh cảm thấy sức nặng ghê gớm được cởi bỏ khỏi ngực mình khi Jack nhấc tấm mền lên. Cả chân và tay anh cuối cùng cũng được giải thoát.

“Cái ả y tá mắt đeo kính chai, tính tình nhấm nha nhấm nhẳng đã cho anh uống một viên thuốc màu vàng phải không, Mike?”

Michael mở miệng định trả lời, nhưng cổ họng quá đau nên anh không ép được một tiếng nào phát ra.

“Không sao đâu. Anh đừng nói. Cứ gặt đầu là được.”

Michael gặt đầu và Jack thở dài sườn sượt. “Tôi không biết họ tìm thấy cái thứ đó ở đâu nữa, Mike. Có lẽ họ đào được chúng từ dưới một khối đá cổ ở xó xỉnh nào đó quá. Giờ tôi sẽ cho anh biết điều này và thề có Chúa chứng giám, điều tôi nói hoàn toàn là sự thật. Lí do duy nhất ả ta cho anh uống thuốc là để anh không tè dầm. Lười thay chần đệm ấy mà. ả ta cóc thêm quan tâm tới anh. Chúng ta thử bỏ một viên thuốc đó vào cốc cà phê của con mụ ấy và để xem ả ta có thích không nhé?”

Michael cố cười, dù họng đau lắm. Jack thật sự quan tâm đến anh. Sao hộ lí lại không được trả lương cao bằng cánh bác sĩ nhỉ? Họ thân thiện hơn nhiều và họ dành nhiều thời gian cho bệnh nhân hơn.

“Này Mike, giờ tôi đi lấy nước trái cây nhé. Cứ bình tĩnh và thả lỏng, rồi đợi tôi về tôi sẽ giúp anh ngồi lên. Tôi đã lén nhìn biểu đồ của anh và họ tiêm cho anh đủ loại thuốc. Tối qua chắc anh có cảm giác như say một loại rượu rẻ tiền.”

Cửa đóng và Michael lại nhắm mắt. Jack đã đúng. Đầu anh ong ong, còn bụng dạ thì nôn nao. Anh đã say quắc cần câu dù chưa được hưởng cái thú nâng li. Anh đã làm gì nhỉ? Chắc là chuyện gì nghiêm trọng lắm.

Cửa mở và Jack trở vào. Michael cố ngồi dậy nhờ sự giúp đỡ của viên hộ lí và uống ừng ực nước trong cái cốc Jack kê vào môi anh. Tất nhiên, cốc không phải bằng thủy tinh. Oakdale chỉ sử dụng cốc giấy.

Michael nhắm mắt khi nuốt xuống. Jack nhìn thấy và mỉm cười.

“Tôi biết. Tôi biết. Nước cà chua đánh trứng và rất nhiều tiêu đấy. Đây là bài thuốc già rượu của bố tôi. Khi anh nuốt được trọn họng hơn, tôi có hai viên Bayer trong túi đây. Tôi thó từ phòng nghỉ của cánh y tá đó.”

Michael gặt đầu và uống thêm ngụm nữa. Jack là chuyên gia đi đường tắt. Nếu Jack làm theo cách thông thường và hỏi xin y tá thuốc aspirin ^[8] thì đảm bảo đến mai Michael mới được uống thuốc.

“Sẵn sàng chưa? Anh uống càng sớm thì thuốc ngấm càng nhanh.”

Michael nuốt hai viên aspirin. Công thức già rượu của bố Jack có vẻ hiệu quả. Cổ họng anh không còn quá khô nữa. Có lẽ hồ tiêu đốt luôn cơ quan

thụ cảm của anh rồi. Anh uống một ngụm cho hết và đưa trả cái cốc giấy cho Jack.

“Tốt cho anh đấy, Mike ạ. Giờ ngồi đó một phút đợi đầu óc tỉnh táo hơn đi. Chịu từng đó mũi tiêm chỉ giúp anh được mỗi một điều thôi. Anh ngủ say như cún và không hề gặp ác mộng. Phải không?”

Michael gật đầu. Mà nếu anh mơ thấy ác mộng thì ít ra anh cũng không còn nhớ nữa rồi. Nó luôn bắt đầu bằng phiên tòa, khi thẩm phán tới và gõ búa. Rồi anh đứng lên. Bồi thẩm đoàn đã đưa ra phán quyết. Gương mặt họ to tướng và lạnh lùng, hết như tượng điêu khắc chân dung các tổng thống tạc vào núi Rushmore. Đôi mắt đá của họ sáng lên ánh nhìn buộc tội anh. Có tội. Có tội. Có tội. Hết lần này tới lần khác. Sao họ lại nói thế? Họ nhằm to rồi. Rồi anh cử động, nhảy qua vành móng ngựa, xông thẳng đến chỗ ngồi của bồi thẩm đoàn.

Michael buộc đầu óc thôi nghĩ tới chuyện đó, thôi nghĩ về cơn ác mộng. Và cứ hễ tới đoạn đó là anh tỉnh dậy. Chỉ có điều không phải ở trên giường, mà tại một chốn khác. Lần đầu tiên là ngoài hành lang, chỉ cách phòng trực y tá vài bước. Một lần khác là ngoài phòng thăm bệnh nhân, lúc ấy anh đang cố đi qua cánh cửa khóa trái. Và một dịp khác, anh đã chui vào cái gian buồng đựng toàn chổi với cây lau nhà của đám lao công. Các bác sĩ chẩn đoán anh mắc chứng miên hành, một cách gọi khác của mộng du. Vì lí do đó mà họ cho anh uống thuốc an thần hằng đêm. Để anh không giết cánh lao công trong lúc ngủ.

Lúc đầu, họ thử dùng liệu pháp hiện thực. Họ bảo anh rằng mấy giấc mơ đó không đúng, rằng mọi chuyện thật ra không xảy ra như vậy. Họ nhắc đi nhắc lại hàng trăm lần rằng, bồi thẩm đoàn bước vào, thẩm phán gõ búa, chủ tịch ban bồi thẩm đọc bản tuyên án. Họ bảo rằng anh đã đứng cạnh luật sư của mình, Stan. Anh không hề nhúc nhích tới khi hai sĩ quan cảnh sát đeo còng số tám cho anh và đưa anh đi. Anh chưa từng nhảy qua vành móng ngựa. Đó đơn giản là ước muốn của anh mà thôi.

“Mike? Anh ổn chứ?”

Michael chớp chớp mắt và gật đầu. “Ờ, giờ tôi ổn rồi. Anh có biết tôi đã làm gì không, Jack? Chắc tôi phải làm chuyện ghê lắm thì mới bị nhốt trong phòng bọc cao su thế này chứ.”

Jack cười tươi. “À, theo như tôi nghe được thì anh làm dữ lắm nhé. Nhân viên bệnh viện đang bàn tán xôn xao kia kìa. Vài người còn nghĩ nên trao tặng huy chương cho anh, nhưng tôi đoán bác sĩ Bowman không nghĩ thế đâu.”

“Bowman? À, tôi nhớ ra rồi. Tôi tới buổi nói chuyện và Bowman làm gì đó khiến tôi lộn tiết. Đó là gì ấy nhỉ, Jack?”

“Tôi có biết đâu, Mike. Tôi không được dự mà. Tôi chỉ nghe cô Gray kể lại thôi. Bowman định mớm anh nói rằng anh giết vợ. Từ những gì tôi nghe được thì ông ta ép anh quá, thế là anh bật dậy khỏi ghế rồi bóp nghẹn lấy cái cổ ngang của ông ta. Mọi người ở đó bị bất ngờ tới đờ cả ra, trừ cô Gray. Cô ấy bảo phải ba người mới cạy nổi tay anh ra đấy.”

“Vậy giờ tôi gây thù chuốc oán với bác sĩ Bowman rồi?”

“Chắc vậy!” Jack lắc đầu. “Nhưng nếu tôi là anh, tôi sẽ không bận lòng chuyện đó đâu. Có tin đồn là Bowman sắp phẫn rồi. Không rõ ngày nào.”

“Ông ta rời đi à?”

“Anh nói thế cũng đúng.” Jack tặc lưỡi.

“Bạn tôi ở khu C bảo anh trai anh đã tới, làm ầm cả lên. Anh ta hỏi toàn câu đố và người ta thi nhau trả lời ấy chứ. Anh ta nói chuyện với Gray một tiếng rồi đến gặp thẳng y tá trưởng khu C. Anh có nhớ cô nàng ấy không, Mike? Cái cô từng cãi lộn với Bowman hồi năm ngoái ấy? Cô ấy suýt bị đuổi việc vì vụ đó đấy.”

Michael gật đầu. Anh nhớ chứ. Cô ấy luôn mang tới những chiếc bánh bông lan nho nhỏ gói giấy bạc mỗi khi trong viện có sinh nhật. Và cả những chiếc bánh quy hình ngôi sao rắc đường màu đỏ và xanh vào dịp Giáng Sinh. Cô ấy nói chuyện với anh như thể anh là một con người bình thường, không hề điên chút nào. Và cô ấy khiến anh tin vào điều đó. Cô ấy là lí do duy nhất khiến anh có thể vượt qua quãng thời gian ở khu C.

“Tin tôi đi, Mike. Người ta đang xếp hàng dài chờ được nói chuyện với anh trai anh kia kìa. Tôi đảm bảo đó. Bowman sắp đi vào dĩ vãng rồi.”

“VẬY thì tốt, Jack. Stan sắp đến đây hả?”

“Chắc chắn rồi. Anh trai anh không thể nào tới Oakdale mà lại không gặp anh. Anh biết mà, Mike. Giờ tôi đỡ anh dậy và đưa anh về phòng mình nhé?”

“Em xin lỗi, Stan. Em không định lôi anh tới tận đây.”

Stan vỗ lưng Michael. “Đẳng nào anh cũng tới thôi mà. Đừng lo lắng nhiều. Chú thấy sao rồi?”

“Khá hơn rồi ạ, nhưng em không biết mình còn chịu đựng được bao lâu nữa, Stan. Ý em là chuyện bị nhốt ấy. Họ sẽ không chịu thả em đâu. Không bao giờ!”

“Bình tĩnh nào, Mikey. Anh nghe chuyện chú rồi. Anh đang xúc tiến để lão Bowman kia bị thuyên chuyển công tác. Và khi người mới đến...”

“Không phải vậy, Stan.” Michael hít thật sâu. “Em cảm ơn anh đã kiếm cho em một chỗ ở đây. Anh biết mà. Nhưng thế này còn kinh khủng hơn ở tù. Chứ ít ở đó em còn có hi vọng được ân xá. Anh không biết cảm giác ngồi ở đây từ ngày này qua tháng khác, chờ dẫn nhìn vào một bức tường là thế nào đâu. Nếu còn ở đây lâu thêm, chắc em sẽ hóa điên thật mất thôi!”

“Mikey?” Stan nhòai tới gần hơn một chút. “Hạ giọng xuống và trả lời anh này. Nếu anh đưa chú ra khỏi đây, chú sẽ ngoan ngoãn nghe mọi lời anh bảo chứ?”

Michael mất một lúc mới hiểu lời anh mình. Rồi Michael gật đầu như bố củi. “Chắc chắn rồi. Nhưng anh làm thế nào được?”

“Đợi anh tính xong sẽ báo lại với chú.” Stan đặt ngón tay lên môi. “Chú sẽ nghe được tin từ anh trong một hai ngày tới. Trong lúc đó, đừng hé răng nói gì với bất kì ai nhé. Hứa chứ?”

“Vâng! Nhưng Stan... anh đang nói tới cách hợp pháp, hay...”

“Chú không phải lo, Mike. Tin anh đi; anh sẽ lo liệu mọi sự. Giờ chú chỉ cần ngậm miệng và làm bệnh nhân ngoan ngoãn trong vài ngày tới. Chú

làm được chứ?”

“Tất nhiên rồi.”

“Tốt!” Stan vỗ vai em mình và đứng dậy. “Anh nên đi thôi, Mike. Có nhiều chuyện phải thu xếp lắm. Nhớ không được nói gì đấy nhé. Kể cả với anh bạn hộ lí của chú.”

Michael nhú mào khi cửa đóng lại sau lưng anh mình. Stan đang mưu tính gì thế nhỉ? Anh đang suy ngẫm thì Jack bước vào, sau lúc đó một giờ với khay đồ ăn của anh.

“Của anh này, Mike. Tối nay lại cái món lỗng bồng không ra canh cũng chẳng ra cháo rồi. Họ bảo tôi rằng đây là món bánh quy phủ súp gà nấu kem cùng ít bông cải. Nhưng chí ít anh cũng có được món tráng miệng yêu thích. Pudding vị vani.”

Michael chán ghét nhìn thức ăn. Đồ trắng ớn. Mọi thứ trong khay của anh đều trắng. Ăn cái thứ này vào có khi lại bị lóa mắt hết như khi đi trong tuyết ấy chứ. Sao anh lại không được ăn bánh burger kẹp phô mai đắm dầu mỡ từ một cửa hàng bán đồ ăn nhanh chứ! Hoặc một đĩa khoai tây chiên giòn rụm, cùng bánh mì kẹp xúc xích nhỉ? Thôi, nếu Stan thành công thì anh sẽ chẳng phải nuốt đồ ăn của Oakdale thêm lâu. Và từ trước tới giờ chuyện gì rơi vào tay Stan đều được xử lí ngon lành hết.

“Trông anh có vẻ vui, Mike.” Jack nhét ống hút vào cốc sữa. “Hai anh em gặp nhau nói nhiều chuyện vui lắm nhỉ?”

Michael mở miệng định báo tin tốt cho Jack, nhưng rồi nhớ ra. Không được nói với ai, kể cả Jack.

“Ờ, anh ấy trò chuyện với tôi một lúc lâu, Jack à. Và anh ấy hứa sẽ mang cho tôi vài cái áo mới.”

“Loại có thêu hình cá sấu nhỏ trên túi áo ấy hả?”

Michael gật đầu. “Stan bảo họ vừa ra dòng mới. Loại có sọc.”

“Thế tuyệt đấy, Mike. Cho anh một chút hi vọng. Giờ ăn gà hay cái gì đó đi. Tôi không được nán lại lâu đâu. Cái cô y tá bà chằn kia đang nóng máu với tôi và cô ta nghĩ tôi dành quá nhiều thời gian ở đây.”

Michael tọng ít thịt gà vào miệng và nuốt. Anh chẳng cần nhai. Chỉ chưa đầy năm phút, anh đã chén sạch đồ trong khay.

Jack dọn dẹp và đứng dậy. “Được rồi, Mike. Mai tôi được nghỉ, nhưng ngày kia tôi sẽ gặp lại anh nhé?”

Michael gật đầu. “Jack? Anh biết không, anh đã cứu mạng tôi đấy. Anh là lí do duy nhất tôi ở khu này chứ không phải khu D cùng đám vô phương cứu chữa.”

“Ôi, không phải đâu, Mike. Ở đây còn nhiều người tốt lắm. Hãy đợi tới khi anh được sang khu A đi. Ở đó người ta tổ chức khiêu vũ, tiệc tùng, và đủ các loại hoạt động xã hội. Còn các y tá...” Jack bước một bước lại gần giường hơn. “Họ quyến rũ chết người, Mike à. Và tôi nghe nói họ có phần thưởng đặc biệt dành cho những bệnh nhân cư xử tốt, mong anh hiểu ý tôi. Mà nhớ đừng làm gì ngu ngốc trong ngày mai đây. Đừng để có điểm đen nào trong hồ sơ của anh. Hiểu chứ?”

“Hiểu rồi, Jack.”

Khi cửa đóng lại, Michael mỉm cười. Anh sẽ nhớ Jack, nhưng thật tuyệt khi lại được bước ra thế giới ngoài kia. Và có lẽ, chỉ là có lẽ thôi, anh đã cuốn gói khỏi đây trước khi Jack đi làm trở lại.

CHƯƠNG

5

James Zimmer đánh chiếc Mazda xám vào ô để xe của mình tại đại học Gateway rồi tắt động cơ. Ông mua nó sau khi đã xem xét kỹ những đánh giá nhận xét ở mục ô tô của cuốn Cẩm nang Người Tiêu dùng. Giờ chiếc Mazda đã gần mười năm tuổi và chưa phải trải qua lần đại tu nào. Một vài giáo viên khác trong khoa đã đổi xe mới hơn, nhưng giáo sư Zimmer thấy thật nực cười khi tự nhiên phải móc hầu bao vào khoản không đâu. Cứ bảo dưỡng đầy đủ, chiếc xe còn bon chán.

Giáo sư nhún nhảy bước qua sân trường về phía văn phòng của mình. Một giờ vụng trộm cùng người thương luôn khiến ông lâng lâng sung sướng. Ông tới đó để bàn về cuộn băng và chuyện giữ kín bí mật, nhưng chỉ một lát là xong. Sau đó họ cùng uống rượu Chardonnay hảo hạng và sau đó kéo nhau lên giường.

Tọa lạc giữa sân trường rộng rãi là một nhà thờ đá xinh đẹp. Đại học Gateway là một học viện tôn giáo. Giáo sư Zimmer thành kính đi qua những ngọn tháp đồ sộ. Nếu ban quản trị phát hiện ra cuộc phiêu lưu tình ái của ông, ông bị đuổi việc vì suy đồi đạo đức là cái chắc. Không ai được biết chuyện, kể cả Gerhardt. Chính vì thế mà ông không chịu tiết lộ tên của bồi thẩm kia.

Khi nhà thờ đã ở sau lưng, ông chỉ còn vài bước nữa là tới văn phòng. Giáo sư Zimmer leo cầu thang lên tầng hai và mở cửa. Như mọi khi, Dorothy vẫn sắp xếp mọi thứ ngăn nắp đâu vào đấy. Thứ duy nhất nằm trên cái bàn thư kí bóng loáng là một tập hồ sơ đựng vé máy bay cùng lịch trình được đánh máy khoa học về những buộc hội nghị ông sẽ tham dự.

Giáo sư Zimmer bật đèn văn phòng riêng và chớp chớp mắt. Ông không có ý định cho mọi người biết sự hiện diện của ông trong khuôn viên trường.

Một sinh viên có thể thấy đèn hắt ra từ phòng ông và ghé vào hỏi chuyện học tập chút đỉnh. Thường thì ông sẽ đón tiếp nhiệt tình, nhưng hôm nay ông sắp phải đón máy bay rồi.

Chưa đầy mười lăm phút ông đã thu thập đủ giấy giờ và tài liệu cần thiết. Mỗi thứ được đặt ở một tệp hồ sơ riêng, được đánh dấu rõ ràng. Ông nhét chúng vào ca táp, theo thứ tự bảng chữ cái cho dễ tìm, rồi sẵn sàng lên đường.

Nhìn lại văn phòng một lần cuối, ông vươn tay định tắt đèn. Rồi ông ngừng lại, ngón tay chạm vào công tắc, rồi ông thở dài. Cuốn băng gốc về Michael Hart, cuốn băng nhà đài tặng ông, đang nằm chình ình trên giá sách. Ông đã bảo với Gerhardt rằng cái đĩa DVD ông đưa là bản sao chưa nhi?

Giáo sư Zimmer cầm nó lên và định nhét luôn vào ca táp. Tốt nhất nên mang nó theo người, nhưng đó không phải một lựa chọn hợp lí. Một đồng nghiệp của ông đã trở về sau kì nghỉ cùng băng cát-sét thu một loạt bài giảng để trong túi hành lí xách tay. Khi anh ta định bật cho sinh viên nghe, cuốn băng bị rè hết cả. Có vẻ các máy quét ngoài sân bay bị sao đó và làm hỏng băng của anh ta.

Nhét vào ngăn tủ kéo chẳng? Giáo sư Zimmer kéo ngăn kéo trên cùng và lưỡng lự. Dorothy luôn dọn dẹp văn phòng khi ông đi vắng và có lẽ cô ấy sẽ đặt nó vào nhầm chỗ. Phải có một chỗ nào an toàn hơn chứ nhỉ. Nếu còn thời gian, ông sẽ mang về nhà cất, nhưng vậy thì ông sẽ trễ chuyến bay mất.

Giáo sư Zimmer nhíu mày. Có lẽ Gerhardt sẽ cần cuốn băng gốc làm bằng chứng. Những chuyện liên quan tới luật pháp lằng nhằng lắm. Ông phải bảo vệ nó trong thời gian ông đi vắng.

Giáo sư bỗng mỉm cười. Tất nhiên rồi! Rất đơn giản, nhưng vô cùng hợp lí. Ông chỉ mất vài phút để cất cuốn băng, rồi có thể thoải mái lên đường.

Michael nén tiếng rên rầm trong lúc xe đẩy chứa đồ giặt được tống lên xe tải. Mọi chuyện đến giờ vẫn ngon nghề. Kế hoạch của Stan quá hoàn hảo. Khi y tá cho anh uống thuốc, anh giữ nó dưới lưỡi và uống một chút

nước. Xong! Quá tuyệt! Anh mở miệng theo yêu cầu, nhưng cô ta không kiểm tra dưới lưỡi anh. Từ phòng y tá, anh đi một mạch vào toa-lét và nhổ thuốc đi. Bụng dạ anh được yên ổn tối nay rồi. Không mộng mị gì hết.

Nhìn qua khe hở dưới cửa, anh có thể quan sát cánh y tá đổi ca lúc chín giờ. Cô xinh xinh tóc dài đỏ một mình ngồi bên bàn, đọc một cuốn tiểu thuyết điểm tình. Rời phòng thì quá dễ. Vì anh là bệnh nhân được phục thuốc cho ngủ như chết trong ít nhất tám tiếng, họ chẳng bao giờ thềm khóa cửa phòng anh. Anh lẩn ra khỏi phòng, lom khom chuồn qua bàn y tá và rón rén đi theo hành lang tới phòng giặt là.

Đêm nay người ta giặt ga giường. Từng chồng ga và chăn nặng trĩch được nhét vào xe đẩy. Michael nhảy lên một xe trống và trùm cái ga bắn lên mình.

Đám nhân viên giặt là tới lúc 10 giờ để lấy đồ giặt. Michael nín thở khi hai anh chàng đô con đẩy anh đi qua các hành lang im phăng phắc tới chỗ chất đồ. Và giờ anh có mặt tại khoang xe tải, ấm cúng thoải mái như một con bọ trong cái kén bốc mùi chua lè.

Xe sang số và Michael nhắm nhó. Chuyển đi rất xóc và họ không hề biết mình chở thêm một hành khách đằng sau. Đường mấp mô, xe lại sang số, và chiếc xe chậm dần rồi dừng hẳn. Họ đã đến quán cà phê Alma. Stan đã bảo anh rằng tài xế luôn dừng ở đây làm một cốc cà phê và ăn bánh táo của bà chủ Alma.

Cửa bên tài xế mở rồi đóng sập lại. Michael nghe tiếng bước chân lạo xạo trên nền đất rải sỏi, rồi tất cả im bật. Cô bạn gái của anh lái xe này làm việc tại quán Alma. Anh ta sẽ ở trong đó ít nhất cũng phải mười lăm phút. Michael chỉ cần phải rời khỏi xe đẩy và tìm cách mở cửa sau. Gã tài xế còn chẳng thềm khóa. Ai lại muốn trộm một chiếc xe chở đầy ga bắn chứ?

Michael trượt chân khi rời khỏi xe đẩy và va vào sườn xe bằng kim loại. Anh cúi người và dùng sừng lại. Có ai nghe thấy không nhỉ? Anh đếm tới một trăm, rồi hai trăm cho chắc, nhưng có vẻ không ai nhận thấy điều lạ. Mò mẫm trong bóng tối qua cả trăm xe đẩy đựng đồ giặt không phải

chuyện dễ. Quá trình ấy dài đằng đẵng, nhưng cuối cùng tay anh cũng chạm được vào tay cầm bằng kim loại trên cửa. Tự do ở ngay bên kia thôi.

Tay run run, Michael nắm chắc tay cầm và kéo lên. Không được. Cửa bị khóa rồi! Michael buộc mình phải suy nghĩ tích cực. Stan chưa bao giờ nhầm về chuyện gì. Có lẽ nó bị kẹt mà thôi. Anh ngồi xồm và tì lưng, cố dùng hết sức bình sinh mà đẩy. Cửa kêu kèn kẹt phản đối, nhưng cũng mở được chút chút - chỉ độ năm phân thôi, nhưng giờ anh dễ đẩy nó lên hơn rồi.

Michael đẩy tiếp, và cửa được nâng lên bét cũng được ba mươi phân. Cuối cùng anh đã thấy thế giới bên ngoài rồi! Anh lảng lảng thận trọng hé mắt nhìn qua khe hở. Một tấm biển hiệu neon to tướng hắt ánh sáng thẳng về hướng xe tải.

Các dòng chữ “Quán cà phê Alma” màu đỏ và “Món ngon” màu xanh lục nhấp nháy liên tục. Anh thấy rõ cánh cửa kính, nhưng không thấy ai ra vào. Anh thận trọng thò đầu ra và liếc về phía bên phải. Có một cái lều. Không ai ở trong đó. Ở bên trái, cách ba xe là một chiếc Ford màu xanh đậm, trên gương chiếu hậu có treo một chiếc mũ lưỡi trai. Tim Michael bắt đầu đập rộn. Đó là chiếc xe Stan thuê cho anh.

Michael nắm áp bụng và trườn qua khe hở. Không nên gây thêm tiếng động. Sàn xe cách vỉa đường chừng hơn 1m. Ngay khi chân chạm mặt đường rải nhựa, bản năng ngay lập tức mách bảo anh phải chạy. Stan đã cảnh cáo trước là đừng có làm thế. Hãy đứng lại và đóng cửa. Làm thế tài xế sẽ không bao giờ biết rằng mình đã giúp anh trốn viện.

Lại một thêm một lúc lâu lắc lâu lợ, nhưng cuối cùng cửa cũng đóng chốt lại. Tim đập thành thịch, Michael bước về phía chiếc Ford. Hãy bước đi, đừng chạy. Stan đã nhắc anh thế. Làm gì thì làm, cũng phải nhớ chớ có manh động.

Cửa bên tài xế không khóa. Michael mở cửa và ngồi vào sau vô lăng. Chùm chìa khóa được nhét dưới thảm chùi chân, ở đúng nơi Stan đã dặn trước. Và bản đồ có kèm đích đến nằm trong hộp chứa đồ, nhưng Michael chưa dám xem ngay. Anh muốn đi xa vài dặm ^[9] đã.

Michael tra chìa vào ổ và khởi động. Động cơ kêu xình xịch một tiếng rồi nổ giòn. Anh còn nhớ cách lái không? Đã mười năm rồi còn gì.

Một lát sau, anh lúi xe khỏi chỗ đỗ và đi vào đường. Lái ô tô chắc cũng giống đi xe đạp, một khi đã học rồi sẽ không bao giờ quên. Nhưng anh vẫn giữ tốc độ ở mức năm mươi lăm dặm một giờ, không hơn. Dù Stan đã hứa nhét chứng minh thư giả vào ví trong hộp chứa đồ, bên cạnh tấm bản đồ, nhưng anh không muốn bị cảnh sát tóm vì lái xe quá tốc độ.

Đường thông thoáng, và sau khi đi ngon lành được mười dặm, Michael bắt đầu thấy thoải mái dần. Anh bật radio, mong sẽ nghe được bài hát của một ca sĩ quen thuộc như Usher hay Alicia Keys, nhưng âm nhạc đã thay đổi trong mười năm anh cách biệt với thế giới. Nó khiến anh có cảm giác lạ lẫm, như thể anh vừa chui vào một nếp gấp thời gian.

May mà các biển báo giao thông vẫn như cũ, vẫn nền xanh chữ trắng. Michael thẳng lại khi một chiếc xe chạy tạt đầu xe anh, một dòng xe anh chưa thấy bao giờ. Nó trông cứ như dạng xe được sản xuất thử nghiệm rồi thôi luôn, dù có lẽ không phải. Phong cách đã thay đổi nhiều trong mười năm.

Anh thấy mình hơi giống Rip Van Winkle ^[10] khi cứ chăm chăm nhìn công-tơ-mét và lái xe theo làn xe đi chậm.

Còn gì thay đổi nữa đây? Có ai có thể cho anh biết chuyện gì đã xảy tới với Tony trong phim Gia đình Soprano không? Phim Những bà nội trợ kiểu Mỹ đến đoạn nào rồi?

Marcia Cross ^[11] vẫn quyến rũ như hồi anh thấy cô trên ti vi năm... không, anh không nên nghĩ tới chuyện đó. Anh có thể hòa nhập với thế giới mới chẳng? Anh có thể thích nghi cừ đến độ chẳng ai đoán ra được anh đã bị nhốt sau những cánh cửa đó suốt mười năm trời chứ? Anh phải cẩn thận để không nói hớ ra điều gì. Anh vẫn chưa biết ai là tổng thống đương nhiệm. Người tài xế ở làn bên sẽ phản ứng ra sao nếu anh bảo mình không biết tên tổng thống nhỉ?

Michael nhận ra mình đang ghì chặt vô lăng. Anh phải tìm cách thư giãn. Tiếc là anh không hút thuốc. Một điếu thuốc có thể giúp, nhưng anh không

luyện thói quen đó. Anh cũng không uống nhiều, vậy nên anh phải nghĩ sao cho mình được bình tĩnh hơn. Hãy đón nhận mọi chuyện. Đừng gây rắc rối. Sống cho qua từng ngày. Nghe thì sáo rỗng đấy, nhưng cũng đúng. Và nếu không được, anh sẽ nghĩ về Stan. Anh trai tin rằng anh có thể vượt qua tất cả.

Có lẽ âm nhạc có tác dụng - loại âm nhạc anh thích, chứ không phải thứ âm thanh thùng thùng lộng óc này. Michael chuyển tần số tới khi tìm được kênh phát nhạc rock nhẹ. Anh còn nhận ra bài đầu tiên được nghe nữa kìa. Nó phổ biến vào năm cuối cùng anh ở Los Angeles và anh bắt đầu thấy khá hơn. Phải, anh có thể hòa nhập. Anh đúng là ngốc mới đi nghi ngờ mình. Anh là một diễn viên, không phải sao? Mọi diễn viên xuất sắc nhất đều là những sinh viên ngành hành vi loài người. Anh chỉ cần quan sát kẻ khác và bắt chước là xong. Giờ anh biết phải làm gì rồi.

Tiếp ngay sau đó là giai từ của bài Earth, Wind and Fire, và Michael mỉm cười khi nghe Got to Get You Into My Life, September, và After the Love has Gone. Âm nhạc có sức mạnh xoa dịu những cơn ác thú và cả những cô nàng đánh đá nữa. Bệnh viện Oakdale nên sử dụng âm nhạc mới phải. Có lẽ sau khi Stan giải oan cho anh, anh sẽ viết một lá thư đề nghị như vậy. Anh chắc chắn có quyền phát biểu trên quan điểm của bệnh nhân. Họ hẳn sẽ lắng nghe người từng ở đó nói cho họ biết có gì không ổn và cách khắc phục.

Michael lái xe thêm ba giờ nữa thì thấy những biển báo sắp đến địa phận Los Angeles. Mọi thứ dần trở nên quen thuộc. Ngay khi đi qua nút giao Santa Monica, anh đỗ lại và xem bản đồ để biết phải tới đâu.

Có một lối thoát tới đại lộ Ventura. Và sau đó là Mulholland. Động cơ kêu ro ro khi xe qua đèo và Michael bắt đầu thấy phấn khởi. Đây là quê hương anh. Khi lên tới đỉnh đồi và đi xuống bên kia, thành phố trải dài trước mắt anh như một hộp châu báu chứa đầy những viên ngọc lấp lánh.

Michael kéo cửa sổ xuống và hú dài. Âm thanh bị gió cuốn đi mất. Tự do! Anh tự do rồi! Không còn ai ra lệnh cho anh ngủ giờ nào nữa, chẳng ai

bắt anh ăn, hay chọn quần áo cho anh mặc nữa. Stan là ông anh tuyệt nhất
quả đất!

CHƯƠNG

6

Stan cà thẻ điện thoại mới mua và ấn số. Đã tám giờ sáng ngày hôm sau kể từ lúc Michael trốn khỏi viện. Anh đang đứng trước cây điện thoại gần toa-lét của quán Denny, cách cơ quan năm dãy nhà. Stan chẳng mấy khi tới Denny. Chuối cửa hàng cà phê rẻ tiền này được tiếng bán đồ ăn sáng rẻ mà ngon. Hai quả trứng luộc, thịt hun khói hoặc xúc xích; bánh mì nướng và khoai tây chiên; tất cả đều có giá dưới năm đô.

Mùi thịt hun khói rán khiến Stan cồn cào. Anh không bao giờ đụng tới món này. Quá nhiều dầu mỡ, và quá trình hun khói chẳng biết có bảo đảm không, ít nhất là vì thế. Bữa sáng thường lệ của anh là một bát ngũ cốc giàu chất xơ cùng nửa quả chuối và hơn sáu ounce ^[12] sữa tách béo. Stan dạo này cực kì để tâm tới lượng cholesterol, chất xơ và gluxit mình hấp thu. Trong nghề của anh, đàn ông tầm bốn mươi tuổi rất dễ mắc bệnh tim. Tất nhiên căng thẳng là nguyên nhân chính, nhưng ăn uống điều độ sẽ góp phần quan trọng giúp phòng tránh bệnh tật.

Anh đứng nghỉ chân trong lúc đợi Michael nhấc máy. Anh không dám gọi từ văn phòng hay nhà riêng. Tin Michael trốn viện đã lan ra từ một tiếng trước, và anh phải cảnh giác. May mà anh đã lấy xe và trả đại lí từ đêm trước. Họ không thể nào biết xe về tầm nào, và chắc chắn chẳng nghi ngờ gì. Gerhardt, Merrill và Davis có kí hợp đồng với hãng cho thuê xe để chuyên phục vụ các thân chủ ngoại tỉnh.

Stan thở dài nhẹ nhõm khi em trai nghe điện. “Mikey à? Chú thế nào rồi?”

“Em ổn ạ. Họ biết em trốn chưa?”

“Đây là lí do anh gọi đây. Anh muốn chú ở nguyên trong nhà, khóa cửa kĩ vào, cho đến khi anh đồng ý cho chú ra. Không được phép liều, nhớ

chưa?”

“Rồi. Anh nghĩ lúc ấy là khi nào, Stan?”

Stan thở dài. “Anh không dám hứa trước điều gì, nhưng anh đang xúc tiến công việc đây. Anh đã hẹn gặp thẩm phán Strickland sáng nay để nói chuyện bằng chứng mới.”

“Cuốn băng anh bảo em đó hả?”

“Ừ. Nhưng đừng mong rằng mọi chuyện xong xuôi trong một sớm một chiều. Nhiêu khê lắm Mikey ạ. Hai ta đều biết chú bị oan, nhưng chắc phải mất chừng một, hai tháng mới giải quyết xong được. Và đừng quên này, Mike... nếu cảnh sát tóm được chú, họ sẽ điệu cổ chú về thẳng Oakdale đó.”

“Em sẽ ở yên trong nhà mà, Stan. Em hứa đó. Nhưng khi nào em được gặp anh?”

“Thời gian này thì không,” Stan thở dài. “Chắc chắn họ sẽ đoán chú cố bắt liên lạc với anh. Và thế họ sẽ rình anh như rình mồi ấy. Chúng ta sẽ nói chuyện điện thoại hằng ngày vậy. Đúng chín giờ mỗi tối được chứ? Có tiện cho chú không?”

“Không vấn đề gì, vậy cũng được. Anh không sợ họ nghe lén điện thoại của anh à?”

“Ờ ha.” Stan nhướn mày. Anh không nghĩ em mình lại nghĩ được tới thế. “Mỗi tối anh lại dùng một số điện thoại vậy. Nhưng nhớ đừng có gọi cho anh đấy. Hiểu chưa?”

“Được rồi, Stan. Anh nói gì em nghe nấy.”

“Anh cúp máy đây, Mikey. Thẩm phán Strickland sẽ không dễ nói chuyện nếu anh tới muộn. Giờ ở nguyên trong nhà, và nếu cần gì thì cứ bảo và anh sẽ sắp xếp chuyển đến cho. Được không?”

“Được. Stan này? Căn hộ tuyệt lắm, quần áo cũng vừa, và - cảm ơn anh nhé, vì tất cả.”

“Ơn huệ gì, Mikey. Anh đã đặt một đồng đĩa phim và chú cứ xem cho nắm được tình hình bây giờ nhé. Còn nếu muốn đọc thì giá sách trong

phòng ngủ có ối những cuốn tiểu thuyết mới xuất bản đấy. Giờ anh cúp máy thật đây. Chú cứ bình tĩnh và anh sẽ nói chuyện với chú vào chín giờ tối nay.”

Stan cúp máy và liếc nhìn quanh. Có vẻ không có ai để ý anh. Anh định vào toa-lét nam, nhưng rồi quyết định nhìn về tới cơ quan cũng được. Nhà vệ sinh của tiệm Denny ừ thì cũng sạch sẽ, nhưng anh vẫn thích dùng toa-lét riêng đầy đủ tiện nghi của mình hơn.

Nói chuyện với Stan xong, Michael ngắm nhìn mình trong gương. Anh không ngủ ngon khi không có thuốc, và chiếc giường cỡ lớn có vẻ rộng quá thể. Dù thiếu ngủ và mệt mỏi sau cuộc tẩu thoát khỏi bệnh viện, anh vẫn nghĩ mình trông khá khăm nhất so với dạo gần đây. Tự do rõ ràng đã làm anh thay da đổi thịt. Vẻ hốc hác tiêu tụy vì tuyệt vọng đã biến mất. Đây là một quãng đời hoàn toàn mới và anh sẵn sàng sống hết mình. Stan đã nói cho anh nghe về cuốn băng, về cuộc phỏng vấn người đi đường không được phát sóng. Anh vẫn không nhớ rõ mọi chi tiết về cái đêm định mệnh ấy, nhưng giờ anh đã hiểu phản ứng của mình lúc ở Oakdale khi dường như ra cảnh người đàn ông cầm micro dí vào mặt anh. Theo những gì Stan nói, hiểu theo một cách nào đó thì anh vẫn là tù nhân, nhưng không gian này hoàn toàn vượt xa căn phòng bệnh nhỏ tại Oakdale. Và ngay khi Stan có thể xác minh rõ anh là người đàn ông trong đoạn phim kia, anh sẽ thực sự được tự do.

Đã đến giờ tắm thì phải? Michael cười thành tiếng khi nhận ra anh không còn phải tắm tấp theo đúng giờ giấc nữa.

Và anh có thể ở dưới làn nước bao lâu tùy thích. Anh chàng Mike Kruger từ Cleveland đây không phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tắm ướn, xoa xà phòng, xả nước, và bước ra. Anh đã được tự do hành động như một con người bình thường.

Dù biết rằng không có ai để ý xem anh tắm mất bao lâu, nhưng Michael vẫn sửa soạn xong xuôi trong đúng năm phút. Thói quen cố hữu thường khó bỏ. Anh dùng cái khăn bông xanh lau người, ấy cũng là chiếc khăn màu đầu tiên anh nhìn thấy trong suốt bao năm qua. Sau đó, anh mặc bộ đồ

xanh giữ nhiệt treo trong tủ. Một đôi giày Reeboks mới coóng đúng cỡ chân anh vẫn còn nằm nguyên trong hộp đặt ở tủ, và anh tìm thấy cả tá tất dầy tiền trong ngăn kéo. Thật tiếc là không có ai được trông thấy anh. Anh không chỉ có thể hành xử như một người bình thường; giờ anh trông cũng giống một người bình thường nữa kìa.

Michael nghĩ mình có thể quen với cuộc đời mới. Đây sẽ là một ngày anh được làm biếng, không phải gặp mặt các chuyên viên y tế, cũng khỏi cần nói chuyện với các chuyên gia điều trị. Bụng sôi ùng ục, và Michael đi ra bếp. Anh rất đói, đói ngẫu rồi. Anh chưa ăn gì từ bữa tối ở Oakdale, và khi tới căn hộ hồi tối qua, anh mệt đến độ quên cả ăn.

Miệng anh tưới nước miếng khi mở cửa bếp và thấy những khay thức ăn anh trai chuẩn bị sẵn. Giăm-bông thái lát, thịt bò nướng, ức gà, tất cả đều được bọc trong màng co. Cả một khoanh phô mai Brie anh khoái, cộng thêm phô mai Cheddar, Jarlsburg, và Monterey Jack. Có một lọ mù tạt nâu Gulden, đúng loại anh thích, cùng dưa chuột bao tử. Anh làm một cái bánh sandwich ba tầng định mang vào phòng khách đánh chén. Có lẽ anh nên xem thời sự buổi sáng hoặc một bộ phim dài tập nào đang phổ biến dạo này. Đề nghị các bệnh nhân khu B chú ý. Michael Hart được vừa ăn vừa xem ti vi kìa!

Có một ổ bánh mì lúa mạch đen giòn rụm trên quầy và Michael nhét luôn vào cái bánh sandwich to tướng. Đĩa giấy trong tủ chạn, đúng nơi anh nghĩ sẽ tìm thấy, và có một lò vi sóng tích hợp lò nướng nữa. Michael làm sandwich, dùng giấy thực phẩm nhà bếp bọc lại rồi bỏ vào lò vi sóng quay bốn mươi lăm giây. Hoàn hảo. Giờ anh chỉ cần một quả dưa chuột và chút đồ uống thôi. Stan có chuẩn bị sẵn bia và soda anh thích.

Mười phút sau, anh đã chén sạch bách. Michael nhận ra mình quên mất ý định mang cái bánh sandwich vào phòng khách và thờ dài. Lại thói quen cũ. Anh vứt đĩa giấy vào thùng rác, lau bàn bếp và rót nốt bia vào cốc, một cái cốc thủy tinh hần hoi. Rồi anh mang nó ra phòng khách, ngồi xuống sofa, và dùng điều khiển bật ti vi.

Ti vi đang phát chương trình Jeopardy ^[13] và người dẫn chương trình vẫn là Alex Trebek. Trông anh ta chẳng già đi tẹo nào so với trong trí nhớ của Michael. Có lẽ đây là tập phát lại. Michael cũng không chắc. Anh chưa từng xem và nó mới với anh.

Michael nhồi người khi một bản tin vẫn xen vào. Đây là cái anh chờ đợi, tin về cuộc đào tẩu của anh. Chắc họ sẽ phát hình anh và cảnh báo mọi người rằng anh được coi là tội phạm nguy hiểm.

Đúng là có một bức hình xuất hiện trên màn hình và Michael nhú mày. Một vụ nổ súng ở Santa Monica sao? Anh đâu có đợi cái thứ này! Anh biết mình có phần hâm dở, nhưng anh không thể kìm được cảm giác hơi thất vọng. Anh tưởng mình sẽ là trung tâm của sự chú ý, thế mà vụ trốn viện của anh còn chẳng đủ độ quan trọng để cắt ngang Jeopardy!

Michael tắt ti vi và trở về bếp pha cho mình một gói cà phê. Nếu giờ anh không lên thời sự, vậy chắc cũng chẳng bao giờ lên đâu. Nhưng cảm giác là một bánh răng vô năng trong cả guồng quay lớn cứ đau đáu trong anh trong lúc anh hâm cà phê. Trong cái thế giới tù túng của Oakdale, mọi sự kiện dường như xoay quanh anh. Nào là thuốc của Michael Hart, bữa ăn của Michael Hart và thời gian trị liệu của Michael Hart. Nhưng thế giới thực thì rộng mênh mông và ở đó còn những sự kiện khác, quan trọng hơn nhiều. Ở ngoài đó, không ai trừ Stan biết hay quan tâm rằng Michael Hart có tồn tại. Đó chính là một liều thuốc sự thật đắng vô cùng.

Antonia Novak đứng trong hành lang, nhìn cánh cửa đóng im ỉm của căn hộ 301. Cô đang đợi chị bạn thân Doris Evans sống cùng trong tòa nhà này. Sau đó họ sẽ cùng đi bộ buổi sáng.

Cửa dẫn ra thang bộ mở và Doris mệt nhọc bước qua. Chị chừng bốn mươi tuổi, có mái tóc vàng xoăn xù, và sáng nay chị mặc bộ đồ gió màu vàng tươi khiến chị trông như một quả bưởi tròn trĩnh. Doris bắt đầu đi bộ buổi sáng theo lời khuyên của bác sĩ. Chị đã giảm được chừng 1 kg, nhưng ấy là một trận chiến cam go. Doris kêu rằng các bài tập chỉ tổ khiến chị đói hơn.

“Toni. Em thấy anh chàng ấy chưa?”

Toni cười và lắc đầu. Doris là đầu mối thông tin không chính thức của tòa nhà. Chị biết tất tần tật về mọi người, và sáng nay chị bảo rằng có người vừa chuyển vào căn hộ 301, đối diện nhà Toni.

“Chẳng có ai đi ra cả, Doris, nhưng em mới đứng đây có vài ba phút. Sao chị biết là anh chàng?”

“Nghe tiếng chân là biết. Bước nặng như thế thì làm sao là phụ nữ được.” Doris cúi xuống và bắt đầu tập bài giãn cơ. “Chị mang ít bánh quy cho chị Ryskind ở phòng 201, và cả hai đều nghe thấy tiếng anh ta. Nếu như anh ta còn độc thân và là người tốt, chị nghĩ em nên kết bạn thử xem.”

“Quên đi, Doris.” Toni cười tươi khi tháo dây thun khỏi cổ tay và buộc túm cao mái tóc đỏ dài lại. “Chị làm mỗi cho em nhiều lắm rồi mà có thành công đâu. Em thấy mình sống thế này cũng được mà.”

Doris gật đầu. “Giờ em nói thế thôi, nhưng cứ nghĩ về tương lai xem. Tuổi xuân không thể trở lại, và em còn chưa sống đúng nghĩa nữa kìa. Em không nên cứ ru rú trong nhà làm bạn với máy tính để bán mạng cho công ty như thế. Em sẽ cô đơn đó.”

“Được rồi, có lẽ em cô đơn. Đừng lên lớp em nữa, Doris. Giờ để em giãn cơ một chút rồi chúng ta bắt đầu nhé. Em còn nhiều việc phải làm lắm.”

Doris nhượng mảy khi Toni bắt đầu bài tập. Đây là lần đầu tiên Toni thừa nhận mình cô đơn, và đó là một bước đi đúng hướng. Toni xinh xắn, nhưng chẳng chịu hẹn hò gì cả. Doris đã đoán già đoán non ra được nguyên nhân. Vì mẹ Toni qua đời khi cô còn rất nhỏ nên không ai dạy cô những mưu mẹo à ời của cánh phụ nữ. Cái Toni thực sự cần là đôi ba bài lên lớp về cách trối lòng đàn ông, và rồi cô sẽ ổn. May làm sao là Doris ở gần để dạy dỗ cô.

Trong lúc ngồi bên bàn thưởng thức cà phê, Michael nhận ra rằng kể cả cà phê gói cũng tuyệt vời. Cafein bị cấm tiệt ở Oakdale, còn cà phê và trà thì bệnh nhân dùng hòng xớ rớ tới. Anh hiểu chuyện cấm đoán đó cũng là muốn tốt cho bệnh nhân, nhưng thật khó chịu khi thức giấc trong một ngày buồn tẻ tại bệnh viện mà không có đồ uống nóng và dễ chịu cho bữa sáng.

Mới sáng ra đã uống nước trái cây hay sữa lạnh ngắt có vẻ không đúng. Sao họ không phục vụ cà phê không caffein nhỉ? Hoặc cacao nóng cũng được? Anh cảm thấy vậy sẽ giúp bệnh nhân dễ chịu hơn.

Vì lâu lắm mới dùng tới cafein nên Michael cảm thấy đầu óc hơi choáng váng, và anh quyết định nên làm gì đó có ích. Túi đựng dưa chuột muối tỏa ra thứ mùi khiến cả căn bếp có hơi hương như bên trong một cửa hàng thực phẩm. Mùi thơm thật đấy, nhưng người bình thường sẽ đi đổ rác mỗi ngày. Nếu trí nhớ của anh không sai, anh đã đi qua chỗ đổ rác bên cạnh cửa thang máy khi tới đây hồi đêm qua.

Cửa kim loại ở đó, đúng như anh nhớ. Michael bỏ túi rác vào trong và lắng nghe nó trượt trong ống và rơi phịch xuống thùng rác bên dưới. Anh định đóng cửa thì nghe có người gọi.

“Chào đấng đó!”

Michael quay lại và thấy một người phụ nữ tóc vàng đầy đà mặc bộ đồ gió màu vàng chóc. Chị ta đang mỉm cười, và anh cười đáp. Rồi anh nhận thấy có một người phụ nữ khác đi cùng người kia, và nụ cười của anh rạng rỡ hơn. Cô nàng thật xinh đẹp. Cô ấy trẻ hơn nhiều, và có mái tóc đỏ dài. Kể cả bộ đồ tập xám xịt rộng thùng thình cũng không che giấu được dáng người mỹ miều của cô.

“Ma mới hả?”

Michael gật đầu. Anh không tin giọng mình. Người phụ nữ lớn tuổi hơn đã hỏi, nhưng Michael không thể rời mắt khỏi cô bạn đang mãi chạy tại chỗ của chị ta.

Cả cơ thể cô đang lắc nhẹ và anh phải cố lắm mới rời mắt được khỏi một vài phần thân thể nhất định. Anh đoán nguyên nhân là do anh không hề thấy một người phụ nữ mặc bộ đồ nào khác ngoài đồng phục y tá trong suốt mười năm ròng rã. Mọi người ở Oakdale đều mặc đồng phục, kể cả nhân viên bảo dưỡng. Phân biệt rạch ròi nhân viên và bệnh nhân dù sao vẫn tiện hơn.

“Cậu ở nhà 301 à?”

Michael lại gật đầu. Hình như anh biết mùi nước hoa của cô gái kia. Channel No.5 thì phải? Không, không đúng, nhưng dù là gì thì nó cũng khiến hơi thở của anh có phần gấp gáp. Những phụ nữ làm việc ở Oakdale không dùng nước hoa. Vậy là vi phạm nội quy.

“Cậu kiếm lời, nhỉ?”

Michael gật đầu lần thứ ba, và người phụ nữ lớn tuổi cười vang.

“Ờ, có lẽ cậu không giỏi nói chuyện, nhưng ít ra thì cũng thích đi bộ tập thể dục. Đôi Reeboks đó được đấy. Và tôi thích bộ đồ gió của cậu. Nó làm từ vải nhẹ loại mới phải không? Tôi thích đàn ông con trai tập tành chăm chỉ. Hầu hết người dân trong tòa nhà này nghĩ tập thể dục là lái xe tới lấy bánh pizza thay cho gọi đồ tới tận nhà. Cậu đang tìm phòng tập hả?”

Michael lại gật đầu. Anh không thể bật ra nổi một từ nào khi ở gần người phụ nữ trẻ kia.

“Có một chỗ cách đây hai dãy nhà, nhưng ngừng hoạt động mấy năm nay rồi. Để tôi chỉ cho cậu cách tuần du tòa nhà mà ngang với đi bộ hai dặm nhé. Tôi là Doris Evans, ở căn hộ 408. Còn đây là Antonia Novak, sống tại căn hộ 305. Cậu cứ gọi cô ấy là Toni. Mà cậu tên gì nhỉ?”

“Mike. Tên tôi là Mike Kruger.” Michael dùng cái tên trên thẻ căn cước giả Stan đưa.

“Tên hay đó. Tôi thích. Michael có nghĩa là ‘danh giá’ trong tiếng Hebrew. Nhưng chắc cậu biết thừa rồi. Hầu hết mọi người đều biết ý nghĩa tên mình mà. Tên tôi được đặt theo tên một nữ thần biển cả trong thần thoại Hy Lạp, nhưng tôi chẳng để tâm lắm. Nào, Mike Kruger, khởi động đi rồi chúng ta cùng bắt đầu tập nào.”

Trước khi Michael kịp nghĩ ra cách thoái thác, Doris đã bắt anh làm một loạt động tác khởi động ngay ngoài hành lang. Vừa giám sát, chị vừa hỏi thêm.

“Cậu kết hôn chưa, Mike?”

“Tôi độc thân.”

“Toni cũng thế. Tôi lấy chồng hai mươi năm rồi và đức lang quân của tôi sẽ phải chịu đựng tôi tới già thôi. Chồng tôi có sự kiên nhẫn vô kể. Mà cậu mới tới vùng này à, Mike?”

Michael định lắc đầu, nhưng kịp trấn định. Mike Kruger có giấy phép lái xe cấp tại Ohio.

“Tôi vừa từ Cleveland chuyển tới.”

“Cậu sẽ thích California, Mike à. Nếu so với Trung Tây hay Đông Mỹ thì đây là thiên đường đó nhé. Tất nhiên, ta phải mất thời gian để quen với nơi ở mới, vậy cậu cần biết đường đi lối lại hay địa điểm gì, cứ hỏi tôi. Hoặc hỏi Toni cũng được. Phải không, Toni?”

Toni ngạc nhiên, rồi gật đầu. “Tất nhiên rồi. Rất hân hạnh.”

Michael giật mình hài lòng khi nghe giọng Toni lần đầu tiên. Giọng cô ấm áp nhưng có phần e ấp. Anh biết cô không hướng ngoại như Doris.

“Chạm tay xuống sâu tí nữa, Mike,” Doris ra hiệu. “Giờ dựa vào tường và vươn thẳng người đi. Cậu phải khởi động kỹ trước khi bắt đầu. Mà cậu làm nghề gì thế, Mike?”

Michael sững lại, anh làm gì nhỉ? May thay, Doris đã liền thoảng nói tiếp trước khi anh kịp nghĩ ra câu trả lời.

“Thôi, đừng nói, cứ để tôi đoán nhé. Nếu là dân cổ cồn thì giờ này cậu đã tới cơ quan rồi. Và cậu không bị chai tay, vậy khả năng cậu là công nhân cũng loại. Cậu không bị sạm nắng, chứng tỏ cậu làm việc trong nhà. Và cậu quan sát người ta rất kỹ, nhất là Toni, nhưng điều đó cũng dễ hiểu thôi. Cô ấy xinh nhỉ?”

Michael cười và gật đầu. Doris không hỏi gặng. Anh liếc nhìn Toni và nhận thấy cô đang đỏ mặt, nhưng có vẻ vui. Tốt. Cô ấy có khiếu hài hước.

“Được, Mike. Chuyển sang chân kia. Cậu sắp sẵn sàng chạy rồi đấy. Nào, giờ trở về đề tài công việc của cậu. Tôi có cảm giác chẳng mấy chuyện qua được mắt cậu, vậy cậu thích nghiên cứu hành vi con người. Cậu trông không giống giáo viên, vì chẳng có vẻ phờ phạc giống cánh ấy. Và tôi không thấy cậu giống bác sĩ hay nha sĩ. Tôi biết rồi! Tôi cá cậu hoặc là họa sĩ hoặc là nhà văn.”

Michael bám theo suy đoán của chị ta. Không được nhận là họa sĩ. Có khi chị ấy lại đòi xem tác phẩm của anh mất.

“Chị đoán đúng rồi, Doris. Tôi đang viết tiểu thuyết.”

“Tôi biết mà! Và cậu làm việc ở nhà?”

Michael gật đầu và Doris hào hứng hơn hẳn. “Tuyệt vời! Toni và tôi cũng làm việc tại gia. Tôi may đồ cho một nhà thiết kế trong vùng. Toni? Cho Mike biết em làm gì đi.”

“Em làm công việc máy tính.”

Toni bước lại gần hơn chút, và Michael thấy tim mình cũng theo đó mà rộn ràng hơn. Vì cô không có vẻ định gọi chuyện, anh đành kiểm lời mà nói.

“Anh e là mình không biết nhiều về máy tính, Toni ạ. Em dùng loại nào?”

Toni cười khi mô tả cái laptop có thêm ổ cứng ngoài, card đồ họa, được kết nối điện toán đám mây và có tính năng bắt sóng wifi. Mike chẳng hiểu cô đang nói gì, nhưng anh nhận thấy cô không hề xấu hổ chút nào khi mô tả thiết bị dùng cho công việc.

Ngay khi Toni ngừng nói, Doris vươn tay ra tóm tay anh. “Được rồi, Mike. Chúng ta bắt đầu tập thôi.”

Rồi khi chưa kịp định thần, Michael đã sóng bước cùng Doris và Toni tới cửa dẫn ra cầu thang bộ.

“Từ đây chúng ta sẽ đi đâu?” Michael đi chậm lại một chút khi họ ra cửa.

“Lên một tầng và tuần tiễu qua hết các căn hộ tầng tư.”

Doris dẫn đường, chạy ngược lên cầu thang để có thể tiếp tục nói chuyện. Toni theo sau, và mắt Michael được chiêu đãi một bữa ra trò khiến anh khó lòng thờ nổi.

“Nếu cậu chưa biết, tòa nhà này có bảy tầng. Chúng ta sẽ bỏ qua tầng một và tầng hai. Một cặp vợ chồng dưới đó có nuôi vài con chó nhỏ, và chúng cứ sủa nặng lên khi có người đi ngang qua. Các hành lang dài hơn 200 m. Ở mỗi tầng chúng ta sẽ lượn một vòng, trở về điểm xuất phát rồi đi

lên tầng kế tiếp. Cậu thở nặng nhọc quá đấy, Mike. Cậu không năng tập luyện à?”

Michael vừa bước vừa làu bàu, và Doris cười khích lệ.

“Đừng lo. Rồi tôi sẽ giúp cậu về dáng ngon nghề thôi. Mà, khi trở lại tầng của cậu, chúng ta đã đi được những hơn 3 km rồi đấy. Tất nhiên đấy là không tính cầu thang. Đấy chỉ là tập thêm thôi.”

“Tuyệt.”

“Tuyệt sao? Hết sảy ấy chứ!” Doris mở cửa và ra hiệu cho anh đi qua. “Chúng ta sẽ đi bộ hàng sáng, bất kể mưa nắng. Và ở đây có hệ thống sưởi vào mùa đông và máy lạnh vào mùa hè. Nhiệt độ trong nhà thường rơi vào tầm 26oC, và chúng ta lại chẳng phải sợ bị nhiễm sương. Đây là chỗ quá tuyệt để chạy bộ, và lại dân nơi này hiếm ai ở nhà sau tầm tám giờ sáng, vậy nên chúng ta không lo làm phiền đến ai. Tôi rất mừng vì cậu chuyển tới, Mike à. Vậy là đã qua cái thời chúng tôi như hai đứa rồ một mình một kiểu rồi.”

Họ giờ đã đi được một vòng qua các căn hộ tầng tư. Khi tới cuối hành lang, một cánh cửa mở và một viên cảnh sát bước ra. Tim Michael nhảy lên tận cổ, và anh quay mặt đi.

“Chào cưng. Chào Toni. Hai em sẵn sàng xuống dưới đồn huấn luyện đám lính của anh không?”

Hai người phụ nữ chuyển sang chạy tại chỗ, và Toni nắm tay Michael, vậy nên anh cũng phải dừng lại. Tay cô mảnh mai nhưng mềm mại. Anh đã quên mất bàn tay phụ nữ là như thế nào rồi.

“Nếu anh chịu trả lương cho tụi em thì OK thôi,” Doris cười và hôn người đàn ông kia. “Hơn nữa, đám cấp dưới của anh béo bệu lắm rồi, họ không theo kịp tụi em đâu.”

“Cô ấy luôn nói thế đấy.” Người đàn ông nháy mắt với Michael. “Cái nắm tay kia có vẻ nghiêm túc đấy, Toni. Em không định giới thiệu anh với bạn em à?”

“À!” Toni đỏ mặt và vội vàng buông tay Michael. Cô có vẻ rất ngượng. “Em chỉ... thôi bỏ qua đi, Harry. Đây là Mike Kruger. Anh ấy mới chuyển

tới phòng 301, và là người Cleveland. Mike, đây là đại úy Harry Evans, chồng chị Doris.”

“Rất vui được gặp cậu, Mike.”

Harry chìa tay ra, và Michael không thể làm gì khác ngoài đưa tay ra bắt. Sẽ hóa ra kì cục nếu anh cúp đuôi chạy mất.

“VẬY nhập hội luôn đi, Harry.” Toni lên tiếng. “Lâu lắm rồi anh không chạy bộ với bọn em.”

Harry thở dài. “Anh biết, nhưng giờ anh không có thời gian. Anh phải đi tới đồn ngay đây. Tối qua có thằng cha nào đấy đã trốn khỏi Oakdale, và có thể hắn đã đến đây.”

Toni tỏ vẻ hiếu kì. “Trông hắn thế nào?”

“Cao chừng Mike và Doris nghĩ hắn giống Robert DeNiro [14] hồi trẻ. Gớm đã, anh có hình hắn này. Họ sẽ cho phát hình hắn lên bản tin tối.”

Harry đưa ảnh cho Toni, và cô chăm chú nhìn. Sau đó cô chuyển cho Michael.

Tay Michael run bần bật khi cầm bức hình. Chắc hẳn Harry đang nói về anh rồi. Nhưng khi nhìn xuống bức hình, anh nhẹ nhõm thở ra một hơi. Đây là bức hình chụp anh từ lâu lắm rồi, hồi anh mới nhập viện. Và anh lúc đó chẳng còn giống tí nào so với anh của sau khi trải qua những ca phẫu thuật thẩm mỹ. Các bác sĩ đã tạo hình lại xương gò má và thay đổi khuôn mặt anh khi làm lại mũi. Michael chưa từng nghĩ có ngày sẽ biết ơn lũ tù nhân đã đâm vào mặt mình, nhưng có lẽ chúng đã giúp anh rồi.

“Cậu đã thấy hắn bao giờ chưa, Mike?”

Harry đợi câu trả lời, và Michael lắc đầu. Anh đã không nhìn thấy khuôn mặt trong bức hình này gần mười năm rồi. Ai đó đã ngủ gật trong ca gác tù, tại bệnh viện khi các ca phẫu thuật được thực hiện, hoặc trong lúc làm việc tại Oakdale rồi. Mọi người đang tìm một Michael Hart ngày xưa, một kẻ không còn tồn tại. Nếu đây là bức duy nhất cảnh sát có, vậy anh có thể xông thẳng vào phân khu lớn nhất Los Angeles cũng chẳng lo có ai nhìn anh tới lần thứ hai.

CHƯƠNG

7

Trận mưa rào và gió rít suốt buổi chiều hôm ấy thật hợp với tâm trạng của Margo Jantzen. Cô chỉ muốn tìm chỗ trú giận. Đã quá sáu giờ, và Lenny cho cô leo cây cả tiếng đồng hồ rồi.

Chuông cửa reo, Margo đứng dậy mở cửa, đôi giày cao gót gỗ cồm cộp trên sàn nhà lát gạch theo nhịp tỏ rõ sự bực bội. Y nên liệu hồn mà nghĩ ra lí do hợp tình hợp lí.

“Sao anh lâu thế? Em đã bảo có chuyện gấp rồi mà.” Hai gò má Margo đỏ lựng khi cô chất vấn ông chủ cũ. Sao y dám đối xử với cô như thế chứ!

“Giờ tôi đến rồi đấy thôi.”

Lenny lách người đi vào và quăng cái áo khoác màu xanh lam sẫm xuống ghế. Margo nhăn nhó khi nhận thấy nó ướt rượt. Nếu thứ đó mà bị thôi màu, cái ghế trắng mới tinh của cô sẽ đi đời nhà ma mất. Cô nhón tay cầm cổ áo và đặt cái áo sang một chỗ đỡ sợ bị hỏng hơn. Với số tiền Lenny kiếm được, y nên dùng đồ hiệu mới phải. Thế mà y cứ thích ăn mặc như dân ăn mày.

“Nào, cô muốn gì?”

Lenny đứng đó gườm gườm nhìn cô, và Margo suýt phì cười. Với bờ vai rộng và giọng nói sang sảng, y thật lạc quẻ trong căn phòng đậm chất nữ tính này. Ấy là một con chó bull trong cửa hàng đồ sứ, như cách mẹ cô thường nói. Nhưng bà cũng thường dặn Margo rằng ruồi chỉ chết vì mật chứ giấm sức mấy hạ được nó.

Margo nhoèn miệng cười khi dẫn Lenny tới ghế và nhét gối vào sau lưng y. “Thứ lỗi cho tính gắt gỏng của em nhé, Gấu Lenny của em. Chắc do em

lo cho anh quá thôi. Giao thông chắc phải kinh khủng lắm khi trời mưa gió thế này.”

“Được rồi, được rồi.” Lenny có vẻ không tin thái độ giả lả của cô, “Thôi trò à ơi và vào thẳng vấn đề đi.”

“Em hơi thiếu tiền, Gấu Lenny à. Anh gửi thêm chút tiền vào tài khoản của em đi chứ.”

Lenny lắc đầu. “Giống cạn rồi, Margo à. Có lẽ cô nên đi kiếm việc mà làm.”

Đây chính là lúc Margo ra đòn. Cô biết mình có thể làm lung lay Lenny khi giả bộ kìm nước mắt. Y rất yếu lòng, dù nổi danh là rắn mặt. Và Margo đã học được cách xoay y trong lòng bàn tay. Cô đã làm việc đó suốt năm năm, kể từ ngày tìm được bằng chứng về nghề tay trái phi pháp của ông chủ cũ.

“Đừng trêu em nữa mà, Gấu Lenny.” Cô bĩu môi và môi dưới hơi run run. “Nếu em chấp nhận một công việc hành chính bình thường, đi làm đủ tám tiếng rồi về, chúng ta đâu thể cùng nhau tận hưởng những buổi chiều tuyệt vời.”

Gương mặt Lenny răn đe. “Những buổi chiều tuyệt vời à? Cô chỉ suốt ngày nhèu nhèo vời tiền. Và cũng thôi ca bài ca cũ về đồng giấy tờ ấy đi; cô nên liệu hồn mà ném chúng đi. Tôi đã tìm ra cách để cắt đuôi cô, và tôi đang làm đây!”

Margo ngược nhìn gương mặt quyết không nhượng bộ của y và thấy hơi chột dạ. Y đang nói gì vậy? Với đồng giấy tờ đó, cô có thể cho ông ta vào tù bóc lịch chứ chẳng đùa!

“Thôi nào, Gấu Lenny. Anh biết em yêu anh mà. Và em sẽ không bao giờ dùng tới đám giấy tờ đó. Em hứa đấy.”

“Chắc rồi. Tin cô thì khác nào tin lợn biết bay. Nhưng hết rồi, cưng. Và cô nên khôn hồn mà đừng làm phiền đến tôi.”

Margo bắt đầu hoảng khi y đứng dậy và mặc áo vào. “Lenny! Em không hiểu!”

“Hãy nghĩ kĩ đi cưng. Và nhớ điều tôi nói này. Những cô gái ngoan, những cô gái thông minh, sẽ không bao giờ bị thương.”

Margo há hốc miệng nhìn cửa đóng sầm lại sau lưng y. Rồi cô vội bật dậy khỏi ghế và chạy ra khóa trái cửa. Trông y vừa rồi dám giết cô lắm. Hẳn ta có chìa khóa phụ không nhỉ? Hẳn đã mua căn hộ này cho cô và cô không ngại đổi ổ khóa. Cô nên gọi thợ khóa tới ngay để làm thêm then chốt chết cửa mới được. Anh ta có thể thay đổi số mệnh của cô chỉ sau vài giờ, nhưng cũng đáng chứ. Có gì đó cực kì nghiêm trọng. Lenny chưa từng hành động thế này.

Sau khi gọi thợ khóa, cô vội vàng vào phòng ngủ và lôi ra một cái hộp vải linen đặt ở giá cao nhất của tủ quần áo. Cảm ơn Chúa, đồng giấy tờ vẫn còn đây! Sao hồi trước cô không nghĩ tới chuyện gửi chúng vào két sắt ngân hàng nhỉ? Ai cũng có thể đột nhập vào nhà cô và trộm chúng đi.

Margo tới cái tủ com-mốt và kéo ngăn kéo trên cùng ra. Có thể cô đang lo lắng thừa, nhưng cũng thấy mừng vì đã mua súng.

Nó đã được nạp đạn và chỉ đợi người sử dụng. Gã bán súng đã dạy cô cách dùng. Cô chỉ cần ấn chốt an toàn, ngắm đúng hướng và bóp cò. Nếu có ai định đột nhập vào nhà cô tối nay, cô sẽ bắn trước rồi hỏi sau.

Lenny về căn hộ của mình rồi lấy một chai bia từ tủ lạnh ra. Y đã mua sẵn cả két. Tối nay Eddie sẽ tới chơi, và họ luôn nốc tới hơn chục chai trong lúc hàn huyên về hồi cả hai mới chân ướt chân ráo khởi nghiệp tại Chicago. Giờ họ đều là những doanh nhân thành đạt ở Nam California. Eddie làm chủ một đại lí lớn chuyên cung cấp đồ thể thao trong thung lũng, còn Lenny làm công việc liên quan tới linh kiện ô tô. Nhưng cả hai đều không thể bỏ được cái chất yêng hùng Chicago trong máu. Cả hai đều đá ngang chút đỉnh.

Margo chết tiệt! Lenny cởi áo và vắt lên ghế. Cô ta quá trớn rồi đấy. Chỉ ít y cũng dọa được cô ả sợ hết hồn và y thấy hả hê lắm. Cô ta không biết y chỉ dọa chơi. Rồi cuối cùng y vẫn phải nôn ra ít tiền thôi.

Y cầm chai bia và bật ti vi xem thời sự. Gã người Mexico đang thông báo tin thời tiết, và có những vòng tròn cùng đường lượn sóng trên bản đồ.

Hắn bảo mai trời sẽ mưa, vậy nên Lenny biết mình khỏi phải mang ô theo làm gì cho nhọc. Đám dự báo thời tiết toàn nói sai bét. Cái đó y dám cá mười ăn một luôn.

Hồi sáng nay khi Lenny lái xe đi làm thì trời mưa ào ào như trút. Ôtô nghiêng ken két và dễ trượt bánh trên xa lộ, thế mà gã dự báo thời tiết trên radio vẫn ngang nhiên nói có mười phần trăm trời đổ mưa bụi. Lenny đáng ra nên gọi tới đài để bảo tên ngốc đó câm miệng và nhìn ra ngoài cửa sổ đi.

Lenny nốc cạn chai bia và vứt vào cái thùng bên cạnh ghế bành. Y muốn ném thẳng nó vào tường, nhưng sau đó y sẽ phải thu dọn mảnh thủy tinh vỡ trước khi Eddie tới. Margo chết tiệt làm y bực bội quá! Hồi mới quen, cô ta cũng dễ thương lắm chứ, nhưng dạo này cô ta hóa ra của nợ thật sự. Nếu cô ả cứ moi tiền thế này thì y chắc phải nai lưng ra làm tới lúc chết quá. Hoặc đến khi cô ta chết. Lenny thở dài sườn sượt. Nếu y mà biết một tay anh chị nào tin tưởng được, y đã sai gã tới dẫn mặt cô ta rồi.

Một bức ảnh xuất hiện trên màn hình, và Lenny nhòai người tới. Trông kẻ kia giống Robert DeNiro đóng phim Bố già, bộ phim y yêu thích. Biên tập viên bảo đấy là Michael Hart, tên tội phạm giết người vừa trốn khỏi Oakdale. Họ nghĩ hắn có thể xuất hiện tại khu vực L.A, và đề nghị mọi người gọi điện báo nếu như thấy hắn. Cái tên Michael Hart nghe quen quen.

Lenny mất chừng hai, ba phút mới nhớ ra. Hồi xử Hart, Margo vẫn còn là thư kí của Lenny, và y đã cho cô nghỉ phép năm tuần để tham gia bồi thẩm đoàn. Ngày ấy Margo chưa có cái thói chỉ muốn ngồi mát ăn bát vàng, và cô ta thực lòng biết ơn khi được sếp mời bia. Sau đó cô ta đã kể cho y nghe về các chứng cứ.

Vụ án rồi như bong bong khi cứ mỗi ngày lại có thêm một tình tiết mới, và họ phải nhìn nhận xem những bằng chứng chống lại gã kia ra sao và vụ án diễn ra thế nào. Lenny nghĩ câu chuyện còn hay hơn phim. Cô vợ có bồ rồi quay ra ruồng rẫy Hart. Họ cãi vã, ầm ĩ tới độ hàng xóm nghe rõ cả. Hart đóng sầm cửa và đi tới quán rượu, uống vài cốc để tăng can đảm. Rồi hắn trở về nhà giết vợ. Pằng! Một phát đạn trúng ngực từ khoảng cách gần.

Luật sư của Hart đã cố thuyết phục bồi thẩm đoàn rằng anh ta không giết hại vợ mình, nhưng họ chẳng tin. Hart không có bằng chứng ngoại phạm, nếu không tính mấy lời vợ vẫn rằng hắn bị mắc chứng hay quên. Hắn còn khá ngốc nữa. Hắn đã lau bóng súng và cò súng trước khi ném hung khí vào thùng rác đằng sau chung cư, nhưng dấu vân tay của hắn thì in rõ mồn một trên khắp ổ đạn.

Lenny hơi hi vọng Hart sẽ được tha bổng. Ngày nào chẳng có cô vợ quen nghĩa tào khang, rồi ngon lành quất ngựa truy phong. Nhưng y không nói thế với Margo. Cô ta lúc đó đang sôi máu vì vụ án. Có lẽ do số là cô vợ đang có bầu. Hễ dính tới trẻ con là phụ nữ liền xù lông lên, dù cho đứa bé có chưa chào đời đi chăng nữa.

Y mong Margo nghe được tin này. Lenny có thể mừng tượng ra cô ta lúc này, đang toát mồ hôi trong căn hộ xa hoa mua bằng tiền mồ hôi nước mắt của y. Kẻ sát nhân cô ta kết tội giờ đang nhớn nhỡ ngoài kia. Liệu Hart có thù bồi thẩm đoàn không nhỉ? Nếu vậy thì Margo gặp rắc rối to rồi. Nếu Hart giết Margo, mọi rắc rối của Lenny sẽ được giải quyết.

Y cần thêm một chai bia nữa. Lenny vào bếp và trở ra với hai chai cùng cái bật nắp. Margo buộc y phải uống. Đó là cách duy nhất để y quên đi cách cô ta đã đối xử với mình. Y đã phạm sai lầm lớn ngay từ đầu, khi đưa cô ta cọc tiền đầu tiên. Đáng ra y nên cười và bảo đấy chỉ là đám giấy vụn mới phải. Vậy cô ta sẽ ném chúng đi, và y sẽ không phải nhảy qua vòng như một con hải cẩu làm xiếc thế này.

Lúc ngồi xuống ghế, Lenny lại nảy ra một suy nghĩ đáng sợ. Hart bị điên. Oakdale là cái trại điên được canh chừng cẩn mật tại Nam California. Gã khốn khổ đó có lẽ đang lang thang ngoài kia dưới mưa, không biết mình đang ở đâu, hay thậm chí bản thân là ai. Chuyện sẽ thế nào nếu Lenny tự tay giết Margo nhỉ? Nếu nghĩ tới tình cảm của y giành cho cô ta lúc này, y sẵn lòng hành động lắm. Tất nhiên, y phải ra tay ngay tối nay, trước khi Hart bị bắt. Khi Margo được phát hiện đã chết ngắc vào sáng hôm sau, mọi người sẽ nghĩ thủ phạm là Hart. Và để người ta tin hơn, Lenny sẽ giết thêm hai bồi thẩm khác, để chữa mũi nghi ngờ về phía Hart.

Đã chín rưỡi, và Michael đang trên giường. Anh đã cố đọc sách một lúc sau khi nói chuyện với Stan xong, nhưng anh lại ngủ gật tới hai lần trước khi bỏ cuộc và tắt đèn. Giờ đi ngủ của anh tại Oakdale là tám giờ, và thực sự khó dứt bỏ được thói quen đó.

Mí mắt Michael bắt đầu giật giật khi đồng tử di chuyển. Anh bắt đầu mơ. Một lúc lâu không có âm thanh nào ngoài tiếng thở hơi hỗn hển của anh. Rồi một tiếng rên bật ra khỏi môi Michael. Chân anh co lại rồi duỗi ra. Anh đang đứng đợi tuyên án. Gương mặt các bồi thẩm to tướng và lạnh tanh, như các chân dung tổng thống tạc trên núi Rushmore. Mắt họ là những viên đá phẳng dẹt, lấp lánh buộc tội anh. Có tội, có tội, có tội. Hết lần này tới lần khác. Sao họ có thể nói thế? Họ sai rồi! Và rồi anh di chuyển, nhảy qua vành móng ngựa, thẳng vào chỗ ngồi của bồi thẩm đoàn, và...

Anh tỉnh giấc. Đúng không nhỉ? Không, giấc mơ vẫn tiếp diễn, và không hiểu thế nào mà các bồi thẩm đều tránh được anh.

Khu bồi thẩm vắng tanh. Anh phải tìm họ, nhưng bằng cách nào đây?

Cuốn danh bạ điện thoại nằm trên bàn. Anh mở ra và lật sang phần J để tìm Jantzen. Trong các bồi thẩm có một cô mang họ Jantzen, giống tên một hãng đồ bơi. Và tên cô ta là... Margo. Đây rồi, ở đường Morningside Drive, Westwood.

Chân anh di chuyển, và anh cảm nhận được. Nhưng mọi chuyện diễn ra rất chậm. Anh cảm thấy không khí lạnh phả vào mặt, và anh ước mình đã khoác thêm áo. Ngay khi nhận ra gió lạnh chỉ là một phần của giấc mơ, anh lại thấy ấm. Anh thật ra đang nằm trên giường trong chăn ấm đệm êm, và mơ một cơn ác mộng thôi mà.

“Nghe được đấy,” Eddie ngả người ra ghế và ợ một hơi. “Tao chưa từng được nghe một kế hoạch giết người nào hoàn hảo đến vậy. Đôi lúc mà nảy ra những ý tưởng đỉnh đấy, Lenny.”

“Ờ.” Lenny thờ dài và mở thêm một chai bia nữa. “Nhưng thế thì ích gì cho tao? Tao không làm được, Eddie ạ. Tao không có máu giết người.”

Eddie cười. “Chắc chắn mà có, Lenny. Những kẻ có máu giết người không hề khác mà hay tao đâu. Mấy tay chuyên nghiệp coi đó là nghiệp

phải làm. Và cũng dễ ấy mà. Đào một cái hố sâu còn khó hơn dùng súng lục khoan lưng sọ người ta nhiều. Nhưng tao có thể hiểu nếu mày không muốn nhúng chàm. Mày muốn tao giúp liên hệ với một gã tao quen không?”

Lenny lưỡng lự, và Eddie biết y đang muốn lắm, nhưng rồi y lắc đầu.

“Thôi, Eddie ạ. Tao không muốn dính vào chuyện này. Nhưng cảm ơn nhé, và... này suýt nữa tao quên mất. Tao có quà cho mày trên bàn đấy. Hai vé xem trận chung kết quyền anh tối mai.”

“Mày đúng là bạn tốt, Lenny ạ.” Eddie cười toe toét và cầm hai tấm vé. Rồi hắn đưa tay tìm ví. “Này, tao nợ mày bao nhiêu ấy nhỉ? Tao nghe nói rằng đừng hòng sờ vào hai cục cứng này nếu không có một trăm đô.”

Lenny gạt đi. “Quên đi, Eddie. Vài người quen nợ tao ân huệ ấy mà. Họ không dám lấy của tao một cắc ấy chứ.”

“Nhưng thế này không được! Năm ngoái mày cho tao vé xem trận Super Bowl [15] và nhất định không chịu để tao trả tiền. Thế mày có muốn vé xem trận đấu quan trọng của đội bóng bầu dục Dodger không, cái trận đã bán hết sạch vé ấy? Mày làm tao thấy mình như đồ bạn đố ấy, Lenny ạ. Tao cứ như đang lợi dụng lòng tốt của mày.”

“Chúng ta là bạn, đúng không? Bạn bè làm nhiều chuyện vì nhau. Mà tao bảo rồi, tao có mất đồng nào đâu.”

Eddie thở dài thườn thượt và nhét ví trở vào túi quần. “Được rồi, Lenny, nếu mày không chịu lấy tiền vậy lúc nào đó hãy để tao giúp mày vậy. Thế là hòa nhé?”

“Ờ. Nhưng tao không nhớ dai đâu, Eddie. Tới giờ thì mày không nợ tao gì đâu đấy.”

Vẻ đăm chiêu xuất hiện trên gương mặt Eddie, nhưng rồi hắn mỉm cười và đột nhiên bật dậy, suýt làm đổ chai bia. “Tao sẽ trở lại ngay thôi, Lenny. Tao chợt nhớ ra phải gọi một cú điện thoại.”

“Dùng điện thoại nhà tao ấy. Tự nhiên đi.”

“Ờ, nghe cũng được, nhưng khốn nỗi tao ghi số điện thoại kia ở nhà mất rồi. Đợi tao trở lại rồi mình cùng xem ti vi nhé? Đây là nếu mà không có kế hoạch gì khác.”

“Chắc rồi, Eddie. Tao bật ti vi luôn đây. Kênh nào?”

Eddie nhún vai. “Tùy, nhưng vì nhà mà laptop truyền hình cáp nên tao rất muốn xem Knick chơi khô máu Boston [16]. Tao có đặt hai khoản cược khá khá vào vụ đó và tao muốn để mắt đến khoản đầu tư của mình.”

Tiếng mưa rơi lộp độp xuống mái nhà, và Margo Jantzen dời mắt từ bộ phim chiếu muộn để nhìn ra ngoài cửa sổ. Trời đang đổ mưa. Những giọt mưa rơi lộp độp xuống cái xe mui trần mới của cô. Cô đã không đánh xe vào ga-ra khi về nhà và nó vẫn còn đậu ở lối lái xe. Thời tiết khá đẹp lúc anh thợ khóa đến và cô ra ngoài hút thuốc. Khi cô trở về thì điện thoại đổ chuông và cô quên khuấy phải đánh xe vào trong.

Margo cầm chìa khóa và chạy vào phòng tắm để tìm một cái khăn to. Rồi cô chạy ra ngoài cửa bếp dẫn ra ga-ra và bật công tắc mở cửa ga-ra. Lớp da bọc ghế đất tiền của cô sẽ hỏng nếu cô không nhanh tay lên!

Ghế tài xế ướt sũng, Margo lồm bồm chửi thề khi ngồi sau vô lăng lái xe vào ga-ra. Sau đó, cô nhấn điều khiển đóng cửa rồi ra ngoài lau ghế. Khăn tắm ướt sũng khi Margo lau xong, cô ném nó vào giỏ đồ giặt đặt trên máy giặt. Cô vừa lách qua tấm chắn bùn để ra cửa bếp, ga-ra bỗng tối sầm.

Margo chửi thề khi cái quần lụa đất tiền vướng vào góc biển số xe và rách toạc. Ga-ra tối như hũ nút và đó là lỗi của cô. Cô quên bật đèn ga-ra khi chạy ra ngoài lấy xe. Hệ thống cửa có tích hợp đèn tự động, nhưng nó được mặc định tắt sau hai phút. Giờ cô phải mò mẫm ra cửa bếp.

Tim Margo đập thành thịch khi vươn tay sờ đuôi xe. Thật kinh khủng khi ở ngoài này, một mình, trong bóng tối. Cô suýt hét lên khi có gì đó lạnh lạnh và nhớp nháp sượt qua tay mình. Mạng nhện. Ngay sáng mai, cô sẽ gọi công ty vệ sinh tới dọn dẹp ga-ra sạch tinh tươm..

Khi mắt bắt đầu quen với bóng tối, Margo có thể thấy chút ánh sáng phía xa. Nó lọt qua khe cửa bếp. Ít ra cô cũng thấy nơi mình nên đến.

Có một cái bóng đen to tướng lù lù ngay trước mắt, và Margo dừng lại. Là gì thế nhỉ? Cô không nhớ có bỏ đồ gì to trong ga-ra. May mà nó không nhúc nhích, nhưng còn lâu cô mới sờ vào nó nếu không biết đó là gì. Margo nín thở khi lách qua cái thứ đó, rồi thở dài nhẹ nhõm. Đó chỉ là cái hộp đựng cái tủ lạnh mới mà thôi. Cô đã bảo người giao hàng để nó vào đây.

Có thêm mấy bóng đen khác, nhưng cô nhận ra chúng. Chiếc xe thể thao được phủ khăn cho khỏi dính bụi. Cô thật sự nên nhờ ai đó lấy nó ra. Cô nên luyện tập cơ đùi chút đỉnh. Và ngay trên cái xe đạp là những túi cành lá thợ làm vườn tích lại làm bối. Chúng khiến ga-ra bốc mùi mốc như một tầng hầm lâu ngày. Cô sẽ gặp anh ta vào thứ Sáu và bảo anh ta chuyển chúng ra hiên.

Cô gần tới nơi thì nghe thấy một tiếng động nhỏ. Gì thế nhỉ? Bọ chằng? Hay cái gì đó to hơn? Nguy hiểm hơn?

Margo sững lại khi chỉ còn cách căn bếp sáng sủa và thoải mái của mình một chút. Có con vật nào chui vào ga-ra nhân lúc cửa mở chằng? Khu này có thú túi đuôi năm, những con vật lông xám xấu xí với đôi mắt nhỏ đen láy và cái đuôi hồng hồng trụ lông. Rồi thì sóc, cùng đủ loại động vật gặm nhấm, nhưng giờ cô không muốn nghĩ tới chuyện đó. Không phải lúc nghĩ đến chuyện đó khi cô đang ở trong bóng tối.

Sợ hãi, Margo cố gắng tập trung để tìm năm đấm cửa. Cô sấp vào được nhà rồi. Chỉ còn vài bước nữa thôi. Giờ cô chỉ cần lần theo tường để ra cửa.

Tay cô nắm được năm đấm và vịn. Được rồi! Đến nơi rồi! Một nụ cười an tâm hiện lên trên gương mặt cô đúng lúc một thứ gì đó nặng và sắc cắm phập vào đỉnh đầu, giết chết cô ngay lập tức.

CHƯƠNG

8

Mười giờ sáng, Toni đang ngồi bên bàn trong bếp nhà Doris. Mùi thơm nước mũi bay ra từ lò nướng. Doris đang nướng bánh.

“Còn bao lâu nữa, chị Doris?”

“Hai phút thôi. Bình tĩnh nào, Toni. Ăn tạm mấy cái bánh kia rồi đợi chị một tí.”

Toni nhón một cái bánh trong lọ và vừa nhai vừa ngẫm nghĩ. “Có lẽ em biết lí do chị không giảm được cân rồi, Doris. Trong mấy cái bánh này chắc phải có đến cả pound ^[17] chocolate ấy.”

“Mười hai ounce thôi chứ mấy. Với lại sáu ao-xơ vụn hạt mắc-ca nữa. Harry thích thứ đấy hơn óc chó. Cộng thêm khoảng chừng nửa pao bơ.”

“Dừng, dừng! Thế nào mà chị không giảm được cân. Có lẽ chị nên thử ăn đồ em nấu xem sao. Đến cháo ăn liền mà em nấu còn chẳng ra hồn nữa.”

Doris thở dài. “Nghe này, Toni. Ai cũng nấu ăn được hết. Em thông minh và em cứ làm theo đúng hướng dẫn là ổn hết. Chỉ là em không muốn thôi.”

“Có phải em không muốn đâu! Em đã thử công thức bánh-quy-làm-kiểu-gì-cũng-ngon của chị, thế mà sản phẩm em làm phải cứng ngang mấy cái chặn giấy đấy!”

Lò nướng kêu tinh-toong và Doris ném cho Toni một đôi găng tay nhà bếp. “Lấy ra hộ chị nhé?”

“Vâng.” Toni đứng lên và lấy khay bánh cuộn vị quế khỏi lò. “Em đặt ở đâu đây?”

Doris chỉ cái giá để lạnh trên quầy bếp. “Em thấy cái đĩa đó chứ? Em bỏ sáu cái lên đó, rồi phủ giấy bạc lên. Giấy ở ngăn kéo thứ ba bên phải bồn rửa ấy.”

Toni làm y theo lời Doris. “Giờ thì gì nữa?”

“Em mang chúng sang nhà Mike, rồi bảo mình vừa nướng xong và muốn mời cậu ấy thưởng thức.”

“Nhưng anh ấy sẽ nghĩ là em nướng mất!”

Doris cười. “Chị đang muốn thế mà. Nhưng nhớ này, Toni, em không hề nói dối. Em có lấy bánh ra khỏi lò cơ mà. Cậu ấy sẽ mời em uống cà phê, và em đồng ý. Rồi sau khi nói chuyện xã giao xong, em hãy về đây kể cho chị nghe xem cậu ấy nói gì nhé. Đây là bước một.”

Toni nhú mày. “Thế còn bước hai?”

“Chị sẽ nói sau. Giờ thì đi trước khi bánh nguội nào.”

“Chị có chắc là con đường tới trái tim người đàn ông là đi qua cái dạ dày không?”

“Chị chắc.”

Toni nuốt nước bọt và cầm đĩa bánh cuộn lên. “Được, em nghe chị. Nhưng em nói trước nhé, Doris... nếu vụ này đổ bể, em sẽ cho Harry biết chị chi bao nhiêu tiền mua quà sinh nhật anh ấy đấy.”

Michael rên rỉ khi bước ra khỏi dòng nước chảy từ vòi hoa sen. Anh vịn nước nóng trong mức chịu được, nhưng vẫn chẳng ăn thua. Cơ bắp trên người anh đau ê ẩm. Đây là lần tắm thứ hai của anh trong buổi sáng ngày hôm nay rồi. Lần đầu tiên là sau khi bò khỏi giường lúc tám giờ, cà nhắc bước vào nhà tắm để cố sửa sang cho ra hồn trước khi gặp Toni và Doris để chạy buổi sáng.

Hôm qua phải cố theo kịp hai quý cô kia đã khiến anh mệt bỏ hơi tai, nhưng sáng hôm nay thì anh đau phát điên lên được. Chắc cơ thể này yếu hơn anh tưởng nhiều. Nhưng đau đớn chẳng là gì khi so sánh với mất tự trọng. Doris đã nhận thấy vẻ nhăn nhó của anh và đề nghị họ thôi không đi thang bộ mà chuyển sang thang máy.

Anh dừng lại hắt hơi hai lần trong lúc mặc đồ. Không hiểu thế nào mà anh lại bị cảm. Mà kể cũng chẳng lạ. Giờ ngấm lại, anh đã sống trong môi trường vô trùng suốt mười năm cơ mà; anh không hề tiếp xúc với đám vi

trùng, virus bên ngoài cánh cửa khóa im im của Oakdale. Chắc anh phải làm quen với toàn bộ đám vi trùng trong thành phố trước khi hệ miễn dịch làm việc tốt trở lại.

Suy nghĩ đó chẳng vui về gì và Michael nhú mào vào bếp làm chút đồ ăn sáng. Anh đang đọc hướng dẫn trên hộp cháo ngũ cốc trộn kem ăn liền mà nghe chẳng có vẻ gì là ăn liền được cả thì chuông cửa kêu.

Anh nên ra mở cửa không nhỉ? Michael lưỡng lự, tay đặt trên nắm cửa. Không thể là nhân viên tiếp thị được. Cửa chính của chung cư bị khóa và đám tiếp thị không được vào. Và chắn chắn đấy không phải Stan. Khi nói chuyện điện thoại tối qua, Stan lại nhấn mạnh thêm rằng hai người sẽ không gặp mặt cho tới khi mọi chuyện lắng xuống. Vậy ngoài kia chỉ có thể là Doris hoặc Toni thôi. Họ là những người quen duy nhất của anh trong chung cư này.

“Đợi một chút,” Michael rút chốt và định mở cửa, nhưng rồi dừng lại khi nhớ ra mình còn biết một người nữa. Đại úy Harry Evans. Nếu có người đem ảnh mới đến, một tấm được chụp sau ngày anh trải qua các ca phẫu thuật thì sao?

“Ai đó?” Michael thấy mình thật ngu ngốc khi hét qua cửa, nhưng anh có thể làm gì khác đây? Thật ra anh có thể cứ thế mở toang cửa ra. Anh vốn không có đường thoát cơ mà. Nếu chồng Doris tới bắt anh, vậy anh chẳng còn lựa chọn nào ngoài lẳng lặng đi cùng.

“Là em, Toni! Nếu anh bận thì em quay lại sau vậy.”

Michael mở cửa và tươi cười với cô. Giờ chắc Toni nghĩ anh bị điên rồi. “Xin lỗi nhé, Toni, vào đi. Anh... ờ... anh muốn biết chắc xem ai gọi cửa đó mà.”

Toni mỉm cười, nhưng có vẻ căng thẳng khi đưa anh cái đĩa bọc trong giấy bạc. “Sao anh không nhìn qua mắt thần?”

Michael thấy mình như thằng ngố khi đến giờ mới để ý tới thứ của nợ kia. Cửa ở Oakdale không có cái đó, chỉ có chấn song lắp cùng lưới để y tá có thể theo dõi bệnh nhân mà thôi. Anh đã quên mất trên đời có thứ được gọi là mắt thần.

“Nói thật nhé, anh quên mất là có nó đấy. Cửa nhà anh ở hồi trước không có cái đó. Vào đi, Toni. Anh không cần đâu mà sợ.”

Toni bước vào và vui vẻ ngồi xuống tay ghế bành. “Đây là bánh quế em vừa lấy từ lò nướng ra. Em nghĩ chúng có thể giúp anh tạm quên đi chứng đau cơ. Anh chưa ăn sáng, nhỉ?”

“Chưa.” Michael lật giấy bạc và hít một hơi sâu. Chúng thơm quá. Toni ngồi đó chờ đợi và anh đột nhiên nhớ ra phép lịch sự.

“Sao em không ăn cùng nhỉ? Để anh pha cà phê, nhưng anh chỉ có cà phê gói thôi nhé.”

“Loại tách caffein à?”

“Không, anh chỉ có loại thường thôi.”

“Vâng ạ,” Toni thở dài. “Em thích cà phê có caffein.”

Michael biết mình đang để lộ vẻ ngạc nhiên. “Nhưng Toni này, anh tưởng em giữ dáng ghê lắm nên mới chăm chỉ đi bộ và tập luyện thể thao chứ.”

“À vâng,” Toni gật đầu. “Nhưng em không định kiêng khem quá đáng. Em đi bộ vì em ngồi làm việc cả ngày và đây là bài tập duy nhất em thực hiện được. Còn lại thì em chắc chắn không thuộc tí người chăm chỉ chỉ dùng đồ ăn thực dưỡng, giàu chất xơ và không tinh bột đâu. Em rất thích những món có kem, bơ và đường.”

“Thế em không để ý khẩu phần ăn sao? Rồi chuyện phải ăn gì, loại gì nữa?”

“Trời ơi, không! Em thích gì thì ăn nấy, lúc nào hứng thì ăn. Còn nếu quần áo mà chật quá, em sẽ ăn ít đi trong độ hai tuần là được. Em biết người ta bảo ta có thể sống lâu thêm mười năm nếu chịu khó chú ý đến chế độ ăn, nhưng họ không nói đó là mười năm cuối đời. Em không chắc mình muốn sống lay lắt làm khổ con khổ cháu.”

“Anh hiểu ý em rồi.” Michael cố không cười và gật đầu. “Có lẽ những đồ ăn tự nhiên không tốt cho em. Mà gì thì gì, người ta vẫn chết vì các lí do tự nhiên cơ mà.”

Toni chớp mắt rồi cười lớn, một tiếng cười giòn tan, làm cả cơ thể cô rung lên, khiến Michael thấy mình vừa nói một câu quá đượ. Cô ấy bắt đầu thoả mái khi ở gần anh, và như thế thật tốt.

“Cho em dùng điện thoại của anh một chút nhé, Mike? Tối qua em vừa làm xong báo cáo, và giờ muốn báo cho khách hàng biết ấy mà.”

“Được. Ở ngay cạnh ghế bành, gần cuốn sách kia kìa. Để anh đi pha cà phê.”

Vẻ ngạc nhiên thoáng qua gương mặt Michael khi anh nhìn thấy cuốn danh bạ. Nó được mở, đặt ngay trên bàn uống nước. Lạ thật. Anh có gọi cho ai đâu. Anh vừa nhú mày vừa vào bếp. Có gì đó liên quan tới cơn ác mộng bỗng khác lạ đêm qua. Chỗ ngồi của bồi thẩm đoàn trống không nên anh tìm tên một bồi thẩm trong danh bạ. Anh có làm vậy thật không nhỉ? Rời giường và mở danh bạ ấy? Chắc là có rồi.

Còn một chuyện khác nữa. Trời mưa và anh quên mang áo khoác. Anh đã thật sự ra ngoài giữa lúc mưa gió đó à? Anh không chắc.

Michael thở dài và rót nước vào hai cốc. Chắc chẳng sao đâu. Đó cũng chỉ là một giấc mơ thôi mà. Nhưng anh vẫn nhú mày khi đặt hai cốc vào lò vi sóng rồi nhìn chúng di chuyển vòng vòng trên khay. Đợi Toni về, anh sẽ kiểm tra quần áo trong tủ xem có đồ ướt không. Cảm giác mưa lạnh tạt vào mặt rất thật. Anh rất hi vọng là mình không mộng du thêm lần nữa.

Lenny đóng cửa văn phòng chật hẹp và rót cho mình một cốc cà phê. Mười giờ. Đã đến lúc ăn bữa phụ buổi sáng.

Mấy thằng cha ngoài kia có thể phục vụ khách hàng ngon lành trong lúc y đọc báo sáng.

Lại có vấn đề với dân Ả-rập. Và Israel nữa. Tệ là chúng ta không có tổng thống nào rắn mặt dám thẳng tay với chúng. Nếu JFK [18] còn sống, ông ấy chắc dám. Lenny chỉ nhớ có duy nhất ông ấy là tổng thống không ngán một ai.

Lenny chớp mắt mấy cái khi nghĩ tới Kennedy. Ấy là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng y khóc. Bao năm đã qua mà y vẫn nhớ rõ mồn một

mình đã ở đâu và đang làm gì khi nghe được tin đó.

Hồi ấy y mới năm tuổi, đang ngồi trên xe tải của bố. Bố y lúc đó làm nghề lái xe, chở hàng hóa từ Miami tới Chicago. Sếp bảo bố y đi thẳng một lèo, vậy nên họ đi trên đường suốt đêm với tiếng đài radio bầu bạn. Họ vừa đi đến một đoạn vắng trên đường cao tốc ngay ngoài Atlanta thì nghe được tin tổng thống qua đời. Bố Lenny đã dừng xe bên vệ đường và khóc nức nở như một đứa trẻ và Lenny cũng khóc. Y không rõ có chuyện gì, nhưng y không thích thấy bố khóc. Bố y là người cứng rắn, luôn biết cách tránh khỏi rắc rối, vậy mà sáng đó ông ấy còn chẳng thêm lo sợ lũ cớm Georgia có thể dừng lại hỏi xem có chuyện gì và khám xe.

Lenny thờ dài khi lật sang mục thể thao và xem tỉ số. Y nhắm tính xem mình thắng thua bao nhiêu rồi nhún vai. Y huề vốn và thấy vậy còn hơn là thua. Y không cá độ nhiều lắm, chưa bao giờ vượt quá mức hầu bao cho phép. Y chỉ cá cược để xem trận đấu cho đã hơn thôi. Đó cũng giống như ra trường đua và cược tiền vào một con ngựa chỉ vì ta thích màu áo người điều khiển con ngựa đó. Lần này ta thắng, lúc khác lại thua, nhưng rồi cuối cùng cũng huề vốn cả thôi.

Tiếp đến là trang truyện tranh, nhưng hôm nay không được hài hước lắm. Lenny đọc tất cả nhưng chẳng thấy có gì làm y bật cười khoái trá. Truyện tranh hồi xưa hay hơn nhiều. Y đảm bảo luôn. Kiểu đứng đường hướng chính trị đã làm hỏng hết khiếu hài hước của con người ta rồi.

Y lật sang mục cáo phó và đọc kĩ. Sau đó y thờ dài nhẹ nhõm. Không có tên người quen của y trong này. Vậy là tốt. Và hầu hết người quá cố, trừ thẳng oắt điều khiển xe mô tô chắc trong lúc phê thuốc hay gì đó, đều lớn tuổi hơn y. Điều đó làm Lenny thấy thoải mái.

Liếc qua mục dự báo thời tiết nữa là y sẽ bỏ báo sang bên. Dự báo thời tiết trên báo chí thường trật lất. Lenny còn chẳng hiểu vì sao mình lại rời hơi đi đọc nữa. Lenny vút tờ báo lên bàn và định đứng dậy làm việc thì một bài báo ở mục Tin địa phương lọt vào tầm mắt y. Một người phụ nữ bị sát hại hồi đêm qua tại Westwood. Đó là nơi Margo sống. Thật tệ khi đó không phải là cô ta.

Lenny há hốc miệng khi đọc đến tên nạn nhân. Là Margo! Chữ to chình ình kia kìa, không thể nhầm được. Margo Jantzen sống ở đường Morningside Drive. Và đêm qua y vừa tính tới chuyện giết cô ả. Và giờ y mừng hóm vì đã không kể với ai ngoài Eddie!

Mất một lúc Lenny mới thấm chuyện và bắt đầu toát mồ hôi. Y đã vẽ ra toàn bộ kế hoạch, còn Eddie bảo có quen biết một kẻ hợp với công việc đó. Và khi Lenny đưa vé, Eddie đã hứa sẽ giúp y một chuyện. Họ đang ngồi nói chuyện thì Eddie bật dậy đi gọi điện thoại, nhưng không muốn dùng máy của Lenny. Chẳng cần mất nhiều công suy nghĩ cũng hiểu ra. Cái thằng cha ngu ngốc đó đã tiễn Margo đi châu ông bà ông vải rồi!

Michael mở cửa căn hộ và đi vào. Tim anh đập thình thịch dù anh khá chắc sẽ chẳng ai thấy anh vừa chạy ù ra ngoài lấy tờ báo từ quầy cung cấp báo trước chung cư.

Trên trang nhất có ghi số điện thoại phòng ai đó muốn đặt báo. Michael nhấn số và thu xếp để người ta giao báo tới căn hộ của Mike Kruger mỗi sáng. Dù Stan đã bảo Michael cứ việc hỏi nếu cần gì, nhưng anh chẳng thấy có gì không tốt nếu tự mình làm chút việc. Sau đó anh cúp máy và nhìn tờ báo hôm nay, hơi hơi sợ nên không muốn mở ra xem tin tức đăng trên đó.

Sau khi Toni ra về, anh tìm thấy một cái quần bò và áo sơ mi ướt trong tủ. Rõ ràng anh lại mộng du và đi ra ngoài mưa hồi đêm qua, đúng như anh lo sợ. Giờ anh muốn tìm hiểu xem mình đã đi đâu và làm gì.

Tay Michael run run lật trang báo. Tin tức thế giới cứ để đó đọc sau cũng được, mục thể thao và kinh tế cũng thế. Nếu anh thực sự làm điều anh đang sợ, vậy nó sẽ nằm trong mục Tin địa phương.

Có tin về một người phụ nữ bị sát hại tại Westwood, và Michael rùng mình. Khi đọc đến tên nạn nhân, mặt anh trắng bệch.

Cuốn danh bạ vẫn mở trên bàn uống nước, và Michael buộc mình phải xem đến nó. Cái tên Margo Jantzen cùng địa chỉ ở ngay giữa trang.

Anh có cảm giác như ác mộng lại bắt đầu, chỉ có điều lần này là ngoài đời thật. Michael ngồi phịch xuống ghế và hai tay ôm đầu. Bác sĩ tâm thần đã bảo rằng ác mộng của anh sinh ra từ lòng căm phẫn bởi thẩm đoàn đã

kết án anh. Nghe thật nực cười, nhưng anh vẫn hứa với bác sĩ sẽ suy ngẫm xem sao.

Trong buổi điều trị tiếp theo, Michael đã bảo bác sĩ tâm thần kia rằng ông ta sai rồi. Anh không hề ghét bồi thẩm đoàn. Đúng là họ đã sai, nhưng con người không ai có thể nắm tay đến tối gói đầu đến sáng và ta không thể trách vì họ vô tình mắc lỗi. Dù gì thì cũng có quá nhiều bằng chứng chống lại anh mà.

Bác sĩ tâm thần đã ừ hử mấy câu kiểu như, “Hiểu rồi,” hoặc “Ờ,” và Michael tiếp tục phân trần. Đúng là anh đã quát tháo Carole và bảo với nhân viên pha chế quán Barney’s Beanery rằng cô sẽ phải hối tiếc vì dám bỏ anh.

Tất nhiên anh không có ý sẽ về nhà giết vợ, nhưng làm sao bồi thẩm đoàn biết được chuyện đấy chứ? Còn khẩu súng, khẩu súng đầy dấu vân tay của Michael trong ổ đạn, nằm trong thùng rác ngoài chung cư anh sống. Không phải chính bác sĩ cũng đồng ý là những bằng chứng đó rất chắc chắn là gì? Và tệ hơn nữa là anh không hề có chứng cứ ngoại phạm. Anh đến giờ vẫn chưa nhớ ra mình đã đi đâu sau khi rời quán. Anh chỉ biết mình không giết Carole, nhưng nhìn qua thì ai cũng nghĩ thế? Anh bị kết tội không phải lỗi của bồi thẩm đoàn. Họ cũng có lí khi đi đến kết luận đó cho dù thật ra nó sai đi chẳng nữa.

Bác sĩ tâm thần mỉm cười và gật đầu. Họ luôn làm vậy mỗi khi định đánh tan sĩ khí của ta. Và sau đó ông ta hỏi một câu. Vậy giấc mơ đó là gì nếu không phải bằng chứng rõ ràng cho thấy sự thù địch của Michael với bồi thẩm đoàn?

Michael thờ dãi và xụi lơ. Tranh cãi chẳng ích gì. Nhưng anh vẫn không tin. Anh không hề tin, cho tới giờ phút này.

“Không thể tin nổi!” Doris rót cho Toni thêm cốc cà phê nữa. “Em ăn hết ba cái bánh quế trong vòng chưa đầy năm phút. Em không để dành cái nào cho Mike à?”

Toni lắc đầu. “Mike có ăn mà. Em căng thẳng quá thôi.”

“Em căng thẳng quá nên cứ thế xơi tì tì hả? Chuyện nghiêm trọng rồi đây, Toni. Chị nghĩ em yêu rồi đấy.”

“Thật sao?” Toni nhướn mày. “Em chẳng biết gì về tình yêu, nhưng em có thích anh ấy, Doris à. Anh ấy vui tính lắm. Em đã kể cho chị nghe anh ấy nói sao về thực phẩm tự nhiên chưa?”

Doris gật đầu. “Em cũng bảo với chị anh chàng thích màu xanh dương, thích các bộ phim cũ, thích vở nhạc kịch West Side Story và thích đọc Shakespeare. Chị nghe cứ như em đang đọc các gạch đầu dòng trong sổ lưu bút. Cậu ấy có nói gì về mình không? Hay mời em đi chơi chẳng hạn?”

“Không. Nhưng anh ấy có vẻ vui khi thấy em. Và anh ấy mời em vào nhà ngay.”

“Ồ, thế là cậu ấy cũng thích em.” Doris thở dài. “Em có mặc cái váy hai dây màu vàng đáng yêu của em không?”

Toni đặt cái bánh xuống. “Em xin lỗi, Doris. Em biết em quên làm gì đó mà.”

“Em mặc thế này à?” Doris chỉ vào bộ quần áo Toni đang mặc trên người, quần bò và áo phông, rồi lau bàu khi Toni gật đầu. “Thế nào. Chị nghĩ giờ đúng là lúc nên tiến hành bước hai, nếu em còn nhớ số điện thoại của anh chàng.”

“Em nhớ chứ. Em dùng điện thoại của anh ấy và ghi nhớ số rồi. Thế bước hai là gì?”

“Ăn tối tại nhà em. Giãm bông ướp mật ong, khoai lang và món rau chân vịt rán phồng. Sau đó tráng miệng bằng bánh trứng đường vị chanh. Anh chàng không cưỡng nổi đâu.”

“Nghe tuyệt lắm, Doris.” Toni thở dài. “Nhưng Doris à, chị biết em không nấu được mà.”

“Em không phải nấu. Chị sẽ nấu rồi mang sang cho. Em chỉ cần trang điểm cho xinh đẹp và ngồi nghe cậu ấy khen ngợi thôi.”

“Nhưng vậy là lừa người ta đó, Doris. Và em chưa từng lừa dối ai!”

“Cũng không hẳn là lừa dối nếu em sang đây phụ chị một tay. Giờ đi gọi điện mời cậu ấy qua ăn tối đi. Và về nhà cầm tạp dề sang đây. Chúng ta còn phải nấu nướng đấy.”

Mãi một hồi lâu Michael mới nhúc nhích. Điện thoại đã đổ chuông hai lần, mỗi lần mười tiếng, nhưng anh không có đủ can đảm để nghe điện. Giờ nó lại đổ chuông và anh đã dồn hết dũng khí để nhắc máy. Có lẽ là Stan gọi đến bảo anh trở về Oakdale vì anh ấy đã đọc được tin kia và thấy rằng Michael nên bị nhốt lại thì tốt hơn.

“Mikey? Stan đây. Anh rất mừng vì tóm được chú.”

Michael quá căng thẳng nên suýt bật cười. Sao Stan lại không tóm được anh chứ? Anh phải ở đây, đằng sau cánh cửa khóa trái cơ mà.

“Chú vừa ở đâu vậy, Mike? Anh đã gọi hai cuộc mà chú không nghe. Chú ngủ à?”

“Không.” Michael nghĩ nhanh. “Nhưng em tắm lâu, Stan ạ. Chắc đúng lúc đó anh gọi. Dây điện thoại không kéo được vào tới nhà tắm.”

“Ừ, thôi bỏ đi, Mikey. Thường anh sẽ không gọi giữa ban ngày ban mặt, nhưng anh muốn thông báo trước khi chú thấy tin tức trên ti vi. Một bồi thẩm trong phiên xử của chú năm nào vừa bị giết tối qua. Tên cô ta là Margo Jantzen.

Nhưng cảnh sát không nghi ngờ chú, vậy nên cứ thư giãn đi. Không việc gì phải hoảng.”

“Họ... họ không nghi ngờ em?”

“Không. Có hai chuyện xảy ra, Mike ạ. Toàn chuyện tốt cho chú cả đấy. Có hai y tá Oakdale thề đã thấy chú tại sân bay Oakland hồi tối qua.”

“Thế à?”

“Ừ. Tất nhiên cả anh và chú đều biết họ làm to, nhưng chỉ có chúng ta biết với nhau thôi.”

“Em có người giả dạng à?”

“Rõ rồi. Đại lí bán vé nhớ đã bán cho chú tấm vé một chiều đi New York và cảnh sát California đã ngừng tìm kiếm. Đó không phải tin tốt sao?”

Michael nuốt nước bọt. “Vâng, vâng, tin rất tốt ấy chứ. Vậy em được gặp anh rồi chứ?”

“Chưa, Mike ạ. Họ vẫn nghĩ chú sẽ liên lạc với anh, vậy nên chúng ta cứ ém lại một thời gian cho chắc đã.”

“Anh nói gì thì em nghe nấy, Stan. Anh bảo có hai tin tốt cơ mà?”

“Ờ, Michael. Người quen của anh ở đồn cảnh sát bảo có một tình tiết quan trọng trong vụ án mạng của Jantzen. Cô ấy là bồi thẩm, nhớ không?”

“Có, em nhớ.”

“Ờ, họ tìm thấy bằng chứng cho thấy cô ấy tổng tiền sếp cũ. Họ đang tập trung điều tra theo hướng ấy, để loại trừ những khả năng khác. Họ còn chưa biết cô ấy là bồi thẩm trong phiên xử chú cơ.”

“Thật tuyệt, Stan. Cảm ơn anh đã báo cho em nhé.”

“Sao thế, Mikey? Chú có vẻ lo lắng thì phải. Chú ổn đấy chứ?”

“Vâng, em ổn, Stan ạ. Chỉ là...” Michael dừng một chút. Anh có nên kể cho Stan nghe về vụ mộng du không?

“Thôi nào, Mikey. Kể đi. Gì thì anh cũng lo liệu được hết.”

Michael hít thật sâu. “Em nghĩ hình như em bị mộng du, Stan ạ.”

“Thế thôi à?” Stan tặc lưỡi. “Nghe này, Mike. Đừng lo. Ngay sau khi chúng ta chuyển vào ở cùng dì Alice, chú mộng du suốt. Dì lo chú sẽ làm mình bị thương, nhưng chẳng bao giờ xảy ra chuyện ấy. Và chuyện đó ngừng sau hai tháng, khi chú đã quen với nơi ở mới.”

Michael cố nhớ lại vài tháng đầu tiên ở nhà dì Alice, nhưng kí ức quá mờ nhạt. “Hình như em không nhớ, Stan ạ.”

“Tất nhiên chú không nhớ rồi. Chú chưa đầy ba tuổi mà. Mà thôi, đừng lấy chuyện đó làm phiền. Chỉ là phản ứng với môi trường mới ấy mà. Cứ làm một li brandy hoặc gì đó trước khi đi ngủ và chú sẽ ngủ ngon như cún luôn ấy mà.”

“Anh không nghĩ chứng bệnh đó nguy hiểm à?”

“Chắc chắn là không. Nếu hai tuần nữa mà chú vẫn còn mộng du, chúng ta sẽ tính tiếp. Được chưa?”

“Được, Stan.”

“Anh cúp máy đây, Mikey. Anh đang cầm một ca táp đầy giấy tờ nhằm đệ đơn kháng cáo cho chú. Anh sẽ nói chuyện với chú lúc chín giờ tối nay nhé?”

“Vâng.”

Michael vừa cúp máy thì điện thoại lại đổ chuông. Stan gọi lại bảo rằng anh ấy đã đổi ý rồi chẳng? Rằng anh ấy thấy mộng du dù sao cũng nguy hiểm, và Michael nên trở lại Oakdale ư? Anh run run nhắc ống nghe.

“A lô, là em, Toni đây. Em gọi mời anh sang nhà ăn tối.”

Michael rất ngạc nhiên khi người ở đầu dây bên kia không phải Stan và đầu óc anh đờ ra. Cuối cùng, anh cũng bật được ra câu trả lời. “Cảm ơn nhé, Toni. Anh muốn lắm, nhưng...” Đầu óc anh nghĩ rất lung, cố tìm ra lời cáo lỗi. “Công việc của anh đang có chút trục trặc.”

“Ý anh là bản thảo của anh hả?”

“Ừ,” Michael đáp, nhớ ra đã bảo với Toni và Doris rằng mình là nhà văn. “Là về nhân vật chính của anh. Anh đang thấy bị sao sao ấy.”

“Thế chán quá, Mike à.” Giọng Toni rất cảm thông. “Có lẽ anh cần thư giãn và rời xa nó một lát. Mà dù gì thì anh cũng phải ăn tối và ở chỗ em cũng tốt mà.”

Michael nhoen miệng cười. Đúng là anh cần thư giãn và tránh xa nó, nhưng Toni không biết nó là nỗi căng thẳng của anh về chứng mộng du. Nhưng nói chuyện với Toni có vẻ làm anh thấy khá hơn. Và quả thật anh cũng cần ăn tối. “Em nói đúng, Toni. Anh sẽ sang nếu em thấy anh không thất thố quá.”

“Thất thố à? Đừng ngốc thế. Chúng ta sẽ ăn giăm bông, khoai lang, và bánh phồng rau chân vịt. Cùng cà phê và bánh trứng đường vị chanh để tráng miệng. Chúng ta sẽ ăn lúc sáu giờ, nếu anh thấy được.”

Michael tưới nước miếng khi chấp nhận lời mời của cô và cúp máy. Nếu bánh quế chỉ ra được gì thì đó là Toni nấu ăn cực giỏi, và anh đã không ăn đồ nhà nấu suốt hơn mười năm nay rồi.

Chỉ nghĩ về bữa ăn Toni lên thực đơn đã làm bụng anh cồn cào. Michael tìm được một hộp bánh quy trong tủ và ăn tạm ít bánh phô mai Brie và bánh quy. Ăn xong, anh thấy khá hơn hẳn. Stan không hề lo chút nào về chứng mộng du của anh. Và Stan thường đúng. Anh sẽ gạt nó sang một bên để thử nhìn sự thể theo hướng tích cực.

Michael ngồi xuống ghế và ngẫm nghĩ lại một lượt. Cuốn danh bạ mở ở trang có tên Margo Jantzen. Anh ra ngoài trong lúc trời mưa tối qua. Sự việc đúng là như thế, nhưng không thể khẳng định anh đã giết người được. Anh chưa từng gây chuyện tà đình gì khi mộng du hồi bé và anh đã kiểm tra cẩn thận đồng quần áo ướt và chẳng thấy có vết máu nào. Có thể, hoặc rất có khả năng anh đã đi bộ qua vài dãy nhà trong mưa và rồi quay lại và lên giường ngủ tiếp.

Liếc nhìn đồng hồ, Michael đứng dậy. Anh phải nhanh lên. Đã năm rưỡi và Toni hẹn anh sang lúc sáu giờ. Anh thấy nhẹ cả người, anh ngâm nga điệp khúc một bài hát cũ của Beatles trong lúc mặc quần vải màu nâu, áo len màu rượu chát và đi một đôi giày da nâu. Nhìn cũng ra dáng phết, dù anh không biết một đạo này thế nào. Anh định bụng sẽ kiểm tra mục quảng cáo trên báo xem đạo này cánh đàn ông ăn mặc ra sao.

Michael định ra cửa thì nhớ lại những bữa tiệc tối từng tham dự cùng Carole. Mọi người đều mang quà cho chủ nhà. Cũng không cần quá cầu kì. Ta chỉ cần đem theo một túi kẹo, một bó hoa hay một chai rượu là được. Gì cũng được, miễn là không đến tay không. Anh không thể ra ngoài mua kẹo hay hoa, nhưng chắc trong nhà có rượu. Anh chỉ cần tìm ra chúng thôi.

Có mấy chai vang trắng trong tủ lạnh, nhưng Toni lại chuẩn bị giảm bông. Hình như nếu ăn thịt thì phải uống vang đỏ thì phải. Stan đã mua vang trắng, vậy chắc anh ấy cũng mua luôn vang đỏ. Nhưng anh ấy để ở đâu mới được chứ?

Sau năm phút tìm kiếm, Michael đã định bỏ cuộc thì nhớ ra lời khuyên của Stan rằng hãy uống brandy trước khi đi ngủ. Nếu anh có brandy, vậy phải có tủ rượu. Nó nằm sau cánh cửa kính màu anh thấy trong phòng khách chẳng?

Michael vội vàng vào phòng khách, mở cửa tủ, và mỉm cười khi thấy vodka, gin, brandy, Scotch và mọi loại rượu anh có thể nghĩ ra. Và có mười hai chai gì đó có tên Lafite Rothschild [19]. Anh cầm một chai rồi tiến ra cửa. Anh mù tịt về rượu. Anh luôn uống bia vì anh chỉ đủ tiền mua thứ đó. Anh phải tin vào gu thưởng thức rượu của Stan để làm vừa lòng Toni thôi.

Neal Wallace vừa nhăn nhó vừa mở khóa hòm thư và kéo cái cửa kim loại. Cái bản lề gỉ sét lại bị kẹt. Anh lấy thư thế nào được khi cánh cửa chết tiệt này không chịu mở đây? Có ai đó phải lôi Hennessy ra khỏi căn biệt thự bên bãi biển Malibu và ép ông ta vào ở trong khu chung cư xập xệ của chính ông ta mới được. Rồi mọi thứ sẽ được sửa chữa ngon nghề nhanh như chớp cho coi! Hai năm trước từng có vị thẩm phán nào đó xử một chủ cho thuê phải chuyển tới ở sáu tuần trong chính khu ổ chuột đó của ông ta. Neal đã đọc vụ đó trên báo. Nếu anh mà nhớ ra tên ông thẩm phán kia, anh sẽ trình đơn kiện Hennessy ngay.

Có rất nhiều điểm bất cập ở chung cư của Hennessy. Đường ống rò rỉ, toilet lúc xả được lúc không, còn tường thì tróc mất mấy mảng vữa. Nơi này rõ ràng sắp sửa đến nơi, ấy vậy mà Hennessy chẳng chịu trùng tu. Trừ khi ông ta thấy sắp bị luật pháp sờ đến, còn không thì đừng hòng nhé. Khi Neal phàn nàn về toilet nhà mình, Hennessy bảo một là anh tự mình sửa lấy, không thì chuyển đi. Có ối người xếp hàng đợi anh chuyển đi để họ chuyển vào kia kìa. Cánh họa sĩ sẵn sàng chấp nhận mọi bất tiện, chỉ miễn sao có được một căn hộ rộng rãi sáng sủa. Không dễ kiếm một chỗ làm việc có không gian tốt như thế..

Mặt Neal sẫm sì như mây đen khi đánh vật với cửa hộc thư. Sáng nay bắt đầu rất tệ. Tối hôm trước anh tham gia một bữa tiệc tối muộn của một người bạn sắp rời thành phố và đã ăn no uống say. Khi anh bò ra khỏi giường vào sáng nay với cái đầu đau như búa bổ và cảm giác khát khô cổ họng vì đã chén quá nhiều lạc rang muối hồi tối, anh phát hiện ra nhà hết nước cam.

Thế là anh đành vắc xác đi mua. Nước lọc có vị rất ghê nên anh không muốn uống. Nó có vị đã kinh mà nhìn trông cũng không thấy ngọt mắt, với những vẩn bùn từ ống cũ. Neal nghĩ nó có thể bị nhiễm độc. Có lẽ anh nên kiện Hennessy lên Ủy ban Chất thải độc hại.

Có một cửa hàng tiện lợi cách chung cư ba dãy nhà, và Neal mặc bừa cái quần bò cũ cùng áo ni đồng phục Học viện Nghệ thuật Cal Arts rời ra ngoài. Và lúc anh đứng xếp hàng sau vài công nhân xây dựng đi mua cà phê, một thằng cà chớn còn định gạ gẫm anh chứ! Sao người ta hay mặc định họa sĩ là dân đồng tính vậy nhỉ?

Trên đường về nhà, Neal ngắm nghía mình qua mọi ô cửa sổ. Anh trông không hề đồng tính. Ở thì anh buộc túm mái tóc nâu dài thành đuôi gà, nhưng tóc dài đang là mốt mà. Mà anh đi không hề ồng ẹo, chẳng hề đánh mông ngoáy đít. Đúng là anh có đeo khuyên tai, nhưng thế đã sao? Đám cướp biển cũng đeo khuyên vàng đấy thôi.

Còn giờ đến lượt cái hòm thư chết tiệt này thì gan với anh. Neal chỉ muốn giật tung cái cửa của nọ này ra khỏi tường. Thế là anh đang giúp các cư dân khác đấy chứ. Hennessy sẽ phải thay thế chúng cho hợp với quy định của bưu điện.

Anh phải giật và đấm thêm vài lần nữa nữa thì cánh cửa mới mở ra, nhưng tất nhiên cũng có tiếng phản đối. Neal trở mắt nhìn những thứ trong cái tủ nhỏ của mình. Có cả một đồng thư, tất cả đều gửi cho anh. Không hề có giấy báo gửi khách hàng, không hóa đơn hay tờ rơi, mà là những lá thư thực sự, gửi cho anh. Các tác phẩm đèn neon của Neal cuối cùng cũng được công chúng để mắt tới. Và đó là bởi anh đã nhận được sự ủy thác của thành phố Los Angeles.

Neal bỗng thấy một lá thư màu xanh lơ có con dấu của Avant Garde, thế là anh hăm hở xé bì thư. Có một bảng câu hỏi bên trong kèm theo thư viết tay của biên tập viên. Liệu anh có vui lòng điền bảng câu hỏi gửi kèm không? Avant Garde có hứng thú với việc học hành chính thống, công việc hiện tại và mục tiêu sau này của anh. Neal hiểu rõ bảng câu hỏi này nghĩa là gì. Avant Garde sắp “lãng xê” anh!

Neal nhét đám thư từ vào cái túi đựng chai nước cam. Sau đó, anh kẹp nó dưới nách trong khi mở cửa. Vừa vào nhà, anh liền ngồi phịch xuống cái ghế bành hoa xanh trắng xấu xí được mẹ cho sau khi bà bài trí lại phòng khách, và gác chân lên bàn uống nước. Ghế được đan bằng cành liễu gai trắng, một trong những vật liệu Neal kém ưa nhất, bên trên kê một tấm nệm mỏng. Cực kì không thoải mái. Và cái ghế đơn đi cùng bộ với nó trông cũng chẳng khá khẩm hơn.

Anh với chai nước cam và tu ừng ực, đó là thói quen đã theo anh từ hồi niên thiếu và từng khiến mẹ anh phát rồ. Anh nên gọi cho ai để báo tin tốt lành này đây? Anh nên đợi tới khi Avant Garde xác nhận chắc chắn rồi hẵng báo cho mẹ. Bà sẽ gọi điện khoe với tất cả bạn bè trong hội đánh bài brít, và nếu chẳng may báo bỏ không đăng bài về anh, bà sẽ gọi điện rầy la anh mất. Cơn giận của mẹ là điều nếu tránh được anh sẽ tránh.

Neal nhắc điện thoại gọi cho tổng đài Cal Arts. Người duy nhất anh muốn báo tin là Tom. Tom đã nhận được vị trí giảng dạy sau khi tốt nghiệp và cậu ấy còn làm thêm nghề tay trái nữa. Một trong các bức tranh của cậu ấy đã được treo trong bảo tàng nghệ thuật địa hạt. Đó không phải tác phẩm xuất sắc nhất. Phong cách của cậu ấy mang một chút phóng khoáng không hợp với gu của phần đông công chúng, nhưng vẫn là một thành tựu thực sự. Vì giờ là giờ hội thảo của Tom, nên cậu ấy hẳn đang ở văn phòng riêng tại trường.

Sau một hồi suy nghĩ, Neal cúp điện thoại trước khi thông đường dây. Tom hẳn sẽ phấn khởi lắm khi biết tin và sẽ chạy ngay sang cầm theo một chai sâm panh. Sau đó, họ sẽ ngồi kê cà nói chuyện suốt đêm, mà hai đêm liền thức trắng nằm ngoài sức chịu đựng của Neal. Anh cần tỉnh táo để bắt đầu lắp đặt tranh neon cho thành phố vào ngày mai. Đó là dự án tham vọng nhất anh từng cố thực hiện. Như anh biết, chưa ai từng làm một bức tranh neon trên cầu vượt bắc ngang xa lộ. Giàn giáo đã sẵn sàng và cáp điện cũng đã chuẩn bị đầu vào đây. Anh đưa cho công nhân biểu đồ đường dây, và mọi thứ đều hợp với chuyên môn của anh. Ngày mai Neal sẽ tự tay kết nối

các đường ống để thị trường có thể bật công tắc khánh thành vào cuối tuần này.

Neal hơi rùng mình khi nghĩ tới giàn giáo. Mỗi lần thiết kế biển báo, anh đều thuê người trèo lên mái để gắn chúng vào đúng chỗ. Anh vốn sợ độ cao. Đến trèo lên ghế đầu để lấy đồ khỏi chạn bát cũng làm anh thấy chóng mặt. Ý nghĩ từ trên giàn giáo trèo xuống không đáng sợ, nhưng xa lộ bên dưới khiến anh chết khiếp. Anh định thuê một đội nối các ống theo chỉ thị của anh qua bộ đàm từ một chỗ an toàn dưới mặt đất. Nhưng rồi người dẫn chương trình On the Town, một chương trình truyền hình địa phương, đã gọi điện hỏi cô ấy có thể đưa tin từ hiện trường được không.

Đề nghị của On the Town đã thay đổi hoàn toàn ý định của Neal. Nếu được nổi tiếng thì nỗi sợ độ cao có là gì? Anh luôn mơ được lên trang bìa một cuốn tạp chí phát hành trên toàn quốc, và giờ anh sắp đạt được điều đó, đặc biệt nếu On the Town quay được một cảnh đắt giá về người nghệ sĩ can trường, là anh đây, đang làm việc miệt mài dưới nắng gió.

Neal xem những bức thư còn lại và phân loại chúng thành từng chồng. Một thư là từ một quý cô đã tới MONA, Museum of Neon Art [20], và thấy tác phẩm của anh. Cô ta muốn mua bức Điệu Flamingo Xanh mà anh đã tặng viện bảo tàng. Mọi người đều thích cái của nợ đó. Anh sẽ kiếm được cả núi tiền nếu làm ra hàng loạt những bức như vậy, nhưng thế là không công bằng với MONA. Anh sẽ gọi điện và thử gạ cô ta mua bức khác.

Hai người muốn anh báo giá làm biển hiệu kinh doanh, một cho nhà hàng ở Pico và một cho văn phòng bất động sản ở thung lũng. Neal ghét làm biển hiệu, nhưng giờ chúng là cần câu cơm của anh. Công việc đó chán ốm, người ta không thích gì đó sáng tạo hay khác lạ, nhưng anh luôn được nhận tiền ứng trước và nhờ đó mà trang trải đủ tiền thuê nhà. Sau khi On the Town khiến anh nổi tiếng, có lẽ anh sẽ bỏ được việc làm biển hiệu.

Một lá thư khác, bằng giấy đặt riêng cho văn phòng màu kem, nghe có vẻ hứa hẹn. Một quý cô ở Beverly Hills muốn đặt làm một bức tượng neon lớn cho văn phòng đức lang quân. Vì người này sở hữu một hãng sản xuất phim, Neal biết sẽ có nhiều người ra vào chiêm ngưỡng tác phẩm của anh.

Và công việc này sẽ mở đường cho anh tha hồ đào vàng từ những vị khách đặt hàng riêng khác.

Những lá thư còn lại thì anh trả lời sau cũng được. Có một học sinh muốn học việc ở chỗ anh trong mùa hè, và một thư mời anh dạy một lớp về nghệ thuật neon. Họ không trả được nhiều, chỉ một chút lương thôi. Anh sẽ gọi hỏi xem một chút lương là bao nhiêu.

Lá thư cuối cùng, viết bằng bút bi trên giấy kẻ dòng, thực sự là của quý. Đó là thư xin giúp đỡ từ một cặp vợ chồng ở Minnesota. Tên của họ là Deke và Sally Torgesen. Neal không biết sao họ kiếm được địa chỉ của anh. Nhà Torgesen được thừa kế trang trại của ông cô vợ và họ định biến nhà kho cũ thành một khu triển lãm neon. Họ sẽ làm hồi sinh hơn một trăm biển hiệu neon cổ. Nghe cũng được, nhưng chính mấy câu cuối mới khiến Neal hứng thú.

Deke và Sally định trang trí phía ngoài bảo tàng của mình, mặt hướng ra đường cái, bằng neon. Họ sử dụng hoa văn bút lông do chính bà cố nội của Sally thiết kế. Vì họa tiết đó được gọi là cầu vồng màu sắc, họ thực lòng muốn biết trộn các loại khí gì để tạo ra một màu tím đậm đẹp.

Neal đặt lá thư của Deke và Sally lên trên cùng. Anh sẽ trả lời thư này trước, ngay sau khi điền xong bảng câu hỏi của Avant Garde. Một nhà kho được cuốn trong tấm chăn neon. Ý tưởng đó khiến sức tưởng tượng của anh thăng hoa. Khi anh lấy được tiền từ dự án của thành phố, anh sẽ bay tới đó xem tình hình ra sao.

Michael nhìn qua mắt thần theo dõi người giao hàng đi mất. Vụ này hơi giống Giáng Sinh, và Stan lại vào vai Santa.

Lúc họ nói chuyện tối qua, Michael đã bảo mình cần máy vi tính. Anh có thể thuê lấy một cái không? Vì Stan đã bảo anh phải ở yên trong nhà, anh nên tận dụng thời gian học gì đó về công nghệ mới này. Rồi anh sẽ được trang bị tốt hơn để tìm một công việc bình thường sau khi Stan cãi trắng án cho anh.

Stan có vẻ hài lòng trước sở thích của Michael, nhất là khi anh thú nhận mình bắt đầu hơi phát điên và thật sự thèm được ra ngoài. Nhưng nếu có

việc gì đó để làm cho khuây khỏa, chắc anh sẽ chẳng nghĩ tới việc rời căn hộ đâu. Stan đã bảo anh đừng làm gì, và anh ấy hứa sẽ xem xét. Và chưa đầy mười bốn tiếng sau, nhân viên giao hàng đã nhấn chuông cửa nhà anh.

Michael đã cởi áo và chỉ mở cửa hé hé mà vẫn cài chốt dây xích. Anh bảo người giao hàng rằng mình vừa tắm xong, và cậu ta cứ để đồ ngoài hành lang được rồi. Michael sẽ tự bê vào sau. Phần thân thể duy nhất của Michael Hart mà người giao hàng thấy là cánh tay phải thò qua khe cửa để kí hóa đơn. Đến cả một kẻ mắc bệnh hoang tưởng về đường biên như Stan cũng không thèm lo lắng rằng người giao hàng có thể nhận ra cánh tay trần của anh!

Khi đã chắc chắn rằng ngoài hành lang không có ai, anh liền mở cửa và khệ nệ bê cái hộp nặng vào trong. Anh gọi cho Toni ngay. Chính cô đã bảo anh nên đặt mua loại nào cho tương thích với máy của cô. Giờ ngẫm lại, anh thấy mình thật sự đã bê đá tự đập chân mình khi nhận là nhà văn. Cái lần ăn tối cùng nhau đầu tiên, cô tỏ ra cực kì ngưỡng ngùng, thế nên anh đành hỏi thêm nhiều về máy tính của cô. Và sau khi cô kể ra hai việc máy tính có thể làm được, anh nhận xét rằng đấy có vẻ là một công cụ hữu dụng cho cánh nhà văn. Một lời nhận xét nhỏ đã mở cửa xả lũ.

Đêm sau, cô nói với anh về phần mềm. Có một phần mềm soát chính tả tuyệt vời tích hợp với Microsoft Word. Và bộ từ điển thân thiện với người dùng của nó chứa tới hơn một trăm ba mươi ngàn từ.

Tối muộn ngày hôm đó, sau món thịt lợn nướng nhồi mơ và táo ngon lành, cô giảng giải nhiệt tình như một nhà thuyết giáo cứu rỗi linh hồn tội lỗi. Họ đang nhấp nháp rượu Lafite Rothschild của Stan thì cô hỏi anh có nhớ phần mềm kiểm tra chính tả cô nhắc tới không. Michael gật đầu và Toni tiếp tục nói với anh về thứ đó. Cô đã bảo anh rằng đấy là phần mềm tương tác chưa? Vậy nghĩa là anh có thể chạy nó và sửa các từ sai chính tả ngay trong văn bản. Không phải lo lắng về lỗi chính tả trong lúc làm việc chẳng phải tiết kiệm cho anh ồi thời gian sao?

Tối hôm sau họ khám phá về máy in. Toni nấu món ớt chưng thịt thái miếng lớn ngon tuyệt cú mèo. Sau bữa tối, cô lại tiếp tục nói về máy vi

tính. Có vẻ máy in laser mới sẽ cho anh bản in sắc nét, và vì nó đọc được mọi loại phông chữ, nên anh có thể dùng bất kì kiểu chữ nào anh muốn. Và nếu Michael mua máy tính tương thích với máy tính của cô, anh có thể mang thẻ nhớ sang và dùng máy in của cô để in bản thảo.

Tối sau nữa là món gà tây nhồi hào và khoai tây nghiền trộn kem. Ngay khi họ ăn xong và vào phòng khách, họ bàn về việc thực hành sử dụng máy tính. Vậy nếu anh không biết gì về máy tính thì sao? Việc sử dụng rất đơn giản, chỉ cần anh không cố tải mấy thứ trên mạng xuống và đọc tờ hướng dẫn sử dụng. Toni thề chúng được dịch sang tiếng Anh bởi một thằng cha đến từ một nước thứ ba. Và cô hứa sẽ dạy anh mọi điều anh cần biết để viết tiểu thuyết. Anh sẽ dùng máy tính thành thạo chỉ trong hai ngày.

Chiều hôm sau cô gọi anh sang xem modem của cô. Nó kết nối máy tính của Toni với ngân hàng dữ liệu toàn quốc và giúp cô tìm kiếm thông tin rất nhanh. Anh sẽ không cần phải mua một cuốn sách tham khảo đắt tiền hay tới thư viện. Nếu anh có máy tính và modem, mọi thứ sẽ ở ngay đầu ngón tay anh thôi.

Michael biết Toni đang khiến sức kháng cự của anh kém dần. Tới lúc đó anh mới tranh cãi với cô. Máy tính rất đắt.

Không hẳn, Toni phản đối. Michael phải nhận thấy anh sẽ không phải mua gì thêm. Cô có thể cung cấp mọi phần mềm anh cần. Toni chỉ cần cho anh đường link dẫn tới một phần mềm cô lưu trên điện toán đám mây và anh có thể sử dụng mọi thứ cô có.

Michael lưỡng lự rồi cuối cùng đồng ý rằng có vẻ mình nên dùng máy tính. Nhưng anh không chắc mình đã sẵn sàng chưa. Quả đúng là mua máy đời cũ và dùng phần mềm từ chỗ Toni sẽ giúp anh tiết kiệm được nhiều, nhất là vì anh sống nhờ chút tài sản thừa kế ít ỏi.

Toni tung lá bài chủ chốt. Nếu Michael đã chịu chi tiền mua mấy chai Lafite Rothschild đắt tiền, chắc chắn anh có thể mua được một cái máy giúp công việc được dễ dàng hơn. Hơn nữa, chi phí kinh doanh sẽ được khấu trừ vào thuế thu nhập. Và nói tới đó, cô có một chương trình rất hay để tính thuế. Anh cứ cùng cô vào phòng làm việc và cô sẽ chỉ cho anh. Sau

khi nói xong, họ lại cùng ăn tối. Cô đang nướng thịt bò cùng món khoai tây nâu nhỏ anh đã nhắc tới hồi tối qua. Anh ở lại ăn tối nhé?

Michael cười khi nghĩ đến Toni. Cô tràn đầy năng lượng, hơn bất cứ ai anh từng gặp. Cô hăng hái làm việc đến độ khiến Michael thích thú quan sát. Anh chưa từng nhận ra mình đã trở nên trầm tư thế nào trong suốt thời gian ở Oakdale. Ở bên một con người tự nhiên như Toni sẽ giúp anh được nhiều, và chắc chắn sẽ chữa được chứng trầm cảm của anh.

Ngày đầu tiên hoàn toàn tự do của anh trôi qua không dễ dàng. Suốt khoảng thời gian trốn khỏi Oakdale và đi một chuyến hành trình dài tới Los Angeles, anh vượt qua được là bởi sự lo lắng tiếp thêm cho anh sức lực. Bác sĩ tâm thần bảo đó là phần kích quá mức. Chạy bộ cùng Toni và Doris sáng hôm sau cùng việc gặp mặt đại úy Evans kéo dài thêm niềm hứng khởi của anh. Khi anh về căn hộ và bình tâm lại, ở một mình và không còn bị cái gì kích thích, anh xụi lơ. Và nỗi sợ về những cơn ác mộng đã đẩy anh vào hố sâu trầm cảm. Anh hoàn toàn không thể đưa ra một quyết định đơn giản như có nên hay không trả lời điện thoại. Những quyết định nhỏ như ăn gì hay mặc gì cũng khiến anh vắt óc cân nhắc. Anh không còn tin vào phán đoán của mình và anh bị nỗi sợ phạm sai lầm ám ảnh.

Nghĩ lại những lúc đó, Michael nhận ra mình đã mất hết khả năng phân định và anh đã hiểu mình bị làm sao. Tại Oakdale, anh luôn bị giám sát sát sao từng giây từng phút. Mọi lời anh nói đều bị ghi lại và đưa cho các bác sĩ tâm thần phân tích. Mọi cử động của anh đều bị ghi lại trong báo cáo thường nhật của y tá. Anh không hề bị ảo giác - ít ra anh không nghĩ mình mắc chứng đó - nhưng cả Oakdale chỉ mong anh được vậy. Và tệ nhất là anh không còn chút hài hước nào. Đã bao nhiêu lần anh hỏi mình rằng chuyện gì đó có vui thật không và liệu y tá có cho rằng vì bị điên mà anh cười phá lên thế không?

Giờ anh đã biết cười trở lại. Anh phải học cách ít phân tích và tự nhiên hơn. Michael nhắc điện thoại và gọi cho Toni để báo rằng máy tính vừa được chuyển tới. Khi anh mở hộp và nhìn thứ bên trong, anh nhận ra mình sẽ phải bắt đầu một công việc. Nếu anh không viết gì đó để cái máy in tuyệt

vời của Toni in ra, cô ấy sẽ nghi ngờ. Vậy thì anh phải viết thôi. Nhưng viết gì bây giờ nhỉ?

Viết cái mình biết. Anh bỗng nhớ lại câu nói của một giáo sư dạy mình thời đại học. Vì Michael đã bảo Toni rằng anh đang viết tiểu thuyết, có lẽ anh nên viết lại những kí ức về Oakdale và ngay trang chúng là một tác phẩm hư cấu. Anh chắc chắn có sẵn cốt truyện rồi!

Toni reo lên một tiếng nghe cực kì thiếu nữ tính khi cúp điện thoại. Mike mua máy tính rồi. Giờ họ có sở thích chung và cô có thể dành hàng giờ dạy anh sử dụng. Và quan trọng hơn, đây là lần đầu tiên anh gọi cho cô. Dưới sự quân sư của Doris, cô toàn là người chủ động, mời anh sang ăn hầu hết các tối và ban ngày thì năng ghé qua nhà anh.

Nhanh nhanh chóng chóng, Toni lưu tệp tin và tắt máy. Cô chắc chắn không thể đi sang nhà Mike trong bộ dạng hiện giờ. Tóc cô đang rối bù như tổ quạ đây này. Lúc làm việc cô thường buộc túm tóc lại. Cô phải chải chuốt kĩ càng trước khi sang nhà Mike. Cô nên mặc gì đây? Cô không hỏi Doris được.

Doris đã tới Santa Monica thăm mẹ đẻ và chị ấy sẽ kịp không trở về nấu bữa tối giùm họ.

Toni thở dài. Cô không thích nói dối Mike về các món ăn, nhưng cô thực sự đang học nấu nướng Món bánh quy không-bao-giờ-thất-bại của cô ăn cũng khá ổn. Chắc cô đang biến mình thành con ngốc, nhưng cô không tài nào ngăn nổi mình thích Mike. Trước hết, vì Mike là anh chàng độc thân duy nhất cô quen biết trong chung cư này, nếu không tính George Schilling sống ở tầng hai, mà ông ấy bét cũng phải sáu mươi rồi. Còn có một nhân viên môi giới chứng khoán đang trong thời gian li thân với vợ ở tầng tám, nhưng Toni khá chắc trong tủ quần áo của hã chẳng có gì ngoài một bộ comple mà chỉ dân đồng tính mới mặc và hã diện nó cả tuần. Cô chưa từng thấy hã mặc gì khác, và không đời nào cô thích một kẻ mặc comple đeo cà vạt để đi đổ rác.

Mike lại khác. Anh ta đẹp trai theo kiểu trầm tư, và anh ta chắc chắn thuộc típ người thông minh. Khi cô gặp anh lần đầu, anh quá nghiêm túc.

Và cách anh để ý mọi cử động của cô khiến cô khó chịu. Cô có cảm giác như anh đang quan sát mọi thứ lần đầu tiên, rồi ngẫm nghĩ và ghi nhớ. Cô có cảm giác như nghe thấy cả tiếng bộ óc anh kêu o o hoạt động, ghi nhớ thông tin để tham khảo sau này như ổ cứng trong máy tính của cô. Mike sẽ là người ngoài hành tinh, khoác bộ da người trái đất để quan sát văn hóa và tìm cách hòa nhập mà không thu hút sự chú ý, nếu cô để đầu óc thực sự thỏa sức tưởng tượng,.

Toni bật cười. Cô không hề tin sự sống tồn tại ngoài hành tinh, nhưng chắc chắn Mike có bí mật gì đó muốn giấu. Và biết thế lại càng khiến cô quyết tâm phá bỏ lớp phòng ngự và tìm hiểu bí mật kia. Anh có chút hơi quá cẩn trọng trong lời ăn tiếng nói lẫn cung cách xử sự. Cô đã để ý thấy rất nhiều điểm.

Cảm giác khó chịu vì bị quan sát và đánh giá đã biến mất khi Doris chỉ ra anh là nhà văn. Và cô vỡ lẽ. Những cây bút có tài nhìn mọi chuyện qua con mắt trẻ thơ. Cô từng nghe thấy điều đó trong một cuộc phỏng vấn, và có vẻ hoàn toàn có lí. Và một vài nhà văn còn mãi quan sát tới mức chẳng còn thời gian hưởng thụ cuộc sống. Cô sẽ đảm bảo điều đó không xảy tới với Mike.

Anh hợp với cô, không phải nghi ngờ gì về điều đó. Toni biết mình là một người tự nhiên, năng nổ. Cô lúc nào cũng luôn tay luôn chân, không chịu ngồi yên để suy ngẫm. Nhưng từ hồi quen Mike, cô đâm ra trầm lắng hơn chút. Những câu hỏi của anh buộc cô phải suy nghĩ về những việc mình làm và lí do cho những chuyện đó.

Mike chưa hề có động thái tán tỉnh nào, dù cô đã cho anh một hai cơ hội. Doris bảo cô đừng lo, chuyện là phải thế. Anh chắc chắn thích cô, nhìn là thấy rõ. Có lẽ anh đã trải qua một cuộc tình tệ hại, và chưa muốn một lần nữa sa vào lưới tình.

Toni cởi đồ và đứng dưới vòi sen. Rồi cô vắn nước. Không mất nhiều thời gian lắm. Cô sẽ dùng xà bông thơm mà Doris đảm bảo sẽ khiến Mike mất hồn và rồi chuyện gì cần đến sẽ đến.

Kì cọ một chút rồi xả nước, thế là cô tắm xong. Toni lau người và chạy vội tới tủ quần áo. Cô thấy chẳng có bộ nào với dịp này, nhưng có một chiếc váy lụa đỏ dài treo đằng sau tủ, và Toni lấy nó ra. Đây là thứ đầu tiên cô mua cho mình sau khi chuyển vào căn hộ này. Hồi đó, ý nghĩ mặc một trang phục đỏ tươi có vẻ cực kì bốc đồng và hay ho. Giờ cô mặc vào và mỉm cười hài lòng. Đã sáu năm rồi mà vẫn vừa như in. Cô may mắn vì có hệ trao đổi chất tuyệt vời. Hầu hết phụ nữ sẽ nở ra như quả cầu chào tất niên nếu ăn uống như cô.

Toni xem xét mình trong gương. Lớp vải lụa ôm lấy cơ thể cô, và cổ chữ V có một cái khóa vàng nho nhỏ chạy dọc thân trước. Cô chưa từng có đủ can đảm để mặc nó. Cô mở tủ kéo và tìm cái khăn họa tiết đỏ vàng đã mua cùng cái váy này. Đến lúc quyết định rồi. Có che cổ hay không?

Nếu Doris ở đây, chị ấy sẽ bảo cô quên cái khăn đi. Toni ném nó trở vào ngăn kéo. Cổ áo cũng không sâu tới độ quá phô phang, và cô muốn khiêu khích anh chàng kia.

Nhìn mình một lần nữa trong gương, xịt chút nước hoa, và cô đã sẵn sàng. Toni cầm chìa khóa cùng cái tua vít nhỏ để nối dây vào máy tính của Mike. Cô còn cần gì nữa nhỉ? Chương trình kiểm tra lỗi chính tả, tất nhiên rồi. Và hệ điều hành, để phòng máy anh chưa được cài đặt sẵn. Rồi cô cầm theo luôn hai cái đĩa game để trên giá. Mike hẳn sẽ thích chơi trò Giả lập lái máy bay. Cô chuyển file game sang đĩa ngay lúc đó. Tốt nhất nên để anh có một trải nghiệm tuyệt vời khi bắt đầu sử dụng máy tính mới. Mai họ sẽ học những cái khó hơn sau. Nhưng suy đi tính lại một hồi, cô đổi sang cầm theo các đĩa chương trình họ có thể chơi cùng nhau.

Toni ngâm nga một giai điệu bắt tai khi ra cửa. Đó là bài gì nhỉ? Hể tối nào uống quá chén về là bố cô đều hát bài này. Cô bỗng nhớ lại một vài ca từ khi đi ra hành lang và ngâm nga giai điệu. Gì đó liên quan tới cô dâu và chú rể, và... một mùa khác và một lí do khác cho... cho gì nhỉ? Toni tới cửa nhà Mike vừa kịp lúc nhớ ra, và cô vừa cười vừa ấn chuông. Cô đang ngâm nga bài Making Whoopie.

Phải hít thở sâu mất mấy phút Stan mới kiềm chế được. Cái máy tính mới chết tiệt! Vì Joyce xin nghỉ một ngày, anh phải tự tìm hồ sơ của một thân chủ. Và cái máy chết tiệt này cứ báo với anh rằng tệp tin Schowitz không tồn tại. Stan biết rõ ông ta phải tồn tại ở chỗ nào đó. Anh đã thấy Joyce nhập dữ liệu vào ngày hôm trước.

Cẩn thận, vừa nghiêng răng ken két, Stan vừa đánh lại R... A... Y... M... O... N... D rồi S... C... H... W... A... R... T... Z, dấu hỏi Joyce nói sẽ định vị tệp tin, và ấn nút enter để bắt đầu cái Joyce gọi là tìm kiếm toàn cầu [21]. Cái máy kêu ro ro như máy sấy quần áo, và cái đèn đỏ nho nhỏ chớp nháy. Nó đang làm gì đó thì phải.

Đèn đỏ ngừng nháy và câu trả lời hiện lên trên màn hình. TỆP TIN RAYMOND SCHWARTZ KHÔNG TỒN TẠI. Cái máy mới này chắc chắn không đáng tin nếu nó làm mất thông tin chỉ qua một đêm.

Stan nhìn màn hình một lát, rồi lắc đầu bực bội. Anh nên thử thêm lần nữa, để chắc ăn. Rất có thể anh đánh sai kí tự và thành ra sai tên. Anh vốn không giỏi đánh máy mà.

Khi Stan nhấn nút để dọn màn hình, máy tính kêu lên một tiếng bíp chói tai và một thông báo khác hiện lên. Nó nhấp nháy hỏi. BẠN CHẮC CHỨ? BẠN CHẮC CHỨ? BẠN CHẮC CHỨ? Tất nhiên là anh chắc rồi! Anh sẽ không ấn cái nút chết tiệt đó nếu như không chắc!

Nó dường như đang đợi câu trả lời, nên Stan gõ mỗ cò X... Á... C... N... H... Â... N rồi ấn enter. Cỗ máy lại kêu bíp và một thông báo khác hiện lên thay thế cái đầu tiên. Ấn “Y” CHO “YES” HOẶC “N” CHO “NO”. Stan khịt mũi. Người ta khen cái máy tính này thông minh lắm mà. Anh đã đọc báo viết rằng người ta đang phát triển một dòng máy mới có thể tự tìm và sửa lỗi. Còn cái của nợ này không biết xác nhận nghĩa là gì hả?

“Mày bị làm sao đấy? Xác nhận nghĩa là ‘yes’ đấy!”

“Ông Gerhardt? Mọi việc ổn cả chứ?”

Một luật sư tập sự đang đứng tại ngưỡng cửa, lo lắng nhìn anh. Gương mặt Stan đỏ lựng, và anh thấy như mình đang bò dưới thảm. Tên cô ấy là gì nhỉ? À, đúng rồi... Wilber. Catherine Wilber.

“Tôi ổn, Catherine. Tôi chỉ đang bực quá thôi. Cái máy tính mới này không hoạt động.”

Catherine gật đầu tỏ vẻ rất nghiêm túc. “Có lẽ tôi giúp được, thưa ông Gerhardt. Tôi đã trải qua tất cả các khóa học kỹ năng văn phòng rồi. Ông muốn làm gì?”

“Tìm tệp tin Raymond Schwartz. Tôi cần in nó ra.”

“Dạ, cái đó thì dễ thôi.” Catherine bước đến bên cái máy kèm theo một nụ cười tự tin. “Ông chỉ cần nhập vào phần tên thôi, thưa ông Gerhardt. Ông nhìn này.”

Catherine bắt đầu gõ, và Stan vỗ vai cô. “Raymond bắt đầu bằng chữ R, Catherine. Cô nhầm rồi.”

“Không đâu, ông Gerhardt.” Catherine cười tươi. “Ông phải nhập họ trước tên. Schwartz, Raymond, đặt dấu phẩy ở giữa để phân biệt hai phần. Nếu ông đánh ngược lại là không được.”

Catherine gõ xong tên và lại ngược lên cười với anh. “Chắc ông sai ở điểm đó, ông Gerhardt, nhưng sẽ đơn giản thôi nếu ông nhớ rằng cách sắp xếp trong máy tính cũng giống như một tủ hồ sơ ấy. Máy tính sẽ tìm kiếm ba ký tự đầu tiên ông gõ vào, và nếu nó tìm thấy hơn một tên tệp tin phù hợp, nó sẽ quay lại so sánh chúng với cả cái tên. Nếu ông gõ Raymond, nó sẽ tìm R-A-Y. Và thường thì nó chẳng tìm được gì phù hợp.”

Anh cảm thấy mình như đồ ngu, và thái độ của cô ta chắc chắn chẳng làm anh khá hơn. Anh không muốn một luật sư tập sự dạy mình cách dùng máy tính. Anh muốn hồ sơ Schawartz và anh được về nhà.

“Giờ xem nhé, ông Gerhardt. Khi ông gõ tên, ông đánh thêm dấu hỏi, để ra lệnh cho máy tính định vị tệp tin ấy mà. Và sau đó ông ấn enter. Thấy không? Đèn sẽ nhấp nháy. Vậy có nghĩa là nó đang tìm kiếm... Của ông đây!”

“Cảm ơn nhé, Catherine.” Stan hít một hơi sâu. “Từ đây tôi lo liệu được rồi.”

Catherine tỏ vẻ lo lắng. “Ông chắc không, ông Gerhardt? Chương trình in ấn hơi khó dùng đấy. Để tôi in cho. Ông cần một hay hai bản?”

“Một thôi. Tôi đi uống nước đây, Catherine. Xong cô để hồ sơ lên bàn tôi nhé.”

Stan đóng cửa nhà vệ sinh riêng và khóa lại. Rồi anh đi ra gương và ngắm nhìn mình. Anh trông chẳng ổn chút nào. Tim anh đập thành thịch, và anh chắc huyết áp đã tăng đến ngưỡng nguy hiểm. Khi anh kiểm tra sức khỏe thường niên, bác sĩ bảo huyết áp anh bình thường, nhưng chắc ông ấy nhầm. Những lúc thế này, tim anh đập nhanh dữ dội, Stan biết mình phải cẩn thận.

Hít thở sâu cùng với một phương pháp anh học được trong buổi hội thảo về vấn đề stress có thể giúp cải thiện tình trạng này đôi phần. Hít vào, thở ra. Hít vào, thở ra. Chí ít anh cũng không hút thuốc. Nếu có thì chắc anh đã bị nhồi máu cơ tim vì cái máy khí gió kia rồi.

Stan nhắm mắt và tập trung vào hình ảnh giúp giảm stress của anh. Những luật sư khác trong nhóm dùng những hình ảnh được nói đến trong bài giảng. Nào là sóng vỗ bờ cát, ánh nắng lấp lánh trên mặt hồ xanh trong, và đồng cỏ cao vút rì rào lay động trong gió. Chúng cũng đẹp, nhưng hình ảnh của Stan có tác dụng hơn. Anh mừng tượng những văn bản ghi lại các vụ án hăng luật của anh cãi thua và được xé tan chúng. Phán quyết vụ Alden, thành hoa giấy. Phán quyết vụ Chandler, thành giấy vụn. Phán quyết vụ Donelley, vút. Chỉ cần đến năm lần là anh thư giãn được.

Sau một lúc, Stan thấy sắc mặt đã tốt hơn. Tay anh thôi run, hơi thở sâu và đều đặn. Máy tính có thể là làn sóng của tương lai, nhưng người ta phải tạo ra những cỗ máy tân tiến hơn cái đặt trong văn phòng của anh. Cánh bán hàng đã thề thốt rằng những đời máy mới, tinh vi có thể xử lý hàng ngàn thông tin chỉ trong một nano giây. Danh sách, số liệu, các phép tính, phép hoán vị, và ngoại suy, nó có thể xử lý tất cả bằng tốc độ ánh sáng và hiệu quả vô cùng. Nhưng nó lại hóa đồ bỏ nếu ta không biết phải nhập họ trước tên.

Stan đợi đến khi chắc chắn rằng Catherine đã đi mới trở lại phòng làm việc. Cô ta biết rõ anh làm sai ở đâu. Cô ta có buồn chuyện với ai trong công ty không nhỉ? Để cho chắc, anh sẽ gọi cho Joyce luôn và bảo cô ấy

giao cho Catherine một vụ ở Sacramento. Roger Merrill có lẽ cần người giúp, và Catherine là một cô gái trẻ thông minh. Cô ấy hiểu nhiệm vụ béo bở kia là một thỏa thuận bịt miệng cô ta. Và nếu cô ta không biết đường giữ mồm giữ miệng, anh sa thải cô ta sau cũng được. Đẳng nào công ty cũng có quá nhiều luật sư tập sự mà.

Tài liệu về Schwartz nằm trên bàn anh. Stan cầm lên và nhét vào ca táp. Làm việc với máy tính là một trải nghiệm đáng thất vọng mà anh không muốn lặp lại. Nó có thể khiến anh phát rồ phát dại lên mất. Liệu có phải anh đã phạm sai lầm nghiêm trọng khi gửi máy tính cho Mike không? Nếu Mike bực bội, cậu ấy sẽ ra ngoài làm chuyện xuân ngốc. Và nếu cảnh sát bắt giữ Michael, kế hoạch của anh sẽ gặp rắc rối to.

Neal Wallace rên rỉ thức giấc và vươn tay ấn nút tắt đồng hồ báo thức. Anh cần ngủ thêm mười phút. Rồi anh nhớ ra vì sao mình hẹn giờ cái thứ chết tiệt này. Anh phải sẵn sàng để bắt đầu buổi ra mắt bức bích họa cho thành phố. Vì On the Town sẽ quay phim anh, anh phải tắm tấp và chuẩn bị cho ngon lành nhất. Chai nước cam mua hôm qua vẫn còn một ít, và Neal tu cạn một hơi.

Rồi anh đi tắm, hi vọng có nước nóng. Đó là một điểm bất cập nữa ở chung cư của Hennessy. Ta không bao giờ biết hệ thống nước nóng lạnh có hoạt động không. Có lẽ khi anh giàu và nổi tiếng, anh sẽ mua đứt nơi này từ tay cái lão Hennessy chỉ biết đến tiền, và sửa sang lại tử tế. Anh có thể biến nó thành thánh địa cho cánh nghệ sĩ, không hề mất tiền thuê. Họ chỉ cần chứng tỏ mình có tài là được một suất sống tại đây ngay.

Neal vịn nước và thò tay vào buồng tắm hoa sen bằng kim loại cũ xì. Nước lạnh như băng, nhưng lúc nào mới vịn nước cũng vậy. Đợi một lúc mới biết được. Sau hai phút, anh nghĩ hình như nước hơi ấm lên, nhưng cũng không chắc lắm. Cũng có thể nước lạnh chảy xuống đã khiến tay anh mất cảm giác. Khi anh đứng đó trên sàn nhà lót vải sơn đã bỏ, trần truồng và run rẩy, đường ống bỗng kêu âm âm và rền rĩ. Neal rụt tay lại. Anh biết thế là sao. Chưa đầy một giây sau, hơi nước bốc ra từ miệng vòi. Chỉ ít ngày hôm nay cũng bắt đầu ra hồn. Anh điều chỉnh độ nóng để không bị bỏng và bước vào buồng tắm.

Sau khi xoa thứ xà bông đắt tiền mẹ anh tặng dịp Giáng Sinh khắp người, Neal quyết định sẽ không mua chung cư của Hennessy nữa. Sao phải đút tiền vào mồm kẻ bi ối đó? Anh sẽ thầu luôn một trong những khách sạn lớn ở đại lộ Western và mời toàn bộ bạn bè thân bằng cố hữu vào

ở. Hành lang sẽ đầy những bàn xoay đồ gốm, và anh sẽ biến một lò sưởi thành lò nung. Sẽ có các giá vẽ bên cửa sổ, bụi ở các góc dành cho các nhà điêu khắc, và mọi người có thể làm việc cùng nhau và tận hưởng quãng thời gian tuyệt vời. Họ sẽ thuê đầu bếp Pháp để nấu bữa tối và ăn uống cùng nhau, toàn sơn hào hải vị và không ai phải lo đến chuyện cơm áo gạo tiền.

Còn những người bạn nhạc công của anh, nhất là Trista, cô nàng tóc vàng cao ráo chân dài yêu thích nhạc đồng quê Appalachia? Anh sẽ biến một tầng thành phòng thu âm có cách âm để hàng xóm khỏi phàn nàn. Và vì một cặp anh quen đang làm các bộ phim thử nghiệm, anh sẽ dựng cho họ cả một phim trường - phòng chiếu phim, phòng biên tập, đầy đủ tất tất. Còn anh xí tầng trên cùng và sẽ cho đập toàn bộ tường để tạo ra xưởng vẽ trong mơ của mình, một không gian làm việc rộng rãi nhất mà một họa sĩ từng có. Anh sẽ gọi đó là Khách sạn Nghệ thuật Neal Wallace, và những học viên có tài từ khắp nơi trên thế giới sẽ tề tựu dưới chân những bậc thầy. Nếu Neal biến nó thành một trường học, với Tom và các đồng nghiệp của cậu ấy là giáo viên, có lẽ anh sẽ được chính phủ giúp đỡ về tài chính ấy chứ. Tất nhiên, khi đã giàu thì anh sẽ chẳng màng tới số tiền đó, và sẽ thật sự tuyệt vời nếu được bảo chú Sam ^[22] rằng anh đểch cần đồng giấy bạc của chú ta.

Sau một tiếng rít ong cả đầu từ mấy đường ống cổ lỗ sĩ, nước lại lạnh như nước đá và Neal nhảy vội ra. Có ai đó vừa dội nước lạnh vào giấc mơ của anh. Quỷ tha ma bắt Hennessy đi!

Anh chẳng mất nhiều thời gian để diện đồ. Neal đã nghĩ từ trước xem phải mặc gì rồi. Vì On the Town sẽ đến quay phim nên anh đã sắm một cái quần bò mới. Một áo len cổ lọ mặc dưới áo sơ mi bò. Chắc trên đó cũng gió. Và anh có một đôi giày da đen khá mới cũng là do mẹ anh tặng nhân sinh nhật.

Chỉ cần thêm cái khăn lụa dài màu vàng có tua rua nữa là đủ bộ. Trista đã để nó lại nhà anh sau một đêm khó quên, và Neal giữ nó lại làm kỉ niệm. Anh bảo cô rằng sẽ đeo nó cho may mắn. Khi Neal ngắm mình trong cái

gương cũ dựng bên tường, anh thấy mình cũng “ngon zai” phết, hơi giống phi công trong các thước phim tư liệu về Thế chiến II.

Có tiếng còi bim bim bên ngoài cửa sổ, Neal ngó ra và thấy chiếc xe mườì sáu chỗ VW cũ của Tom đậu trước cửa chung cư. Tom xin nghỉ một ngày để đi xem buổi ra mắt của Neal. Cửa mở và Tom bước ra từ bên ghế phụ vì cửa bên tài xế bị kẹt. Vừa tới cửa, anh chàng vừa vẫy tay về phía cửa sổ của Neal.

Neal vội vàng tới cái bếp điện anh dùng thay lò nướng. Anh nên đun nước pha cà phê. Tom nghiện cà phê có hạng và cậu ấy từng thề rằng đám học trò sẽ chẳng nhận ra nổi ông thầy của mình nếu cậu ấy không cầm cốc cà phê trên tay và chẳng có điếu Marlboro ngậm bên khóe miệng.

“Chuẩn bị thế nào rồi, Neal?” Tom đi qua cửa, có chút hụt hơi. Leo ba tầng lầu luôn khiến anh chàng kiệt sức. “Mong là đấng ấy có pha cà phê.”

“Sắp được rồi. Xem lớp xộp mình thiết kế tối qua đi. Mình nghĩ chúng ta có thể dựng trứng trong những cái hộp kiểu này, và chúng còn không lúc lắc cơ.”

Trong lúc Tom chiêm ngưỡng vật liệu đóng hộp kia, Neal ngắm nghía Tom. Anh chàng mặc bảnh ra phết, với cái áo da mới mà Neal chưa thấy bao giờ, và chắc chắn cậu ấy đã tía râu. Tom còn đội một cái mũ bê-rê mới cóng nữa. Cái mũ cũ màu xanh bạc hà có một vết bẩn một bên. Tom lúc nào cũng đội mũ bê-rê Cậu ấy từng bảo Neal rằng con người mất tám mươi phần trăm thân nhiệt trong mùa đông nếu không đội mũ. Còn mùa hè thì Tom bảo mình dễ bị say nắng. Neal ước gì Tom cứ thú thực rằng cậu ấy đội mũ bê-rê để che đi cái đầu hói trước tuổi cho xong.

Họ chỉ mất hai mươi phút để dọn đóng hộp. Họ xếp mấy hộp bìa các-tông với lớp xộp Neal cắt và cẩn thận đặt đồng ống vào trong. Thành phố đề nghị giúp chuyển đồ nghề, nhưng Neal từ chối. Đám công nhân quen chuyển các bàn ghế kim loại nặng trĩch và các ống cống rồi nên sẽ không đủ cân trọng với những thùng hàng quý báu của anh.

“Đủ cả rồi chứ?” Tom mở cửa bên hành khách và chui vào sau vô lăng. “Hôm nay cậu ít nói quá. Lo lắng à?”

“Một chút. Hoặc có lẽ vì còn quá sớm để nói chuyện.” Tom hiểu ý và im lặng khởi động xe rồi hòa vào dòng xe cộ đông đúc buổi sáng. Anh chàng không nói gì tới khi họ rẽ trái vào đại lộ Melrose.

“Cậu có nghĩ On the Town sẽ phỏng vấn trực tiếp tại hiện trường không?”

“Mình không biết. Có lẽ có.” Neal cười toét miệng khi nhận ra lí do Tom diện đồ mới. “Chắc họ sẽ nói chuyện với một vài người xem, nếu như có ai đó.”

“Ồ, sẽ có chứ. Mình đã bảo đám sinh viên tới xem. Chúng sẽ cầm theo một tấm biển lớn với dòng chữ NEON DO CÂU LẠC BỘ NGƯỜI HÂM MỘ NEAL. Cái vụ câu lạc bộ người hâm mộ là ý tưởng của Suzanne Dickson, và mình không gạt đi nổi. Ôi cái tuổi dờ dờ ương ương. Trông mình thế nào?”

“Tuyệt, Tom ạ. Cậu trông giống hệt như những gì người ta mừng tượng của cánh họa sĩ, trừ việc cậu có chút quá bảnh bao. Cậu nên quệt chút sơn lên áo khoác để cái đám ngoài kia biết cậu nghiêm túc theo đuổi sự nghiệp.”

“Nhưng mình mới mua cái áo khoác này mà! Mình không đời nào đi làm dơ cái áo da một trăm năm mươi đô bằng...” Tom liếc nhìn Neal, và giọng nhỏ đi. “Cậu đùa mình hả?”

“Ừ mình đùa đấy. Nếu mình có cơ hội nói chuyện với nhà sản xuất, mình sẽ đề cử cậu. Như thế cậu sẽ quảng bá được cho trường của cậu. Bên trường sẽ lấy làm ấn tượng và có khi còn tăng lương cho cậu ấy chứ.”

“Ồ, chắc rồi!”

Động cơ chiếc xe cũ của Tom khá ì, nhưng vẫn leo dốc tốt. Tom đánh xe vào vệ đường gần chân cầu vượt xa lộ và đậu gần giàn giáo nhất có thể. Rồi anh chàng quay sang Neal, với điệu bộ rất nghiêm túc.

“Hôm qua mình về gặp bố, và ông ấy bảo sẽ theo dõi On the Town mỗi tối tới khi họ phát sóng chương trình của cậu mới thôi. Cậu nghĩ nó sẽ được phát sóng sớm chứ?”

“Để mình hỏi. Này... có lẽ mình nên nghĩ ra hành động gì để tạo dấu ấn cho riêng mình và kéo kéo dài tai để ra hiệu cho ông ấy.”

“Chắc ông ấy thích lắm. Đi nào, Neal. Chúng ta nên sửa soạn trước khi xe nhà đài tới.”

Neal thở dài khi rời xe. Bố Tom nằm viện vì bị bệnh bạch cầu giai đoạn cuối, và chắc cũng không sống được lâu. Biết mình sắp chết, nhất là vì một chuyện chết tiệt mà mình không thể làm gì để thay đổi hẳn sẽ rất bực mình. Nếu anh rơi vào cảnh đó, anh mong rằng mình được chết nhanh chóng và không đau đớn.

Những chiếc xe trên làn đường cao tốc phóng vèo qua khi họ bắt đầu tháo dỡ các hộp. Tiếng gầm rú thật điếc tai và mỗi khi có một chiếc xe lớn phóng qua, Neal và Tom lại bị gió tạt mạnh. Những người lái xe qua đều nhìn họ, và một vài tài xế còn bấm còi. Thậm chí một tài xế đã đỗ xe lại bên vệ đường và hỏi Tom xem có cần gọi cứu hộ xe không. Tom giải thích tình hình, và người đàn ông thấy nên nán lại xem. Hẳn nói phải can đảm lắm mới dám trèo lên giàn giáo đó và đứng chênh vênh bên trên xa lộ. Hẳn không biết mình có đủ gan không, nhưng thật lòng chúc Neal may mắn. Neal mỉm cười và bảo không phải chuyện gì lớn lắm đâu, nhưng chỉ mới nghĩ về chuyện đó thôi tay anh đã bắt đầu túa mồ hôi, và anh phải lau tay vào áo mới tiếp tục dỡ đồ được.

Rồi ba chiếc xe chở sinh viên của Tom đỗ lại, và Neal phải vẫy tay chào rồi chiêm ngưỡng những tấm biển của chúng. Tất cả đều muốn giúp, và anh nhờ chúng bê mấy cái hộp sau khi chúng thề thốt sẽ rất cẩn thận. Neal nhận thấy Suzanne Dickson, cô gái nghĩ ra ý tưởng câu lạc bộ người hâm mộ, cứ bám dính lấy Tom đến độ suýt làm Tom vấp chân hai lần. Cô bé học chuyên ngành thiết kế và chắc chắn có ý với Tom.

Họ vừa dỡ xong đồ thì nhóm quay phim di động của On the Town lái tới. Một trong những sinh viên hét rằng có một chiếc xe khác đỗ ở bên vệ đường bên kia cầu vượt. Neal không nhìn xuống xem tình hình. Tốt nhất là anh không nên nghĩ về khoảng cách từ trên giàn giáo xuống xa lộ bên dưới.

Nhà sản xuất rời khỏi xe. Anh ta kẹp một tệp hồ sơ lớn dưới nách, và trông anh ta trẻ đến nỗi Neal tự hỏi liệu đây có phải nhiệm vụ đầu tiên của anh ta không. Anh ta phải gào lên giải thích cho Neal về việc đưa tin kếp để đảm bảo anh nghe thấy giữa tiếng còi và tiếng các phương tiện qua lại. Anh ta phụ trách đội một, và họ sẽ quay từ đây. Đội hai là xe tải bên dưới. Họ sẽ xen cảnh để các khán giả qua màn ảnh nhỏ có vài khái niệm về độ cao liên quan. Họ sẽ làm ra một bản tin tuyệt vời.

Nhà sản xuất kiên nhẫn trả lời hai câu hỏi của Tom. Không, người dẫn chương trình của On the Town phải hai tiếng nữa mới tới. Họ sẽ để cô ấy phỏng vấn Neal ở một nơi yên tĩnh hơn. Tiếng ồn giao thông lúc này có thể khiến một con người bình tĩnh cũng phải phát khùng. Và đúng, anh ta nghĩ phỏng vấn Tom có thể tạo hiệu ứng tốt. Họ là bạn đại học à? Vậy càng hay. Một chút thông tin bên lề bao giờ cũng khiến người xem thích thú. Sao Tom không tới giàn giáo và giữ nó trong lúc Neal trèo lên? Anh chàng có thể kéo cáp và tỏ vẻ hơi lo lắng về cách buộc dây. Rồi khán giả có thể bắn khoản rằng liệu có gì không ổn, và như vậy sẽ tăng thêm kịch tính.

Người quay phim cuối cùng cũng quay được cảnh đầu về Neal buộc cái ba lô được thiết kế riêng có những cái túi dài để đựng những loại ống thủy tinh dễ vỡ. Phải mất năm lần anh ta mới quay được khuôn hình hợp ý. Rồi nhà sản xuất hét bảo Neal nên lên giàn giáo. Họ sẽ quay từ đây. Neal chỉ cần quên họ đi và bắt tay làm việc.

Chân Neal hơi run khi anh bước về phía giàn giáo cùng Tom. Anh mừng vì mình quay lưng với máy quay. Tom là người phải diễn lo lắng, chứ không phải anh.

Tom nói gì đó, nhưng giữa tất cả tiếng ồn như thế anh không nghe thấy gì. Chắc cậu ấy nhắc anh kéo dái tai. Rồi Tom giữ giàn giáo cho Neal trèo lên. May mà anh đã mua quần bò mới. Mấy cái cũ đã bị mài mòn ở đũng quần.

Máy quay giờ đang hướng vào anh, và Neal nở nụ cười rạng rỡ. Rồi anh giơ ngón tay và Tom buông tay giữ. Giàn giáo bỗng nghiêng, và Neal chỉ

biết cố không hoảng hồn la hét. Sao anh không thuê một đội lo liệu phần này nhỉ? Nổi tiếng mà không còn mạng thì nổi tiếng làm gì?

Neal cười ba lô và cúi xuống, giấu mặt khỏi máy quay trong lúc lục lọi các túi. Anh cần chút thời gian để bình tĩnh lại trước khi hạ giàn giáo bằng hệ thống pu-li họ lắp ráp. Cảm ơn Chúa là anh đã đặt mua các bức vách cao ngang thắt lưng ở các phía quanh giàn giáo. Anh bảo nhà sản xuất đó là để bảo vệ cho những người đi mô tô bên dưới. Nếu anh làm rơi ống neon, nó có thể gây tai nạn nghiêm trọng khi xe bẻ lái để tránh các mảnh thủy tinh. Đó không phải nguyên do duy nhất. Các bức vách sẽ ngăn anh nhìn xuống và vậy là anh sẽ giả bộ là đang đứng trong một căn buồng nhỏ không có trần. Tất nhiên, căn buồng nhỏ đặc biệt này sẽ lắc lư bên trên xa lộ, nhưng anh sẽ không nghĩ tới điều đó, nếu không anh sẽ nôn ọe ngay trước máy quay mất.

Neal hít thật sâu. Giờ là lúc đứng lên và thả đòn bẩy pu- li để anh bắt đầu đi xuống. Nếu anh còn chần chừ thêm nữa, sẽ có người tới hỏi xem có chuyện gì không. Và khi đó, có lẽ anh sẽ mất hết dũng khí và cầu xin được xuống mất.

Chân rời run run, Neal đứng lên. Dũng cảm nào. Anh phải tỏ vẻ can đảm khi với lấy đòn bẩy. Anh biết hệ thống làm việc hoàn hảo vì anh đã quan sát cánh công nhân kiểm tra nó. Cái lồng thấp xuống ba foot [23] sau mỗi lần kéo cần. Và một khi anh đã xuống tới độ cao mong muốn, một chốt an toàn sẽ giữ nó ở đúng nguyên tại chỗ.

Sau khi kéo dái tai để dành cho bố Tom, và cố ra bộ anh hùng nhất có thể, Neal nắm cần và kéo. Tim anh nhảy lên tận cổ, anh cố giữ bình tĩnh khi dây cáp kêu răng rắc và giàn giáo bắt đầu hạ xuống. Một foot, hai foot, rồi ba foot, và cái lồng ngừng di chuyển. Anh thở một hơi nhẹ cả người rồi cười toe toét. Cũng không tệ lắm. Anh có thể xử lý một chuyến đi thang máy kiểu thế này, không đổ chút mồ hôi nào.

Neal vẫn đang cười với máy quay khi giật dái tai lần thứ hai và lại kéo cần. Mọi người hẳn sẽ nghĩ thính giác anh có vấn đề, nhưng anh mặc kệ.

Thường thì người ta sẽ biên tập thước phim trước khi phát, và Neal muốn đảm bảo có ít nhất một lần giật tai mà bố Tom nhìn thấy.

Khi căn buồng nhỏ an toàn của anh bắt đầu hạ xuống sàn thứ hai, anh nhớ ra một đơn vị nữa ở bên dưới và hơi xoay người để họ quay được nét. Có lẽ tối nay anh sẽ gọi cho mẹ và bảo bà rằng cái giật tai ấy là vì bà. Bà không biết bố Tom, vậy nên bà sẽ không thể biết sự thật. Mấy bà trong hội chơi bài brít của mẹ anh hẳn sẽ ghen tị tới xanh mắt mất.

Kéo cần thêm lần nữa, và Neal xuống đến điểm nối ống đầu tiên. Chuyện này vui nhộn theo một cách điên khùng. Anh có thể học cách làm một ngôi sao truyền thông. Anh với tay vào trong ba lô bằng cử chỉ hoa mỹ và lấy ra một cái ống dài hình chữ U sẽ phát ra ánh sáng tím đậm rực rỡ. Tối qua anh đã viết thư cho vợ chồng Torgensen kèm theo hướng dẫn cách trộn khí. Nếu họ phát On the Town tại Minnesota, Deke và Sally sẽ phải sung sướng lắm khi thấy một nghệ sĩ quan trọng nhường này lại bớt thời gian trả lời thư của họ.

Khi Neal với tay để nối ống, anh nhận ra thay mình khô ráo và vững vàng. Không mồ hôi, không run chút nào. Có phải anh đã chiến thắng được nỗi sợ độ cao bằng một dạng liệu pháp ép bản thân làm điều mình không muốn chăng? Anh chắc chắn rằng mình không hề muốn nhào cõ ra và nhìn xuống để kiểm chứng.

Neal nối ống thứ hai, một ống màu xanh lá cây tươi. Rồi ống thứ ba. Cứ dễ như bỡn ấy. Mọi hốc cắm đều hoàn hảo. Đám thợ điện làm ăn nghiêm chỉnh thật.

Điểm nối thứ tư cách anh chừng một foot về bên phải, nhưng không vấn đề gì. Neal dựa người vào bên hông giàn giáo và vươn tay để nhét cái ống thứ tư - một bông hoa lồng đèn cánh kép - vào đúng chỗ. Anh thấy cái khăn quàng khê phất phơ trong gió, và nổi hứng bốc đồng vẫy tay với máy quay bên dưới. Rồi có tiếng gì nghe như tiếng súng nổ cao cao trên đầu anh, và giàn giáo nghiêng đi, khiến anh ngã nhào vào bức vách đối diện. Một tiếng nổ nữa - ôi Chúa ơi! Dây cáp đứt và anh chới với trong không trung, xa lộ dang lên đón lấy gương mặt ngập tràn hoảng sợ của anh.

Vài chiếc xe hơi bẻ lái và đâm dúi dụi khi cánh điều khiển mô-tô cố tránh con người từ trên trời rơi xuống. Tiếng phanh xe kin kít và toàn bộ xe cộ chết cứng ở cả năm làn đường. Người ta còn nghe thấy tiếng những chiếc xe chạy tốc độ cao đâm vào nhau nghe chát chúa, tạo thành một hàng rào thép méo mó. Vụ đâm liên hoàn kéo dài phải vài dặm ở tất cả các hướng.

Gã quay phim của nhóm hai chữi thề to một tiếng. Ngoài này hỗn loạn quá! Nhưng anh ta là dân nhà nghề nên vẫn giữ vững máy quay và tiếp tục công việc. Anh ta chắc chắn sẽ đoạt giải gì đó nhờ thước phim này, nhưng cũng thấy tội nghiệp cho cái gã vừa rơi khỏi giàn giáo.

Thước phim quay trực tiếp “Thảm họa tại Nút giao” đã giành giải như người dẫn chương trình tuyên bố, được phát sau đó chưa đầy một tiếng đồng hồ. Và biên tập của tờ Avant Garde có thể thấy nó khi vào quán Winchell mua bánh đô-nút thạch cho bữa giữa ngày. Khi ông ta chạy vội về văn phòng, thư kí vừa mang thư đến lúc sáng vào, trong đó phần trả lời câu hỏi từ Neal nằm trên cùng. Rồi một buổi họp khẩn diễn ra và mọi người đồng tình rằng nên thay đổi bố cục để người nghệ sĩ xấu số kia được lên trang bìa. Giấc mơ lớn nhất đời Neal Wallace đã thành hiện thực. Nhưng giờ anh đã chết ngắc rồi nên chẳng thể quan tâm đến nó nữa.

Michael ấn nút Esc và rồi kí tự R để bắt đầu chương trình thay thế. Nó hỏi anh muốn thay thế từ nào, và anh gõ M... I... C... H... A... E... L. Khi được hỏi THÀNH TỪ GÌ? Anh đánh B... O... B. Sau đó, anh ấn enter và nhìn ba mươi bảy từ MICHAEL được chuyển thành Bob. Một thông báo nhấp nháy trên màn hình. “ĐÃ THAY THẾ 37 TỪ.” Michael gật gù. Sử dụng chương trình tìm kiếm và thay thế này quả là dễ khi có Toni hướng dẫn. Chỉ trong vài giây anh đã biến câu chuyện về quãng đời của mình tại Oakdale thành thứ mà ai cũng nghĩ là truyện hư cấu. Vậy anh nên đổi tên Oakdale thành gì nhỉ? Elmwood ^[24] nghe có vẻ được. Viện Elmwood dành cho tội phạm tâm thần.

Mất một lúc mới đổi xong. Michael ấn đúng câu lệnh để lưu tệp tin và ngã người ra ghế trong khi máy tính hoàn thành công việc. Toni là giáo viên giỏi, và anh học cũng nhanh. Stan quả là lo lắng không đâu khi gọi điện hồi tối qua.

Michael tắt máy tính và lại dựa vào ghế. Sao Stan lại cho rằng dùng máy tính thật đau đầu nhỉ? Cũng dễ nếu ta làm theo yêu cầu xuất hiện trên màn hình mà. Stan còn bắt Michael phải hứa không dùng nữa nếu gặp trở ngại. Anh cũng hứa, nhưng giờ anh thấy chuyện ấy thật ngu ngốc. Anh chạy thể dục cùng Toni xong, tắm tấp qua loa rồi bắt tay vào công việc. Và mọi thứ đều vào đấy. Tất nhiên Stan thấy dùng máy tính khó rồi. Anh ấy vốn chẳng bao giờ giỏi mỗi khi động tới thứ gì liên quan đến máy móc.

Michael nghĩ lại hồi Stan còn là sinh viên. Anh ấy cần một cái đèn bàn cho phòng khách, và họ tìm được một cây rất ổn trong cửa hiệu đồ cũ. Nó không bật được, nhưng Michael đã thuyết phục Stan rằng đèn cũng dễ sửa thôi. Chỉ có vài chỗ có thể hỏng và sửa chúng thì cũng không phức tạp lắm.

Stan tội nghiệp đã thức gần trắng đêm đó chỉ để nối lại dây đèn. Chỉ chút nữa thôi là anh ấy đã ném thẳng đèn vào tường may mà Michael vào đúng lúc để cứu nó. Michael tìm thấy một đường dây bị rời ra và đấu lại, và ngọn đèn lại làm việc ngon lành. Chắc nó vẫn ổn nếu Stan không cố sửa thêm lần nữa.

Giờ nghĩ lại, Michael nhận ra Stan hề bực lên là cực tính vô cùng. Anh ấy luôn nóng máu mỗi khi chuyện không đúng theo kế hoạch. Chắc vì thế mà anh ấy quá lo lắng về vụ máy tính. Vì đó là một trải nghiệm bực bội đối với anh ấy nên Stan sợ nó cũng làm Michael khó chịu. Và vì Stan xì khói ra đằng lỗ tai khi lo lắng, nên anh ấy cho rằng Michael cũng phản ứng như thế. Michael cười cười. Stan lo một lo hai, và đó là một cơ chế phòng vệ. Anh đã từng nghe một bác sĩ tâm thần tại Oakdale giải thích hiện tượng này cho một y tá. Cơ chế phòng vệ là một phần bình thường của hành vi con người, nhưng khi chúng cường điệu quá lại gây hại. Cơ chế phòng vệ của Stan quá quắt quá chăng? Michael thấy khá hơn nhiều khi nghĩ ông anh có vẻ hoàn hảo của mình cũng có một hai khuyết điểm.

Stan luôn cho rằng Michael là người phù phiếm, đưa em trai mà anh phải bảo bọc vì sợ sẽ làm ra những điều cực kì ngu xuẩn. Thành thực mà nói, Michael cũng đã phạm một vài sai lầm ngu ngốc khiến nỗi lo lắng của Stan càng thêm có cơ sở. Có lẽ một phần lí do anh làm những chuyện kia là vì Stan nghĩ anh sẽ làm thế. Rồi Stan sẽ đóng vai người anh cả đáng tin cậy.

Michael đuổi người và đứng lên. Anh thấy đói nhưng không muốn ăn sáng. Chắc anh vẫn còn hơi buồn về giấc mơ đêm qua. Nó bắt đầu cũng hết như những cơn ác mộng khác, với phòng xử án và gương mặt các bồi thẩm khi thẩm phán tuyên án. Rồi anh thấy mình trên một chiếc xe buýt công cộng, đi qua những con phố tối tăm tới một nơi khiến anh vừa vui vừa sợ.

Có phải thế không nhỉ? Anh vẫn không chắc. Anh đã buộc một sợi dây ngang cửa phòng ngủ mỗi tối và kiểm tra vào mỗi sáng xem nó còn ở nguyên chỗ cũ không, nhưng đó không phải phép thử hiệu nghiệm lắm. Anh đã làm vài chuyện khá phức tạp trong khi ngủ rồi kia mà. Một tối ở Oakdale, anh còn mặc đồ và lên vào phòng nghỉ của y tá mà không ai hay

biết. Anh pha một bình cà phê mới và đang uống cốc thứ hai thì bị họ phát hiện. Vậy anh rất có thể tháo dây, ra cửa làm điều trời ơi đất hỡi gì đó trong khi ngủ, và buộc lại như cũ rồi trèo lên giường.

Vì một lí do kì lạ nào đó, giấc mơ không còn làm anh phiền lòng nữa. Anh vẫn lo về chuyện mình làm, nhưng vậy cũng bình thường. Đêm đầu năm mơ trong căn hộ này, anh trải qua ngày sau đó trong trạng thái thấp thỏm lo âu, cố nhớ lại từng chi tiết nhỏ nhất. Giờ anh chấp nhận những giấc mơ như điều gì đó anh phải đương đầu, và anh quyết không chịu dành nhiều thời gian để lo lắng nữa. Đi bộ buổi sáng cùng Toni và Doris đã giúp anh, anh chắc chắn vậy. Họ thật sự nên áp dụng phương pháp đi bộ tại Oakdale để loại bỏ những cơn quở của màn đêm.

Vẫn còn ít thịt rán Toni đưa, và Michael dùng chúng để làm món sandwich với cả một ổ bánh mì yến mạch rưới dấm mù tạt Gulden. Lọ mù tạt đã sắp hết, và Michael kiểm tra danh sách bên cạnh điện thoại để chắc rằng mình đã đặt hàng thêm.

Ngày thứ hai sau khi Michael chuyển đến, Stan cho anh số điện thoại một cửa hàng thực phẩm có dịch vụ giao hàng và nói rằng mình đã mở tài khoản dưới tên Mike Kruger.

Michael chỉ cần gọi đến đặt hàng, và Stan sẽ trả hóa đơn vào cuối tháng. Cũng có ít tiền mặt trong ví, anh ấy nhắc đề phòng Michael không để ý. Hai trăm đô. Đó để dành cho về sau, lúc Michael đã an toàn để ra ngoài.

Vì tủ lạnh có dung tích lớn, Michael mãi tới hôm nay mới phải đặt hàng. Họ hứa sẽ chuyển đồ tới vào buổi trưa, vậy chắc cũng sắp rồi. Anh gọi mọi thứ anh thèm, cộng thêm một cái chân cừ lớn làm quà cho Toni. Tối qua cô hỏi anh có thích thịt cừ không, và cả hai thấy đó là sở thích chung. Tất nhiên cô sẽ nấu. Michael chẳng biết phải sơ chế thịt cừ ra sao. Nhưng để anh trả bớt tiền ăn cho cô cũng tốt. Anh rất thích những bữa ăn ngon lành ở căn hộ của cô, và anh muốn góp thêm đôi chút.

Chuông cửa kêu đúng lúc anh đưa miếng sandwich lên miệng. Michael lấy khăn giấy che lại và định cởi áo. Stan đã dặn anh đừng mở cửa, chỉ bảo người giao hàng để đồ lại ngoài hành lang. Nhưng Michael nghĩ mình

không nên bốn cũ soạn lại. Hình như anh không boa cho anh chàng giao máy tính thì phải.

“Đợi một chút!” Michael chần chừ rồi đóng cúc áo lại. Trò này nực cười quá. Anh cách Oakdale những một trăm năm chục dặm, cảnh sát Los Angeles có bức hình trông chẳng giống anh bây giờ tẹo nào, và nhân viên giao hàng không có lí gì để nghi ngờ anh. Chứng hoang tưởng của Stan cũng bị phóng đại hết như lo lắng về máy tính vậy.

Michael nhìn qua mắt thần. Đây không phải hoang tưởng, mà là trực giác tốt: nhân viên giao hàng đang đứng trước cửa nhà anh cùng một xe đầy ắp thực phẩm. Anh đâu có gọi nhiều tới độ đó, phải không nhỉ? Anh mở cửa, và người kia mỉm cười thân thiện.

“Chào anh. Tôi là Rick từ siêu thị Culbertson. Tôi tới giao hàng cho anh Kruger ạ.”

“Là tôi đây.” Michael cười đáp và chỉ cái bàn bên cửa. “Cứ để đó giùm tôi.”

Michael quan sát anh chàng xách bốn cái túi có viết tên Kruger bên cạnh. Rồi anh đưa hai đô tiền boa.

“Cảm ơn anh, anh Kruger.” Anh chàng kia trông thích chí ra mặt khi nhét tiền vào túi. “Rất mong anh còn gọi tới Culbertson. À mà anh chuẩn bị tổ chức tiệc hay gì à?”

“Đâu có.” Michael bối rối. “Sao cậu hỏi thế?”

“Tôi hiểu kì ấy mà. Tôi chưa từng đưa hai chân cừu tới một chung cư, trừ có dịp lễ Phục Sinh. Mà cho tôi cảm ơn nhé, anh Kruger. Tôi phải chuyển thứ này cho chị Evans đây. Chị ấy yêu cầu chúng tôi giao thịt cừu vào tầm trưa để nấu bữa tối nay.”

“Chị Doris Evans ấy hả?”

“Đúng. Tôi chuyển hàng cho chị ấy mọi ngày trong tuần, và chị ấy bảo thịt bên siêu thị chúng tôi là ngon nhất thành phố.”

Michael mỉm cười. “Cô Novak cũng nói vậy đấy.”

“Cô Novak? Phòng 305?”

Michael gật đầu, và anh chàng giao hàng nhún vai. “Buồn cười thật. Cô Novak chưa từng đặt gì ngoài đồ ăn vặt và pizza để lạnh. Cô ấy bảo tôi rằng cô ấy nấu ăn dở lắm.”

Sau khi anh chàng giao hàng đi, Michael gọi điện thoại luôn. Chỉ mất một lúc là tìm hiểu ra chuyện anh muốn biết thôi. Toni đã đặt thịt cừu cho bữa tối hôm nay. Từ Culbertson.

Michael vừa cười cười vừa nhét thịt cừu vào tủ đông. Toni không biết nấu ăn, vậy nên cô thông đồng với Doris. Và những tối anh ngiên ngẫu những món ngon miệng của Toni là thật ra anh đang ăn đồ Doris nấu. Bản năng đầu tiên của anh là đi thẳng sang và bảo Toni rằng anh không quan tâm tới chuyện cô có biết nấu ăn hay không. Nhưng nếu anh nói toạc móng heo như vậy sẽ làm cô xấu hổ chết mất. Có lẽ tốt nhất nên đợi tới khi cô tin tưởng anh hơn và tự thú nhận.

Gần tới trưa, Michael xếp xong đồ. Anh mang bánh sandwich vào phòng khách và bật ti vi. Ít nhất anh cũng bỏ được thói quen chỉ ăn trong nhà bếp. Anh đã bớt nguyên tắc hơn so với hai ngày trước nhiều. Anh bắt đầu tin đánh giá của mình về mọi chuyện, trừ vấn đề liên quan tới phụ nữ.

Michael chuyển kênh để xem thời sự, nhưng có vẻ đã quá khung giờ rồi. NBC đang chiếu Days of Our Lives cạnh tranh với All My Children của ABC. Michael chuyển sang kênh CBS và nhẹ cả người vì bên đó không chiếu phim truyền hình dài tập.

Có một nhóm phóng viên mới mà Michael không quen mặt, ngồi sau cái bàn hình chữ U. Hẳn ban giám đốc nhà đài muốn để dành các tên tuổi lớn để tăng lượng người xem chương trình buổi tối. Michael chỉnh âm lượng. Âm thanh quá nhỏ, anh không nghe được, và nút ấn trên điều khiển có vẻ không hoạt động. Anh cắn thêm miếng bánh nữa và đứng dậy. Anh phải chỉnh âm lượng bằng tay và sửa điều khiển sau vậy.

Michael vừa đi qua phòng thì biên tập viên chương trình thời sự buổi tối xuất hiện. Đây hẳn là một tin đặc biệt thì họ mới cho đội “A” lên sóng như vậy. Michael tới gần hơn và trong lúc ấy, gương mặt biên tập viên biến mất và được thay thế bằng cảnh quay một người trên giàn giáo. Giàn giáo

ngiên đi, và anh ta rơi xuống xa lộ bên dưới. Lúc đầu Michael tưởng đó là một cảnh mạo hiểm trong phim, nhưng người đàn ông đập xuống vỉa hè. Kết quả thật khủng khiếp, và Michael thấy dạ dày hơi nhộn nhạo. Đúng lúc đến đoạn những chiếc xe máy đâm sầm vào nhau cả bên phải và bên trái thì điện thoại nhà anh đổ chuông.

Michael nhắc máy không chần chừ. Nếu người bên đầu dây kia không phải Toni hay Stan, anh sẽ cúp máy.

“Mike à? Stan đây. Anh muốn báo tin cho chú trước khi chú xem thời sự.”

“Em đang xem thời sự đây. Anh có thấy cái gã rơi từ giàn giáo xuống không?”

“Thấy, thế nên anh mới gọi. Anh không muốn chú lo lắng.”

“Em đâu có lo. Ý em là cảnh tượng kinh khủng thật đấy, nhưng...”

Stan ngắt ngang lời anh. “VẬY chú không biết tên nạn nhân?”

“Không. Tiếng bé quá.”

“Cảm ơn Chúa! Giờ nghe kĩ này, Mikey. Cú ngã đó là tai nạn, hiểu chưa? Anh phải nói cho chú rõ. Một tai nạn thảm khốc, rõ chứ?”

Michael hoàn toàn bối rối. “Được rồi, Stan. Đó là tai nạn. Nhưng sao anh nghĩ em sẽ...”

“Tên người đó là Neal Wallace. Anh ta là...”

Lần này Michael xen vào. “Em biết, Stan. Anh ta là một bồi thẩm trong phiên xử em.”

“Đúng. Chú không buồn bực quá đấy chứ?”

“Không, Stan.” Michael thở dài. “Em không buồn bực quá đâu. Nhưng đó là một bi kịch. Neal Wallace có vẻ là một người tốt.”

“Ừ. Anh tình cờ gặp anh ta tại buổi gây quỹ của Cal Arts. Anh ta có tài lắm. Chú chắc mình ổn chứ?”

“Em ổn mà, Stan.” Michael dừng một giây. “Em thật lòng mừng vì anh gọi để báo em rằng đấy là tai nạn. Neal Wallace là bồi thẩm thứ hai chết từ ngày anh giúp em trốn ra.”

“Người thứ ba chứ, Mike. Còn nhớ bà lão tóc bạc trắng không?”

“Chắc có. Bà ấy tên Sotherby phải không nhỉ?”

“Đúng. Helen Sotherby. Bà ta qua đời trong bệnh viện ngày hôm kia. Ung thư xương.”

“Vậy là chỉ còn chín bồi thẩm?”

“Ít hơn thế, Mike ạ. Em còn nhớ người đàn ông to con có râu đã ngủ gật trong lúc lấy lời khai của bác sĩ pháp y không?”

“Có. Ông ta tên Cassinger, nhỉ?”

“Ừ.” Stan có vẻ hài lòng. “Oscar Cassinger. Chú nhớ tên tốt đấy, Mikey.”

Michael không chắc nên nói gì. Tất nhiên anh nhớ rõ tên các thành viên bồi thẩm đoàn rồi. Chính họ đã khiến cuộc đời anh mất sạch mọi hi vọng cơ mà. Nhưng Stan nói tiếp trước khi anh kịp nghĩ ra câu trả lời.

“Oscar Cassinger lên cơn đau tim chết từ bảy năm trước. Thế là còn tám người. Và rồi Sylvia Weintrob. Cô ta chết trong một vụ tai nạn giao thông hồi tháng Ba. Một số người hiện không còn sống ở Mỹ. Gayle Hochsdorf - chú nhớ cô ta chứ, Mike? Cô ta ngồi ở hàng trước cạnh nữ tu ấy.”

“Em nhớ.”

“Cô ta kết hôn với một anh chàng người Anh, và giờ đang sống tại nhà chồng ở Northumberland. Và Chong Lee?”

“Có. Thực tập sinh người Hoa.”

“Anh ta hết hạn visa và trở về Trung Quốc rồi. Chỉ còn năm bồi thẩm, nếu không tính hai người đã rời Mỹ.”

Michael nhíu mày. Stan chắc chắn biết nhiều về bồi thẩm đoàn. “Có vẻ anh vẫn để mắt đến họ, Stan. Sao vậy?”

Im lặng một lúc, rồi Stan bật cười.

“Đó là một phần công việc của anh, Mike ạ. Ta không bao giờ biết chuyện gì sẽ tới, và thi thoảng thì liên lạc với một cựu bồi thẩm cũng giúp ta được ít nhiều đấy.”

“Nghe có vẻ rắc rối nhỉ. Anh phải giữ liên lạc với mọi bồi thẩm từng gặp à?”

“Tất nhiên là không rồi.” Stan lại cười. “Chỉ những bồi thẩm trong các vụ anh thua thôi. Cũng đâu có nhiều nhận gì. Mike. Lên tòa là anh làm việc rất hiệu quả đó nhé. Anh chỉ thua có hai vụ trong suốt bao nhiêu năm hành nghề. Tất nhiên trong đó có vụ của chú.”

Michael nhú mày càng tợn. Với Stan anh chỉ là một vụ khác thôi sao? Một tệp hồ sơ trong ngăn kéo khiến anh ấy bực bội vì nó không đạt kết quả như mong muốn? Thất bại trong vụ của Michael chắc chắn không phải lỗi của Stan, nhưng anh ấy không nên nói như thế. Người vào tù là anh, chứ không phải Stan. Và Stan không bị giam trong Oakdale suốt ngần ấy năm.

Stan hăng giọng. “Anh phải làm việc tiếp đây, Mikey. Anh đang cung cấp bằng chứng cho vụ kháng cáo của chú. Chú chắc mình ổn chứ?”

“Vâng, anh Stan.”

“Được rồi. Anh sẽ gọi cho chú tối nay vẫn tầm giờ cũ. Cảnh sát vẫn nghĩ chú sẽ cố liên lạc với anh, vậy nên nhớ cẩn thận đấy. Và nếu làm việc với máy tính làm chú bực quá thì cứ tắt đi và xem phim hoặc làm gì đó, nhớ chưa?”

“Được ạ.”

Michael vẫn nhú mày khi cúp máy. Anh càng lúc càng thấy mệt mỗi khi bị Stan đối xử như một đứa thiếu năng. Mikey có ổn không? Mikey có buồn không? Mikey có hứa ngaoan và không bực mình không? Cho tôi xin! Michael biết mình chịu đựng sự buồn bực giỏi hơn Stan.

Ti vi vẫn bật, nhưng tin thời sự đã hết. Giờ kênh anh chọn đang phát chương trình mạn đàm với năm người phụ nữ miệng cứ quang quác. Có lẽ nút tăng âm lượng không hoạt động cũng tốt. Anh không muốn xem chương trình yêu thích của cánh y tá Oakdale.

Michael lấy tua vít trong hộp dụng cụ ở ngăn đồ tiện dụng và tháo điều khiển. Anh lau gi ở mỗi nối và đảm bảo các điểm kết nối đều chặt. Sau đó anh thay pin và thử lại. Một nữ bồi thẩm đang nổi điên vì cuộc hôn nhân thất bại. Michael có thể nghe rõ cô ta đang nói gì, nhưng không muốn. Anh tắt ti vi. Chẳng có gì mấy để xem vào buổi chiều, và cuộc hẹn của anh với Toni là tận lúc năm giờ.

Nghĩ tới Toni làm anh không thoải mái. Cô thật lộng lẫy trong cái váy lụa đỏ hôm qua. Và khi cô nhoài qua để nối dây cáp vào máy tính của anh, Michael đã có ham muốn lớn lao là được vươn tay chạm vào làn da ấm áp mượt mịn đằng sau cái cổ áo khoét thấp. Anh không làm, nhưng cũng suyt.

Hồi còn học đại học, Michael sẽ không đời nào kiềm chế như vậy, nhưng giờ anh cẩn trọng hơn nhiều rồi. Toni khiến anh có cảm giác cô cởi mở, nhưng cũng có thể anh đọc sai hành động của cô. Bộ đồ cô mặc không thể coi là một gợi ý quá rõ ràng. Đạo này người ta ăn mặc cũng thoáng hơn mà. Michael đọc báo mỗi ngày để học cách tái hòa nhập với thế giới. Và anh thấy một cô người mẫu mặc bộ đồ liền thân bó sát và hẳn người ta sẽ nghĩ cô là người lăng lơ nếu là vào mười năm trước.

Giờ cánh đàn ông tán tỉnh phụ nữ thế nào nhỉ? Cách xử sự có thay đổi không? Michael đã nhiều năm không động chạm với ai, và anh không muốn phá vỡ mối thân tình với Toni bằng một sai lầm. Oakdale đã tiêu diệt khái niệm của anh về cách đàn ông hành động như thế nào. Tại Oakdale, anh thuộc ca 1563, là một kẻ bất lực người ta bắt ăn, bắt uống thuốc, bắt nhìn nhận lúc nào thì biết lúc đấy. Jack là người duy nhất đề cập tới tình dục, và là người duy nhất lôi chuyện đó ra đùa. Michael không có cơ hội được xử sự như một người đàn ông lâu lắm rồi, và không phải anh chỉ có một chút không chắc chắn về mình đâu.

Kể cả lúc này, khi anh được tự do hành động như một người đàn ông có trách nhiệm, anh trai anh lại bước vào thế vai Oakdale. Michael phải ở ru rú sau cánh cửa khóa, ăn những thứ cần ăn, ngủ đủ tám tiếng mỗi tối, và không được phép bực bội vì bất kì lí do gì. Biết Stan sợ em trai mình sẽ làm những điều cực kì không phù hợp cũng không giúp Michael tự tin thêm chút nào.

Michael nhảy dựng lên và vội vàng vào phòng làm việc. Còn hơn ba tiếng nữa mới đến bữa tối, vậy anh còn rất nhiều thời gian sửa lại bản thảo. Anh vừa quyết định biến nhân vật chính của mình thành một người đàn ông bị chi phối bởi một người anh trai yêu quý em nhưng cũng bảo bọc em quá đỗi.

Lester Robinson thở phì phò khi leo lên cầu thang bộ và mở cửa tầng trên cùng. Suốt ba năm qua, mỗi lần ông đi khám thường niên, bác sĩ lại bảo ông nên giảm cân đi. Ở tuổi bốn mươi lăm, ông có phần quá nặng nề. Ông chải mái tóc vàng thưa thớt để che đi khoảng hói đang rộng dần và dùng xịt tóc của vợ để giữ nếp. Ngoại hình đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp của ông, và ông ăn mặc rất chỉn chu với áo sơ mi trắng và vest đen mỗi ngày. Ông để kẹp cà vạt ở văn phòng dưới tầng, khi nào cần là sẵn tiện luôn.

“Sarah? Có cà phê chưa?”

Vợ ông xuất hiện ở cửa bếp. Khá đối lập với Lester, bà gầy và di chuyển nhanh nhẹn, nhẹ nhàng đến mức ngạc nhiên. Năng lượng và nghị lực của bà là vốn quý thật sự với công việc của Lester. Bà giúp ông làm những việc mà hầu hết cánh phụ nữ chán ốm, và Lester rất mừng vì mình đã nhìn xa trông rộng mà kết hôn với bà. Bà lớn hơn ông mười tuổi, lúc đầu cả hai bên gia đình đều phản đối, nhưng Lester biết mình đã quyết định đúng.

“Anh yêu, em vừa pha rồi.” Sarah Robinson lau tay vào cái khăn xanh kẻ ca-rô và thở dài khi nhìn thấy gương mặt mướt mát mồ hôi của Lester. “Sao anh không dùng thang máy hả Lester? Leo từng đó bậc cầu thang không tốt cho anh đâu.”

“Em lo lắng nhiều quá rồi, Sarah. Anh cần tập thể dục và mỗi khi anh cố gắng ra ngoài đi bộ như bác sĩ bảo, điện thoại lại kêu. Thế bố đâu?”

“Bố lái xe ra ngoài chút rồi, anh ạ. Cùng với bác Reese. Họ ra ngoài ăn bánh dâu tây.”

“Họ ra ngoài ăn bánh à? Khi mà em làm bánh là ngon nhất thế giới sao?”

“Cảm ơn anh, Lester.”

Sarah mỉm cười, và gương mặt gầy gò của bà phớt chút hồng. Bà trông cũng tạm được, và điều đó làm Lester thấy thoải mái. Ông khen bà mỗi khi có dịp và bà luôn thấy biết ơn ông mỗi dịp như thế. Có thể ngoại hình của bà không được bằng người ta, nhưng trời lại bù đắp cho bà ở nhiều điểm khác.

“Để bố ra ngoài cũng tốt, anh ạ. Và bác Reese sang đây để mời bố đi ăn mà. Bác ấy bảo người ta cần thêm chân thứ tư trong ván bài brít tại trung tâm hội thượng lưu, và bố anh có vẻ thích tham gia.”

“VẬY CŨNG TỐT, MIỄN LÀ BỐ KHÔNG QUÊN CÁCH TỔ BÀI. HÔM NAY TỐT CHỨ?”

Sarah gật đầu, rồi những lọn tóc xoắn xù mì của bà nảy lên nảy xuống. “Sáng nay bố nói suốt một tiếng về lần phục vụ đầu tiên của bố tại Emerald Hills. Và không hề nhầm một lần nào.”

“Đây là một trong những câu chuyện yêu thích của bố mà.” Lester cười và rót cho mình một tách cà phê. “Ông có cả trăm câu chuyện ấy chứ, Sarah, cả cuộc đời đầy những giai thoại hài hước. Nếu ông viết ra chắc thành một cuốn bestseller luôn.”

“Có lẽ.” Sarah có vẻ hoài ngờ khi ngồi xuống bên bàn cùng chồng. “Em không chắc đâu, chồng à. Nhiều người nghĩ mấy chuyện đó có vấn đề.”

“Nhưng, Sarah, chúng vui mà. Muốn làm nghề này thì em phải có khiếu hài hước. Anh đã kể cho em nghe lần bố cùng mẹ nằm vào chiếc quan tài hạng sang nhất và nhờ thợ chụp ảnh cho chưa?”

“Em xem bức đó rồi.” Sarah không thể nào không nhoen miệng cười. “Bố em nghĩ đây là bức ảnh hài hước nhất ông từng thấy. Mà tính bố em cũng hài lắm nhé. Ông thường nói anh phải có tài ngoại giao khôn khéo, tâm tính của một vị thánh và óc hài hước của Groucho Marx [25] để sống sót trong cái nghề này.”

“Đúng thế. Giờ anh đang vướng phải một vụ khó nhằn đây, Sarah. Nhiều vụ anh xử lí ngon lành vì anh không biết họ, nhưng anh biết gã này khá rõ.”

“Chàng họa sĩ.” Sarah gật đầu. “Một sự tình cờ kì lạ đó, Lester ạ. Anh vốn không quen biết nhiều người trong thành phố rộng lớn này mà.”

“Ừ, nhưng mẹ anh ta là thành viên Giáo hội Trưởng Lão [26]. Thế nên anh phải làm cho thật chu đáo. Mà nói mới nhớ, chúng ta thật sự phải tới buổi gây quỹ của giáo phận Saint Agnes vào thứ Bảy tới, chỉ ít tiền và bắt tay vài người. Rất nhiều chuyện phụ thuộc vào các mối quan hệ xã giao đấy. Khi nỗi buồn ập tới một gia đình, người ta sẽ gọi tới cho nơi tổ chức tang lễ đầu tiên người ta nghĩ đến.”

“Saint Agnes luôn là địa bàn của Kingman. Anh nghĩ chúng ta có thể tác động tới đó à?”

“Anh không biết, nhưng giờ phải thử thôi. Anh nghe rất nhiều người bảo họ không thích cách trang điểm cho người quá cố của bên Kingman.”

Sarah cười. “Em biết mà anh. Diane Adams vừa nói với em vào hôm kia xong. Kingman đã mở buổi tuyển học viên. Anh tin được không? Một buổi tuyển học viên tại tang lễ đấy! Diane tất nhiên sẽ đi rồi. Anh biết cô ấy vẫn luôn luôn tay luôn chân mà. Và cô ấy nói họ kết một vách hoa oải hương trong phòng trưng bày. Belinda Kingman đúng là chẳng biết thế nào là hợp lí cả. Đây là chuyện sẽ xảy ra khi anh kết hôn với người ngoài nghề đấy.”

“Có vẻ như anh thấy mùi của chế nhạo thì phải, Sarah? Có lẽ là một chút bực bội từ tiểu quý hay ghen chằng?”

“Đâu có! Em biết anh có hẹn hò với cô ta hồi trung học, nhưng mãi sau này anh mới quen em cơ mà.”

“Ờ, anh may mắn vì đã không lấy cô ta.” Lester đưa tay nắm tay bà. “Em đã giúp anh rất nhiều, Sarah ạ. Em rất biết cách đối xử với tang quyến, và em luôn biết nên nói gì. Em là người vợ tuyệt nhất trần đời đấy.”

“Cảm ơn anh, Lester.” Sarah nhìn tách cà phê và đỏ mặt. “Thôi, em nên đi đặt thiệp chia buồn cho nhà Wallace thôi. Mất hai ngày mới in xong đấy.”

“Anh cũng nên chạy xuống làm việc thôi. Chí ít thì hôm nay em không phải lo anh không tuân thủ đúng chế độ ăn rồi nhé. Anh không nghĩ mình có thể ăn được gì trước khi lo liệu chu toàn cho người quá cố.”

“Tệ thế sao?”

Lester gật đầu. “Cũng không có nhiều việc để làm đâu, Sarah, nhưng anh không muốn đi sâu vào chi tiết. Và bà Wallace cứ đòi phải đặt bằng được một cỗ quan tài mở. Thế nên mới vất vả cho anh.”

“Anh làm được không?”

Sarah tỏ vẻ lo lắng, và Lester đứng dậy hôn lên má vợ. “Tất nhiên là được rồi. Anh sẽ gỡ hết mảnh mung ra thôi. Em có thời gian xuống giúp anh trang điểm cho gã xấu số kia chứ? Em mà làm là nhất thành phố đấy.”

“Ôi, Lester!” Sarah lại mỉm cười. “Anh biết em muốn giúp mà. Một tiếng nữa em sẽ gọi điện hỏi anh xong chưa nhé.”

Lester lại hôn vợ và đi ra cửa. Ông dừng lại, khi tay đã đặt trên nắm đấm. “Nếu bố về, cố giữ bố ở trên này nhé? Ông ấy luôn muốn giúp, nhưng không được ồ lăm. Chúng ta sẽ để ông ấy chải tóc hay làm gì đó sau khi đã xong xuôi.”

Michael đặt li rượu xuống và thở dài. Đã sắp tới giờ anh phải trở về căn hộ để nghe điện từ Stan. Sao anh trai anh lại thấy cần phải gọi điện kiểm tra anh mọi tối nhỉ?

“Toni? Anh xin lỗi, nhưng anh phải về thôi. Anh đang chờ điện thoại.”

Toni duỗi dài người, và chiếc áo len lỗ của cô rõ ràng ôm lấy bộ ngực. Michael biết cô không mặc áo chíp.

“Anh luôn về để nghe cuộc điện lúc chín giờ. Thần bí quá à nha.”

“Không hẳn. Anh trai anh gọi đấy mà. Anh ấy thích giữ liên lạc.”

“Anh trai anh?” Toni cười. “Thế mà em cứ tưởng anh đi nghe điện thoại từ những người phụ nữ đã tan nát cõi lòng mà anh bỏ lại ở Cleveland cơ đấy.”

“Trí tưởng tượng của em phong phú quá, Toni. Anh đâu có phải loại sở Khanh.”

“Ờ, em đâu có biết. Anh cũng đẹp trai mà. Và đôi mắt nâu sậm của anh biết câu hồn lăm.”

“Còn gì nữa không?” Michael nhướn miệng cười.

“À, vóc dáng anh cũng được. Cơ bắp vẫn săn chắc. Và...” Toni ngừng khi thấy nụ cười của anh. “Anh đang mời em khen anh, Mike Kruger!”

Michael đứng lên. “Tất nhiên rồi. Được một người phụ nữ xinh đẹp nấu ăn ngon, thành thạo máy tính khen anh thấy vui lắm.”

Toni đỏ mặt và ngượng ngùng. “Nhưng em chẳng thành thạo gì đâu! Em còn quên ghi đĩa cho anh. Em sẽ làm trong lúc anh nghe điện vậy, và lúc nào xong anh sang mà lấy nhé. Ai biết điều gì sẽ tới nếu anh tới đây sau chín giờ? Nếu em mà là anh, em sẽ chuẩn bị sẵn sàng.”

Michael chăm chú nhìn cô. Lời nói quá bạo làm mặt mũi cô đỏ bừng. Cô ngượng tới mức không dám nhìn vào mắt anh. Một lời thoại trong vở kịch của Shakespeare hiện lên trong đầu anh. Nó có đúng với sự mâu thuẫn kì cục mà anh thấy trong cách cư xử của Toni không? Anh dám cá là có.

“Được thôi, Toni. Anh sẽ quay lại, cùng một chai cognac. Nhớ Dorothy Parker viết gì về rượu không?”

Mặt Toni càng đỏ tợn. Cô nhớ rõ câu đấy chứ. Là, Kẹo là nhất nhưng rượu còn nhanh hơn. Vậy là Mike thật sự định quyến rũ cô sao?

Michael đi ra cửa và nhìn lần cuối. Mặt mũi cô vẫn đỏ bừng, và trông cô hơi ngỡ ngàng vì lời đáp trả đường đột trước đòn tấn công của cô.

“Anh nghĩ có thể khuyên em mặc gì đó thoải mái hơn, nhưng thế này là được lắm rồi.”

Michael vừa cười vừa đóng cửa. Anh cười suốt hành lang đến khi vào căn hộ và bật đèn. Phát hiện của anh về Toni quả là một hé lộ.

Anh đã nghĩ rất nhiều về Toni trong vài ngày qua, nhưng không một suy nghĩ nào dẫn tới phân tích kia. Rõ ràng Toni muốn anh lên giường cùng cô, nhưng có gì đó khiến anh ngần ngại.

Quả đúng, một phần nguyên do là ở tính do dự không quyết của anh, nhưng một bản năng mạnh hơn đã cảnh báo anh hãy đợi và quan sát thêm một thời gian nữa. Và rồi, chỉ một lúc trước, một câu trích đã nảy ra trong đầu anh. Hamlet đã nói, Tôi cho rằng đàn bà phản đối quá nhiều. Đây lại hoàn toàn ngược lại, một điều anh không ngờ tới, nhưng giờ anh chắc chắn mình đúng.

Michael lấy ra chai cognac và gạt gù. Mọi điều hợp lý rồi. Cách cô ấy mặc đồ khêu gợi rồi đỏ mặt khi anh nhìn. Những lời nhận xét mời gọi của cô nghe gượng ép và không tự nhiên. Mọi lời đề nghị lả lơi tán tỉnh của Toni đều chứa đựng sự căng thẳng cố giấu khiến anh hoàn toàn bối rối. Nhưng tối nay cuối cùng anh cũng hiểu ra, cảm ơn đại thi hào nhé.

Khi điện thoại đổ chuông, Michael nhắc máy ngay. Anh sẽ cố nói chuyện với Stan ngắn gọn thôi - trấn an anh trai rằng mọi chuyện đều ổn và anh sẽ ngoan ngoãn đợi tới cuộc gọi ngày mai. Và rồi anh sẽ trở lại ngay nhà Toni tiếp tục buổi tối họ vừa mới bắt đầu.

Toni nhét đĩa vào máy tính và bật chương trình in. Mike khiến cô đứng ngòai không yên ngay sau khi anh ra về. Tất nhiên, cô đã trêu chọc anh khi mặc cái áo len lỗ này. Đây là một lời khuyên khác từ Doris. Họ quyết định rằng hôm nay sẽ chơi tới bến. Nhưng Toni không ngờ được chuyện lại thành công!

Mike có nghiêm túc không khi trích câu của Dorothy Parker? Anh có thật lòng định trở lại lên giường cùng cô không? Tay cô hơi run khi nhét giấy vào khay máy in. Thật lòng cô muốn anh quay lại. Đây vẫn là chủ ý bấy lâu nay của cô cơ mà. Cô đã khích lệ, giục giã và khoe thân trước mặt anh để thúc đẩy phản ứng kia.

Tới phần nhập số lượng bản in, Toni lưỡng lự, rồi nhấn số 2. Cô muốn đọc bản thảo của Mike, nhưng có lẽ anh sẽ ngại cho cô đọc. Nếu nó tệ, cô sẽ không bao giờ để hở ra rằng mình từng đọc nó. Nhưng nếu hay, có lẽ cô sẽ giúp anh tìm một nhà xuất bản.

Máy in laser hoạt động, và bắt đầu in từng trang một. Mười trang cả thảy. Một khởi đầu tuyệt vời đây. Toni lấy bản đầu tiên và đặt trên bàn. Khi tới bản thứ hai, cô nghĩ về lời Mike nói vừa nãy. Cognac. Anh sẽ mang cognac sang. Ý của anh có đúng như cô nghĩ không nhỉ? Cô phải ngừng nghĩ về chuyện này ngay hoặc không cô sẽ lo lắng nặng xị lên mất.

Toni bật đèn bàn và bắt đầu đọc. Cô nghĩ mình đang làm một việc không nên, nhưng không đời nào cô bỏ qua một cơ hội thế này. Cô muốn biết

thêm về Mike, biết nhiều hơn nữa. Có lẽ những gì anh viết sẽ cho cô hiểu thêm về tính cách của anh.

May mà cô đọc nhanh. Toni mất chưa đầy năm phút để hoàn tất. Hay thật. Còn hơn cả hay ấy chứ. Máy trang bản thảo kia quá là thu hút và ám ảnh. Nó không hẳn giúp cô hiểu thêm chút nào về người đàn ông tên Mike Kruger, nhưng cô không thể đợi để đọc tiếp. Đây là một tác phẩm hư cấu - về một bệnh nhân tâm thần - nhưng Mike quả là một cây bút xuất chúng. Cô choáng ngợp trước cảm giác rất thật của mình về một không gian mà anh không hề biết tới.

Anh có thể quay lại bất cứ lúc nào. Toni hơi rùng mình khi nhét bản thảo vào ngăn kéo. Câu nói bảo cô mặc gì đó thoải mái hơn vào chắc chắn là một sự thay đổi với anh. Trước nay anh chẳng bao giờ nói vậy hết! Nếu cô chỉ lo lắng hơn một tí nữa thôi, cô hẳn sẽ mặc cái áo choàng trong suốt Doris mua tặng cô từ cửa hàng Frederick of Hollywood.

Stan vẫn nhúu mày khi trộn đồ uống giàu đạm cho buổi tối và rót vào cốc. Mike có vẻ lo lắng khi nói chuyện qua quýt tối nay. Cậu ấy kêu mệt rồi bảo định rút điện thoại đi ngủ luôn.

Rút điện thoại? Stan nghĩ chuyện đó thật điên rồ cho đến khi Mike phân trần về chuyện xảy ra. Ba cuộc gọi nhằm tới số máy của cậu ấy vào lúc sáng sớm, và kể từ lúc đó Mike không tài nào ngủ tiếp được. Vậy là anh hiểu khác đi. Mike cần ngủ.

Có gì đó xảy ra với Mike, và điều ấy làm Stan lo lắng. Mấy ngày gần đây em trai anh tự nhiên khang khác. Cậu ấy không dễ bảo như đợt trước và có vẻ chẳng cần lời khuyên của Stan nữa. Đáng sợ hơn, Mike không thích nói chuyện cà kê với anh như mấy ngày đầu sau khi trốn viện. Đó không phải tín hiệu tốt, theo như lời của bác sĩ tâm thần. Bất cứ ai đều cần có người bầu bạn tâm sự, và Mike có vẻ chẳng có ai ngoài anh. Stan chỉ có thể kết luận rằng em trai mình đang dần trở nên hướng nội và kín kẽ, một trong những dấu hiệu đầu tiên của chứng rối loạn tâm thần. Nếu chẳng may Mike hoàn toàn hóa điên trước khi anh giải quyết mọi chuyện hợp tình hợp lý thì sao?

Thức uống giàu đạm chẳng hề ngon lành chút nào, nhưng Stan uống cạn và để cốc lại quầy bếp. Maria sẽ rửa khi tới vào sáng mai. Cô ấy bảo anh rằng anh đang ném tiền qua cửa sổ, rằng cô chẳng làm nhiều nhận gì mấy để hưởng mức lương hiện nay. Nhưng Maria chỉ chịu làm việc toàn thời gian, và Stan không muốn liêu thuê người mới. Anh có thể tin Maria. Cô tuyệt đối thật thà, và không hề tắt mắt. Anh biết rõ điều đó. Anh đã thử vài lần, và cô vượt qua với kết quả mỹ mãn.

Stan vào văn phòng và bật đèn. Anh vẫn còn nhiều việc phải làm. Vấn đề của Mike đã cắt bớt thời gian của anh với những thân chủ khác, và giờ anh phải làm bù.

Hồ sơ đầu tiên anh rút ra khỏi ca tấp là vụ Goldstein. Một bản di chúc mới. Lão già Hal này đã tái hôn, và ông ấy đặt ra kha khá thay đổi. Ông ta gạt cô con gái ra - cô ta không tán thành cuộc hôn nhân - nhưng đưa con trai vào. Cũng không có khác biệt gì nhiều, và Stan chỉ mất mấy phút để vạch ra di chúc mới. Ngày mai anh sẽ bảo Joyce đánh máy thêm các thay đổi, và Goldstein sẽ tới kí.

Hồ sơ tiếp theo được gắn giấy nhớ đỏ, như thế có nghĩa là nó sẽ ra tòa trong tháng này. Stan thở dài khi lật các trang. Một vụ khởi kiện không cần thiết, nhưng cũng mang về cho anh kha khá tiền nhờ thụ lí nó. Vì trong vụ này có vài tình tiết phức tạp nên cánh luật sư tập sự khó lòng xử lí được. Anh sẽ giao cho một luật sư cấp cao trong buổi họp nhân viên ngày mai.

Hồ sơ của bà Burke dài hơn một chút. Kiện thành phố không bao giờ dễ. Nhưng mọi thứ đã đầu vào đấy sau nửa tiếng làm việc. Anh thấy tự hài lòng. Vụ này anh thắng chắc. Như dì Alice thường nói, vậy là anh có thêm một mảnh da đầu kẻ địch nữa để đeo vào thắt lưng.

Hồ sơ của cuối cùng là của Richard O'Connell. Stan thở dài khi lật xem. Richard là đứa con trời đánh của Joyce, và tháng trước cậu ta bị bắt vì sở hữu đồ phi pháp. Một ounce rưỡi cần sa. Sao thằng nhóc đó ngu thế chứ? Ai nấy đều biết lén lút buôn dưới một ounce cần sa thì OK thôi, nhưng chỉ cần trên một gam là chết chắc.

Khi Joyce tìm đến Stan, anh đã bảo mình không xử lí những vụ liên quan tới buôn bán ma túy. Nhưng Joyce là một thư kí mẫn cán, người giỏi nhất từng làm việc cho anh, và anh đành nhận giúp.

Stan nhòe miệng cười khi nghĩ tới một giải pháp tuyệt hảo. Anh sẽ nói chuyện thẳng thắn với Joyce vào sáng mai, bảo cô rằng anh muốn điều tốt nhất cho con trai cô nhưng anh lực bất tòng tâm. Anh sẽ giới thiệu cho cô một luật sư chuyên xử lí dạng án này, và sẽ đề nghị trả phí giúp cô để đền đáp cho sự cống hiến của cô với hãng. Thế là cô cảm động, còn anh thì

rảnh nợ. Và nếu như tay thầy cãi kia thua kiện, mà điều đó là chắc chắn, Joyce cũng không thể trách móc gì anh.

Anh đã làm xong việc của tối nay. Stan ngả lưng ra ghế và thở dài. Chỉ còn phải làm vài chuyện nữa là anh có thể leo lên giường đánh một giấc.

Anh mở ngăn kéo đựng tài liệu và lôi hồ sơ của giáo sư Zimmer ra. Stan đã ghi âm lại cuộc gặp của họ. Anh ghi âm mọi cuộc nói chuyện của mình và giữ lại những cuốn băng quan trọng. Giờ anh đang nghe lại, từ đầu chí cuối, và đi đến cùng một kết luận như trước. Với cuốn băng của giáo sư làm bằng chứng, rất có khả năng Mike sẽ được minh oan. Anh đã vô cùng đúng đắn khi tiến hành kế hoạch anh vạch ra.

Toni mở mắt và chớp chớp hai cái. Cô mơ màng và bối rối ngược nhìn Mike. Trước đây cô không phải không hôn ai, nhưng chưa bao giờ có phản ứng này. Mọi tế bào trong cơ thể cô đều gào thét đòi hỏi thêm, nhưng trước khi chuyện diễn tiến xa hơn, cô phải thú thật đã. Cô không thể lừa dối anh thêm nữa.

“Mike? Em phải thú thật thế này. Anh ạ, em thực sự không...”

“Anh biết, Toni. Không sao hết.”

Toni ngồi thẳng hơn. “Cái gì không sao hết?”

“Chuyện em không biết nấu ăn ấy.”

“Nhưng sao anh...”

Nhưng, trước khi cô kịp hỏi xong, anh đã lại hôn cô. Sao anh có ảnh hưởng tới mức này tới cô nhỉ? Cô muốn hôn anh cả đời, có lẽ là lâu hơn nữa. Rồi cuối cùng khi nụ hôn đã dứt, cô không thở nổi. Giờ cô nên nói gì đó. Nói rằng cô thích được anh hôn. Nhưng cô còn hơn cả thích ấy chứ. Trước khi cô kịp nghĩ ra một tính từ nào thích hợp để thể hiện một điều gì đó khó diễn tả, anh đã nhắc bồng cô khỏi ghế.

Toni quàng cả hai tay qua cổ anh, nhưng có vẻ cô không lo bị ngã. Anh thở dốc, và cô cũng thế. Giờ anh sẽ làm gì đây? Tới giường, chắc rồi. Anh đặt cô xuống giường.

Anh bắt đầu cởi đồ của cô. Anh không gặp một chút khó khăn nào với các khóa và cúc. Cô chọn đồ cẩn thận cho tối nay cũng chính vì nguyên nhân này. Mọi thứ cô mặc đều dễ cởi.

Anh đã cởi áo, và cô hé mắt nhìn, rồi lại vội vàng nhắm lại. Anh thật đẹp, mạnh mẽ, săn chắc và... cô không dám nghĩ tới phần đó.

Và rồi anh chạm vào cơ thể cô. Tim cô đập rộn ràng tới độ cô tự hỏi liệu mình có thể lên cơn đau tim và chết trước khi...

“Em có thích không, Toni?”

“Ôi có!” Tiếng kêu của Toni là lời van xin anh hãy tiếp tục. Đôi môi anh nóng quá, như lửa cháy trên làn da trần của cô. Nhưng nếu anh không hiểu thì sao?

“Mike? Em phải nói với anh rằng em...”

“Anh biết. Cứ để việc đó cho anh. Được không, Toni?”

Toni cố hết sức để ngồi dậy. Anh rõ ràng nghĩ mình biết chính xác cô định nói gì, nhưng không hề.

“Nhưng Mike à, anh không biết em đang định nói gì đâu!”

“Có, anh biết chứ.” Anh lại cúi xuống hôn cô, và Toni ngã người ra giường, ôm anh rất chặt. Vậy chuyện sẽ thế này, cô sẽ cảm thấy lâng lâng ngây ngất. Nhưng cô phải nói với anh trước khi quá muộn, rồi anh sẽ ngỡ ngàng và giận cô.

“Làm ơn đi Mike. Anh phải để em nói đã.”

Anh vuốt tóc cô, và cô rùng mình. Điều cô sắp nói đây có thể phá hỏng tất cả. Có lẽ anh sẽ không muốn tiếp tục nếu như biết sự thật. Và rồi anh cười, khiến cô hoàn toàn ngớ ra.

“Đừng nghiêm túc quá, Toni. Có phải thế giới đi đến hồi tận thế đâu em. Anh không cần biết quá khứ của em và những lí do. Đây không phải việc của anh. Em khiến anh rất bối rối vì những nhận xét khơi gợi và những trang phục quyến rũ. Và em hôn anh như thể không có ngày mai, nhưng anh biết em là...”

Toni xen ngang trước khi anh kịp nói xong. Lời nói của cô bật ra như đạn trong súng liên thanh; cô gằn từng tiếng một.

“Anh nghĩ em là điếm?”

Lần này anh bò lăn ra cười, và cô sợ họ sẽ rơi xuống khỏi giường mất. Nơi cuối cùng cô muốn có mặt là ở cùng giường với người đàn ông nghĩ cô là điếm. Toni cố vùng ra, nhưng anh ôm cô rất chặt. Nếu cô mà nhúc nhích được tay, chắc chắn cô sẽ tát anh. Trong đời cô chưa bao giờ bức tới độ này!

Nhanh hết như khi nổi giận, cô cũng nguôi giận rất nhanh, và trong lòng nảy lên cảm giác nghi ngờ tệ hại. Cô có thể trách vì anh nghĩ vậy không? Cô có lẽ đã hành xử như một con điếm, nếu như cô xét lại. Cô không thể đổ lỗi cho anh khi anh đi tới một kết luận hợp tình hợp lý như thế.

Nước mắt cô trào ra, và cô chớp chớp tìm chúng lại. Mọi chuyện đều rẽ sai hướng, và giờ cô thấy tất cả đều là lỗi của mình. Cô chơi trò lừa dối quyến rũ, và giỏi tới độ lừa được Mike. Cô đã làm sai hết và giờ đã quá muộn để giải thích. Anh sẽ không bao giờ tin cô.

Anh đang hôn lên cổ và khoe mắt Toni, ôm cô rất chặt khiến cô còn bối rối hơn. Khi anh ngừng lại, cô không thể nghĩ ra nổi một từ để nói. Anh muốn ngủ với một con điếm sao? Có lẽ điều đó khiến anh có hứng. Và khi anh phát hiện ra tất cả chỉ là diễn, anh sẽ ghét cô thôi.

“Mike?”

“Ừ, Toni. Em ngốc lắm.”

Ít nhất anh cũng thôi cười. Toni đoán người ta không thể vừa cười vừa hôn được. Và giọng anh dịu dàng nhẹ nhàng. Vậy là có hi vọng, phải không?

“Em cứ trêu đùa anh, và em khiến anh không hiểu ra sao với những tín hiệu trái ngược, nhưng anh chưa từng nghĩ em làm điếm. Anh chỉ cực kỳ hạnh phúc vì em đã chọn anh là người đàn ông đầu tiên của đời em.”

“Anh biết ư?”

Cô chưa từng ngỡ tới vậy. May mà đèn đã tắt nếu không chắc hẳn anh sẽ thấy mặt cô đỏ lựng. Cô cảm giác cả người mình đã đỏ như tôm luộc.

“Anh mất một lúc nhưng cuối cùng cũng nhận ra.” Anh lại vuốt tóc cô, và cô rùng mình. “Em có thay đổi ý kiến về anh không?”

“Thay đổi ý kiến?” Toni lắc đầu. “Ôi không đâu, Mike. Nếu như anh còn muốn. Em chưa bao giờ đổi ý khi liên quan tới chuyện quan trọng. Và điều này cực kì quan trọng với em.”

“Cũng quan trọng với anh nữa.”

Anh nghiêm túc. Cô thấy điều đó trong giọng nói của anh. Anh thực lòng thích cô. Cô thấy ấm lòng, sung sướng và rất, rất an toàn.

“Mike? Nếu chúng ta sẽ... ở đó... em xin anh một điều nhé?”

“Ừ, Toni. Em muốn gì cũng được.”

“Ôi, vậy thì tốt. Anh bắt đầu lại nhé? Chính cái chuyện anh đang làm trước khi em nói mấy lời vợ vẫn vừa rồi ấy?”

“Là làm gì hả, Toni?”

“Chuyện gà không xương ấy, Mike.”

Ôi lạy Chúa! Cô lại lấy đá đập chân mình rồi. Người ta sẽ không giỡn vào thời khắc như thế này, phải không?

“Gà không xương là sao hả Toni?”

Toni biết mình phải giải thích. Anh đang đợi. Cô phải nói ra thôi.

“Đây là cảm giác của em. Gà không xương. Em đang cố nghĩ ra đúng từ để miêu tả cảm giác khi anh hôn em, nhưng lúc trước không nghĩ ra. ‘Gà không xương’ miêu tả đúng đấy.”

“Đó là lời khen phải không?”

“Ồ, đúng! Rất ít việc khiến em có cảm giác như gà không xương. Mà thực ra, chắc chẳng có cái gì có thể cho em cảm giác đó đâu.”

“Được thôi. Nếu em đã nói vậy.” Mike có vẻ ngờ vực, nhưng rồi cười. “Anh hơi sợ phải hỏi cảm nghĩ của em sau khi chúng ta làm tình.”

Không còn lời nói, chỉ có những cảm giác đê mê ngây ngất, họ không biết gì tới thời gian. Toni không biết thời gian đã trôi qua bao lâu, nhưng cuối cùng cô quyết định chủ động. Cô đưa một tay chống đầu và mỉm cười với Mike. “Tự nhiên đi Mike. Anh cứ hỏi.”

Im lặng rất lâu. Mike mất một lúc lâu mới hỏi cô. Anh hắng giọng và quay sang nhìn thẳng vào cô. “Được rồi. Anh không chịu được cảm giác hồi hộp này lâu hơn. Nói với anh đi, Toni... em thấy thế nào khi chúng ta ân ái? Này nhé, nếu em mà bảo giống patê gan, anh sẽ về nhà lấy một ổ bánh mì đấy.”

Toni cười. “Nghe được đấy! Em thích ăn bánh mì kẹp patê gan. Nhưng thật lòng nhé, Mike, em thấy mình như một mỹ nhân tuyệt sắc vậy.”

Lester? Dậy đi, Lester.”

Lester giật mình tỉnh giấc khi Sarah lay tay ông. Ông nhìn mặt đồng hồ loang loáng và rên rầm. Mới hai giờ sáng. Sao người ta cứ thích từ trần lúc nửa đêm nửa hôm thế nhỉ?

“Được rồi, Sarah. Anh dậy rồi.” Ông rời giường và bật đèn. “Anh còn không nghe thấy tiếng điện thoại.”

“Đâu có. Có người dưới lầu, Lester ạ. Em nghe thấy tiếng động.”

“À.” Lester chớp mắt để cho tỉnh ngủ. Sarah không phải dạng người hốt hoảng vì chuyện không đâu. Và bà không tưởng tượng ra tiếng động lúc đêm hôm. Bà lớn lên ở nhà tang lễ, và sống thoải mái ở môi trường ấy.

“Nghe thế nào?”

Sarah nhú mày. “Em không chắc. Có tiếng cọt két làm em thức giấc. Rồi một tiếng thịch.”

Lester gật đầu và xỏ dép. Ông cũng đoán sớm muộn chuyện này cũng lại xảy ra thôi. Từng có một sáng ông xuống nhà và thấy một con mèo trong phòng hậu sự. Con vật tội nghiệp đó không hiểu thế nào lại len được vào và hoảng hốt tìm đường thoát. Ông bế nó thả ra sân sau. Rồi ông kiểm tra lại cửa nẻo và lỗ thông khí, nhưng tất cả đều khóa chặt.

“Bình tĩnh đi, Sarah. Để anh đi xem xem. Có lẽ lại là con mèo kia thôi mà. Anh vẫn không biết nó chui vào theo đường nào.”

“Nghe tiếng thì em nghĩ không phải mèo, nhưng có lẽ anh đúng. Anh cẩn thận đấy nhé.”

Lester mỉm cười. Ông không thể kìm trêu chọc bà một chút. “Có lẽ một vị khách của chúng ta trốn ra đấy, Sarah ạ. Màu oải hương là sắc màu yêu

thích của bà Radzinski. Có lẽ bà ấy định sang chỗ Kingman để nằm an nghỉ tại căn phòng tuyền tím của ông ta.”

“Đừng đùa, Lester. Rõ ràng em nghe có tiếng mà.”

“Anh biết. Nếu lại là con mèo đó, anh nghĩ có khi nên nuôi nó thôi. Bố thường phải đi xuống nhà để lo chuyện chuột quấy phá.”

Sarah trầm ngâm. “Nghe không tồi đâu, Lester. Sao anh không cầm theo ít sữa nhỉ? Nếu anh cho nó ăn một lần, nó sẽ dính với anh luôn đấy. Anh muốn em đi cùng không? Em có duyên với động vật lắm.”

“Thôi, để anh lo. Em không việc gì phải dậy hết. Cứ ngủ tiếp để mai còn lo đối phó với bà Wallace. Bà ấy có vài ý tưởng gì đó cho dịch vụ tang lễ mà chắc là điên khùng lắm đây, và anh không át nổi bà ta.”

“Âm nhạc hả?”

“Không chỉ thế. Giờ bà ấy muốn một thuê thuyền và thủy táng đứa con ngoài biển. Và bà ấy nhất định muốn quay phim toàn bộ tang lễ để sao ra đưa cho bạn bè.”

“Ôi Lạy Chúa!” Sarah kéo chăn lên tận cằm. “Được rồi, Lester. Em sẽ cố nói phải quấy với bà ấy vậy. Nhưng cẩn thận với con mèo đó nhé? Anh không biết nó mang bệnh tật gì, và nó có thể truyền bệnh khi cào anh đấy.”

“Anh sẽ cẩn thận.” Lester mặc áo choàng ngủ và xỏ dép, rồi vào bếp lấy ít sữa. Ông quyết định quay ấm lên trong lò vi sóng, vậy nên ông trở vào phòng ngủ để hỏi Sarah xem nên đặt bao nhiêu giây.

“Sarah?” Lester ngó đầu vào, nhưng vợ ông đã ngáy khe khẽ. Ông ngưỡng mộ sự dễ ngủ của Sarah. Ông ước mình cũng được thế, nhưng một khi đã tỉnh, ông sẽ ráo hoảnh chừng hai tiếng. Ông không định gọi bà dậy vì câu hỏi ngu ngốc của mình về lò vi sóng. Nếu con mèo đòi uống sữa lạnh thì đành mặc kệ nó vậy.

Lester cẩn thận cầm cái bát và hộp các-tông bằng một tay trong lúc mở cửa. Cầu thang tối om, nhưng ông không muốn bật đèn. Thế sẽ dọa con mèo và ông sẽ không tìm ra nó nếu nó lủi vào trốn trong góc nào đó.

Ông biết rõ cầu thang như lòng bàn tay. Dù gì ông cũng lớn lên ở chính nhà tang lễ Robinson này mà. Khoảnh khắc đáng tự hào nhất của đời ông là lúc bố đổi tên nó thành Robinson và Con trai.

Ông rẽ phải khi tới chân cầu thang và đi thẳng vào phòng hậu sự. Cái mùi hương quen thuộc xộc vào mũi ngay khi ông mở cửa. Đó là thứ mùi hòa trộn giữa chất lưu ướp xác và dung dịch ammoniac ông dùng để lau sàn và bàn.

Lester bật đèn, và căn phòng sáng trưng dưới ánh đèn neon rực rỡ. Nó trắng tinh hệt như phòng mổ của bệnh viện. Bàn ướp xác bằng kim loại loang loáng dưới ánh đèn. Giờ bàn nằm ngang, nhưng có một cần gạt để nghiêng nó khi ông rút chất lưu. Đầu bàn có một miếng kê đầu di động sẽ ngoắc giữ đầu người quá cố. Miếng kê đầu đó làm bằng cao su cứng, và được tạo hình giống hình vẽ thấu kính hội tụ.

Trong môn Thuật ướp xác và tang chế 103, Lester đã học được rằng người Nhật thường dùng một loại gối tương tự như thế để gối đầu ngủ. Họ cho rằng gối mềm không tốt cho lưng, còn gối cứng giúp không khí lưu thông bên dưới và buộc người ngủ nằm đúng tư thế hơn. Vì Lester hay bị bệnh đau thắt lưng quấy rầy, ông đã về nhà và thử ngay. Ông chiếm cái gối cứng của bố từ phòng hậu sự và mang nó lên giường ngay trong tối đó. Nhưng kết quả là, ông trằn trọc cả đêm và sáng hôm sau tỉnh dậy với cái cổ đau như.

Lester nhìn dưới bàn và trong tủ quần áo. Chẳng có gì. Ông còn kiểm tra trong giá nhạc cụ sáng bóng, nhưng con mèo không trốn ở đấy. Ông tắt đèn và sang tìm thử ở phòng thăm viếng bên cạnh.

Phòng này dài và hẹp với những cỗ quan tài dựng đứng như lính gác hai bên hành lang. Trong môn Tiếp thị dịch vụ tang lễ 217, Lester đã học rằng cách bố trí đóng vai trò cực kì quan trọng. Bố ông luôn xếp quan tài bừa phứa, nhưng Lester đã thay đổi tất cả khi ông về nhà sau khi tốt nghiệp. Kết quả là lợi nhuận bố kiếm được tăng gần như ngay tức thì.

Tang quyến có vẻ ngại xem xét mọi quan tài trong phòng. Họ muốn chọn cho xong rồi nhanh nhanh chóng chóng rời khỏi chốn nường nấu của người

chết. Họ thường đứng sững giữa phòng và chọn cái đầu tiên trong vài mẫu bày trước hết. Và theo lẽ tự nhiên, đó là chỗ Lester bày những cỗ quan tài đắt nhất.

“Này, mèo con, mèo con.” Lester bước dọc hành lang và gọi khe khẽ, nhưng không có tiếng meo meo nào đáp lại. Ông đang đứng bên các mẫu tầm trung tiền giờ được hầu hết người dân ưa chuộng. Lester đã nghĩ ra cách nâng giá bằng cách cố tình mua về hai mẫu tầm trung sơn màu sắc giản dị. Cái bên trái màu tím hồng còn bên đối diện màu nâu sẫm. Nó suýt gây tác dụng ngược vào lần đầu tiên với bà Radzinski. Nhưng gia đình đã quyết định đặt hàng riêng sau khi ông bảo rằng nước da người mẹ yêu dấu của họ không hợp với nệm màu hồng tím bên trong quan tài.

Lester lại gọi con mèo, và một lát sau, ông nghe có tiếng lạo xạo hình như phát ra từ tiền sảnh. Con mèo đang ở một trong các phòng thăm viếng và ông rất mong nó không định nhảy trúng xác người quá cố. Theo như ông biết thì mèo dám làm thế lắm. Chúng sẽ chẳng ngại nằm cạnh người chết đâu. Lester tắt đèn và vội vàng men theo hành lang xuống xem sao. Ông rất ngại phải trang điểm lại nếu xác chết có bề gì.

Có ba phòng viếng. Họ sử dụng phòng nhỏ cho những đám tang có quy mô nội tộc. Phòng thứ hai lớn hơn, có ghế bành và bàn nhỏ để tang quyến có chỗ nghỉ ngơi. Phòng viếng lớn nhất có một chỗ chia buồn ở cuối phòng, và họ sẽ bày ghế gấp ra nếu người ta tới. Robinson và Con trai không đời nào dùng loại ghế rẻ tiền. Sarah đã lùng sục khắp vùng để tìm cho ra loại ghế gấp có nệm ngồi và tay vịn hẳn hoi. Nếu không thấy mấy cỗ quan tài, chắc người ta sẽ chẳng biết mình đang trong nhà tang lễ.

Các quan tài được đặt trên các bục kim loại có thể gấp gọn, nhẹ và vững chãi. Sarah phủ vải nhung trên bục để che đi các thanh chống và bánh xe. Xung quanh được bài trí những cây cọ giả, loại đắt tiền trông cực kì tự nhiên dù chúng được làm bằng nhựa có thể lau rửa được.

Lester tới cửa căn phòng cỡ trung và bật đèn. Căn phòng bừng sáng nhờ ánh sáng dịu tỏa ra từ những ngọn đèn màu hoa hồng. Đó là ý tưởng của

Sarah. Ánh sáng này khiến người chết trông như còn sống, như thể họ chỉ đang ngủ mà thôi.

Bà Kaczynski vẫn ổn. Không có dấu chân mèo trên người bà hay trên cổ quan tài kim loại mà gia đình bà ta chọn. Ông tắt đèn và đi sang phòng viếng thứ hai.

Bé Thompson vẫn nằm yên trong cỗ quan tài trắng xinh xắn, hai tay lồng vào nhau dưới lớp kính. Không có mèo đột nhập vào đây. Sarah đã tạo ra kì tích cho đứa trẻ chết lưu của Thompson. Đứa nhỏ trông rất thật, Lester bị thôi thúc muốn bế nó lên mà cứng nung.

Họ đặt Neal Wallace vào phòng viếng lớn nhất. Anh ta nằm trong cỗ quan tài bằng đồng đắt tiền nhất Lester có. Giờ ông ước giá mà mình đã nhập cái quan tài bằng vàng lá mà ông thấy trong buổi triển lãm quan tài lần trước. Nếu bà Wallace mà thấy nó trong phòng trưng bày, chắc chắn bà ta sẽ xì ra thêm bốn ngàn nữa chứ chẳng chơi.

Tang lễ của Neal Wallace hứa hẹn sẽ là một tấn trò đời, nếu tất cả đều nhất nhất theo ý mẹ anh chàng. Ông chưa nói với Sarah nhưng có thể tang lễ còn được đưa tin lên truyền hình. Họ đã lên lịch giờ thăm viếng, và bà Wallace bảo ông sẽ đón chừng bốn trăm người tới viếng vong linh người quá cố trong vòng từ tám tới mười giờ. Lester chỉ hi vọng họ đến theo đợt. Căn phòng sẽ ngột ngạt với từng đó người, và lớp trang điểm của Neal không được bền lắm. Ông nhắc mình nhớ bật điều hòa công suất tối đa. Nếu nhiệt độ quá cao thì thi thể của Neal sẽ chẳng chịu được lâu.

Lester bật bóng điện trên trần và bước về phía quan tài. Ông mới đi được nửa phòng thì dừng lại. Hộp bìa cứng đựng bát sữa rơi khỏi những ngón tay run run của ông, tạo thành vũng trắng lớn trên tấm thảm xám. Lester trở mắt nhìn người quá cố. Họ sẽ không thể nào nổi lên lại thi thể Neal một lần nữa, cả triệu năm nữa cũng không được. Một thằng điên nào đó đã đột nhập vào và mạo phạm thi thể.

Lester lùi lại và mở miệng hét gọi Sarah, nhưng âm thanh chết ngay trên môi ông trước khi kịp bật ra trong bầu không khí tĩnh lặng, ngập hương hoa. Một cú đâm bằng ống tiêm dài đựng nước hương ướp xác và Lester trở

thành kẻ thứ hai trong phòng viếng không còn nằm trong vòng phán xét của thế tục.

Sarah tỉnh dậy lúc sáu giờ sáng. Trời còn khá tối, nhưng bà không buồn bật đèn. Bảy giờ bà mới đánh thức Lester, nếu như điện thoại không đổ chuông. Ông có lẽ khó lòng ngủ lại được sau khi đi đuổi con mèo kia.

Chỉ chưa đầy mười phút, Sarah đã mặc đồ xong xuôi và sẵn sàng bắt đầu một ngày mới. Đây là khoảng thời gian yêu thích của bà. Cà phê tấu lên một giai điệu tươi vui trong cái ấm đun cà phê kiểu cũ - bà không cần bất kỳ một cái máy đời mới nào, xin cảm ơn! - và Sarah cười hạnh phúc. Kể từ hồi kết hôn tới giờ, bà không chọn được cái máy pha cà phê nào ưng ý. Phải lượn lờ ở mấy cửa hàng đồ cũ mãi bà mới mua được bốn cái đời cũ mà bà ưng để dùng dần. Loại cũ pha cà phê ngon hơn nhiều. Bà đã tự mình kiểm chứng rồi đấy thôi!

Sarah mở cửa sổ nhà bếp và hít vào phổi luồng không khí hanh khô của sáng sớm. Giờ còn sớm nên chưa hề có khói bụi. Dân đi tàu xe công cộng đi làm còn chưa rời giường. Thật tuyệt khi được hít thở không khí chưa bị ô nhiễm bởi khói thải và bộ biến đổi xúc tác bị hỏng. Đây là cái mùi trong lành của buổi sáng mà bà vẫn nhớ từ hồi nhỏ.

Cà phê đã pha xong. Sarah lấy cái cốc có in dòng chữ Guardian Casket Company ra khỏi giá và rót cho mình một cốc. Sau đó, bà ngồi bên bàn bếp và nghĩ mình thật may mắn vì được là vợ Lester. Vài năm trước khi Lester hỏi cưới, bà đã chấp nhận sẽ sống cô độc cả đời. Gương mặt bà nhìn thấy trong gương mỗi sáng chẳng hề đẹp chút nào. Dù mẹ bà luôn nói rằng sắc đẹp chỉ là lớp da, nhưng Sarah biết ngoại hình của bà sẽ chẳng bao giờ kiếm nổi cho mình một đức ông chồng. Vài người đàn ông bà quen đã chuồn thẳng khi biết bà sống ở đâu, và dù bà nói dối và bảo rằng mình chẳng liên quan tới việc dưới nhà, họ vẫn không mời bà đi chơi nữa.

Lester đã đến đáp lại những lời nguyện cầu của bà. Ông thông minh, cần cù và rất điển trai. Và khi được ông hỏi cưới, bà đã hạnh phúc tới ngồi sụp xuống mà khóc òa. Cuộc đời bà hẳn sẽ vô cùng buồn tẻ nếu không có ông. Có lẽ bà sẽ trông nhà cho bố, thi thoảng ra ngoài xem phim với một người

bạn, già đi và xấu dần theo năm tháng. Bà chẳng có lựa chọn nào khác. Kể cả nếu bà rời nhà sống tự lập, bà cũng không có kỹ năng nào. Bà biết mình dễ dàng kiếm được tấm bằng về ngành tang chế, nhưng như vậy chỉ tốn thời gian và tiền bạc. Không ai tin vào một nhà tang lễ do một người phụ nữ điều hành. Đúng, Lester là do trời ban cho bà, và bà luôn tận tâm hỗ trợ ông.

Bà phải ủi đồ. Sarah lấy túi áo bà thu hồi tối qua và bắt đầu công việc. Lester thay đồ ít nhất hai lần mỗi ngày, và bà muốn có vài bộ treo sẵn đó phòng lúc ông cần gấp. Cả Sarah và Lester thống nhất rằng áo sơ mi trắng là trang phục bắt buộc của nghề này. Belinda Kingman đã may mấy cái áo màu nhạt nhạt cho chồng, nhưng Sarah không cho rằng chúng phù hợp. Xanh bạc hà và xanh da trời quá xuống xã, và hồng cực kỳ không phù hợp. Nếu Belinda mà là bạn bà thì bà đã nói rồi, nhưng bà quyết định cứ để nhà Kingman muốn làm thế nào thì làm. Nếu người ta không thích lối ăn mặc của Harvey Kingman, họ có lẽ sẽ chuyển sang dùng dịch vụ của nhà tang lễ Robinson và Con trai.

Sarah liếc nhìn đồng hồ. Sắp bảy giờ rồi. Bà treo mấy cái áo sơ mi vào tủ của Lester rồi đi đánh thức ông. Lúc xếp quần áo vào tủ, bà làm mấy cái móc phát ra tiếng động nhưng Lester không hề thức giấc hỏi bà xem đã mấy giờ. Khi xong xuôi, bà tới bên giường và nhẹ nhàng gọi:

“Lester ơi? Đến giờ dậy rồi.”

Chăn đôn đống ở bên giường phía ông nằm. Ông có thói quen kéo chăn trùm kín đầu khi có ánh sáng và ông không muốn dậy. Bà nhẹ nhàng kéo chăn và cúi xuống định hôn lên má chồng, nhưng giường trống không.

Sarah nhú mày khi trở lại vào bếp rót sẵn một tách cà phê cho ông. Bà thừa biết ông đang ở đâu. Ông quá mệt sau khi đuổi con mèo kia, và sẽ nằm nghỉ trên chiếc ghế bành trong một phòng viếng, chứ chẳng buồn lên lầu ngủ. Vậy chắc chắn ông sẽ thức dậy với cái cổ đau cứng.

Bà bưng cà phê xuống dưới nhà, cùng với ba viên aspirin được nhét trong túi tạp dề. Ông đã chọn phòng nào nhỉ? Chắc chắn không phải cái phòng nhỏ rồi. Phòng đó có hai chiếc ghế đôi, nhưng quá nhỏ so với chiều

cao sáu foot của ông. Và mấy bộ ghế bành ở phòng giữa vải lại thô ráp. Chắc hẳn ông sẽ chọn căn phòng rộng rãi nhất. Chắc ông đang ngủ say sưa trên chiếc ghế bành mềm mại bọc vải nhung dài tám foot họ mới mua.

Michael trở lưng và mỉm cười trong niềm thỏa mãn thuần khiết. Năng sớm mai rơi vào giường ngủ và bị chia thành những mảnh vàng vì lớp rèm thưa che cửa sổ. Anh thấy thật tuyệt sau một đêm ngủ ngon mà lâu lắm rồi anh mới có.

Anh đuổi người và rời giường, rồi đi chân trần ra cửa sổ. Đây là một ngày hoàn mỹ hơn bao giờ hết. Cỏ trên sân xanh bóng như tấm thảm dày màu xanh lục bảo đẹp để trải dài bên dưới anh, và trên kia là bầu trời trong xanh không một vẩn mây. Một buổi sáng đẹp như trong bư thiếp. Anh ước mình có máy ảnh để chụp lại khoảnh khắc này và gửi cho những con người bất hạnh không được sống tại Nam California.

Michael mặc áo choàng ngủ và vào bếp pha cà phê. Trong lúc đun nước, anh liếc nhìn đồng hồ trên lò vi sóng. Bảy giờ hai mươi. Anh dậy sớm. Anh thường lò dò ra khỏi giường vừa kịp lúc chạy bộ tám chín giờ với Toni.

Toni. Michael dừng bước khi nhớ lại chuyện tối qua. Sao anh thấy sung sướng thế này! Anh nhớ mình đã thỏa mãn thế nào khi họ ngủ trong vòng tay nhau. Nhưng sao anh lại ở đây, trong căn hộ của mình nhỉ? Anh không hề nhớ đã tỉnh dậy và về nhà.

Michael vội vàng chạy về phòng ngủ và kiểm tra cái ghế nơi anh thường ném quần áo. Có quần dài, áo sơ mi anh mặc hồi tối qua. Ít nhất anh không trần như nhộng mộng du đi qua hành lang về nhà!

Cô có thấy kì quặc khi tỉnh giấc và thấy anh đã đi không? Tất nhiên là có rồi. Anh nên nhanh nghĩ ra lời giải thích. Rồi anh nhớ đã nghe thấy điện thoại kêu. Có đúng không nhỉ? Nó đã thật sự đổ chuông chẳng? Không, không thể. Nhưng anh có thể bảo cô rằng mình chạy ù về nhà lấy đồ ăn sáng.

Michael mở tủ lạnh và tìm thấy gì đó chứng minh cho lời tuyên bố của mình. Sáu chiếc bánh Đan Mạch cũng được đấy. Trong lúc đợi bánh Đan Mạch rã đông trong lò vi sóng, anh chạy vội về phòng ngủ và đóng bộ hệt như hồi tối qua. Rồi anh tắt tả ra bếp lấy bánh và lao ào qua hành lang để gõ cửa nhà Toni. Giờ không còn thời gian suy nghĩ anh đã làm gì hồi tối qua trong lúc vừa mơ ngủ vừa mặc đồ và rời căn hộ của Toni. Anh sẽ cố nhớ lại sau, khi nào ở một mình.

“Mike!” Toni mở cửa và mỉm cười khi thấy bánh Đan Mạch. “Em đang tự hỏi xem anh đi đâu.”

“Em vừa dậy à?” Michael cố nói giọng thật bình thường. Nếu cô thấy anh biến mất giữa đêm, anh sẽ phải nghĩ ra lời giải thích khác.

Toni gật đầu. “Em vừa pha cà phê, nhưng chưa được đâu. Mấy cái bánh nhìn ngon quá. Em đói chết mất. Anh về lúc nào thế?”

“Anh chẳng biết nữa. Anh không nhìn đồng hồ. Nhưng anh đi rất khê.”

“Anh không cần phải khê khàng vì em đâu. Ban kèn đồng có đi vào phòng em và chơi Quốc ca em cũng còn ngủ được cơ mà. Em chẳng bao giờ tỉnh giấc trước bảy rưỡi.”

“VẬY em ngủ say như cún con ấy nhỉ.”

“Cún con say sữa mới đúng.”

“Thế làm sao em dậy kịp cho lớp học máy tính lớp bảy giờ mà em đã kể với anh?”

“À, Doris tới lôi em rời giường bằng được. Mà anh chắc muốn nghe tất cả không? Em nghĩ cà phê được rồi đấy.”

“Anh muốn nghe chứ.”

“Được rồi. Harry hồi đó trực tuần tra khu nghĩa địa tầm từ mười một giờ tới bảy giờ. Doris bảo em đặt điện thoại ngay cạnh giường và Harry sẽ gọi em dậy vào sáu giờ mỗi sáng.”

“Điện thoại kêu thì em dậy mà chuông đồng hồ thì em không nghe?”

Toni gật đầu cái rụp. “À, vâng. Không hiểu sao em không lờ chuông điện thoại đi được. Chắc lòng hiếu kì của em mạnh quá, nên em phải dậy nghe

xem ai gọi.”

“Và em nhắc máy?”

“Đúng. Và để em không gật gù rồi lăn ra ngủ tiếp, Harry bắt em hát bài Star Spangled Banner tới khi tỉnh thì thôi.”

“Thế mà được à?”

Toni gật đầu. “Như bùa phép ấy anh ạ. Khi tới câu ‘and the rocket’s red glare’ là em tỉnh hẳn. Em thường không hát được nốt cao mà. Thôi vào bếp đi, Mike. Chắc cà phê được rồi, và chúng ta có thể bắt đầu đánh chén bánh Đan Mạch.”

“Sau khi ăn, có lẽ chúng ta lại lên giường đi. Anh nghĩ anh nên tận dụng lúc em đã tỉnh táo.”

“Ý kiến hay.” Toni hơi đỏ mặt. “Khi em tỉnh giấc sáng nay, em định hỏi anh xem anh có muốn tắm chung không. Em từng đọc ở đâu đó và nghe có vẻ rất... à, thôi cứ để bánh ở đó đi. Em cũng chưa đói lắm. Trừ khi anh đói.”

Bụng Michael sôi òng ọc, nhưng anh vẫn lắc đầu. Có một vài chuyện còn quan trọng hơn đồ ăn.

Lenny mang cà phê vào văn phòng và cầm điện thoại cố gọi cho Eddie thêm lần nữa. Y đi làm sớm sau một đêm mất ngủ. Có vẻ Margo chết còn gây nhiều rắc rối hơn hồi sống. Tụi cớm vất y ra bã bằng đủ thứ câu hỏi, nhưng y nghĩ mình đã khiến chúng tin rằng y chẳng biết gì về vụ án mạng. Y thẳng thắn thừa nhận rằng có bị cô ả tống tiền, và có lẽ sẽ bị IRS [27] cảnh cáo nhẹ và phạt vì những giấy tờ cô ta giữ, nhưng không chỉ có vậy. Ủy ban nhỏ nhỏ rối loạn đã xóa bỏ những giấy tờ có thể khiến y bị kết án, và những thứ cô ta giữ chỉ liên quan một chút tới nguồn thu nhập hoàn toàn hợp pháp mà y không báo cáo chính phủ. Nếu y mà biết cô ta chỉ giữ có thế, y đã đá bay cô ta ngay từ đầu rồi.

Mười tiếng chuông và Eddie vẫn không nghe máy. Lenny cúp máy và uống một ngụm cà phê to tướng. Cái gã lùn mã tử đó đâu rồi? Mỗi ngày y gọi điện tới nhà Eddie hơn chục lần, nhưng không hiểu hẳn đi đâu mất. Lenny phải bảo hẳn gọi điện bảo gã sát thủ kia dừng tay đi. Hai bồi thẩm đã

bị giết và nếu Eddie tiền cả hội bồi thẩm đó về châu ông bà ông vải, cảnh sát rồi cũng sẽ đánh hơi ra thôi.

Có cách nào né tránh vụ này không nhỉ? Lenny thở dài thườn thượt. Y có thể bảo rằng họ chỉ nói đùa, và y không hề mong Eddie lại đi làm một chuyện điên rồ như vậy, nhưng nghe chẳng thuyết phục tẹo nào. Chuyện này có thể khiến mọi thứ nghiêm trọng. Nếu Eddie mở mồm nói với sai người, y sẽ đi bóc lịch vì phạm một trọng tội. Hoặc hai trọng tội. Hoặc bao nhiêu đó nếu gã dờ hơi nhỏ thó kia không về nhà sớm.

Lenny mở báo và nhìn trang nhất. Và y thấy một gương mặt trắng ớn. Quỷ thần thiên địa ơi! Kẻ thứ ba rồi!

Báo đăng bức hình Lester Robinson và vợ trước nhà tang lễ. Margo đã phải lòng Lester khi họ cùng làm bồi thẩm, và cô ả sụt sùi khóc lóc mãi khi nhận được thiệp mời cưới của người kia vào tám năm trước.

Lenny rên rỉ khi đọc về vụ sát hại Lester. Hung thủ cũng khá thông minh; hăn cắt xác anh chàng nghệ sĩ kia trông như thể tác phẩm của một kẻ điên, nhưng cảnh sát sẽ nắm vấn đề rất nhanh. Trước tiên, họ sẽ truy nã Michael Hart. Gã đó là nghi phạm đáng ngờ nhất. Nhưng nếu các sĩ quan cảnh sát không tìm được gã thì sao? Hoặc giả như Hart có bằng chứng ngoại phạm? Hoặc nếu gã sát thủ của Eddie giết kẻ tiếp theo sau khi Hart đã bị bắt? Thế thì chuyện sẽ rối tinh và y không thể làm gì để sửa chữa được.

“Mike à? Stan đây. Chú biết tin gì chưa?”

Michael lưu tệp tin và ngả người ra ghế. “Chưa, Stan. Lại một bồi thẩm nữa chết à?”

“Sao chú biết? Chú vừa bảo chưa xem thời sự cơ mà.”

“Thì đó, em chưa xem. Nhưng đấy là lí do duy nhất anh gọi cho em giữa thanh thiên bạch nhật. Anh nói thật đấy hả, Stan?”

“Thật. Nhớ Lester Robinson làm dịch vụ tang lễ không?”

“Chắc rồi.” Michael thở dài. “Anh ta ngồi ghế sau. Tóc vàng mỏng, mặt tròn, lúc nào cũng đỏ mồ hôi đấy.”

“Phi thường đấy, Mikey. Trí nhớ của chú tốt thật. Anh chẳng nhớ hẳn ta lắm.”

“Em là diễn viên mà, Stan. Bọn em được học cách tìm kiếm loại hình nhân vật mà. Thế anh ta chết thế nào?”

“Không đẹp lắm, Mike. Tốt nhất anh không đi sâu vào chi tiết để khỏi làm chú buồn. Chú chỉ cần biết hẳn ta được tìm thấy chết trong nhà tang lễ của mình vào sáng nay.”

“Đau tim à?”

“Không, Mikey. Bị giết.”

Michael bắt đầu thấy hoảng thật. Anh biết tối qua mình lại mơ thấy giấc mơ đó. Anh còn nhớ mang máng. Và chắc chắn anh đã mộng du. Có một khoảng trống lớn giữa lúc anh ngủ tại nhà Toni tới lúc anh mở mắt sáng nay và thấy mình nằm trên giường mình. Anh còn mơ gì đó về chiếc taxi đưa anh đi trong đêm. Đó chỉ là tưởng tượng, hay nó thực sự xảy ra nhỉ?

“Mikey? Chú còn giữ máy chứ?”

“À... còn, Stan. Em chỉ bàng hoàng quá thôi. Cảnh sát đã tìm ra hung thủ chưa?”

“Họ đã bắt một nghi phạm để thẩm tra, và người quen của anh bên phân khu cảnh sát đó nói chắc chắn đấy là thủ phạm rồi. Gã đó đúng là đồ điên. Vẫn phương pháp gây án như cũ, dù trước đây hẳn chưa từng giết người.”

“Chuyện đó xảy ra thế nào?”

“Rõ ràng là Robinson đã bắt quả tang có kẻ đột nhập vào nhà mình, để...” - Stan dừng lại và hắng giọng - “ờ, phần đó không liên quan lắm. Anh chỉ muốn trấn an chú rằng họ không thể nào lại liên kết chú với vụ này được đâu. Anh mong mình không làm chú quá phiền muộn, Mikey ạ.”

“Không có đâu anh.”

Michael thấy nhẹ cả người. Nếu cảnh sát đã bắt được hung thủ, vậy chẳng có lí gì anh phải nghi ngờ mình đã làm gì đó trong lúc ngủ, trừ việc đi trên hành lang để trở về nhà. “Cảm ơn đã báo tin cho em nhé, Stan. Tối nay anh sẽ gọi lại chứ?”

“Tất nhiên rồi, Mikey. Chú không phải lo lắng về chuyện đó đâu.”

Michael nhướn miệng cười. Anh chẳng lo gì hết. Anh còn hi vọng không phải nghe điện thoại mỗi tối để được ở suốt bên Toni cơ.

“Anh có chắc là có thể làm gì đó cho em không, Stan?”

“Mọi việc chú muốn, Mikey. Chú cứ hỏi là được.”

“Em đang nghĩ tới nhà của dì Alice, ngôi nhà mà dì ở hồi chúng ta mới đến sống cùng dì ấy, và em tự hỏi là còn bức hình nào không?”

“Hình à?” Stan có vẻ ngạc nhiên. “Anh không có. Sao chú lại cần nó?”

Michael suy nghĩ thật nhanh. Anh không thể nào lại bô bô nói rằng mình đang viết tự truyện và cần nó để lấy cảm hứng tả cảnh. Stan hẳn sẽ đòi đọc bằng được bản thảo đã hoàn thành, và chắc sẽ không hài lòng chút nào với nhân vật lấy nguyên mẫu từ anh ấy.

“Chỉ là em cứ nghĩ tới nó suốt thôi. Em biết chúng ta ngủ riêng phòng, nhưng em không thể mừng tượng ra điều gì ngoài hai cái phòng ngủ. Phòng của dì Alice ở dưới nhà. Em nhớ vậy. Phòng em cũng thế. Nhưng phòng anh ở đâu?”

“Chú có chắc rằng đào xới kí ức sẽ tốt cho chú không đấy, Mikey? Chú phải cẩn thận giữ tinh thần ổn định chứ.”

“Đừng lo. Từ hồi anh đưa em ra khỏi Oakdale tới giờ em vẫn ổn. Chỉ là tối qua em tự dưng nhớ lại ngôi nhà đó, và em muốn có một bức hình rõ ràng thôi.”

“À, thế thì lại khác.” Stan nhẹ nhõm hẳn. “Để kiểm tra khả năng nhớ thực tế của mình, hả?”

“Vâng.”

“Vậy anh giúp được. Anh chưa từng quên bố cục nhà đó. Dì Alice đã sửa phòng ăn làm phòng ngủ cho chú. Vì thế mà chúng ta luôn ăn trong bếp, kể cả khi có khách đến chơi. Anh ngủ trên gác.”

“Sao dì không cho em ngủ trên gác cùng anh? Phòng cũng rộng mà, nhỉ?”

“Thên thang ấy chứ - bằng chiều dài ngôi nhà. Nó là gác xép thì đúng hơn là phòng ngủ. Nhưng chú phải nhớ là mình bị mộng du đấy nhé, Mikey. Dì Alice sợ chú ngã cầu thang. Và còn một lí do khác nữa.”

“Là gì vậy?”

“Trên đó hơi đáng sợ với một đứa nhóc. Toàn xà dầm rồi các khoảng trống dành cho ống khói. Dì sợ chú gặp ác mộng, và dì sẽ phải lên gác mỗi tối. Anh lớn hơn, và chắc dì nghĩ anh không sợ mấy cái đó.”

“Vậy nên dì hi sinh phòng ăn cho em?”

“Trong hai năm. Sau đó chúng ta chuyển vào một căn hộ chung cư. Dì Alice và anh có phòng ở phía sau, còn chú chiếm phòng ngủ lớn.”

“Em nhớ nơi đó. Anh có biết sao dì lại cho em phòng lớn không, Stan?”

“Dễ đoán thôi. Chú có cả một bộ sưu tập đầy những con thú nhồi bông mà không thể nào để vừa các phòng nhỏ hơn. Dì Alice thường cứ mỗi tuần lại mua cho chú một con. Anh từng đếm rồi, và có đến hơn ba trăm con đấy.”

Michael gật đầu. Anh còn nhớ đám đồ chơi ấy. “Hồi đó dì Alice chắc cũng dư dả.”

“Cũng không hẳn. Nhưng chú còn bé, và dì bảo trẻ em phải lớn lên và có đồ chơi bầu bạn. Chú còn nhớ con sư tử nhồi bông được tặng vào dịp Giáng Sinh không? Nó cao bét cũng phải năm foot. Dì đã chụp ảnh chú cùng con sư tử đó, và nó còn to hơn chú.”

Michael nhú mày khi bắt đầu nhớ lại những món quà đẹp để dì Alice từng tặng mình. “Thế Giáng Sinh năm đó anh được gì, Stan?”

“À, anh chẳng nhớ. Chắc một cuốn sách. Dì Alice luôn tặng anh sách. Dì bảo dì muốn anh trở thành một học sinh giỏi. Và nếu anh không đứng đầu lớp, dì sẽ không vui lòng.”

“Nhưng anh luôn học xuất sắc mà, Stan. Em còn nhớ học bạ của anh. Dì Alice chắc tự hào về anh lắm.”

“Dì chưa từng nói thế. Chưa lần nào cả.” Có chút chua chát trong giọng Stan khiến Michael nhăn mặt. “Nếu anh học tốt, dì bảo đấy là vì dì bắt anh

chăm chỉ. Còn nếu có bài kiểm tra nào điểm anh thấp đi một chút, anh sẽ bị ăn mắng. Anh mà không đạt điểm đúng khả năng thì đó hoàn toàn là lỗi của anh.”

Michael thở dài. “VẬY chắc dì buồn vì em lắm. Em chưa từng được tuyên dương trước toàn trường.”

“Không đâu, Mike. Nếu chú bị điểm kém, đấy là lỗi của giáo viên, không phải của chú. Với dì Alice thì chú chẳng làm gì sai hết.”

“Em ngạc nhiên là anh không ghét em đấy, Stan. Nghe có vẻ anh có lí do để không thích em mà.”

“ĐỪNG ngốc vậy, Mike. Chú là em trai anh. Mà anh cũng đoán được lí do của dì Alice từ lâu rồi. Chú giống mẹ, mà dì Alice quý chị mình. Điều đó có thể giúp dì ấy được gặp lại chị mình. Anh thì giống bố. Dì Alice luôn trách bố vì vụ tai nạn đó, chú biết mà. Nếu bố đến thăm thì dì vẫn tiếp, nhưng dì chẳng mặn mà gì với bố.”

Michael im lặng. Hồi trước anh chẳng hiểu gì về chuyện này. Tất nhiên anh biết dì thiên vị mình, nhưng có vẻ Stan bị thiệt thật. Nếu anh mà rơi vào vị trí của Stan, anh không nghĩ mình có thể vị tha như thế.

“THÔI, anh cúp máy đây, Mike. Chuyện kháng cáo của chú vẫn thuận lợi, nhưng còn nhiều việc phải làm lắm. Hôm nay Joyce nghỉ trưa thêm một tiếng, nhưng ngay khi cô ấy về, anh sẽ bảo cô ấy in hồ sơ vừa nhập vào máy hôm qua. Sau đó, anh có thể bắt đầu xử lí những chỗ còn vướng mắc.”

“HỒ sơ trong máy anh hả?”

“Ừ.”

“Anh dùng dòng máy gì, Stan?”

“IBM. Anh toàn mua đồ của hãng này. Người ta cài đặt máy rồi hướng dẫn các thư kí sử dụng.”

“Anh dùng hệ điều hành gì?”

Một quãng im lặng, rồi khi Stan trả lời, giọng anh ấy dè dặt. “Anh không chắc, Mikey. Hình như D gì đó thì phải. Họ bảo anh rồi, nhưng nó là một thuật ngữ máy tính, và anh không để ý mấy.”

“Máy anh có phần mềm Microsoft Word không?”

“Nghe quen quen. Sao thế?”

“Nếu anh cần hồ sơ đó ngay, em nghĩ mình có thể chỉ anh cách in. Có bút chứ?”

“Có, đợi tí nhé.” Michael nghe tiếng anh trai mở ca táp. “Rồi, Mike. Nói đi.”

“Anh cần mở tệp tin ra. Anh biết cách không?”

Stan thở dài. “Giờ anh biết rồi. Một luật sư tập sự vừa dạy anh hôm kia.”

Giọng Stan nghe buồn buồn, và Michael quyết định không nói ra câu công việc đó dễ ẹc. Anh trai anh rõ ràng đang ngượng vì bị buộc phải nhờ người khác giúp.

“Đầu tiên anh khởi động máy in, nếu nó chưa được bật. Chắc là có công tắc bật-tắt ở đâu đó. Rồi anh làm thế nào để bật tệp tin lên. Khi thấy nó trên màn hình rồi, anh ấn nút Escape, cái nút có chữ ESC ấy. Chỉ tầm một giây là anh sẽ thấy bảng chọn ở dưới cùng với đủ các thứ mà anh không phải lo đến đâu. Cứ ấn nút P để in và rồi ấn Enter. Thế là in được tệp tin thôi.”

“OK. Anh ghi xong rồi. Mà sao chú biết thế?”

“Dễ mà. Họ gửi cho em sách hướng dẫn đi kèm cái máy tính anh mua cho em. Nó ở ngay trước mặt em, và em đọc cho anh thôi.”

“Hèn gì!” Stan có vẻ an tâm. “Mà này, chú có chắc máy anh cũng dùng như thế không?”

“Em chẳng chắc gì cả, nhưng thử cũng có chết ai.”

“Cảm ơn nhé, Mikey. Anh sẽ làm xem. Cái máy tính anh gửi không làm chú bực mình chứ?”

“Không, không chút nào.”

“Vậy chú thấy nó dễ dùng hả?”

Có chút sắc bén trong giọng Stan, và Michael dè chừng hẳn. “Đâu có, Stan. Chắc chắn là không dễ dùng rồi, nhưng anh nhớ chứ, em chỉ nghịch thôi. Nếu gặp cái gì khó thì em bỏ qua và chuyển sang cái khác đơn giản hơn.”

“Ờ, nghe thế còn có lí.” Stan thở dài thườn thượt. “Chắc máy tính chỉ gây bực mình khi chú dùng nó vào việc nghiêm túc thôi. Được rồi, Mikey. Anh sẽ trở về cơ quan và thử làm theo hướng dẫn chú vừa đọc. Và anh sẽ gọi lại cho chú lúc chín giờ. Được chứ?”

“Được ạ.”

Michael cúp máy và mỉm cười. Không có cuốn sách hướng dẫn nào ở trước mặt anh cả, nhưng đại gì mà nói? Stan sẽ thấy tốt nếu có thể in được hồ sơ đó. Anh ấy sẽ cho rằng đấy là do mình thông minh hơn người. Nhưng nếu mà hỏng, anh ấy sẽ trách hướng dẫn vớ va vớ vẩn của Michael.

Khi quay lại công việc viết lách, Michael nhận ra Stan rất giống dì Alice. Dì bảo nhờ dì mà Stan làm bài kiểm tra ngon nghề. Nhưng nếu anh mà không được điểm tuyệt đối, đó là do Stan không học đủ chăm. Giờ Stan đối xử với Michael hết như dì Alice từng đối xử với anh ấy.

Michael và Toni đang ở trong phòng ngủ mà anh tận dụng luôn làm phòng làm việc. Cô vừa cài xong chương trình từ điển đồng nghĩa vào máy tính của anh, và giờ đang dạy anh sử dụng.

“Cài xong xuôi rồi đấy, Mike. Anh chỉ phải nhớ là ấn Ctrl 7 để vào bật nó lên thôi.”

Michael cúi hôn gáy cô. Cô thật dễ thương khi buộc tóc đuôi gà.

“Thôi nào, Mike. Anh không tập trung.”

“Ô, anh tập trung mà. Em vừa bảo chọn từ rồi ấn Ctrl 7.”

“Ờ thế thì được.” Toni đứng lên và ra hiệu cho Mike thế chỗ cô ngồi trước bàn phím. “Đánh một từ nào đó rồi thử xem.”

Mike cố nghĩ ra một từ hay ho để gõ thì cô cúi xuống hôn gáy anh. Anh cười toe toét và gõ từ HÔN.

“Chọn tốt đấy, Mike. Giờ dùng chương trình từ điển đi.”

Họ quan sát màn hình chia thành hai phần. Một thông báo hiện lên. TÌM TỪ HÔN. Chỉ sau vài tích tắc, một phần màn hình đã đầy những từ gần nghĩa.

“Nhìn kìa, Toni. Nó nêu ra một loạt từ anh thích. Có âu yếm, ôm ấp, vuốt ve, ôm, ghì, và chạm.”

Toni cười và cầm chìa khóa nhà lên. “Em nghĩ mình nên về trước khi anh nảy ra ý gì từ đồng từ đó. Ăn tối lúc sáu giờ nhé? Em có hai cái pizza để lạnh mà em có thể đốt thử xem sao.”

“Nghe được đấy.” Michael tiến cô ra cửa. “Nhiều năm lắm rồi anh không được ăn pizza.”

“Nhiều năm?”

Toni nheo mắt nhìn, và Michael nhăn mặt. “Anh có cảm giác thế thôi. Anh thích pizza lắm. Anh nghĩ mình có thể ăn món đó mỗi tối cũng được.”

“Đừng nói thế. Anh mà còn ở với em là anh phải ăn dài dài đấy.”

Toni mở cửa và đâm sầm vào Harry Evans. Anh ấy cầm một cái đĩa ở một tay và tay kia đang với ra định bấm chuông cửa.

“Chào Harry.” Toni nhận cái đĩa và mở ra. “Bánh quy mật đường của Doris!”

Trước khi Harry kịp phản ứng, Toni đã vốc cả một vốc và chạy về nhà mình. Harry nhìn Michael và nhún vai. “Đĩa bánh là dành cho cậu, nhưng giờ chắc nói thì muộn mất rồi. Tôi rất mong Toni không định hành nghề móc túi. Đám lính của tôi chắc chẳng bắt được cô ấy mất.”

“May mà cô ấy còn để cho tôi vài cái.” Michael cầm cái đĩa Harry đưa. “Anh vào nhà chơi nhé?”

Harry gật đầu. “Ừ, Mike.”

Michael mở cửa, và Harry đi thẳng ra ghế. “Nhà đẹp đấy, Mike. Cậu tự bài trí hả?”

“Không, nhà sẵn vậy rồi, tôi chỉ thuê lại thôi. Anh uống cà phê nhé?”

Harry lắc đầu. “Tôi phải về phân khu ngay bây giờ, nhưng tôi muốn nói chuyện với cậu trước đã. Doris có bảo cậu rằng chúng tôi đã tóm được nghi phạm vụ giết hại Robinson không?”

Michael gật đầu. “Có, chị ấy vừa bảo sáng nay xong.”

“Ờ, chúng tôi phải phóng thích hẳn. Hóa ra hẳn có bằng chứng ngoại phạm chắc chắn, và giờ chúng tôi phải bắt đầu điều tra từ đầu.”

“Vậy tệ quá. Anh còn nghi phạm nào khác không?”

“Một vài. Cậu không ngại trả lời vài câu hỏi chứ, Mike?”

“Không đâu, đại úy Evans. Tất nhiên là không rồi.” Tim Michael bắt đầu đập thình thịch, và anh cố gắng không tỏ ra căng thẳng. Liệu có ai đó đã giao nộp tấm hình của Michael Hart hiện tại sao? Hay báo cảnh sát về những ca phẫu thuật chỉnh hình?

“Cứ gọi tôi là Harry thôi. Lúc làm việc tôi mới là đại úy Evans, và chúng ta là bạn, phải không Mike?”

“Chắc rồi, Harry.” Michael lên tinh thần. Harry đang cố tỏ thân thiện để lừa anh đây mà.

“Doris bảo cậu đang viết sách. Thế cậu làm việc cho nhà xuất bản nào?”

“Tôi chưa liên hệ.”

“Không có nhà xuất bản à?” Harry nhú mày. “Vậy là cậu không có đầu mối. Hay tiền tạm ứng bản thảo.”

“Đúng thế, Harry.”

“Viết mà không biết sách có được bán ra hay không cũng gay nhỉ? Cậu làm gì để kiếm sống hả Mike?”

Michael nghĩ thật nhanh. Harry đang tìm hiểu lai lịch của anh, vậy tốt nhất anh nên bám theo câu chuyện đã kể cho Toni và Doris. “Tôi có chút tiền thừa kế. Nếu chi tiêu cẩn thận, tiền cũng đủ tới khi tôi viết xong sách.”

“Vậy thì tốt đó, Mike. Cậu chuyển từ Iowa tới, nhỉ?”

“Không, Harry. Tôi là người Cleveland, Ohio.” Michael hít một hơi sâu. Harry đang cố thử anh, chơi với anh như mèo vờn chuột.

“Nơi đó cũng tốt,” Harry cười. “Mà cậu chưa kết hôn đấy chứ, Mike?”

“Chưa, tôi độc thân mà.”

Harry gật đầu. “Doris cũng nói thế. Cô ấy nghĩ cậu khá được đấy, Mike ạ. Làm cảnh sát lâu rồi thành ra tôi không dám nhìn mặt đoán tính cách nữa.”

Michael không chịu được thêm. Nếu Harry đã đoán ra anh là ai, sao anh ấy không cứ thế bắt anh đi cho xong? “Sao anh hỏi những câu đó vậy, Harry? Anh thật sự muốn biết gì?”

Harry hăng giọng. “Cậu thấy đấy, Mike, Toni là bạn tốt của vợ chồng tôi, và tôi nhìn là biết cô ấy rất thích cậu. Tôi không muốn cô ấy bị tổn thương, nếu cậu hiểu ý tôi.”

Mất một lúc Michael mới hiểu ra ý của Harry. Đến lúc đó, Michael nhẹ cả người. Harry điều tra lai lịch, vấn đề tài chính, và tình trạng hôn nhân

của anh là vì lo cho Toni. “Thoái mái đi, Harry. Tôi sẽ không bao giờ làm Toni tổn thương. Cô ấy rất quan trọng với tôi.”

Harry cười tươi và vỗ mạnh vào lưng Michael khiến anh nhăn nhó. “Tôi cũng muốn nghe thế. Chắc tôi có thể ngừng lo về Toni và tập trung xử lí vụ Robinson rồi. Cậu muốn nghe tóm tắt không, Mike? Nó sẽ tạo ra một cuốn sách hết ý cho coi!”

“Chắc rồi, Harry.”

“Ừ, nhưng đừng kể với Toni đấy nhé. Đây không phải chuyện cho cánh phụ nữ nghe, nếu cậu hiểu ý tôi. Tôi đã ở trong ngành hai mươi năm, và đây là vụ kinh khủng nhất tôi từng thấy.”

“Báo chí nói Robinson bị đâm.”

“Đúng thế, Mike. Giờ tôi sẽ nói cho anh nghe về tử thi trước. Gã thợ ảnh nhìn thấy còn nôn ọe, mà mấy gã đó thấy đủ loại chuyện rồi đó nhé.”

“Tử thi?”

“Ừ, nhớ anh chàng họa sĩ ngã từ trên giàn giáo ở nút giao xa lộ không?” Harry đợi tới khi Michael gật đầu. “Ờ, anh ta nằm trong quan tài, và hung thủ đã băm vằm anh ta ra thành nhiều mảnh. Bác sĩ tâm thần học bên ngành cảnh sát chúng tôi bảo đó là tác phẩm của một thằng điên. Cậu tưởng tượng nổi không?”

Michael thấy buồn nôn. “Không hẳn.”

“Thi thoảng chúng tôi cũng gặp phải những tay ái tử thi, nhưng thường thì những kẻ đó không gây ra tổn hại gì. Chỉ làm tình với xác chết rồi bỏ lại đó thôi. Mà cậu biết ái tử thi là gì không thế, Mike?”

“Tự trải nghiệm thì tôi không có, chứ nghe thì tôi nghe rồi.”

Harry cười và lại vỗ lưng anh. Michael nghĩ chắc sáng mai trên người mình sẽ có thêm vài vết bầm đây.

“Nói hay lắm, Mike. Mà các mảnh xác vung vãi khắp nơi. Chúng tôi mất gần một tiếng mới tìm về đủ đấy.”

Michael nuốt nước bọt. “Tên đó có cắt xác Robinson không?”

“Không. Cũng may thật. Nếu không chắc chuyên viên pháp y sẽ phát hiện lên khi phân loại mất. Tôi đoán Robinson đã đi xuống kiểm tra tiếng động. Và hung thủ sợ quá nên đã dùng ống tiêm đựng nước hương ướp xác đâm thẳng vào gáy ông ta.”

“Nghe... ờ... thú vị đấy, Harry.”

“Tôi có thể nói cho cậu hay, vụ này không hề dễ chịu chút nào! Phải cả tiếng trời trôi qua tôi mới dám ăn sáng đấy. Mà nói đi, Mike, cậu sẽ không ghét tôi đấy chứ? Cậu trông xanh quá.”

Michael lại nuốt nước bọt. “Tôi sẽ ổn thôi. Chỉ là tôi chưa từng nghĩ công việc lại làm khổ dạ dày của cánh cảnh sát như thế.”

“Thi thoảng thôi. Nhưng lắm khi cũng vui, cậu ạ. Một vài câu chuyện mà cánh cớm già kể nghe hay phải biết. Cậu có muốn lúc nào đó ra ngoài làm vài chầu bia với tôi không? Tôi có thể đưa cậu tới một quán rượu mà cánh cảnh sát chúng tôi hay lui đến và giới thiệu cậu với vài người.”

Lần cuối cùng có người rủ anh đi uống bia là khi nào nhỉ? Bét ra cũng phải là mười năm trước. Ở Oakdale làm gì tồn tại cơ hội giao lưu bạn bè chứ. Anh quý Jack - Michael coi anh ấy là bạn mình - và một y tá, nhưng chỉ có vậy. Nói chuyện với các bệnh nhân say thuốc thật chẳng khác nào nói chuyện với bức tường. Bệnh viện không khuyến khích các bệnh nhân tán gẫu với nhau. Mỗi người là một hòn đảo đau đớn biệt lập, và không ai định dùng lời nói để xây cầu nối.

Harry vẫn huyên thuyên, và Michael mong anh ấy không để ý tới phút mất tập trung vừa rồi.

“... hứa với cậu đấy, Mike. Cậu sẽ nghe được rất nhiều câu chuyện dành cho những cuốn sách của mình. Cậu thấy sao?”

Michael định đồng tình. Một quán rượu cảnh sát là bối cảnh tuyệt vời cho một cuốn sách. Nhưng rồi anh nhớ ra tình cảnh của mình.

“Nghe hay đấy, nhưng để lúc nào rồi tôi gọi nhé, Harry? Hai tuần tiếp theo tôi bận lu bu hết cả rồi.”

“Lúc nào cũng được, Mike. Cứ việc báo tôi biết.” Harry đứng lên. “Thôi, tôi về đây. Doris đang chuẩn bị bữa tối, mà nói chuyện một hồi làm tôi đói

quá.”

Một giờ sau, Michael vẫn chưa động tới một cái bánh nào của Doris. Câu chuyện của Harry khiến anh hết muốn ăn, nhưng ít nhất anh cũng có bối cảnh tuyệt vời cho cuốn sách thứ hai. Nó sẽ về một nhóm cảnh sát già cà kê buôn chuyện trong quán rượu. Anh chưa thể viết ra ngay - khi anh chưa hoàn thành tác phẩm hiện giờ - nhưng không bao giờ là quá sớm để bắt đầu thu thập thông tin.

Michael lên một danh sách từ lóng của cảnh sát và nhập từ “hung thủ”. Rồi anh chọn từ đó và thử sử dụng chương trình từ điển đồng nghĩa. Anh có danh sách mười tám từ đồng nghĩa, trong đó có thủ phạm, tội phạm, người bị kết án, kẻ phạm pháp.

Gã tội phạm đã giết Lester Robinson đúng là một gã điên thực thụ, nói theo kiểu của Harry. Michael không thèm tìm từ đó trong từ điển. Từ kinh nghiệm bản thân anh biết ý nghĩa của từ đó rồi.

Michael ngả người ra ghế và thở dài. Rõ ràng Harry nghĩ phanh thây Neal Wallace là hành động ngẫu nhiên của một kẻ tâm thần. Nhưng nếu không phải thì sao? Nếu gã tội phạm kia biết Neal và ghét anh ta tới độ muốn xé thịt phanh thây xóa bỏ mọi dấu vết về sự tồn tại của anh ta thì sao?

Michael nhăn mặt khi nghĩ đến bồi thẩm đó. May mà Harry không biết Neal là chủ tịch bồi thẩm đoàn đã kết tội anh. Nếu cảnh sát mà lần ra liên kết ấy, Michael Hart sẽ là nghi phạm số một. Dù gì thì anh cũng là một thằng điên mà. Ít nhất là Harry nghĩ thế. Người ta không tự dưng rồi hơi nhất ai đó trong Oakdale. Và nếu Harry thăm vấn các bác sĩ của Oakdale, họ sẽ nói Michael ghét Neal Wallace đủ nhiều để làm ra cái chuyện tà đình kia, nhất là nếu Michael đang mộng du và bị cơn ác mộng dẫn dắt đi giết các bồi thẩm. Nhưng anh không làm việc đó. Michael dám cam đoan thế. Dù gặp ác mộng hay không, mộng du hay không, anh cũng không nghĩ mình có thể làm ra chuyện điên rồ như thế. Nhưng phải có kẻ đã gây ra việc đó. Và vậy thì hung thủ phải là một kẻ điên còn bệnh nặng hơn Michael lúc bệnh nặng nhất.

An tâm một chút, Michael bật tệp tin bản thảo hiện giờ lên. Anh làm việc chùng một tiếng trước khi một mảnh ghép nữa được lắp vào đúng chỗ. Ngay phút nghĩ ra, anh lưu tệp tin lại và nhắc điện thoại. “Toni à? Mike đây. Anh rất ghét làm phiền em, nhưng Harry vừa làm anh nảy ra ý tưởng về một vụ án mạng bí ẩn, và anh đang thử lên dàn ý. Em có chương trình thống kê nào cho anh mượn được không?”

Michael nhú mày khi Toni trả lời. “Cảm ơn nhé, Toni. Tất nhiên là sẽ rất tuyệt nếu em làm hộ anh, nhưng còn công việc của em thì sao? Em chắc không? Được, anh sẽ đợi trong lúc em tải chương trình, không vấn đề gì.”

Michael gõ nhịp tay lên bàn trong lúc chờ đợi. Anh phải nghĩ chúng là các gạch đầu dòng dàn ý, và giấu lí do thật sự khiến anh cần chương trình thống kê. Toni rất thông minh. Và cô kết nối mọi chuyện nhanh như chớp. Anh không muốn cô đoán ra anh là ai trước khi Stan minh oan cho anh. Rồi anh có thể kể cho cô nghe tất cả.

Giọng Toni vang lên trong đường dây và Michael mỉm cười. “Em sẵn sàng chưa? Được rồi. Anh sẽ kể cho em cả câu chuyện, vì anh không chắc em sẽ phải dùng những con số nào. Giả dụ có bảy người còn lại trong một nhóm... anh không chắc nữa. Cứ coi như bảy trong nhóm mười hai đi. Nhóm gì à? Để anh nghĩ xem...”

Michael mất một lúc để nghĩ ra gì đó na ná bồi thẩm đoàn. “Một ủy ban, Toni. Một ủy ban quan trọng chuyên đưa ra ý kiến về một vấn đề gì đó. Và họ được chọn ngẫu nhiên từ trong cộng đồng. Họ không biết nhau trước khi xuất hiện tại ủy ban.”

Toni hỏi thêm câu nữa, và Michael nhú mày. Vụ này khó hơn anh tưởng đây. “Ừ, cứ cho là họ ở cùng một khu vực địa lí đi - một thành phố lớn cỡ Los Angeles ấy. Rồi ba trong số đó lần lượt bị giết chỉ trong vài ngày. Được chưa em? Tốt. Chương trình của em có thể cho anh biết khả năng những vụ án đó có liên hệ với nhau không?”

Toni hỏi một câu và Michael gật đầu, dù anh biết cô không trông thấy mình. “Mười hai còn bảy, đúng thế. Năm người còn lại à? Cứ cho là họ chết vì nguyên nhân tự nhiên đi. Hoặc ngẫu nhiên.”

Một hồi im lặng, rồi Toni hỏi thêm câu nữa. “Không. Giờ ủy ban đó bị giải tán rồi. Ờ, chắc khoảng mười năm. Chúng ta giả định là họ không giữ liên lạc với nhau đi. Tuổi à? Từ khoảng ba mươi tới sáu mươi. Thế chắc là được. Giới tính? Sáu nam sáu nữ vậy. Được chưa? Cảm ơn nhé, Toni. Anh sẽ đợi.”

Michael nín thở đợi chương trình của Toni hoạt động. Anh không chắc mình muốn nghe kết quả. Khi cô nói tiếp, nhanh hơn nhiều so với anh tưởng, tay anh đang run. Và chúng còn run dữ hơn khi cô cho anh biết kết quả.

“Em chắc không?” Michael cố lắm mới nói được bình tĩnh. “Được rồi. Cảm ơn nhiều nhé, Toni. Anh rất cảm ơn. Sao cơ? Ừ, sẽ ổn thỏa cả thôi. Thêm một câu nữa, nếu em không bận. Em có cách nào cho anh xác suất bốn người kia sẽ bị giết là bao nhiêu không?”

Chỉ vài giây sau, Toni đã trả lời anh. Michael nuốt nước bọt khi biết kết quả.

“Được rồi, Toni. Anh đã ghi lại cả rồi. Sao? Ờ, chắc rồi. Anh cũng đang trông chờ lắm đây.” Đúng lúc đó Toni nói thêm một điều khác khiến Michael nhăn mặt. Kỹ năng diễn xuất của anh hẳn đã cùn nhụt nên cô mới dễ dàng nhận ra sự căng thẳng nơi anh. “Có vấn đề gì không à? Không, Toni. Chẳng có gì không ổn hết. Anh chỉ hơi bận tâm với câu chuyện đó, nhưng anh hứa sẽ bỏ nó sang bên lúc gặp em tầm sáu giờ. Và cảm ơn nhé, Toni. Em giúp anh nhiều lắm. Thực lòng anh không biết mình sẽ làm được gì nếu không có em.”

Michael cúp máy. Tay anh túa mồ hôi, và anh cảm nhận được tóc gáy dựng hết cả. Dạ dày anh quặn lại đau đớn, và anh thật sự thấy buồn nôn. Sau những con số Toni cho anh, anh thấy không còn bất cứ nghi vấn gì về chuyện cái chết của các bồi thẩm có liên quan tới nhau. Có ai đó đang triệt hạ từng người một. Nhưng là ai? Và vì sao?

Là anh ư? Phải chăng khi đêm đến anh đã dệt hiện thực vào lớp vải ác mộng? Michael không muốn tin. Nhưng có người đang giết các bồi thẩm.

Điều đó rõ như ban ngày rồi. Và Michael biết mình nên tìm cách cảnh báo họ trước khi quá muộn.

Bố ơi bố, dậy đi. Mẹ bảo con gọi bố dậy ăn tối.” Jose Sanchez lăn người trên giường. Anh có cảm giác mình vừa mới ngủ, dù Marguerita luôn đảm bảo anh được ngủ được ít nhất là hai tiếng. Jose ngáp dài và duỗi người trong khi cậu nhóc kia quan sát, rồi anh đưa tay ra giả bộ véo mũi thằng con.

“Xem bố có món gì này, Berto.”

Jose kẹp ngón trỏ giữa hai ngón tay khác, và cậu nhóc cười sung sướng. Đó là trò Jose thường chơi với con cái, và anh bỗng thấy buồn vì Roberto sẽ sớm lớn lên rồi chán chơi cùng ông bố già này.

“Bảo mẹ là tối nay bố muốn ăn mũi Berto. Món đó còn ngon hơn món bánh quy thượng hạng của mẹ nhiều. Nhưng có lẽ bố nên để dành vậy. Mấy cậu nhóc kia chắc sẽ cười phá lên nếu anh con trai út của Jose và Marguerita không có mũi trên mặt.”

“Đấy là ngón cái của bố chứ không phải mũi con.” Roberto chạy ra soi gương và chỉ mũi mình. “Thấy không? Mũi con vẫn ở đây này. Bố không lừa được con nữa đâu.”

“Ôi con trai tôi qua mặt được tôi rồi.” Jose thở dài và làm bộ buồn rầu. “Rồi nó sẽ sớm ra ngoài thế giới kia và quên bét mất ông bố bà mẹ tội nghiệp này.”

“Không đâu bố!”

“Đúng thế đấy. Roberto Felipe Luis Sanchez sẽ sớm giàu có và sống trong một biệt thự rộng mênh mông có tường trắng cao bao quanh. Và cậu ta sẽ có một chiếc limo dài ngoằng trắng tinh cùng anh tài xế mặc đồng

phục đồ tươi chở cậu ta đi lướt qua nhà ông bố bà mẹ tội nghiệp này. Nhưng cậu ấy có dừng xe không?”

“Có, con sẽ dừng!” Roberto cười khúc khích. Nhóc biết bố sẽ nói gì tiếp rồi.

“Không đâu. Vì cậu ta đang trên đường tới lễ tấn phong Tổng thống Hoa Kỳ. Cuộc bầu cử giành chiến thắng vang dội, lần đầu tiên và duy nhất trong lịch sử toàn thế cử tri Mỹ bỏ phiếu bầu cho chỉ một ứng cử viên. Và người đàn ông vĩ đại đó là...” Anh dừng lại và mỉm cười với con trai. “Roberto Felipe Luis Sanchez.”

Roberto nhảy lên giường và ôm chầm lấy bố. Dù chỉ một lúc trước thôi, Jose mệt mỏi và kiệt sức, nhưng giờ anh thấy hạnh phúc và sẵn sàng hoàn thành đủ tám tiếng làm việc đang chờ đợi mình. Nếu anh kiếm đủ tiền cho các con ăn học, vậy chúng sẽ được hưởng những lợi thế mà Jose chưa từng được hưởng. Nhưng tất nhiên anh không thật bụng nghĩ Roberto sẽ có ngày thành tổng thống. Đó là trò chơi Jose tạo ra để dạy con cái cách thoát mái mơ ước. Cả sáu đứa con của Jose đều thông minh và chăm chỉ, chẳng có lí gì mà chúng không đạt được những mục tiêu mà bố mẹ chúng không đạt được.

“Anh lại nhồi vào đầu con những mơ mộng, phải không Jose?” Marguerita đứng ở cửa quan sát hai bố con. Giọng cô nghiêm nghị, nhưng mắt lại lấp lánh ánh cười. “Rồi đầu thằng bé sẽ phình ra và không cân xứng với khổ người mất. Mà lần này là gì nào? Tổng thống à? Hay vua thế giới?”

“Tổng thống, mẹ ạ.” Roberto cười khúc khích. “Ở biệt thự và đi limo dài ngoằng trắng tinh.”

“Thế còn hồ bơi thả đầy hoa thơm cỏ lạ?” Marguerita bật cười. “Hay đầu bếp nổi tiếng nấu được món ăn của mọi vùng miền thế giới?”

“Đầu bếp là mẹ cơ mà. Mẹ biết cách làm món gà Ý.”

“Là món pollo alla cacciatore, Berto.” Maguerita sửa lại. “Và giờ mẹ không nấu món Ý nữa. Sáng mai mẹ sẽ chuyển sang món Pháp.”

“Vậy chúng ta sẽ ăn gì hả mẹ? Gà Pháp chẳng?”

Marguerita cười. “Không, Berto. Mẹ sẽ làm món boeuf bourguignon. Con sẽ thích cho coi. Giờ nhanh nhanh vào bếp và giúp chị con dọn bàn đi.”

Khi Roberto đi rồi, cô cười nhìn Jose. “Em quyết định không thử nấu món Đức. Thức ăn quá nhiều tinh bột, mà em đã tăng gần chục cân so với hồi mới cưới rồi.”

“Anh lại thấy em càng ngày càng đẹp ra, Marguerita ạ.”

“Ôi, nghe thật đã lỗi tai. Anh sẽ thích món Pháp, Jose. Có nhiều món hay lắm.”

“Anh biết.” Jose đứng lên và ôm vợ. Cả nhà đã góp tiền mua một bộ sách dạy nấu ăn làm quà Giáng Sinh cho cô. Bảy cuốn sách hướng dẫn nấu các món ăn của bảy nước. Marguerita vui lắm. Cô vốn nấu ăn đã rất ngon, và lại thích được thử nấu những món chưa bao giờ được thưởng thức.

“Jose? Em có tin buồn cần báo cho anh. Lester Robinson chết rồi.”

“Người làm việc cùng anh trong bồi thẩm đoàn ấy hả? Em nói đúng, Maguerita ạ. Chuyện buồn thật. Anh ấy chết thế nào?”

“Anh ấy bị giết, Jose. Trong đêm. Ti vi bảo cảnh sát đang điều tra nhưng chưa tìm ra hung thủ. Em gửi thiệp chia buồn cho gia đình anh ấy nhé?”

“Ừ, bằng tiếng Anh nhé. Và bảo lũ trẻ cũng kí tên vào, kể cả Roberto. Vậy cho hợp tình.”

“Anh sẽ tới chia buồn chứ?”

Jose gật đầu. “Tối nay. Lúc đi làm anh sẽ tiện ghé qua. Đức Mẹ sẽ chờ Lester. Anh ấy là người tốt.”

“Vậy là ba người rồi, Jose. Ba bồi thẩm làm việc cùng anh lần lượt qua đời chỉ trong một thời gian ngắn. Đó là điềm báo gì chẳng?”

“Không đâu, Marguerita.” Jose lại ôm vợ. “Đó là một bi kịch thôi, và em đừng lo lắng. Tiếng Anh người ta bảo đó là ngẫu nhiên.”

Michael ngả người dựa lưng trong cái ghế kê tại phòng bếp của Toni và chăm chú dõi nhìn cô cầm miếng pizza cuối cùng lên. Thức ăn đi đâu vậy nhỉ? Nếu họ đứng đối diện thì đỉnh đầu cô chỉ chạm cằm anh. Vậy là cô

không thể cao quá năm foot năm, cùng lắm là năm foot sáu. Và anh dám thề cô không nặng quá năm mươi cân. Tưởng tượng cô theo cách đó thật vui, và anh thở dài mãn nguyện.

“Anh có vẻ vui, Mike.”

“Ừ. Được ăn pizza lại có em bầu bạn làm anh hạnh phúc lắm, Toni.”

Họ vừa ăn xong hai cái bánh pizza thập cẩm to tướng, cùng với hai lon coca. Anh cầm sang một chai vang đỏ, nhưng Toni bảo đó dùng rượu đắt tiền cùng pizza là một tội tày trời.

“Anh muốn em in bản thảo hộ không, Mike?” Toni hỏi sau khi ăn xong miếng pizza cuối cùng và dùng khăn giấy lau miệng. “Em làm xong việc cho công ty truyền hình cấp rồi, nên giờ em rảnh lắm.”

Michael nhíu mày. “Anh biết ngay là mình quên mang gì đó mà. Tớ nữa về nhà nghe điện anh sẽ lấy, và bao giờ em in cũng được. Hôm nay anh làm việc không hiệu quả lắm. Chỉ được có tám trang.”

“Thế cũng ổn mà, Mike.” Toni có vẻ hài lòng. “Hơn nữa, anh còn dành nhiều thời gian lên ý tưởng cho cuốn sách mới.”

“Cuốn sách mới? Em nói đúng, Toni. Anh quên khuấy mất chuyện đó rồi đấy. Mà nói mới nhớ, có cách nào để tìm ra địa chỉ của một người trong những ngân hàng dữ liệu em từng nói với anh không?”

“Có nhiều cách lắm. Anh có muốn em chỉ không? Chúng ta còn dư chút thời gian trước khi anh phải nghe điện, và ta tốt nhất không nên bắt đầu... với...”

Toni đỏ mặt, và Michael bật cười.

“Ý em là chúng ta không nên dính dáng tới gì liên quan đến... Đừng cười nữa, Mike. Anh hiểu ý em mà. Đi theo em và cầm mĩa mai đấy.”

Michael theo cô vào phòng làm việc và kéo thêm một ghế nữa tới bàn máy tính. Trong lúc hệ thống khởi động, cô cười với anh. “Trước hết em phải kết nối với đúng ngân hàng dữ liệu đã. Anh muốn tìm ai, Mike? Cứ nói ra một cái tên, và em nhập vào cho.”

Anh cười với cô. Cô thật dễ thương khi dùng cái kẹp nhựa ngớ ngẩn kia vấn tóc. “Cô giúp việc cho anh ở Cleveland nhờ anh tìm cậu em họ. Tên anh ta là Sanchez.

Jose Sanchez.”

“Sanchez, Jose.” Toni bắt đầu tạo hồ sơ trong máy tính.

“Anh biết anh ta bao nhiêu tuổi không?”

“Chắc gần bốn mươi.”

“Anh có địa chỉ gần đây nhất của anh ta không?”

“Không. Anh đã ghi vào đâu rồi ấy, nhưng tìm ra chắc mất nhiều thời gian lắm.”

Toni thở dài. “Được rồi, chúng ta thử cách khác vậy.

Anh ta có điểm gì đặc biệt không? Gì đó rất riêng ở anh ta ấy?”

“Để anh nghĩ xem nào.” Michael tập trung nhớ lại bản vẽ nhân dạng Stan đã chuẩn bị về các bồi thẩm. “Có một điểm này, nhưng anh không biết có ích không. Anh ta kết hôn với Maguerita. Cô ấy không phải công dân Hoa Kỳ. Chị giúp việc cho anh bảo chị ấy mừng vì lũ trẻ được sinh ra ở đây nên chúng nghiễm nhiên được thẻ công dân.”

“Tên vợ, Marguerita. Tốt đấy, Mike. Em sẽ kiểm tra thông tin di dân để tìm thẻ xanh của Marguerita, và chúng ta có thể tìm ra Jose thông qua địa chỉ cô ấy khai báo. Cô ấy nhập cư hợp pháp chứ?”

“Chắc vậy. Ừ, anh chắc chắn đấy, Toni.”

“Rồi, thế chúng ta thử xem. Em sẽ truy cập ngân hàng dữ liệu INS [\[28\]](#).”

Michael quan sát, và một thông báo hiện lên trên màn hình. **CHỈ CHẤP NHẬN TRUY CẬP ĐƯỢC CHO PHÉP. MỜI NHẬP MẬT KHẨU.**

“Thế là sao?”

Toni thở dài. “Nghĩa là em đang cố truy cập một ngân hàng dữ liệu được bảo mật. Em sẽ thử thêm một lần xem sao. Tất nhiên, em không có mật khẩu. Cơ hội gõ bừa mà trúng là zero.”

Toni gõ mật khẩu, và một thông báo khác lóe lên trên màn hình. **MẬT KHẨU SAI. MỜI NHẬP MẬT KHẨU.**

“Thôi vậy, chúng ta thử cái khác.”

Toni gõ mật khẩu thứ hai, hoàn toàn khác cái đầu tiên. Rồi cô chỉ màn hình.

“Thấy không? Lại sai mật mã, và lần này hệ thống cảnh cáo em cùng với đề nghị lựa chọn thoát hay thử lại.”

“Anh thấy rồi. Nếu em nhập sai mật khẩu lần ba thì sao?”

“Thì mình toi, Mike ạ. Báo động được kích hoạt, hệ thống của em bị đóng băng và họ tự động truy tìm em. Em cũng không biết rõ INS sẽ làm gì, nhưng em đã được nghe những câu chuyện kinh khủng về số phận những người có ý định bẻ khóa ngân hàng dữ liệu CIA [29]. Việc này có chút phi pháp, cũng giống như đột nhập vào một văn phòng để trộm giấy tờ tài liệu ấy.”

“Ồi trời!” Michael thở dài. “Vậy chắc chúng ta nên quên việc tìm ra Jose Sanchez thông qua vợ anh ta đi.”

“Đấy là thượng sách đó. Em đã viết một chương trình bẻ khóa mật khẩu truy cập, nhưng em không rõ chương trình đó còn lỗi nào không. Vì chúng ta chỉ tìm chơi nên em nghĩ hãy để dành nó vào việc nào quan trọng hơn.”

“Như kiểu gì? Lấy tiền khỏi ngân hàng à?”

“Ồi không. Chuyện đó cực kì ngu ngốc và em không phải tội phạm. Em chỉ dùng chương trình trong trường hợp gặp chuyện cực kì nguy hiểm đến tính mạng thôi.”

“Dạng thế nào?”

“Sao em biết được? Em sẽ nhận ra khi chuyện đó đến. Nhưng có chương trình này giúp em thấy an toàn, kiểm soát được thế giới của mình tốt hơn. Anh có thấy em bị ám đầu không đấy?”

Michael gật đầu và Toni bật cười. “Em biết mà. Em nghe còn thấy mình dở hơi nữa là. Thật ra có một hôm em ngồi chơi thôi, và ý tưởng đó nảy ra. Em luôn phát rồ mỗi khi gặp vấn đề gì không giải quyết được. Harry nói em rất có tiềm năng là một cảnh sát giỏi.”

“Em kể với anh ấy rồi à?”

“Vâng. Harry thích chí lắm, và nói rằng mình đã biết chắc phải tìm ở đâu khi có ai dám xâm nhập hệ thống máy tính của Bộ Tài chính rồi. Nhưng em không nghĩ anh ấy thực lòng tin em có thể làm ra chuyện đó.”

“Nghe mà nhẹ cả người.”

“Chắc chắn rồi.” Toni cười. “Harry dám bỏ tù mẹ mình nếu bà phạm pháp ấy chứ. Thôi chúng ta nên quay trở lại tìm kiếm anh bạn Jose Sanchez kia đi. Anh ta có tiền án tiền sự không? Harry có thể cho em mã truy cập.”

“Anh không nghĩ vậy đâu, Toni.”

“Tệ thật. Em sẽ tìm vận may bên DMV [30] vậy. Mọi người ở L.A này đều lái xe.” Toni gõ vài số vào máy tính và ngả người. “Jose Sanchez. Cái tên này quen quá, Mike. Không biết em đã gặp ai tên...”

Michael chỉ danh sách dài dần xuất hiện trên màn hình. Toni nhìn một cái rồi bật cười.

“Thế nào mà cái tên đó quen thế! Chắc em ít nhất cũng phải gặp một người trong số đó rồi. Chỉ riêng California này đã có hơn bốn trăm anh Jose Sanchez. Nhưng đừng hoảng. Để em giới hạn lại cho.”

Đèn đỏ nhấp nháy trên ổ cứng của Toni khi cô nhập gì đó mà Michael trông cứ như một ngôn ngữ nước ngoài. Có vài dấu ngoặc kép, dấu bằng và những cái dấu nhỏ nhỏ trông như những vạch quân hàm thu nhỏ nằm nghiêng. Thứ duy nhất trông giống tiếng Anh là chữ QUIT được tiếp nối bằng hai dấu hỏi.

Toni ấn nút gửi và lại ngả người ra ghế. “Chắc phải mất vài giây đây, Mike. Nó phải loại bỏ tất cả những người không phù hợp. A... đây rồi! Jose Sanchez địa chỉ ở Venice. Vậy là ngay bên cạnh Santa Monica. Anh nghe tới Santa Monica rồi chứ, Mike? Và địa chỉ là... ồ ồ!”

“Sao thế?”

“Theo như dữ liệu của DMV, nhà Jose Sanchez ngay giữa khu vực đó đã gặp động đất hai năm trước. Tòa nhà đó sập rồi, Mike. Em cứ tưởng chúng ta tìm được rồi cơ.”

“Vậy là sai à?”

Toni lắc đầu. “Ôi, không. Chúng ta mới cào bề mặt, và đây chỉ là trở ngại nhỏ ấy mà: Em sẽ thử tìm trong Maple Grove Center xem sao.”

“Maple Grove Center à? Nghe được đấy.”

“Không hẳn. Đó chỉ là một khu phức hợp nhiều tòa nhà văn phòng cao tầng thôi. Nhưng rất nhiều thương xá sử dụng phương tiện của chúng để quảng cáo. Nếu Jose có thể, anh ta sẽ nằm trong danh sách.”

“Thẻ gì?”

“Thẻ tín dụng ấy mà. Em cứ quên mất là anh đến từ Cleveland. Chắc ở đó người ta không gọi tắt như thế. Nhìn này, Mike.” Toni chỉ màn hình. “Đây rồi. Họ cũng ghi đúng địa chỉ như DMV, nhưng giờ em có thể tìm ra lịch sử công việc của anh ta.”

Toni gõ vài lệnh và màn hình hiện đầy thông tin. “Đọc có giống người anh cần tìm không? Jose Sanchez, ba mươi tám tuổi. Tên vợ là Marguerite. Có sáu đứa con.”

“Đúng rồi.”

“Jose Sanchez này làm việc toàn thời gian cho quán ăn Crossroads tại nút giao giữa Santa Monica và đường cao tốc Harbor. Anh ta bị liệt vào nhóm người vay không có khả năng chi trả, Mike ạ. Thấy cái biểu tượng nho nhỏ sau tên anh ta chứ? Vậy nghĩa là anh ta phải đến hạn mới trả khoản vay trước. Anh có muốn em in ra trong lúc anh đi nghe điện thoại không? Cũng gần chín giờ rồi.”

“Ý hay đấy. Cảm ơn nhé, Toni.” Michae vừa cười vừa đi ra cửa. Toni thật tuyệt vời. Chỉ trong vài ba phút mà cô đã cứu được anh khỏi phải gọi cho mọi Jose Sanchez ở trong cuốn danh bạ L.A.

Michael vừa kịp chuyển những trang viết ngày hôm nay cho Toni thì điện thoại đổ chuông. Cuộc gọi kéo dài mười lăm phút, nhưng anh tưởng như nó còn dài hơn. Đúng, Michael vẫn ổn. Không, máy tính không làm anh bực mình. Và đúng, anh đã học được cách gạch chân gì đó trong một tài liệu. Anh vừa đọc xong phần đó hồi chiều xong. Đợi chút để anh đi lấy sách.

Anh giờ điện thoại ra xa tai một lúc rồi nghe lại. Stan phải đặt con trỏ vào đầu từ hoặc cụm từ anh ấy muốn gạch chân rồi ấn F8. Rồi anh ấy có thể dùng các phím mũi tên để kéo tới cuối phần cần gạch chân. Tới đó rồi Stan phải ấn tổ hợp phím Ctrl U. Đúng, anh rất chắc nó sẽ làm việc được trên máy của Stan. Những hướng dẫn anh đọc về cách sử dụng máy in có hiệu quả, phải không nào?

Stan đã ghi xong phần chỉ dẫn và rồi kể cho Michael nghe tất cả về một vụ kiện rắc rối mà anh ấy đang xử lí, gì đó liên quan tới thủ tục chứng thực và di chúc mà thân chủ của Stan đề ra. Và trong lúc Stan nói, Michael đi vờ vẫn quanh nhà, tìm cuốn danh bạ để tìm số điện thoại quán Crossroads.

Đến khi được Stan tha cho rồi, Michael vẫn chưa tìm ra cuốn danh bạ. Anh mở tủ lạnh lấy nước và nhú mày khi thấy nó nằm ở ngăn giữa. Chắc tối qua anh lại mộng du rồi. Và vì một lí do điên khùng nào đó, anh đã ném cuốn danh bạ vào tủ lạnh. Chắc anh bị điên thật rồi.

Trong danh bạ có số của quán Crossroads, và Michael nhắm lại câu chuyện bịa của mình một lần trong khi ấn số. Anh có thể nghe thấy tiếng người cười nói và tiếng các món đồ bạc lạnh canh trong khi chờ Jose ra nghe điện. “Xin chào, anh Sanchez đó hả? Tôi là Peterson, phóng viên tờ Thời báo L.A. Tôi đang viết bài về vụ án Lester Robinson. Anh cũng nghe đến rồi chứ?”

Jose bảo có biết, và Michael tiếp tục. “Trong khi tìm thông tin về tiểu sử của nạn nhân, tôi phát hiện ra anh từng có thời gian cùng tham gia bồi thẩm đoàn với Robinson hồi mười năm trước, đúng chứ? Tốt. Tôi luôn cẩn thận kiểm tra lại thông tin của mình. Này, anh Sanchez, anh có biết còn hai bồi thẩm khác mới qua đời chỉ vài ngày trước chứ?”

Khi Jose nói có biết về chuyện Jantzen và Neal Wallace, Michael hít một hơi sâu. Tới phần khó rồi đây.

“Được rồi, anh Sanchez. Tôi đã nói chuyện với vài người khác cũng trong bồi thẩm đoàn kia, và họ sợ rằng có một mối liên hệ nào đó. Hai người đã đề phòng trước. Anh có lo lắng về chuyện từng tham gia bồi thẩm đoàn nọ chứ? Anh có làm gì để bảo vệ an toàn tính mạng không?”

Michael gật gù khi Jose thừa nhận không đề phòng gì. Anh đang mong Jose cũng làm gì đó để tự bảo vệ cơ. “Nói ngoài lề nhé, anh Sanchez, tôi nghĩ có một mối liên hệ gì đó. Các thống kê số liệu có vẻ chỉ ra điều đó. Giờ, đây là ý kiến cá nhân của tôi thôi, chứ không phải của báo chí, vậy làm ơn đừng nói ra nhé. Nhưng nếu tôi đúng và có kẻ đang tâm giết hại các thành viên của bồi thẩm đoàn đó, vậy anh nên khôn ngoan mà đề phòng, nếu anh hiểu ý tôi.”

Jose đồng tình, và giọng có vẻ lo lắng. Thật tuyệt - đây chính xác là điều anh muốn. Nhưng rồi anh ta hỏi một câu nằm ngoài dự tính của Michael.

“Không... ờ... tôi không rõ bài của tôi có được đăng không, anh Sanchez. Nhưng nếu được tôi sẽ gọi điện báo cho anh ngay. Và theo thông lệ, tôi sẽ gửi cho anh một tờ báo. Tôi liên lạc với anh qua số này được chứ? Hay anh cho tôi số nào khác tiện hơn cho anh cũng được.”

Michael hít một hơi nhẹ nhõm khi Jose bảo cứ gọi vào số cửa hàng. Chỉ ít anh ta cũng không khơi khơi nêu địa chỉ nhà hay số điện thoại. Vậy thật tuyệt. Anh đã dọa Jose sợ rồi.

“Cảm ơn anh, anh Sanchez. Tôi sẽ liên lạc nếu cần sắp xếp một buổi phỏng vấn riêng. Và làm ơn hãy cẩn thận nhé.”

Michael cúp máy mà lòng ngập tràn thỏa mãn. Anh tìm được cách cảnh báo Jose mà không nói ra danh tính thật của mình. Và anh chắc chắn sẽ không thể tìm ra anh chàng này nhanh như thế nếu không có tay nghề dùng máy tính thành thần của Toni.

Rồi anh nhanh chóng nghiêm túc lại khi nhớ ra Toni đã tìm ra thông tin về Jose dễ dàng thế nào. Anh phải cẩn trọng hơn khi ở cạnh Toni mới được. Anh đã nói hớ rằng mấy năm rồi không ăn pizza. Tất nhiên, anh lập liếm nhanh, nhưng Toni rất sắc sảo, và cô nói thích giải các câu đố. Nếu anh lỡ miệng nói gì đó không hợp lí, cô có thể truy tìm thông tin về Mike Kruger đến từ Cleveland lúc nào cũng được. Đến lúc đó, cô sẽ phát hiện ra anh không hề tồn tại trong bất kì ngân hàng dữ liệu nào của cô.

Cheryl Fraiser đang rưới nước sốt nâu vào cái bánh kẹp thịt viên thì Jose trở vào bếp. Chị có vóc người mập mạp, tóc vàng, ở độ tuổi bốn mươi lăm,

là một cô bồi bàn bình thường tới không thể bình thường hơn tại quán Crossroads. Nếu khách hàng dám tếu táo chuyện bậy bạ với Cheryl, chị cũng chẳng ngại đốp chát với họ. Nhưng chị nhớ mọi cái tên và mọi gương mặt, và hễ có một phút rảnh rang là chị lại vào quầy để ngắm hình con và cháu mình. Tất cả khách quen và nhân viên nhà bếp đều quý mến chị.

“Làm cho tôi hai phần thịt bò củ cải đỏ rán cháy cạnh và một bánh hamburger thịt bò tái, đừng cho hạt thì là nhé, Jose? Cái đó là phần của Herbie Collins, và anh ta bảo muốn vẫn nghe được tiếng bò kêu trong đó đấy.”

Cheryl quay sang và thấy vẻ lo lắng của Jose. “Sao thế, Jose? Trông cậu như vừa được nghe Marguerita báo tin nhà có thêm người vậy.”

“Người nào?” Jose mất một lúc mới hiểu ra. “Không phải đâu, Cheryl, Marguerita không có bầu.”

“Nhưng không phải vì cậu yếu sinh lí đó chứ?” Jose mỉm cười, nhưng mặt hơi ửng đỏ. Kể cả sau năm năm biết những câu bông đùa tục tĩu của Cheryl, anh vẫn thấy hơi ngượng.

“Bé cưng ơi?” Cheryl gọi một cô bồi bàn vừa đi ngang qua. “Em giúp chị bê món này tới cho bàn mười bốn nhé? Chị phải nói chuyện với Jose một lát.”

Cheryl bước tới bên lò nướng và dựa vào quầy. “Nghe này Jose, tôi biết mình có phần nhiều chuyện, nhưng tôi không bao giờ hé răng để lộ ra những điều quan trọng. Lúc đó thì thách ai cạy được mồm tôi. Làm sao thế? Nhà cậu có chuyện à?”

“Không, Cheryl. Không phải thế. Tôi đang phiền lòng vì một cuộc điện thoại từ một anh nhà báo. Hỏi vài câu về Lester Robinson.”

“Anh chàng lo dịch vụ tang lễ mới bị giết đó hả? Sao hẳn lại hỏi cậu?”

“Nhiều năm trước có một lần tôi nhận một chân bồi thẩm, và Robinson là một bồi thẩm khác. Cả Jantzen cũng thế.”

“Cái cô bị giết ở Westwood hả?”

Jose gật đầu. “Ừ. Và cả Wallace, người họa sĩ ngã từ giàn giáo xuống xa lộ. Ba bồi thẩm đã bị giết.”

“Gượng đã nào, Jose. Anh chàng họa sĩ đó chết vì tai nạn mà. Làm gì có ai giết anh ta, nhỉ?”

“Tôi không chắc nữa, Cheryl. Gã phóng viên kia không nói gì. Nhưng hẳn bảo tôi rằng vài người khác đã bắt đầu dè chừng. Hẳn nói có lẽ tôi đang gặp nguy hiểm, và rằng ba cái chết có thể không phải một trùng hợp ngẫu nhiên.”

“Thế nào mà cậu lo lắng.” Cheryl thở dài. “Nhưng, Jose này, có lẽ tay phóng viên kia chỉ muốn gây chuyện thôi. Cánh đó vẫn thích sục mũi tìm kiếm những câu chuyện động trời mà. Điều trước hết chúng ta nên làm là tìm hiểu xem chàng họa sĩ kia có thật sự bị giết không. Hẳn cậu sẽ thấy tốt hơn nếu biết rõ ra anh ta không bị giết chứ?”

Jose gật đầu. “Ừ, Cheryl. Tôi sẽ thấy khá hơn nhiều.”

“Vậy thì được. Tôi sẽ tìm hiểu hộ cậu ngay đây. Tay phóng viên kia có cho cậu biết tên không?”

“Peterson. Phóng viên tờ Times. Hẳn bảo đang viết một bài phóng sự.”

“Tôi sẽ gọi tới tòa soạn. Bảo Bea phục vụ bàn hộ tôi vài phút nhé?”

Chưa đầy năm phút, Cheryl đã trở lại. Chị trông bức dọc. “Có chuyện không ổn đây, Jose. Chẳng có Peterson nào làm việc cho tờ Times trừ một cô ở ban quảng cáo. Và người đàn ông nói chuyện với tôi bảo là chẳng có tình tiết mới nào trong vụ anh họa sĩ. Đó là một tai nạn, đúng như chúng ta nghĩ.”

“Nhưng vì sao tay kia lại bảo tôi nên dè chừng? Và vì sao hẳn nói dối tôi?”

“Tôi không biết nữa, Jose. Có thể hẳn vô hại, nhưng ai mà biết được. Hẳn không hiểu thế nào mà biết được cậu làm việc ở đâu, và còn biết cậu từng làm bồi thẩm nữa. Tôi nghe mà lo quá. Nếu là cậu, tôi sẽ gọi điện báo cảnh sát, và mang dao hoặc súng theo mình cho chắc ăn.”

Jose thở dài. “Tôi không nói với cảnh sát được, Cheryl. Họ sẽ đến nhà tôi và...”

“Và sao? Anh có thể nói với tôi mà, Jose. Tôi không kể cho ai đâu.”

“Tôi chưa từng nói ra điều này, Cheryl. Em họ tôi vừa từ Tequila tới, và cậu ấy không có giấy tờ. Làm ơn đừng nói chuyện này với ai. Ramone có vợ và bốn đứa con nheo nhóc, mà cậu ấy không kiếm được việc ở Mexico. Gia đình Ramone sẽ chết đói nếu cậu ấy không gửi tiền về.”

Cheryl gật đầu. “Cuộc sống ở bên đây khó khăn lắm. Tôi có nghe rồi. Và tôi hiểu, Jose ạ.”

“Thế thì tốt. Và tôi hứa sẽ cầm dao theo người, Cheryl. Và không có chuyện xấu gì có thể xảy ra hết.”

“Tôi khóa miệng rồi. Yên tâm đi. Và tôi không hề nghe một lời nào về cú điện thoại cậu đã nhận. Jose à, cậu bảo em họ cậu đến từ Tequila à?” Chị đợi tới khi anh gật đầu.

“Và đó là quê hương của rượu tequila hả?”

“Ừ.”

“Đúng chỗ ngựa của tôi rồi, Jose. Tôi muốn biết điều này. Người ta có thực sự ăn mấy con sâu be bé xấu xí ở đáy chai không?”

Jose cười lần đầu tiên kể từ lúc anh nhận cuộc điện thoại. “Không, Cheryl. Người Mexico thông minh lắm và họ biết đường không ăn sâu bọ. Họ để dành chúng cho mấy anh tài xế xe tải của nước Mỹ nhà chị.”

Mười giờ sáng và Toni đã đọc xong trang cuối cùng Mike viết. Nhân vật chính, Bob, bị giam trong viện tâm thần. Mike quá là cừ khi khắc họa cơn hoảng hốt tột độ của Bob khi cánh cửa đóng sầm lại sau lưng anh ta và anh ta buộc phải bước vào một thế giới xa lạ thù địch. Toni xoa xoa cánh tay và rùng mình. Cô nổi da gà thật rồi này. Giờ cô đang mừng vì mình không có cơ hội đọc phần này hồi tối qua khi ngoài trời tối đen tối mịt.

Hễ bắt tay vào làm việc với máy tính là Mike viết rất hăng. Chỉ trong năm ngày anh đã viết được những năm mươi ba trang, và cô chắc hôm nay sẽ có thêm chừng mười trang nữa. Cô thích nghĩ đấy là do ảnh hưởng từ cô. Chắc chắn việc anh mua máy tính là do cô thúc giục rồi. Nhưng máy tính chỉ là công cụ giúp anh hoàn thành công việc hiệu quả hơn mà thôi. Nó có thể chạy mọi chương trình phức tạp trên thế giới, nhưng phải có người ngồi trước bàn phím để điều khiển hoạt động của nó. Mike vẫn viết được nếu dùng cái máy đánh chữ trong nhà hoặc bằng bút bi hay thậm chí là bút lông ngỗng. Nhưng nếu vậy anh sẽ mất thời gian hơn nhiều.

Cô đọc lại đoạn anh miêu tả bệnh viện tâm thần và gật đầu. Mike là một người kể chuyện bẩm sinh. Mọi trang đều thu hút cô, khiến cô đọc ngẫu nhiên. Cô không thể đợi được đọc tiếp vào tối nay. Những hiểu biết của anh về công việc trong viện tâm thần khiến cô đi từ ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác. Lối tả sống động về sự chống cự của Bob để duy trì được đầu óc tỉnh táo khi sống giữa những con người cho rằng anh bị điên thực sự quá tuyệt. Anh là một nhà văn có tài. Sao anh không liên lạc với một nhà xuất bản nhỉ? Tối qua khi cô hỏi, Mike bảo rằng nghĩ về chuyện đó lúc này còn quá sớm.

Toni thở dài. Cô nảy ra ý định gọi cho Muriel Watkins và giới thiệu cuốn sách của Mike. Muriel là biên tập viên tại New York, và là chuyên gia xử lý lòng tự tôn mong manh dễ vỡ của những cây bút trẻ. Nhưng liên lạc với Muriel mà không cho Mike biết thì không hay lắm. Rốt cục anh đã tin cô và cho cô đọc bản thảo. Giờ cô có một nhiệm vụ lớn hơn. Cô phải thuyết phục anh tin cả cô bạn Muriel nữa.

Toni nhắc điện thoại và ấn số. “Mike à? Em Toni đây. Em vừa đọc chương cuối của anh và thích mê. Em nghĩ nên có ai đó đọc và cho ý kiến chuyên môn.”

Toni nhú mày khi nghe Mike trả lời. Cô biết cần thuyết phục anh thêm chút nữa. “Không, em không nghĩ cần phải sửa gì thêm ở bản thảo đâu đâu. Và em biết đích xác một người có thể cho anh những góp ý chân thành.”

Toni thở dài khi Mike phản đối. Còn quá sớm. Anh muốn đọc lại đã, để bổ sung thêm vài chuyện anh mới nghĩ ra. Anh vui vì cô thích, nhưng anh chưa sẵn sàng đưa nó cho một người khác đọc.

“Nghe này, Mike. Em biết anh cảm thấy thế nào, nhưng rồi cũng sẽ đến ngày anh gửi bản thảo đi thôi. Sao không phải bây giờ nhỉ? Em có bạn làm biên tập viên ở New York. Em biết cô ấy sẽ đánh giá khách quan, và sẽ có vài gợi ý hay cho phần còn lại của cuốn sách.”

Mất mười phút nói hết nước hết cái, nhưng cuối cùng Toni cũng cúp máy với một nụ cười trên môi. Mike cuối cùng cũng thuận theo. Cô có thể thoải mái gọi cho Muriel rồi. Chắc bây giờ Muriel đang làm việc, và số điện thoại văn phòng cô ấy lại thay đổi. Toni nghĩ mình biết số. Cô rất giỏi nhớ số, nhưng kiểm tra lại cho chắc cũng đâu chết ai.

Toni ngồi trước máy tính và gõ BLACKBK.DOC để mở tài liệu chứa các địa chỉ cá nhân và số điện thoại. Cô luôn lập danh sách theo thứ tự tên của mọi người, chắc chắn ngược với mọi điều cô biết về lưu trữ dữ liệu, nhưng cô có lí do để làm ngược với người khác. Johnny, anh chàng thợ máy ở gara thường sửa xe cho cô, nằm trong phần J. Cô biết xếp anh ta vào đâu khi không biết họ của anh ta chứ? Và người thợ sửa ống nước mà cô còn chẳng biết tên nằm ở mục P [\[31\]](#). Có vẻ hơi hâm, và nếu để ai thấy danh sách của

cô thì chắc người ấy cười cô thối mũi, nhưng cô lại thấy thế này là ổn, cứ để thế được rồi.

Toni lướt tới mục M. Ở đó có bốn người. Đầu tiên là Quản lý chung cư [32]. Để người này ở mục M là tốt nhất vì quản lý thay đổi theo năm. Rồi tới Marc Rawls, nhà sĩ cô có đi chơi cùng một hai bạn. Giữ tên anh ta ở đó làm gì cho chặt ỗ cứng nhỉ? Toni xóa tên anh chàng và chuyển sang tên tiếp theo. Là Mike Kruger. Mike chắc chắn phải ở nguyên đó rồi. Và cuối cùng trong mục M là Muriel Watkins ở New York. Toni nhắc điện thoại và ấn số.

“Nhà xuất bản Devonshire xin nghe. Tôi là Muriel Watkins ạ.”

Toni quên mất phải nói gì mất một lúc, rồi cũng nhanh chóng định thần. “Muriel à, là Toni đây. Chúa ơi! Cậu nói kiểu cách quá.”

“Chào Toni. Không hẳn đâu. Mình chỉ ước họ cho mình một thư kí trực điện thoại thôi. Thế mà không được. Thời tiết chỗ cậu thế nào?”

“Hoàn hảo. Trời xanh, cỏ biếc, nhiệt độ dưới hai bảy độ C.”

“Nghe cứ như thiên đàng ấy nhỉ?”

“Ừ.” Toni thở dài. “Nhưng Muriel à, hầu như ngày nào ở đây cũng thế. Mình đang thêm một trận bão tuyết đây.”

“Đừng nói thế. Chúa xấu tính có lẽ đang lắng nghe đấy, và cả hai chúng ta đều biết ngài có khiếu hài hước kì cục mà. Nhớ lần chúng ta bị kẹt ở sân bay Minneapolis khi muốn về nhà sau buổi hội thảo chứ?”

“Mà không có giày đi tuyết ấy hả? Cậu nói đúng, Muriel. Mình thích Nam California cứ như thế này hơn. Vậy công việc mới thế nào? Cậu viết thư bảo được thăng chức.”

Muriel khịt mũi. “Đúng thế. Giờ mình là trưởng nhóm biên tập rồi. Vậy là mình phải làm việc gấp năm lần mà vẫn nhận lương như cũ. Nhưng mình không phàn nàn đâu, Toni. Công việc này kiếm được cho mình nhiều tiền hơn công việc đầu tiên của chúng ta nhiều. Công việc máy tính của cậu vẫn ổn chứ?”

“Ừ. Mình đã nhận thêm hai hợp đồng mới hồi tháng trước. Một công việc ngồi mát xơi bát vàng và một vụ nghiên cứu khác. Mình vui, Muriel.

Và mình đang hẹn hò với một người.”

“Đàn ông hả?”

Toni cười. “Ừ, Muriel. Một anh chàng. Mình ngừng hẹn hò với dạng sống cấp thấp hơn rồi. Tên anh ấy là Mike Kruger và anh ấy là nhà văn.”

“Mike Kruger? Mình chưa nghe bao giờ. Anh ta viết gì?”

“Truyện hư cấu. Cậu chưa nghe tới tên Mike vì anh ấy chưa xuất bản cuốn sách nào. Anh ấy mới viết được năm mươi ba trang của cuốn sách đầu tay. Mình gọi điện cho cậu cũng là vì lí do này. Mình thấy anh ấy viết rất tuyệt, nhưng có vẻ mình hơi thiên kiến một chút. Mình muốn biết cậu sẽ nghĩ gì.”

“Gửi cho mình đi. Email cũng được, nhưng mình thích đọc trên giấy hơn. Mình sẽ đọc ngay khi có một tối rảnh rang, và hứa sẽ gọi lại ngay khi đọc xong. Nhưng nói trước này, Toni, nếu anh ấy viết không tốt, mình cũng nói đấy.”

“Mình cũng chỉ mong có thể. Không phải nường tay đâu. Cậu có nói gì cũng không thể thay đổi tình cảm của mình với anh ấy mà. Mình chấp nhận sự thật đau thương được.”

“Sự thật đau thương từ miệng mình hả?”

“Ờ thì” - Toni cười cười - “có lẽ cậu cũng nên khen một hai câu cho phải phép. Mình sẽ gửi bản thảo của anh ấy cho cậu ngay trong ngày hôm nay, Muriel. Và cảm ơn nhiều nhé.”

Sau thêm vài phút trò chuyện, Toni cúp máy và bật máy in. Cô chia nhỏ bản thảo của Mike, và chỉ mất vài phút là in xong cho Muriel. Sau đó, cô viết một lá thư ngắn cảm ơn Muriel thêm lần nữa, và nhét cả vào phong bì. Cô cần dán bao nhiêu tem nhỉ? Cô cần mua cân điện tử. Nếu cô biết tiệm hàng này nặng bao nhiêu, cô có thể dán đủ tem rồi nhét luôn vào hòm thư.

Toni quay lại với máy tính và tải chương trình làm toán. Giờ nghĩ cô lại thấy tính cân cũng đơn giản. Hôm kia cô vừa ra ngoài mua hai cọc giấy in. Nhân viên giao hàng mang lên xe cho cô, và cô khâm phục nhìn anh ta khiêng hai cọc trên vai cứ nhẹ như không. Anh ta bảo cô rằng thật ra cũng không nặng lắm. Mỗi cọc nặng có sáu mươi pound thôi.

Mỗi cọc có mười hai ram [33] giấy. Sáu mươi chia mười hai bằng năm. Mỗi ram nặng năm pound. Với phép tính này thì cô không cần đến chương trình toán. Có năm trăm tờ giấy trong một ram, vậy một trăm tờ nặng một pound. Và năm mươi ba trang chỉ bằng nửa pound hơn một chút. Mười sáu ounce bằng một pound, vậy một nửa của một pound là tám, suy ra xấp bán thảo của Mike nặng chừng tám ounce. Rồi cộng với thư của cô cùng phong bì, thêm hai tệp hồ sơ cô nhét thêm vào để bảo vệ bản thảo. Một ounce cần một tem, mười tem thì hơi quá. Nhưng mười tem cũng phải có trọng lượng của chúng chứ nhỉ? Cô có nên dán thêm tem cho đủ trọng lượng của mười con tem kia không? Tính toán mà đau cả đầu!

Toni tắt máy tính. Cô chẳng dùng chương trình làm toán. Sau đó, cô dán phong bì, dán mười con tem, và đề địa chỉ nhà Muriel ra ngoài. Cô đang ra cửa thì nghĩ lại và dán thêm hai con tem nữa. Sao phải suy nghĩ về giá của hai cái tem nhỉ? Nếu cô gửi thư mà không đủ tem, bưu điện sẽ trả lại cô, và ai biết quá trình đó nhiều khê thế nào. Cứ cẩn thận thì hơn.

Chỉ mất vài giây để cô ném thư vào hòm thư phía ngoài cửa trước. Thường sẽ có lịch gửi thư và Toni mỉm cười khi biết lần tiếp theo người của bưu điện đến lấy thư là chiều nay. Bây giờ đã là mười một giờ ba mươi và mọi chuyện thật hoàn hảo. Cô thả thư vào hòm và khi nghe thấy tiếng lá thư chám xuống đáy thùng có một suy nghĩ tồi tệ nảy ra trong đầu cô. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu anh chàng trong kho văn phòng phẩm không biết tập bản thảo nặng bao nhiêu? Cô xem tập bản thảo như lý tưởng và anh có thể mất cơ hội chỉ bởi mười hay hai mươi pound ấy.

Toni rên rỉ. Sao cô có thể bốc đồng như thế nhỉ? Cô chỉ phải lái xe đến bưu điện và làm mọi thứ đúng trình tự. Ít nhất vẫn có một cách để cô kiểm tra gói bưu kiện.

Một giờ sau, Toni quay về nhà. Bưu điện đúng là cơn ác mộng. Ai cũng có vẻ như đang gửi một lá thư đăng kí hay thư đảm bảo, và chẳng có ai điền trước các mẫu giấy tờ. Chỉ có hai cửa sổ mở và có ba nhân viên đang đứng sát đó mà theo Toni thấy thì họ chẳng làm gì và cố tình không nhận thấy dòng người xếp hàng rất dài và chậm không tưởng được.

Được rồi. Toni thở dài. Ít nhất thì cô cũng đạt được mục đích khi cuối cùng cũng chạm được đến cửa sổ. Cô đã sao tập bản thảo thành hai bản và nhân viên đã cân. Mười ounce. Vậy có nghĩa là lúc đầu cô đã tính đúng. Nếu thùng thư ở bên ngoài tòa nhà không thực sự trống, cô sẽ đợi người đưa thư đến và hỏi lấy lại hai cái tem dán thêm của cô.

Michael ấn số và đợi thông đường dây. Tối qua anh lại mộng du, nhưng ít ra không có thêm vụ án mạng nào đăng trên tờ báo sáng, và anh không nhớ lại gặp cơn ác mộng cũ. Đêm qua anh chỉ có mơ bản thảo của mình đang bay về phía Muriel Watkins ở New York.

Sao anh lại đồng ý để Toni gửi đi nhỉ? Tới New York, chứ không phải nơi nào khác? Cảnh sát đang truy nã anh. Stan bảo các tờ báo đã thôi đăng bài về Michael Hart, gã sát nhân loạn trí đã trốn khỏi bệnh viện tâm thần ở California. Tất nhiên anh đã thay đổi mọi tên tuổi trong bản thảo, nhưng vẫn có khả năng bạn Toni sẽ nghi ngờ câu chuyện của anh là tự truyện.

Michael buộc bản thân phải suy nghĩ tích cực. Cơ hội có ai đó đoán ra Mike Kruger là Michael Hart chỉ nhờ đọc bản thảo mong manh tới độ không đáng nhắc tới. Anh chẳng việc gì phải lo lắng. Nhưng anh thật ra cũng đã có đủ chuyện để lo rồi. Tối qua anh ngủ ở nhà Toni nhưng lại mộng du và trở về nhà mình vào sáng nay.

Anh lắp liếm cho chuyện biến mất hàng đêm bằng cách bảo Toni rằng anh thức dậy lúc tảng sáng để nghĩ ý tưởng cho phần mới trong sách của mình. Tất nhiên đó là một động cơ trong sáng, nhưng dạo này anh đã hết lời cáo lỗi rồi. Toni còn tin chuyện anh về nhà lấy bánh, làm việc, hay thay quần áo thêm bao lâu nữa đây đây? Cô sẽ nghĩ rằng anh không muốn qua đêm bên cạnh cô, mà điều đó hoàn toàn chẳng đúng chút nào.

Không ai nghe máy. Michael bực bội cúp điện thoại. Anh đã cố liên lạc với James Zimmer suốt ba ngày nay, và ông ta không hề ở nhà hay ở trường. Michael đã nhắn lại với thư kí, nhưng anh có thể nói gì đây? Cô làm ơn nhắn với giáo sư Zimmer hãy cẩn thận vì ông ấy có thể bị giết ư?

Thư kí sẽ cho rằng anh bị điên và báo cảnh sát. Không, anh phải nói chuyện với đích thân giáo sư và thuyết phục rằng ông đang thực sự gặp nguy hiểm.

Michael cầm danh sách bồi thẩm đoàn và thở dài. Mười hai cái tên. Anh đã ghi nhớ tất cả. Hai tên được khoanh mực xanh. Theo như anh biết, họ được an toàn. Stan bảo rằng Gayle Hochsdorf và Chong Lee đã rời nước Mỹ, và họ sẽ ổn nếu không quay trở lại trước khi cảnh sát bắt được kẻ điên đang giết hại các thành viên khác của bồi thẩm đoàn năm nào. Anh đã tính báo cảnh sát nhưng như vậy họ sẽ làm tiếp tục tìm kiếm Michael Hart. Như anh biết, anh là mối liên kết duy nhất giữa các nạn nhân, và anh không dám nói với ai ngoại trừ chính các bồi thẩm.

Ba cái tên bị gạch bằng mực đen, Helen Sotherby, Oscar Cassinger và Sylvia Weintrob, họ chết vì tuổi cao sức yếu, hai người trong đó qua đời trước khi anh trốn khỏi Oakdale. Ít ra không ai trách anh vì cái chết của họ. Nhưng còn ba cái tên bị gạch bằng mực đỏ. Đó mới là điểm đáng sợ. Margo Jantzen bị giết tại nhà riêng ở Westwood. Neal Wallace chết vì tai nạn nhưng lại bị một tên điên cắt nát khi đã yên vị trong quan tài. Và Lester Robinson, bị đâm chết ngay tại nhà tang lễ của mình bên cạnh thi thể không còn nguyên vẹn của Neal. Họ có thể đổ tội cho anh vì mấy cái chết đó không? Cá là họ có thể lắm!

Anh là bệnh nhân trốn khỏi viện Oakdale có tiền sử mắc bệnh tâm thần, nuôi mối hận với bồi thẩm đoàn và không có bằng chứng ngoại phạm. Đến cả Stan cũng sẽ từ chối biện hộ cho anh trong lần này mất. Anh trai anh đủ thông minh để biết vụ nào mình cầm chắc phần thua. Stan sẽ bỏ mặc người nhà nếu chuyện đó phá hỏng bằng tổng sắp thắng thua của anh ấy.

Chỉ còn bốn cái tên trong danh sách, và Jose Sanchez ở vị trí trên cùng. Michael đánh hai dấu tích cạnh tên anh ta. Dấu tích đầu tiên là anh đã biết Jose ở đâu. Dấu thứ hai là Michael đã cảnh báo anh ta rồi.

Hai cái tên tiếp theo không có dấu gì. Điều này khiến Michael lo. Anh cứ tưởng sẽ dễ tìm ra xơ Mary Clare thôi. Anh đã gọi tới giáo phận và hỏi địa chỉ, nhưng việc không đơn giản chỉ là tìm ra cô ta trong danh sách. Họ cần thêm thông tin. Cô thuộc dòng tu nào? Cô dạy học hay làm y tá? Cô có

sống ẩn dật không? Michael không biết đáp án của bất kì câu hỏi nào. Người ở giáo phận đã bảo anh rằng chỉ tính riêng trong California đã có tới hơn bảy ngàn nữ tu. Gần ba ngàn người ở Los Angeles, và không có cách nào xác định liệu xơ Mary Clare có còn ở khu vực này không. Cô có thể đã được cử tới một vùng khác của Hoa Kỳ, thậm chí là ra nước ngoài làm nhiệm vụ truyền giáo.

Michael cảm ơn và cúp máy. Anh không nhớ rõ mặt vị bồi thẩm này. Trông cô chẳng khác bất cứ nữ tu nào anh từng gặp. Cô ăn mặc tuyền đen, đeo mạng che giấu đi mọi đường nét gương mặt. Cô luôn nhìn xuống và không bao giờ nhìn thẳng vào mặt anh. Anh chẳng có một ấn tượng nào để nhớ về cô ấy.

Rosalie Dumont là người tiếp theo trong danh sách và Michael đã dành suốt hai buổi sáng để cố tìm ra cô ta. Anh gọi cho mọi người có tên Dumont trong danh bạ Los Angeles, nhưng không ai biết một người tên Rosalie. Anh định nhờ Toni tìm tên cô ta trong các ngân hàng dữ liệu, nhưng vậy là thiếu khôn ngoan. Anh đã nghĩ ra cái cớ hay để nhờ cô tìm Jose Sanchez, nhưng Toni sẽ nghi ngờ nếu anh nhờ cô tìm thêm những cái tên khác.

Người cuối cùng trong danh sách là James Zimmer. Anh đánh một dấu tích đằng sau tên ông. Michael biết vị giáo sư này ở đâu, nhưng không thể nào liên lạc để cảnh báo được. Ít ra anh biết giáo sư Zimmer làm việc ở đâu, và đó là một bước đi đúng hướng. Liệu anh có nên liêu tới trường và đích thân cảnh báo ông ấy?

Đó là một bước đi đúng, nhưng Michael vẫn do dự. Anh khá chắc mình có thể hòa vào một trường đại học lớn nếu ăn mặc bình thường và kẹp vài cuốn sách dưới nách. Anh phải thử nếu muốn kịp cảnh báo vị giáo sư kia. Anh đã mất hai ngày để gọi điện thoại, và không có gì đảm bảo rằng anh có thể liên lạc với James Zimmer kịp thời.

Michael cầm điện thoại và lại gọi cho đại học. Khi anh liên lạc được với tổng đài điện thoại, anh đề nghị được nối máy tới văn phòng riêng. Anh sẽ tìm hiểu về lịch làm việc của giáo sư và gặp Zimmer khi ông nghỉ dạy.

“Văn phòng riêng đây ạ,” một giọng nói nhẹ nhàng vang lên trong điện thoại.

“Cô có thể cho tôi biết lịch làm việc của giáo sư James Zimmer không ạ?”

“Giáo sư James Zimmer à? Chắc là được thôi.”

Michael lắng nghe cô gái kia giải thích rằng mình chỉ là sinh viên giúp việc tạm thời, vậy nên cô ấy không chắc những thứ như vậy được cất ở đâu. Chắc cô phải mất vài phút mới tìm được tài liệu có lịch làm việc. Cô Beemer, thư kí trưởng, vừa ra ngoài ăn trưa, và sinh viên giúp việc thường làm ở đây vừa gọi tới báo ốm. Khoảng một tiếng nữa, khi cô Beemer về thì anh gọi lại được không?

Michael bảo không gọi lại được, nhưng anh sẵn lòng chờ đợi trong lúc cô ấy tìm thử xem sao. Anh nghe nhạc chờ một lát, nhưng âm thanh phát ra từ ống nghe nhỏ xíu làm anh không nhận ra được giai điệu. Rồi sau khoảng thời gian ngắn hơn Michael tưởng, cô gái kia đã nghe máy tiếp.

Cô nàng có vẻ hài lòng vì đã làm việc hiệu quả khi nói đã tìm thấy lịch làm việc. Giáo sư Zimmer có ba lớp trong kì này, ngoài ra ông còn tham gia một số cuộc hội thảo. Một lớp lúc mười giờ sáng thứ Ba và thứ Năm, lớp khác vào hai giờ chiều thứ Hai, Tư, Sáu. Lớp thứ ba là hội thảo học độc lập dành cho sinh viên năm cuối, được tổ chức vào tối thứ Năm từ bảy giờ tới mười giờ. Vì hôm nay là thứ sáu nên có lẽ giáo sư Zimmer vừa bắt đầu dạy lớp hai giờ. Nếu anh cần gặp giáo sư gấp, cô ấy sẵn lòng nhờ người gọi giáo sư nghe điện thoại. Thư kí trưởng đã bảo cho cô ấy biết cách rồi.

“Không, không cần gấp đâu. Cô cứ cho tôi biết giáo sư đang dạy lớp nào và tôi sẽ tự tìm ông ấy. Và xin cô cho tôi biết đường đi trong trường.”

Cô gái có vẻ nhẹ nhõm hẳn khi Michael chỉ muốn biết đường hướng. Cô gái bảo mình thường làm việc ở phòng bán vé, và vẫn hay chỉ đường cho những người tới trường dự hội thảo hoặc xem kịch. Michael ghi lại hướng dẫn rồi cảm ơn vì đã làm phiền cô ấy, sau đó chạy vội sang nhà Toni để mượn xe. Giờ là hai giờ, và cô gái kia bảo lớp của giáo sư Zimmer kéo dài

một tiếng. Anh chỉ có vừa đủ thời gian để lái xe tới đại học Gateway và tìm gặp giáo sư khi ông rời lớp.

Lenny gọi thêm một cốc cà phê. Đây là lần đầu tiên y say quắc cần câu sau từng đó năm.

Tối qua y đã uống bao nhiêu chai bia nhỉ? Mười? Mười lăm? Y đứng còn không vững, nhưng may sao đã quên mất nhan sắc ma chê quỷ hờn của người phụ nữ kia tới khi y nhìn ả vào sáng nay.

Vừa rời cơ quan đã lao ngay tới một quán rượu nhếch nhác là chuyện chỉ có kẻ điên mới làm, nhưng y cần bằng chứng ngoại phạm chắc chắn phòng trường hợp có thêm một vụ án mạng nữa. Thằng Eddie chập mạch vẫn chưa về, và Lenny buộc phải qua đêm với những người phụ nữ chẳng có lấy một tí nhan sắc, chỉ để có người ở bên trong những giờ đó.

Anh chàng bartender nhào qua quầy. “Tôi khuyên anh một câu chân tình nhé. Anh trả cả đồng tiền để uống li cà phê nhạt thếch của tôi suốt đêm, trong khi có một quán cà phê ngay góc đường bên kia cũng khá ổn. Thế anh làm gì ở đây?”

“Tôi thích có người bầu bạn.” Lenny đưa tay ra vỗ hông cô ả gầy nhẳng ngồi trên ghế đầu bên cạnh. “Và giờ chỉ có uống cà phê là tôi không phun ra thôi.”

“Say à?”

Lenny gật đầu. “Ừ.”

“Cà phê không giúp anh tỉnh táo được đâu. Tin tôi đi, tôi biết rõ lắm. Giờ cái anh cần là một ounce brandy. Không hơn, không kém. Anh nốc cạn một hơi cho tôi và hai mươi phút sau, anh sẽ thấy mình là một con người mới.”

Lenny nuốt nước bọt. “Tôi không biết nữa. Có vẻ tôi không hợp với phương pháp lấy rượu trị rượu. Tôi đã thử một lần rồi.”

“Nhưng chưa thử brandy, phải không?” Tay bartender cười toe toét khi Lenny lắc đầu. “Cái đồ đó miễn phí đấy. Tôi sẽ rót cho anh một ounce brandy - loại ngon - và tôi muốn anh uống như uống thuốc. Hiểu chưa?”

Lenny gật đầu và cầm cái ly anh bartender đặt trước mặt mình. Y hít sâu, nốc cạn, rồi nhăn mặt khi nó nóng tới khe cổ.

“Tốt đấy,” tay bartender cười đồng tình. “Nếu hai mươi phút nữa mà anh chưa tỉnh, tôi sẽ cho anh uống cà phê xả lảng suốt đêm.”

Cô gái ngồi trên ghế đầu bên cạnh Lenny gật đầu ra chiều thông tỏ. “Có tác dụng thật đấy. Tôi từng thấy anh ấy kê đơn cho hai gã, và sau đó họ tỉnh như sáo luôn. Anh khao tôi một ly trong lúc chúng ta chờ đợi nhé, anh Hồ? Tôi khát khô cổ rồi đây này. Và tôi luôn chết mê chết mệt người nào mời tôi một ly daiquiri.”

Lenny gật đầu và ra hiệu cho bartender chế thêm một li daiquiri. Cô ta đã uống bốn ly, và người thì gầy nhẳng. Nếu bartender mà phục vụ rượu nguyên chất thì chắc cô ta đã say bí tỉ từ lâu rồi. Bỏ đá vào li whiskey không thể tạo ra cocktail daiquiri nhưng Lenny kệ. Y cần cô ta ra làm chứng ngoại phạm, và vậy cũng đáng để y bỏ vài đô mua mấy li Shirley Temple giá chát.

“Của cưng đây.” Lenny đẩy li rượu cho cô nàng, và cô ả mỉm cười. ả không xấu như cô nàng tối qua, nhưng vào những hoàn cảnh khác thì ả dừng hòng moi được một giọt rượu nào từ y. Người cô ta gầy chẳng có lấy một tí thịt. Cô ta làm y nhớ tới một đứa nhỏ suy dinh dưỡng. Lúc y bước vào thì cô ta đang làm việc trong quán, và cô ả sượng rơn khi được y mời một li. Mà tên cô ta là gì ấy nhỉ? Elena, Helena hay gì gì đó thì phải.

“Anh bị sao thế? Anh trông như vừa bị rơi xuống thùng rác ấy. Kể cho Babsie này xem nào?”

Lenny nhấp cà phê. Cô ta tên là Babsie à? Chắc Helena là cô đêm qua. Phấn mắt màu tím làm Babsie trông hơi giống Vampira trong chương trình đêm muộn, nhưng cũng không đến nỗi xấu quá. Da mịn. Và tóc đẹp. Nhưng vẻ ngoài thì quan trọng gì. Giờ kể cả đến ả xấu ma chê quỷ hờn y

cũng dám lên giường cùng, miễn sao cảnh sát không nghĩ y là hung thủ là được.

“Chẳng có vấn đề gì đâu, cưng.” Lenny cười đáp. “Anh đang nghĩ chuyện công việc ấy mà.”

“Anh làm việc gì thế hả Hồ?”

“Bán phụ tùng ô tô. Anh có hai cửa hàng.”

Gương mặt cô ta bưng bưng hứng thú, và Lenny suýt rên lên. Đáng ra y không nên tiết lộ mới phải. Một khi đã biết y làm chủ hai cửa hàng phụ tùng linh kiện, cô ta sẽ tính giá đi khách chất phải biết.

“Kinh doanh phụ tùng ô tô kiếm cũng được đấy, cưng à, nếu anh biết việc mình làm. Nhìn Pep Boys xem. Họ khởi nghiệp từ kinh doanh cò con. Mà anh chỉ tập trung vào hàng nội địa thôi hả? Anh có bán phụ tùng nhập ngoại không?”

Lenny mất một phút mới trả lời. Câu hỏi của Babsie khiến y ngạc nhiên vô cùng. Y không nghĩ cô ta biết từ hàng nội địa nghĩa là gì. Nếu cô ta không thực lòng hứng thú, vậy cô ta diễn quá cừ rồi.

“Chỉ hàng nội địa thôi, cưng à. Buôn hàng ngoại chả lời lãi gì đâu. Phải lo nhiều chuyện lắm. Giá gốc có khi chỉ một, nhưng đến khi ta mua nó lại đắt gấp năm gấp mười.”

“Em hiểu ý anh.” Babsie thở dài. “Như em biết, chỉ riêng bộ phận đốt thuốc lá của chiếc MG thôi mua buôn cũng đã ba mươi đô rồi.”

“Em lái MG à?”

Babsie thở dài. “Sai bét, Hồ à. Em cần loại xe nào chạy được cơ. Xe Anh toàn gặp vấn đề truyền tải điện thôi. Nhưng em thích xe thể thao. Lái chúng cũng hay nếu anh tìm được chiếc nào chạy bám đường.”

“Vậy chắc em chạy xe Fiat, nhỉ?”

“Động cơ Ý à?” Babsie nhăn mặt. “Không hợp với em. Máy đồ Ý toàn bị dư ứng suất.”

Lenny nhú mày. “Được rồi. Anh thua, Babsie. Nói anh nghe xem em đi xe thể thao gì nào.”

Babsie hơi ngượng. “Em không đi xe thể thao, cưng à. Em đi xe jeep.”

“Mấy cái đó được đấy. Hãng Amercian Motors à? Hay xe Chrysler đời mới?”

Babsie lắc đầu. “Cũng không phải nốt. Em chạy xe dã chiến nên không có nhãn hiệu nhà sản xuất. Nhưng em đoán đấy là xe Willies. Em mua nó từ một buổi bán đấu giá hàng tồn quy mô lớn năm năm trước.”

“Em mua được giá hời chứ?”

“Chắc rồi!” Babsie gật đầu vui vẻ. “Nó rẻ thối ra vì vỏ xe bị rạn. Mà nói tới vỏ xe bị rạn, Hồ này, đầu anh thế nào rồi? Khoảng hai mươi phút rồi đấy.”

“Sao cơ?” Lenny tỏ vẻ ngạc nhiên. “Anh thấy khá hơn nhiều rồi. Tay bartender đã đúng. Đây, nói anh nghe thêm về chiếc jeep của em đi. Hẳn em phải đổ kha khá tiền sửa sang và để xe chạy được đấy nhỉ?”

“Đâu có.” Babsie lắc đầu. “Em chỉ tháo động cơ ra thay mới thôi. Chẳng đổ tí mồ hôi nào.”

“Em tự tháo động cơ?”

“Vâng, tất nhiên rồi. Dễ mà. Em chẹn xe lên một cành cây to rồi ngoắc xe lên bằng hai dây thừng to chắc. Nó được dựng thẳng đứng, nhanh như gió ấy. Nhưng em đoán không nên kể anh nghe tất cả. Em sẽ phá hỏng hình ảnh quả bom sex của mình mất, phải không Hồ?”

“Chắc em làm hỏng rồi đấy!” Lenny cười. “Vậy em tự tháo động cơ. Giỏi lắm. Anh chưa từng gặp một gái làng chơi nào... gớm đã, Babsie. Có phải... em làm việc ở đây không?”

“Anh nghĩ anh nhầm phải không?” Babsie cười. “Thoải mái đi, vì em là gái, đúng như anh nghĩ. Em nói năng có vẻ khác đi là vì em thích tán chuyện với anh quá thôi. Đừng bảo với ai rằng em quên mất phải à ời nhé.”

“Ừ, anh không nói đâu.”

“Vậy, gặp lại anh sau, Lenny. Em phải thử xem có câu được con mồi nào trước giờ đóng cửa hoặc không mộng em là vườn cỏ còn anh chàng phục vụ kia là người cắt cỏ thôi.”

Khi Babsie hôn gió và rời ghế đầu, Lenny tự hỏi không hiểu sao mình lại nghĩ cô không xinh nhĩ. Cô có thân hình đẹp đẽ nhỏ nhắn, và hẳn sẽ rất dễ thương nếu tẩy trang. Sao cô lại làm việc ở một quán rượu như thế này? Cô dễ dàng kiếm được khách ngon nghề hơn chứ.

Lenny vươn tay nắm cổ tay cô. “Em định đi đâu thế, Babsie? Chúng ta đã nói chuyện xong đâu.”

Babsie cúi xuống thì thầm vào tai y. “Em biết, nhưng em có bảo kê, Lenny. Gã bartender lấy nửa tiền của em và sẽ không cho em làm việc ở đây nếu không nộp tiền. Và em cần tiền để mua lại cửa hàng một khi ông chủ của em phá sản. Chuyện phức tạp lắm, Lenny. Em đã cố chỉ cho ông ấy thấy mình sai ở đâu, nhưng ông ấy không phải dạng chịu nghe lời khuyên của phụ nữ. Và em thực sự nghĩ có thể thay đổi tình hình, em thực sự có thể.”

“Ông chủ?”

Babsie gật đầu. “Ban ngày em cũng phải làm việc chứ, Lenny. Nghe điện thoại, đặt hàng, phục vụ khách hàng, các công việc kiểu kiểu như thế.”

“Cửa hàng đó kiểu như thế nào vậy, Babsie?”

Babsie cực kì bối rối. “Là một cửa hàng bán phụ tùng ô tô, Lenny. Chính vì thế em rất hứng thú với câu chuyện của anh. Nhưng đừng lo. Em sẽ không tranh khách với anh đâu. Cửa hàng bên em chỉ tập trung vào phụ tùng nhập ngoại thôi.”

“Nhập ngoại?”

“Đúng thế. Em biết anh đã bảo là chỗ đó chẳng xơ múi được gì. Nhưng chúng cũng không đắt lắm nếu như anh biết rõ mình phải mua gì. Em đã tính toán cả rồi.”

“Em lừa anh à, Babsie?”

“Không hề. Đây là giấc mơ của em, Lenny. Anh biết chuyện cười về một con điếm tiết kiệm tiền để mua trại gà không? Ờ, em cũng mơ vậy đấy, có điều không phải mua gà thôi.”

“Em thực bụng nghiêm túc chứ?”

“Em nghiêm túc, nhưng đừng nói với các khách hàng nhé. Em phải tỏ ra ngu ngốc và vui vẻ - bọn họ muốn em như thế. Anh tốt lắm, Lenny. Em thích nói chuyện với anh. Và chỉ nói riêng giữa chúng ta thôi nhé, đừng đi với con nhỏ tóc vàng mặc váy hồng ngồi đằng kia. Nó nói với em là nó bị lậu đấy.”

Cô định đi thì Lenny tóm tay cô lại. “Đợi chút đã, Babsie. Em thật bụng nghiêm túc, đúng không?”

Cô gạt đầu và Lenny vỗ vỗ cái ghế bên cạnh. “Ngồi xuống và nói cho anh nghe xem gã bartender kia thường ăn chặn của mấy cô gái tụi em bao nhiêu.”

“Chừng sáu mươi đô mỗi người. Có sáu cô, vậy nên hẳn thu cũng được kha khá. Nhưng em không quan tâm lắm. Hẳn bảo vệ tụi em nếu có khách hàng nào quá rần, và hẳn cũng tốt. Thôi để em đi đi, Lenny. Em không được chọc giận hẳn. Đây là chỗ làm được tốt và em không muốn mất chỗ.”

“Này, bồi quầy!” Lenny giữ chặt tay Babsie hơn và ra hiệu cho tay bartender. “Chúng ta nói chuyện chút đi.”

Gã bartender đi tới, và Lenny đập ba tờ hai mươi đô lên mặt quầy. “Nếu tôi đưa Babsie đây đi cùng thì sao? Anh có phiền không?”

“Chẳng vấn đề gì.” Gã bartender nhìn tiền và mỉm cười. “Vui vẻ nhé. Babsie tốt lắm đấy.”

“Ờ. Mà tôi suýt quên mất,” Lenny rút xấp tiền ra và rút thêm một tờ hai mươi đô nữa. “Đây là tiền bo trả cho anh đã giúp tôi hết say. Nó có tác dụng đúng như anh nói.”

Khi bartender cầm tiền nhét vào túi, Lenny kéo Babsie ra cửa. Khi họ ra đến bên ngoài, cô bối rối quay sang nhìn y.

“Hẳn có sẵn phòng mà. Anh không phải đi thuê nhà nghỉ đâu.”

“Quên phứt nhà nghỉ đi. Không phải là không vui, cưng à, nhưng giờ trong đầu anh có kế hoạch lớn hơn. Anh nghĩ chúng ta có thể đánh một vòng tới cửa tiệm của anh để em được tận mắt chứng kiến sản nghiệp của đời anh. Anh sẽ trả em hai lít cho hai giờ làm việc nhé? Thế nào, Babsie?”

“Hai trăm đô?” Cô đợi tới khi y gật đầu, rồi cười vui vẻ. “Vậy thì chơi thôi, Lenny. Nhưng anh muốn em làm gì?”

“Nói xem anh phải làm gì nếu quyết định lặn sang buôn hàng ngoại. Và nếu em có ý tưởng thật sự hay, anh có lẽ sẽ để em lo mảng đó. Em có muốn làm phụ trách mảng hàng ngoại nhập không? Anh có thể trao em vị trí đó.”

Babsie cắn môi dưới. Lenny biết cô đang đấu tranh xem có nên nói với y gì đó không.

“Nghe này, Lenny, anh thật sự tốt, vậy nên em phải cho anh biết em không có đủ tài để nhận trọng trách lớn như thế. Nếu em làm lộn tùng phèo lên thì sao?”

“Nhưng em cũng chẳng có tài làm gái làng chơi.” Lenny nhìn cô từ trên xuống dưới và cười tươi. “Nhưng em đã làm thế, phải không Babsie? Giờ nói thẳng nhé, và anh thích người ăn ngay nói thẳng. Cứ ‘Vâng, cảm ơn anh,’ rồi ngậm miệng lại. Anh rất ngưỡng mộ những quý cô thông minh biết đón nhận cơ hội khi nó gõ cửa nhà mình. Em hiểu ý anh chứ?”

“Vâng, cảm ơn anh.”

Babsie cười rạng rỡ. Cảm xúc ngời lên trong đôi mắt cô làm Lenny thấy sung sướng nhất kể từ hồi Margo bị giết.

Lần này anh đi xe trong mơ, rất cẩn thận dừng lại mỗi khi gặp đèn đỏ và quan sát các biển báo giao thông. Có một bản đồ đang mở đặt trên ghế phụ, và có lúc anh tấp xe bên lề rồi đỗ lại dưới ngọn đèn đường để xem phương hướng. Anh ngồi đó để chừng phải vài giờ, tay nắm chặt vô lăng, nhìn những vòng tròn vàng vọt đèn pha tạo ra khi chúng chiếu vào bóng tối và hắt lên vệ đường phía trước.

Anh đang mơ một giấc mơ, lặp đi lặp lại nó trong đầu như một biên tập phim nhiệt huyết chẳng? Anh đang cho chạy một đoạn phim hết lần này tới lần khác tới khi hoàn mỹ mới thôi ư? Hay anh đang nhớ lại những gì trước đây anh từng mơ ước? Mọi thứ đều rối rắm, và đáp án thì lẩn tránh anh, nó cứ lững lờ ở lẫn ranh của ý thức và rồi trượt đi khi anh cố vươn tay tóm lấy.

Anh đang ở trong phòng xử án vào một buổi chiều tuyệt vời của Nam California. Năng chiếu xuống qua những ô cửa sổ dài cao cao, tạo thành

những ô chữ nhật trên sàn nhà. Anh có thể thấy sàn gỗ óng lên, người thấy mùi chất đánh bóng đồ nội thất mà họ bôi lên hàng rào. Hàng rào? Không, không đúng. Cấu trúc giống một cái hộp mở lớn làm bằng gỗ sồi bóng bẩy có một lan can chạy quanh hơn. Chính lan can đã khiến anh liên tưởng tới hàng rào. Nhưng cái này nặng, vững chãi, và bao quanh hộp.

Có người bên trong, rất đông người. Anh có thể đếm nếu muốn cho chắc ăn, nhưng anh đã biết đáp án. Mười hai. Chẵn mười hai.

Ánh sáng heo hắt, hình ảnh được mở rộng như được chụp qua một loại ống kính đặc biệt. Nó được gọi là gì nhỉ? Ống kính góc rộng à? Không, không phải. Là chụp mờ nét. Nhưng có gì đó khiến tim anh đập rộn và tay anh run lẩy bẩy khi anh chấp lại sau lưng. Anh đang cầu nguyện ư? Không, tay anh chấp sau lưng mà. Và có vòng đeo trên tay anh, nhưng gọi đó là vòng cũng không hẳn.

Nhưng đó là cảnh lúc sau. Anh nhìn thấy trước hành động của mình, hoặc có lẽ biên tập cắt cảnh sai. Lại mặc áo choàng, một cái áo choàng đen dài. Và người đàn ông mặc nó đang bước qua sân khấu. Có vẻ ông ta là nhân vật quan trọng. Tất cả khán giả đứng lên khi ông ta bước vào. Ông ta là người trong hoàng thất nào đó chăng? Cả dàn diễn viên lẫn khán giả dường như đều biết rõ ông ta là ai.

Điều này không quan trọng. Anh đang nghĩ lạc đề, và giấc mơ vẫn tiếp tục. Mười hai kẻ kia là những nhân vật chính. Đây là màn diễn của họ, và anh phải cẩn thận đừng nói tranh lời thoại với họ. Nhưng không hề có buổi tập thử, ít nhất là không có buổi nào mà anh nhớ.

Đến đoạn nào anh sẽ lên sân khấu? Anh vào vai gì? Giờ có cố vắt óc nhớ ra cũng muộn rồi. Tấm rèm đã được vén lên. Giờ diễn đã đến.

Nhóm mười hai thật ấn tượng. Gương mặt họ lớn và nghiêm nghị, như chân dung tổng thống ở núi Rushmore. Mắt họ như những viên đá dẹt sáng lấp lánh đang nhìn anh buộc tội. Anh đang diễn vai kẻ có tội. Cảm ơn Chúa là anh đã kịp nhớ ra.

Có tội. Có tội. Có tội. Giọng họ chậm rãi và đều đều. Chúng vang lên với âm điệu sâu lắng, vang dội như chuông rền. Một hồi chuông báo tử. Dành

cho anh. Nhưng anh vô tội mà! Họ diễn sai rồi. Biên kịch không thể nào lại định cho vở kịch kết thúc thế này!

Và rồi anh di chuyển, nhảy phắt qua hàng lan can, thẳng vào phía bồi thẩm đoàn. Nhưng họ đã biến mất, và chỉ còn anh lơ lửng trên sân khấu, một mình giữa ánh đèn trắng lóa mắt.

Và rồi anh ở trên một cái bàn - một cái bàn kim loại lạnh lẽo, cơ thể anh chờ đợi. Ánh sáng vẫn chiếu rọi từ phía trên, và anh bị ghim một chỗ trong cái gườm gườm lạnh như băng của nó. Các diễn viên khác bỗng đột ngột xuất hiện quanh anh, họ đeo mặt nạ để giấu đi danh tính. Một người đang đi dao tiến đến mỗi lúc một gần. Đúng lúc nó sắp cắt vào da mặt anh, sân khấu đột ngột tối om như hũ nút.

Ôi Chúa ơi! Họ quên mất phải nháy đèn ra hiệu diễn rồi. Và con dao - nhưng đó không còn là dao nữa. Nó đã biến thành cái thìa. Một cái thìa kim loại cong queo, có một rìa sắc. Có tiếng thở trong bóng tối. Tới gần hơn. Tiếng cười khàn đặc. Nguy hiểm! Anh không chỉ có một mình trên sân khấu. Có người đang tới. Suyt! Hẳn có thể nghe thấy mày đấy! Và một người khác. Rồi một kẻ nữa. Họ tạo thành một vòng tròn những bóng đen đáng sợ. Những cái bóng có thể làm hại anh. Và làm anh bị thương. Một hình phạt độc ác và khác thường, nhưng không quan trọng. Không ai chơi theo luật ở nơi này. Rồi anh ngã tới suýt bất tỉnh nhân sự. Nhưng không đủ, chưa hề đủ.

Cảnh thay đổi trong bóng tối đen như mực. Những thế lực độc ác đang hành hạ tấm thân anh. Da anh bị xé toạc ứa máu đầm đìa. Dòng máu đỏ ấm nóng của anh ào ào chảy xuống, ứ trong khoang miệng, mắt và tai.

Anh la hét, nhưng đạo diễn không nghe thấy. Hoặc có lẽ anh không hề hét. Anh không thể diễn cảnh này. Không bao giờ diễn lại. Họ phải hạ màn kết kịch thôi.

Ánh sáng chiếu rọi làm anh lóa mắt. Những tấm mặt nạ xanh lại xuất hiện, chập chờn rồi chuyển hướng rất nhanh và biến mất trong chớp mắt. Cảnh diễn không theo trật tự khi chúng phất qua, bay nhanh gấp đôi, còn nhanh hơn qua màn ảnh.

Và đó là mười hai cái mặt nạ. Đúng chắn chắn mười hai cái mặt nạ cứng trong cái hộp bằng gỗ bóng bẩy. Lại bắt đầu rồi. Vợ kịch lặp lại một lần nữa. Người mặc áo choàng đen đã bước vào, và mọi người đứng lên khi tấm rèm được kéo lên.

Ôi không! Không thể nào! Mười hai là điểm then chốt. Nếu anh có thể bịt miệng họ trước khi họ nói câu thoại đầu tiên, vở kịch sẽ kết thúc trước khi nó kịp bắt đầu.

Anh nháy qua hàng rào. Không có thời gian để đợi tới lúc được lên sân nữa. Một trong mười hai người co lại biến vào không gian trống rỗng, ôn hòa. Rồi hai. Rồi ba. Anh mới thông minh làm sao, di chuyển nhanh nhẹn làm sao: anh đã bắt được họ trước khi họ kịp lẩn tránh anh. Anh biết mánh của họ rồi. Một, rồi thêm một người nữa. Tới khi chỉ còn lại bốn. Nhưng họ ở đâu? Trốn rồi.

Và rồi anh lại đang lái xe tìm họ trong khi các ngôi nhà lướt qua hai bên xe anh, tất cả đều tối om. Bốn đèn hiệu dẫn lối cho anh. Bốn nơi anh phải tới. Bốn người chơi anh phải bịt miệng trước khi anh được ngủ.

Và anh biết mình phải viết lại phần vai của mình. Anh phải giành vai kẻ chiến thắng. Nhưng còn nhiều dặm phải đi, nhiều lời phải nói, nhiều phân cảnh phải diễn.

Chỉ khi sân khấu trở lại trạng thái im lặng, yên bình thì tấm rèm mới được hạ xuống. Và vở kịch - ghi chép nỗi đau của anh dường như được định là sẽ kéo dài bất tận - có thể được thương tình mà kết thúc.

Đã gần bốn giờ sáng. Jose Sanchez ngáp dài trông lúc lật cái hamburger trên bếp nướng. Vài ngày khiến anh kiệt sức, nhưng cũng đáng. Em họ anh đã kiếm được việc.

Ba ngày trước, lúc sáu giờ sáng, Jose đã đưa Ramone tới chợ người trên đại lộ Pico. Thời tiết tầm nhập nhoạng sáng khá lạnh, và rất nhiều người co ro cúm rúm vì không có áo khoác. Trong lúc họ vừa đợi vừa giậm chân cho ấm, một màn sương mù từ đại dương kéo tới. Nó lẫn vào hơi khói của giao thông ban sáng, biến thành một thứ giống như lớp chăn ẩm ướt, hôi hám đè lên họ.

Họ khó mà giữ được lòng tự trọng khi những chiếc xe đi tới. Chúng lừ lừ xuất hiện từ màn sương xám ẩm ướt như những con quái thú mắt vàng khè, và đám tài xế quan sát hàng người lao động trên vệ đường, đang phô diễn bản thân tựa như mình là những tảng thịt bò được rao bán. Từng người hạ kính xe để chỉ vào kẻ họ muốn thuê. “Này cậu! Được đó. Và cậu nữa. Ra sau xe.”

Những người may mắn vội vàng nhảy vào thùng xe hoặc ghế sau để được chở đi. Không có mức lương tối thiểu cho loại hình lao động này, và họ cũng chẳng được bảo vệ nếu bị đối xử bất công. Hầu hết không có thể căn cước, vậy nên họ không thể làm việc hợp pháp tại đất nước này. Đám công nhân sẽ được trả lương vào cuối ngày, và phải im lặng chấp nhận đồng tiền mình nhận. Dù là bao nhiêu thì vẫn còn hơi ối so với tiền họ kiếm được ở quê nhà Mexico.

Ramone thoái chí. Trong đám người đó có một luật lệ bất thành văn mà không ai được phép vi phạm. Một số kẻ nhất định sẽ được chiếm vị trí ngon nhất trong hàng, và họ là những người đầu tiên được chọn. Khi họ đi rồi,

một số người nhất định khác sẽ tiến tới chiếm chỗ. Mãi muộn mới tới lượt Ramone được đứng gần đường. Và không ai chọn cậu ấy. Một tài xế bảo trông Ramone nhỏ quá, làm sao mà vác được mấy khối bê tông nặng. Vài người khác bảo cậu ấy nhìn như dân ốm đói. Người khác lại muốn một công nhân biết tiếng Anh, mà Ramone chỉ mới tập tọe được dăm ba câu. Tới lúc đó đã là tám giờ, và những công việc ngon lành nhất đều đã bị cướp mất. Hầu hết những người còn lại đã bỏ đi và đợi vận may vào sáng hôm sau.

Jose và Ramone ở lại, cùng vài người khác cũng đang trong cơn bĩ. Và rồi, suýt soát chín giờ sáng, một người đàn ông lái chiếc bán tải mới coóng đỗ lại hỏi xem có ai biết sơn nhà, cả ngoài lẫn trong không. Tiếng Tây Ban Nha của người đó quá tệ nhưng Jose nhận ra chất giọng ề à đặc trưng Texas của anh ta. Vậy nên Jose hỏi bằng tiếng Anh rằng quý anh đây có phải người El Paso ^[34] không. Và người đàn ông mỉm cười thân thiện bảo phải, đúng chóc luôn. Jose bảo El Paso là một vùng quê đẹp, không giống Los Angeles, và người đàn ông kia đồng tình. Gã bảo sẽ có ngày hồi hương, ngay khi kiếm đủ tiền mua được một trang trại ra hồn. Jose có biết sơn nhà không? Nếu anh biết gã sẽ rất sẵn lòng thuê anh.

Jose bảo không đến đây tìm việc, vì anh đã có một công việc toàn thời gian rồi. Anh chỉ tới giúp cậu em họ, vì cậu ấy nói tiếng Anh kém quá. Nhưng em họ Jose hành nghề thợ sơn ở Tequila, Mexico. Và nếu quý anh đây thuê Ramone, Jose sẽ đi cùng và phụ việc miễn phí.

Anh chàng Texas mừng rơn vì thuê được hai người bằng giá của một người. Gã bảo vào xe đi; họ sẽ bắt tay vào việc luôn. Nhưng khi Jose và Ramone định vào ngồi ghế sau, gã bảo lên ngồi ghế phụ cho ấm. Gã không muốn mông họ lạnh cóng trước khi họ kịp làm việc gì.

Jose và người đàn ông kia bật cười. Rồi Jose nói lại với Ramone và cậu ấy cũng hòa theo. Đây là câu bông đùa của dân Texas, rất khó dịch, nhưng anh chàng kia có vẻ tốt tính, và trong xe lại có máy sưởi tốt.

Sơn nhà cũng không khó. Với cả hai cùng làm việc, họ làm khá hiệu quả khi người đàn ông trở lại vào giữa trưa. Anh chàng mua gà rán cùng sáu lon

bia. Bia Corona. Sao mấy anh chàng người Mỹ luôn cho rằng dân Mexico bọn họ thích bia nhỉ? Jose không hay uống, nhưng khi uống, anh thích Budweiser. Marguerita trêu anh và bảo rằng có vẻ anh nghĩ mình là người có tiền nên chẳng chịu uống gì ngoài bia nhập khẩu. Với họ Budweiser [35] là bia nhập khẩu.

Anh chàng Texas mừng khi họ cho gã thấy thành quả công việc; gã bảo họ đừng gọi gã là Rowlins làm gì cho xa cách, cứ gọi Rollie là được. Và gã nói sẽ trả tiền công cho Jose. Gã thấy lợi dụng thế là không hay. Người Texas không thích tư hào kiểu đó.

Khi họ ăn gà và khề khà uống bia, Rollie khen ngợi Ramone. Gã bảo thích cái cách Ramone cẩn thận che cửa sổ và các thanh gỗ lại. Gã nhìn qua thôi cũng biết Ramone là thợ sơn giỏi. Có lẽ nếu Jose chịu đứng giữa phiên dịch để Ramone hiểu rằng gã muốn làm những gì, gã sẽ thuê Ramone sơn thêm sáu căn nhà nữa.

Sáu căn nhà? Jose ấn tượng. Rollie là chủ nhà trọ à? Không, không hẳn. Gã chuyên mua nhà cũ rồi tân trang và bán đi thôi. Và có nghĩa là gã luôn có việc cho thợ sơn giỏi.

Jose nói vậy thì tuyệt quá. Rollie có cần thợ làm vườn không? Ramone cũng rất có năng khiếu với cây cối, và cậu ấy cũng từng tỉa tót cây cối, sửa sang vườn tược hồi ở Tequila.

Rollie vỗ đầu gối và cười khoái chí. Gã bảo chưa từng mong tìm được một viên ngọc quý như Ramone đứng xếp hàng tại đại lộ Pico. Cậu em họ của anh còn giấu nghề gì nữa? Chuyện càng lúc càng hay rồi đây.

Jose bảo công việc gần đây nhất của Ramone là sửa chữa xe tải và máy móc cho một công ty xây dựng. Anh bảo Rollie rằng Ramone cũng biết cách sửa dây điện và làm nghề mộc cũng ra trò, dù chỉ là cho ngôi nhà ở Tequila, chứ không phải làm việc kiếm tiền.

Rollie lại vỗ đầu gối và mời Ramone thêm lon bia nữa. Gã bảo Ramone là món hàng hiếm có khó tìm, ý khen Ramone có thể làm hầu hết mọi chuyện gã nghĩ trong đầu. Ramone là người tài, gã có thể thuê và trả lương toàn thời gian, nếu cậu ấy có thể cân cước.

Chuyện này khó đây. Jose thở dài và thừa nhận rằng em họ mình không có thể căn cước. Thứ đấy khó xin lắm. Ramone phải chứng minh mình có nghề ngỗng mới hòng có được thứ giấy má đó, nhưng cậu ấy lại không thể nhận việc khi không có chúng.

Rollie cười và lại vỗ đầu gối. Không phải đúng sao? Họ có một cụm từ dành cho tình thế này ở El Paso. Người El Paso sẽ bảo đấy là anh đang ở giữa cuộc phóng loạn của bầy gia súc và cửa chuồng, kẹt giữa đám cứt và cuộc hỗn loạn.

Jose cười. Cách dùng từ của Rollie thật phong phú. Anh phải nhớ cái này mới được. Nhưng em họ anh phải làm gì để kiếm thẻ xanh đây?

Cứ làm việc và đừng lo lắng gì, Rollie khuyên. Gã sẽ trả lương nhật cho Ramone và sẽ thử tác động đến bên La Migra ^[36] xem sao. Gã chắc chắn sẽ có cách giúp Ramone kiếm được thẻ xanh, miễn là cậu ấy không bị tóm và đưa trả về nước trước khi chuyện xin giấy tờ xong xuôi.

Rồi Rollie ra xe tải và trở lại cùng gì đó mà gã gọi là mắt đỏ. Gã rót một chút vào chai bia của mỗi người và bảo rằng họ sẽ ăn mừng, vì Chúa. Người El Paso gọi bia trộn cùng mắt đỏ được gọi là chó bun. Jose uống rồi phát biểu cảm nghĩ xem nào?

Jose bảo Rollie rằng nó ngon tuyệt. Và Ramone nhanh trí hành động ngay khi thấy Jose ra hiệu. Cậu ấy giả bộ thích thứ đồ uống ghê miệng ấy đến độ Rollie lại vỗ đầu gối.

Rồi Rollie bảo vì giờ họ là bồ tèo của nhau rồi, gã muốn hỏi Ramone một câu riêng tư. Gã cứ ngửa ngay mãi từ lúc biết Ramone là người Tequila. Jose có thể hỏi hộ xem họ có ăn đồng sâu ở đáy chai không?

“Jose? Tôi nghĩ burger được rồi đấy.” Jose ngược lên, giật mình, và thấy Cheryl đang cười mình. Cái hamburger anh rán giờ đã trở thành một cục nho nhỏ đen sì trên bếp nướng.

“Cậu mệt hả?” Cheryl lắc đầu. “Vẫn giúp cậu em họ sơn nhà à?”

“Hôm nay là ngày cuối rồi, Cheryl.” Jose ném thêm cái hamburger nữa lên lò và bỏ cái cháy ra than vào thùng rác. “Giờ Ramone có thể tự làm việc rồi. Cậu ấy đã hiểu được tiếng Tây Ban Nha của anh chàng Texas kia. Và

Rollie Rawlins đang lo giấỵ tờ nên em họ tôi sẽ sớm thành công dân Mỹ thôi.”

Cheryl gục gặc. “Thế thì tốt. Giờ Ramone chỉ cần ém hành tung một chút cho đến khi mọi chuyện xong xuôi. Tôi mừng vì mọi chuyện cũng sắp qua, Jose. Tối qua cậu ngủ được nhiều không?”

“Chưa đầy ba tiếng. Mắt tôi cứ díp lại lại trong bữa ăn tối tuyệt hảo của Marguerita, và cô ấy bắt tôi đi thẳng lên giường.”

“Thế sao cậu không nghỉ đi, Jose? Chợp mắt chừng bốn mươi phút trong nhà kho ấy. Tôi có thể lo liệu cái bếp nướng này một lát.”

“Cảm ơn nhé, Cheryl. Chị tốt quá. Nhưng tôi thấy nhờ chị làm việc của tôi cứ làm sao ấy.”

“Thế cậu giúp tôi một việc nhé?”

“Việc gì?”

Cheryl mỉm cười. “Tôi thèm món salsa của Marguerita chết mất. Nếu cậu mang cho tôi một mẻ bánh, đổi lại tôi sẽ giúp cậu nướng bánh bây giờ. Được không?”

“Tất nhiên rồi, Cheryl. Nhưng đằng nào tôi cũng mang salsa cho chị thôi. Marguerita sẽ hạnh diện lắm nếu biết chị thích đồ cô ấy làm.”

“Giúp người giúp mình ấy mà, Jose. Thế là được.” Cheryl vỗ lưng anh và đẩy anh ra cửa. “Giờ đi nghỉ đi, và tôi sẽ đánh thức cậu khi nào quán đông khách quá.”

Jose mỉm cười khi rời nhà bếp. Cheryl là người bạn tốt. Anh hít một hơi sâu không khí lành lạnh của buổi tối và lại ngáp. Sau đó, anh đi thẳng ra phòng kho. Cheryl nói đúng. Anh kiệt sức rồi.

Kho nằm ở bên kia cửa hàng, bằng kim loại và có cánh cửa kim loại kêu cọt kẹt có khóa. Nó không bao giờ bị khóa trong giờ kinh doanh, và vì quán ăn phục vụ cánh lái xe tải mở cửa hai tư giờ mỗi ngày nên cái khóa gỉ sét đang treo lủng lẳng trên móc.

Khi Jose nằm dài giữa hai bao bột mì, anh cảm thấy có gì đó cứng và khó chịu trong túi. Anh bối rối mất một lúc rồi mới nhớ ra. Là con dao.

Anh đã mang theo nó kể từ ngày nghe cuộc điện thoại nọ, nhưng chẳng có gì - hoàn toàn không có gì - xảy ra. Không có cuộc điện thoại, chẳng có thêm vụ sát hại thành viên bồi thẩm đoàn nào được đưa lên báo chí hoặc lên ti vi.

Vào ngày đầu tiên sau cuộc điện thoại, Jose hoảng hốt lắm. Dù Marguerita biết có chuyện không hay, nhưng anh không hề nói một lời nào với cô. Nhưng đêm đó anh quyết định rằng phải cố đối mặt với kẻ thù của mình và buộc hẳn ra mặt. Anh đã ra ngoài con phố vắng hoe, cẩn trọng quan sát từng chỗ tối, nhưng không hề có ai tiến tới định làm hại anh. Anh đi bộ thêm ba đêm nữa rồi mới thôi. Khi anh hỏi Cheryl xem anh nên làm gì thêm, chị ấy bảo rằng gã đó có lẽ chỉ là đồ dở hơi vô hại, nhưng mang theo một con dao cũng chẳng hại gì.

Jose rút con dao khỏi túi và tay chạm vào cán dao mà ngủ. Anh lắng nghe những âm thanh của bóng tối, nhưng chẳng hề có cảm nhận gì rằng nguy hiểm đang tới gần. Đêm vẫn như thường lệ, chỉ thi thoảng bị cắt ngang bởi tiếng phanh rít khi tài xế đỗ xe trong khu đậu xe phía trước, và tiếng giao thông rầm rì trên nút giao đường cao tốc. Có tiếng radio vang lên từ đâu đó, nghe chỉ văng vẳng, và Jose nhận ra bài hát. Đó là một bài hát đúng chất miền tây và thôn dã, gì đó về một trí óc thỏa mãn.

Rồi anh dần chìm sâu vào giấc ngủ nặng nề như thể bị đánh thuốc. Tiếng giao thông nhỏ đi thành tiếng thì thầm và rồi trở nên yên lặng. Anh không hề nghe thấy tiếng bước chân tới gần hay cửa phòng kho cọt kẹt mở ra. Và anh cũng chẳng tỉnh giấc khi con dao sắc lẹm đâm xuyên trái tim đang ngủ say và khiến nó yên nghỉ mãi mãi.

Toni làu bàu tỉnh giấc. Chỉ có một chuyện duy nhất làm cô tỉnh giấc giữa đêm, và chính là chuyện này. Hôm nay khi Mike ra ngoài có chút công chuyện, anh mang về ít nhất cũng phải chục hộp đồ ăn Tàu từ quán Szechwan. Toni thích đồ ăn của Szechwan, và nói cô đã nhồi đồ ăn vào bụng cũng chẳng ngoa. Rồi cô thấy khát nước cả đêm, và cô đã tu ừng ực một cốc mười hai ounce nước lạnh trước khi họ đi ngủ. Thế nào mà cô thấy khó chịu.

Cô lẳng lẳng xuống giường và vội vào nhà vệ sinh. Mấy giờ rồi nhỉ? Cô đóng cửa nhà vệ sinh và bật đèn, neho mắt trước luồng sáng đột ngột. Cái đồng hồ Burma Shave cũ cô lấy từ nhà bố như một kỉ vật gợi nhớ về ông cho cô biết giờ là bốn giờ sáng. Họ lên giường lúc mười một giờ, nhưng phải một tiếng sau mới ngủ, như vậy cô chỉ ngủ vòn vẹn có bốn tiếng.

Toni lạch bạch trở lại giường, nhưng không chui vào chăn. Cô không thể ngủ ngay lại được. Cô đáng ra nên mặc kệ cơn khát mà đi ngủ chứ đừng nên uống nước. Nhưng giờ cô đã đủ tỉnh táo để nghĩ về về toàn bộ hiện tượng có lẽ có giá trị thực tế này. Mười hai ounce nước uống trước lúc đi ngủ sẽ làm cô ngủ chỉ được có bốn tiếng. Cô chưa từng nhận ra điều đó, nhưng cô có đồng hồ sinh học, và nó chắc chắn sẽ đánh thức cô cho dù cô ngủ ngon thế nào. Tất nhiên, cô phải kiểm chứng thêm vài lần để xem cụ thể ra sao.

Cô ngồi trên mép giường và thâm tính toán. Nếu cô uống hai cốc nước thay vì một, vậy sẽ rút ngắn thời gian cô ngủ trước khi tỉnh giấc theo tiếng gọi của tự nhiên. Và uống ít nước đi sẽ kéo dài thời gian ra. Giờ cô chỉ cần phải tính toán xem nên uống bao nhiêu nước, và cô có thể dậy bất cứ lúc nào mình muốn.

Toni đứng lên và vội vào phòng làm việc viết ghi chú cho mình. Cô gọi phát hiện của mình là đồng hồ nội thủy. Cơ chế rất đơn giản, và cô sẽ lặp lại vào tối mai cho chắc chắn. Và rồi cô sẽ thử với lượng nước nhiều hơn và ít hơn tới khi hiểu cho ra nhẽ.

Sau khi viết xong, Toni ngồi đó một phút và đọc lại. Cô hi vọng mai đọc cô sẽ hiểu. Có một lần cách đây hai năm, cô tỉnh dậy giữa đêm và viết gì đó cô nghĩ là thực sự sâu sắc. Nhưng khi cô đọc lại vào sáng hôm sau, trên tờ giấy chỉ vòn vẹn bảy chữ, Đi bộ qua đồng hồ cát trong cơn bão. Cô đóng khung và treo bên trên máy tính. Giải quyết rắc rối của thế giới trong lúc ngủ là thế đấy. Đến giờ cô vẫn không biết câu mình viết năm nào có nghĩa gì.

Toni mỉm cười khi trở lại giường và chui vào chăn. Cô lại buồn ngủ rồi. Cô dịch về phía bên Mike, định rúc lấy hơi ấm và ngủ lại, nhưng... Toni vỗ

chăn. Anh đâu mất rồi? Chỉ mới bốn rưỡi sáng, và anh đã đi mất. Cô xấu lắm khi tỉnh dậy vào ban sáng sao? Không, đó không thể là lí do. Mike chưa từng ở lại tới lúc thấy cô thế nào vào buổi sáng.

Thôi xong. Giờ cô lại tỉnh như sáo rồi. Toni bật đèn và mặc cái áo choàng lông ngỗng ấm áp của mẹ mình vào. Nó từng có màu xanh hoàng gia, nhưng bị giặt quá nhiều nên phai sang màu bò bạc. Cô thấy lạ về sự biến mất của Mike. Cô có một người yêu không muốn ở cả đêm cùng cô. Cô làm gì sai chẳng? Cô ngáy ư? Cô bị hôi miệng chẳng? Ôi, cầu Chúa phù hộ, cô vừa ngủ vừa thả rắm sao? Phải có lí do gì đó mà Mike luôn bỏ đi trước sáng và cô muốn tìm hiểu cho rõ.

Toni mở rộng cửa và bước vào hành lang trên đôi dép bông màu xanh lơ để ấn chuông cửa nhà Mike. Cô phải làm mọi chuyện ra ngô ra khoai ngay, trước khi nó thực sự trở thành một vấn đề.

Không ai mở cửa. Chắc anh ngủ mất rồi. Cô gõ cửa thành thành, rồi lại nghĩ tới chuyện giờ giấc, và ấn chuông liên tục. Dù vậy, cô cũng không nghe thấy tiếng động nào trong nhà, không có tiếng bước chân ra mở cửa. Mike có nhà không? Nếu không có, vậy anh biến đi đâu mà không đi xe hơi mới được chứ? Anh trả chìa khóa cho cô chưa nhỉ? Toni vội chạy đi tìm, nhưng chúng không treo trên móc như thường lệ. Cô phải để mở cửa nhà trong lúc kiểm tra ga-ra. Chìa khóa nhà cô cũng nằm trong chùm chìa khóa kia. Quên nỗi lo sợ trộm viếng nhà đi. Chuyện này quan trọng hơn, và cô chỉ đi có một hai giây chứ mấy.

Toni chạy vội xuống cầu thang và mở cửa ga-ra. Chỗ đậu xe của cô trống không. Có lẽ có lí do cho chuyện Mike lấy xe cô giữa đêm hôm, nhưng cô vẫn chưa nghĩ ra là gì.

Cô trở lên nhà. Toni cố duy trì bình tĩnh và suy nghĩ. Cô nên làm gì? Nếu một người lạ lấy xe của cô, cô sẽ gọi cảnh sát, nhưng trường hợp này lại khác. Cô đã bảo Mike có thể dùng xe của cô bất cứ lúc nào anh muốn.

Rồi cô thấy ví của anh trên bàn bếp và mở ra. Tệ quá. Anh lái xe của cô đi mà quên cầm theo bằng lái. Cô mong anh không bị cảnh sát tuýt lại.

Thư. Anh phải để thư lại cho cô chứ. Cô chẳng thấy gì. Không có gì trong bếp hết. Không có gì bên cạnh máy tính, hoặc bất cứ nơi nào khác cô nghĩ ra mà có. Tất nhiên, có lẽ anh nghĩ cô sẽ không tỉnh dậy. Cô đã bảo với anh rằng cô có thể ngủ dù có bất cứ chuyện gì mà.

Toni pha cho mình một cốc cacao hòa thêm chút brandy để bình tâm lại. Mike hẳn sẽ có lời giải thích khi trở về. Nếu anh còn trở về.

Cô phải ngừng nghĩ như thế đi. Còn quá sớm để đi tìm anh, đây là nếu cô biết đi đâu để tìm. Cô sẽ đợi Mike tới bình minh trước khi hành động. Nhưng anh ở đâu chứ? Và anh đang làm gì? Anh có một cô bạn gái khác giấu ở đâu đó chẳng? Cô đã nghe về những gã chia thời gian cho hai người phụ nữ, nhưng Mike có vẻ không phải dạng đó. Tất nhiên, một gã bắt cá hai tay giỏi không bao giờ để lộ ra mình bắt cả hai tay, hoặc không họ đã chẳng giỏi.

Toni uống thêm một ngụm lớn. Brandy có vẻ không giúp được cô rồi. Nếu Mike lớ xớ với một người phụ nữ nữa, anh sẽ giải thích thời gian anh vắng mặt để ở cùng cô như thế nào? Cô đoán là một công việc làm thêm vào buổi tối. Đó là một cái cớ hơi bị tuyệt vời là người phụ nữ kia không cố liên lạc với anh trong thời gian đó. Hay là có nhỉ? Anh bảo hôm nào anh cũng nhận cuộc điện thoại lúc chín giờ từ anh trai, nhưng rất có thể người gọi tới là ả kia. Ắ trông thế nào? Toni dám cá ả tóc vàng. Cái ngữ đó luôn tóc vàng. Và ả có bộ ngực lớn và săn chắc hơn của Toni nhiều. Mike sẽ về một căn hộ khác của anh... hoặc một ngôi nhà ở ngoại ô... và ả, một nàng thỏ Playboy tóc vàng, đang ở đó đợi anh. Ắ sẽ rót rượu và xoa lưng cho anh. Tội cực quá. Anh làm việc vất vả quá. Và anh sẽ nói ả thật xinh đẹp trong bộ đồ ngủ đen nửa kín nửa hở. Nếu ả hứa dùng tiền anh kiếm thêm được vào những bộ đồ gợi tình thế này, anh sẽ không nề hà chuyện nhận thêm công việc thứ ba. Mà nghĩ lại có lẽ anh không mệt như anh tưởng. Và ả sẽ cười và hôn anh, rồi họ... Cacao bị đổ sánh ra bàn, Toni đi lấy miếng bọt biển để thấm đi. Tưởng tượng của cô thật lố bịch. Cô chắc chắn Mike không ở cùng người phụ nữ khác. Phải có lí do cho việc anh biến mất, và nếu cô động não, cô sẽ có thể đoán ra.

Có lẽ Mike không ngủ được. Anh đã bảo cô rằng anh không quen ăn đồ của quán Szechwan, và anh đã ăn rất nhiều đồ cay. Đám hạt tiêu xay đó hại cho hệ tiêu hóa phải biết. Chắc anh đã thức dậy và lục tủ thuốc tại phòng tắm để kiểm vài viên Alka Seltzer. Và cô biết là không có vì cô chẳng bao giờ cần đến chúng. Cô luôn ăn được mọi món cô muốn mà không bị làm sao hết. Nhưng nếu Mike muốn tìm kì được thứ gì làm dạ dày anh ổn định lại, có lẽ anh sẽ ra ngay mấy cửa hàng tiện lợi mở cửa thông đêm. Cô đã bảo anh rằng có một cửa hàng cách đây chỉ vài dãy nhà, nhưng chắc là anh quên mất. Vậy nên anh lấy xe của cô và quyết định đi vòng vòng tìm. Hẳn là vậy. Cô biết là thế mà. Cô có thể mường tượng anh lúc này đang lái xe qua những con phố tối om tới khi thấy biển hiệu AM/PM Market hay 7-Eleven. Giờ anh vào bãi đậu xe, ra khỏi xe và khóa cửa xe lại. Cô chắc chắn anh sẽ khóa. Mike là người cẩn thận.

Alka Seltzer sẽ ở ngay cái kệ đằng sau quầy thu ngân. Anh chỉ cần mua một vỉ. Không cần mua cả hộp vì anh sẽ thề không bao giờ ăn đồ Szechwan nữa. Ông già ngồi sau quầy sẽ nói, “Đau bụng hả, anh bạn?” Và Mike sẽ nói, “Do đồ ăn Szechwan đấy. Chắc là do tôi ăn nhiều quá.” Người đàn ông sẽ gật đầu và đưa anh một cốc nước để anh có thể được nhẹ bụng ngay tại cửa hàng. Và sau đó ông ta sẽ đề nghị Mike mua gì đó ăn để bụng dạ yên ổn qua đêm. Sữa chua hoặc kem. Chúng bao giờ cũng có tác dụng. Mike sẽ nhớ ra họ đã ăn hết sạch kem từ hai tối trước, và anh lại thèm Rocky Road thế nên anh sẽ mua thêm. Rồi anh sẽ lái xe về đỗ trong ga-ra và lên nhà. Anh sẽ đi qua cửa cầm theo một hộp kem Rocky Road. Tất nhiên, anh sẽ vui vì cô đã dậy, nên họ sẽ ngồi bên bàn và thi nhau ăn kem Rocky Road.

Toni thở dài. Tưởng tượng sai rồi. Uống thuốc đau bụng và mua kem không mất nhiều thời gian đến thế. Đã hơn năm rưỡi sáng, vậy là Mike đã rời nhà phải chùng hơn một tiếng rưỡi. Nếu chẳng may anh bị tai nạn trên đường trở về thì sao? Một gã say có thể đâm thẳng vào anh, có lẽ giờ này anh đang nằm trong viện, bất tỉnh và cần cô. Mà ví của anh lại ở đây, anh sẽ chẳng có giấy tờ tùy thân gì, và họ sẽ không thể biết anh là ai.

Toni vớ lấy cuốn danh bạ. Cô đợi đủ lâu rồi. Ít nhất cô có thể gọi điện đến các bệnh viện gần đây xem có ai giống Mike vừa nhập viện không. Cô vừa ấn số đầu tiên thì nghe tiếng chìa khóa tra vào ổ.

“Mike?” Toni vút cuốn danh bạ xuống và lao vào vòng tay anh. “Cảm ơn Chúa là anh về! Em cứ tưởng anh bị tai nạn cơ!”

Anh ôm cô, và Toni cũng ôm anh thật chặt. Cô thấy nhẹ cả người.

Michael thì không có được cảm xúc ấy; không hề. Anh thở dài và ôm Toni chặt hơn một chút. Anh phải thú thực với cô thôi. Vậy mới công bằng. Cô rõ ràng đang lo cho anh nhiều lắm.

“Toni? Ngồi xuống đi. Có điều này anh phải nói, và chuyện hơi dài một chút.”

“Là ả tóc vàng.” Toni ngồi sụp xuống ghế. “Em biết mà. Em vừa mới biết rồi.”

“Ả tóc vàng nào?”

“Ả mặc váy ngủ đen ấy. Người phụ nữ khác của anh.”

“Em nói cái gì đấy, Toni? Anh không có người phụ nữ khác. Không ai ngoại trừ em.”

Toni thở dài một hơi run rẩy. “Ờn trời! Em cũng không nghĩ anh có, nhưng em chẳng dám chắc hoàn toàn. Mà... Mike này? Nói thật với em đi. Em có làm gì kinh khủng trong lúc ngủ không? Như... ờ... ngáy hay gì đó?”

“Không, Toni. Em trông rất đáng yêu khi ngủ. Và em không ngáy.”

“Nhẹ cả người! Vậy chắc anh ra ngoài mua thuốc đau bụng và Rocky Road rồi. Và vì anh không mang hộp về, nên chắc anh đã chén sạch trên đường.”

“Rocky Road? Không, Toni. Anh không đi mua kem.”

“Gã say đắm phải anh trước khi anh tới cửa hàng à? Đừng lo, Mike. Em có mua bảo hiểm. Xe của em có được bảo hiểm trong trường hợp bị xe khác không có bảo hiểm đâm phải. Em mừng là anh không bị trầy xước gì. Ai cũng có thể gặp tai nạn. Và em cá lỗi không phải do anh.”

“Không ai đâm vào anh hết, Toni. Chiếc xe vẫn ổn. Anh đã kiểm tra khi trở về và không thấy có dấu hiệu tai nạn.”

“Anh kiểm tra xem có ai đâm anh không à? Em không hiểu. Nếu có ai đâm vào xe anh, anh phải biết chứ?”

“Trừ khi vì thế mà anh tỉnh dậy.” Michael bước tới tủ chạn, lấy ra hai cái cốc rồi rót thật đầy nước vào đó. “Anh không biết ai cần thứ này hơn, Toni, em hay anh. Uống một ngụm và đừng hỏi gì thêm. Anh sẽ kể hết tất cả.”

“Nhưng...” Toni mở miệng, nhưng rồi nghĩ lại. Cô ngậm miệng và chờ đợi.

“Anh mắc chứng mộng du, Toni ạ. Đó là lí do anh không hề ở đây khi em tỉnh dậy mỗi sáng. Đôi lúc giữa đêm anh rời giường và làm gì đó trong lúc ngủ. Anh không biết sao mình bị vậy, nhưng hình như anh không được. Anh đã thử mọi cách anh nghĩ ra rồi. Và tối nay anh phát hiện ra mình còn có thể vừa ngủ vừa lái xe nữa.”

“Sao cơ?” Toni uống thêm một ngụm nước nữa. “Vậy không... ờ... nguy hiểm sao?”

“Chắc là có. Anh nghe còn thấy nguy hiểm nữa là. Nhưng anh đã kiểm tra xe em rồi, Toni. Không hề có lấy một vết xước.”

“Vậy anh đã đi đâu, Mike? Anh có biết không?”

“Không hẳn.” Michael lắc đầu. Anh có cảm giác mình đã tới trường Gateway, nhưng đó chỉ là suy đoán. Anh đã nghĩ về giáo sư Zimmer ngay trước khi ngủ. Chiều nay lúc anh tới trường, anh mới phát hiện ra lớp của giáo sư hôm nay bị hủy. Trên cửa lớp có dán một tờ thông báo. Michael đã gọi cho phòng nhân sự từ bộ điện thoại trong trường, và lần này anh gặp cô Beemer. Đúng, giáo sư Zimmer đi công tác tuần này, nhưng ông sẽ trở lại dạy lớp hôm thứ Hai. Nghe vậy Michael cũng an tâm. Nếu giáo sư đang đi vắng vậy ông sẽ an toàn cho tới thứ hai, và Michael sẽ đến trường cảnh báo ông trước giờ ông lên lớp.

“Mike? Anh ổn không?”

Michael nhận ra Toni vừa hỏi anh gì đó. “Gì vậy, Toni? Chắc anh vừa ngủ gật.”

“Em hỏi anh ở đâu khi tỉnh dậy.”

“Tại đường cao tốc Santa Monica, ngay trước Lincoln. Anh phải xuống xe và xem bản đồ để về đây. May mà em có bản đồ, Toni ạ. Lúc ấy anh chẳng biết mình ở đâu.”

Toni cố không tỏ vẻ hoảng hốt, nhưng cô biết mình không giỏi che giấu cảm xúc. Lái xe trên đường cao tốc Los Angeles khi tỉnh táo đã tệ lắm rồi. Nhưng lái xe lúc ngủ ư? Mike không mất mạng cũng lạ đấy.

“Mike? Anh có biết anh còn làm gì trong khi mộng du không? Ở thì ngoài lái xe trên đường cao tốc đông đúc ấy?”

Mike gật đầu. “Anh biết anh mặc đồ và cởi đồ. Và một lần khăn tắm bị ướt, vậy chắc anh đã đi tắm.”

“Ồ.” Toni hơi run. “Rất... thú vị.”

“Ý em là đáng sợ, phải không?” Toni gật đầu, và Michael nắm tay cô. “Anh cũng sợ chết khiếp đi được. Anh tỉnh dậy vào ban sáng và không biết mình đã làm gì hay đi đâu. Và anh không nhớ được, Toni. Có những hình ảnh mờ nhạt, nhưng anh không chắc anh mơ thấy chúng hay là chúng thực sự xảy ra nữa.”

Toni nuốt nước bọt, “Anh bắt đầu mộng du từ khi nào, Mike? Anh nhớ không?”

Michael lắc đầu. “Hồi đó anh còn nhỏ quá, Toni ạ. Chắc tầm ba tuổi chứ mấy. Nhưng anh biết là ngay sau khi anh đến ở với dì Alice. Dì lo quá nên đưa anh tới khám bác sĩ, nhưng ông ta bảo đó là phản ứng của anh với môi trường mới thôi. Hiện tượng ấy ngừng sau chừng hai tháng, khi anh đã quen với ngôi nhà.”

“Vậy thì rõ rồi.” Toni gật gù. “Nhà anh là môi trường mới. Nhưng anh chưa từng làm mình bị thương chứ, Mike?”

Em nghĩ anh có thể va phải đồ đạc hay ngã cầu thang trong giấc ngủ chứ.”

“Dì anh cũng lo thế, nhưng chuyện đó chưa từng xảy ra. Như thế anh đang trong chế độ lái tự động vậy. Mắt anh mở, vậy chắc anh vẫn nhìn

được các vật trên đường và tránh chúng.”

Toni thực chẳng biết nói gì. Tất nhiên, cô đã nghe nhiều chuyện về chứng mộng du, nhưng cô chưa từng gặp ai mộng du cả. Cô nên nói gì đó để an ủi Mike. Anh trông buồn thảm lắm rồi.

“Ờ thì... ít nhất chúng ta cũng có một điểm chung, Mike. Anh vừa nhắc tới chế độ lái tự động làm em tự dừng nhớ ra. Có lúc em thức dậy vào ban sáng và cứ thế mắt nhắm mắt mở rửa bát. Có lần em rửa xong một nửa rồi mới tỉnh hẳn và nhận ra mình đang làm gì. Cũng không khác chứng mộng du của anh là mấy, nhỉ?”

“Có lẽ không.” Michael nhíu mày khi đẩy chìa khóa xe qua bàn. “Em nên cầm lại đi, Toni. Và anh hiểu nếu em không muốn anh ngủ lại đây nữa. Chứng mộng du của anh có lẽ sẽ làm em đâm ra lo lắng.”

Mike tội nghiệp. Toni đau lòng vì anh. Mike nghĩ cô không thích anh nữa khi anh thú nhận vấn đề của mình. Thật ngu xuẩn. Cô cũng có ối vấn đề ra kia. Mọi người đều có. Và có lẽ họ có thể giúp nhau.

“Trở lại giường thôi, Mike. Chắc anh mệt rồi. Em nên phòng hờ mà giấu chìa khóa xe đi nhỉ?”

“Em không phải làm thế này đâu, Toni. Anh sẽ về nhà. Vậy sẽ dễ chịu hơn cho em.”

“Ôi, không đâu!”

“Nếu anh lại đi lang thang trong nhà em hay làm gì đó thì sao? Em không bực mình à?”

Toni hôn anh. “Không. Em thấy thế cũng hay, dù hơi khùng. Nếu em làm nhiều chuyện lúc nửa tỉnh nửa ngủ, còn anh thì làm trong lúc ngủ, vậy nếu chúng ta chẳng may va vào nhau cũng thú vị lắm chứ. Nói đi, Mike... anh có bao giờ làm việc nhà trong lúc ngủ không? Như rửa bát hay hút bụi ấy?”

“Anh không biết nữa, Toni. Có lẽ có.”

“Tốt, từ giờ em muốn anh nghĩ về tủ lạnh trước khi ngủ. Tủ lạnh của em đã không rã đông cả năm nay rồi.”

Mãi hai giờ chiều Michael mới về nhà. Cảm giác lần đầu tiên được thức dậy cùng Toni thật tuyệt.

Họ ra ngoài chạy bộ rồi thư thả ăn sáng. Cô rất thông cảm cho chứng mộng du của anh. Tất nhiên, anh không kể hết, nhưng quả là nhẹ nhõm khi được thành thật với ai đó, cho dù anh mới kể một nửa câu chuyện.

Michael tấm qua loa rồi mặc quần bò và áo ni vàng in dòng chữ ĐẠI HỌC AUCKLAND ở mặt trước mà anh tìm thấy trong một ngăn kéo nọ. Theo như anh biết, Stan chưa từng tới New Zealand, vậy chắc anh ấy mua nó ở một cửa hàng nào đó rồi.

Có cả một chõng áo ni, và Michael cầm lên xem xét. Có một cái màu đỏ của trường đại học Moscow. Màu nhìn cũng được. Và một cái màu đen của đại học Tasmania với hình con sư tử cầm đuốc. Cái màu xanh da trời là của Swaziland. Còn chiếc màu trắng có cái cây xanh ở mặt trước là từ Beirut, Lebanon.

Có mười hai cái áo ni tất cả, một số thuộc về những trường đại học Michael chưa nghe tên bao giờ, như Bophuthatswana và Senegal. Cũng thú vị ra phết. Anh nhớ đã gặp hai người sưu tầm áo ni đại học, nhưng cả hai đều không theo học những trường đại học đó hoặc có bạn bè học ở đấy. Chõng áo này có vẻ là một kiểu hòa trộn kì cục của những trường đại học không có liên quan gì đến nhau.

Stan chưa từng có hứng sưu tập cái gì. Có lẽ đây là một phản ứng sinh ra từ bộ sưu tập thú nhồi bông mà dì Alice mua cho Michael. Dù vì lí do gì, Stan cũng luôn cho rằng các nhà sưu tập là đồ khắc kỉ. Michael tin đám áo ni này không phải một phần của bộ sưu tập thuộc về Stan. Có thể Stan mua

cả đồng áo ni đồng phục đại học mà chẳng ai muốn mua này với giá hời hơn.

Michael định tiếp tục viết sách thì điện thoại đổ chuông. Toni hoặc Stan đây mà. Không ai khác gọi cho anh. Anh cá là Toni. Stan chưa từng liên lạc giữa thanh thiên bạch nhật trừ khi có chuyện nghiêm trọng. Và dạo này chỉ có mấy vụ án mạng. Mike nhắc điện thoại. Ngay khi nghe thấy giọng ở đầu dây bên kia, anh bắt đầu nhú mày.

“Mike à? Stan đây.”

“Ôi, chết tiệt!” Michael buột miệng, nhưng Stan đã cười khanh khách.

“Ôi, chết tiệt à? Đây là cách chú chào đón ông anh đang đốt đít đây nhanh bản kháng cáo của chú hử?”

“Xin lỗi nhé, Stan. Em buột miệng thôi. Làm ơn nói là không phải có vụ án mạng nữa đi.”

Stan thở dài. “Xin lỗi nhé, Mikey. Có một vụ án mạng nữa thật. Nhớ anh chàng Mexico trong bồi thẩm đoàn tại phiên xử chú không?”

“Jose Sanchez? Nhưng không thể nào!”

“Anh sợ là có thể nào đấy. Anh ta bị đâm chết hồi sáng nay tại quán Crossroads. Sao chú lại nói là không thể nào?”

Michael vội nghĩ cách trả lời. “Em chỉ bàng hoàng quá thôi. Em cứ mong không có thêm vụ sát hại bồi thẩm nào nữa. Chuyện xảy ra thế nào?”

“Cảnh sát đoán Sanchez cố ngăn một gã lang thang trộm đồ trong kho. Anh ta có dao, nhưng gã kia nhanh hơn. Sanchez còn chẳng có cơ hội phản kháng.”

Đầu óc Michael quay cuồng. Một vụ án mạng nữa. Và anh đã đích thân cảnh báo Jose Sanchez rồi. Sau đây, Stan phải tin có mối liên hệ giữa các bồi thẩm và những vụ án mạng.

“Nghe em nói đã này, Stan. Margo Jantzen, Neal Wallace, Lester Robinson, và giờ đến Jose Sanchez. Bốn trong số mười hai người, vậy đây không thể nào là chuyện tình cờ. Chúng hẳn là một phần của mưu đồ điên

rõ hồng giết sạch các bồi thẩm trong phiên xử em. Nếu không thì là gì đây?”

“Đừng buồn quá, Mikey. Đồng ý là chú nói cũng có lí. Nhưng đừng quên Neal Wallace không bị giết. Người của anh ở đồn cảnh sát bảo rằng họ đã xem xét kĩ càng giàn giáo đó và nó gãy do chịu tải lớn quá. Họ cam đoan đấy.”

Michael cố lắm mới giữ được giọng bình tĩnh. Thi thoảng Stan chậm hiểu chết đi được.

“Điều đấy có thể đúng, Stan. Nhưng anh đang quên mất chuyện xảy tới với thi thể anh ta tại nhà tang lễ. Có lẽ cái chết của anh ta là ngẫu nhiên, nhưng có kẻ sau đó đã băm xác anh ta đấy thôi. Và vì thế em nghĩ chúng ta nên tính anh ta vào cùng ba người kia.”

“Ừ, có lẽ. Hình như anh hơi hơi hiểu giả thuyết của chú rồi, Mike. Nó sáng tỏ theo một cách kì cục. Nhưng sao có người muốn giết bồi thẩm đoàn của chú?”

“Em không biết, nhưng hung thủ ắt hẳn có lí do. Chúng ta phải làm gì đây, Stan? Em biết không thể báo cảnh sát. Nếu chúng ta chỉ ra mối liên hệ, họ sẽ bắt đầu tìm kiếm Michael Hart. Nhưng anh không nghĩ em chỉ ít cũng nên cảnh báo cho các bồi thẩm còn lại ư?”

“Đừng nói chuyện điên khùng thế chứ, Mikey!” Stan có vẻ bực. “Chú cứ ngồi im đấy và để mọi chuyện cho anh. Anh biết họ ở đâu. Anh đã bảo chú là anh vẫn để mắt tới họ mà. Chú cứ hứa tránh xa chuyện này ra, nếu không chú sẽ làm mọi chuyện anh làm được tới thời điểm này đổ xuống sông xuống biển cả đấy. Chú hiểu chứ?”

Michael vội vàng thoái lui. Stan có vẻ bực thật. “Em hiểu, Stan. Anh là sếp, và em hứa sẽ không nhúc nhích lấy một ngón tay. Nhưng anh thật sự sẽ cảnh báo họ chứ?”

“Tất nhiên rồi.” Stan có vẻ đã bớt giận đôi chút. “Anh sẽ bắt đầu ngay đây, Mike. Khi anh gọi cho chú tối nay, mọi người còn lại đã được báo phải cẩn thận.” Dừng một chút rồi Stan nói tiếp. “Mikey? Chú ổn đấy chứ? Ý anh là chú nói cứ là lạ thế nào ấy khi anh báo tin Sanchez.”

“Em ổn, Stan à. Em chỉ bàng hoàng quá thôi. Em nhớ mình từng nghĩ Sanchez giống dạng người có thể tự mình lo liệu trong mọi tình huống.”

“Trông anh ta đúng là vậy, nhỉ?” Stan có vẻ hài lòng. “Chú nhớ rõ các bồi thẩm thật, Mike. Anh nghĩ chú nhớ được nhiều điều về họ hơn anh.”

Michael im lặng. Tất nhiên anh nhớ rồi. Anh nhớ họ rõ tới độ đêm nào cũng mơ thấy họ cơ mà.

Stan hắng giọng. “Anh cúp máy đây, nếu chú đã chắc chắn là mình ổn. Anh có cả núi việc phải làm. Chú biết nghề này là thế nào mà. Phải không, Mike?”

“Vâng, mà Stan này. Chuyện kháng cáo ra sao rồi? Vừa rồi anh nói anh đang đốt đốt lo vụ đó mà.”

“Đúng thế. Đáng ra anh nên nói chuyện đó trước khi báo tin về anh chàng bồi thẩm người Mexico. Anh rất tiếc, Mikey. Anh biết lúc nào chú cũng đau đầu nghĩ tới nó, nhưng anh còn cả triệu việc khác phải xử lý và đôi lúc anh quên báo chú biết tiến độ.”

“Không sao đâu, Stan. Em biết anh rất bận.”

“Đúng thế. Nhưng chuyện bản kháng cáo của chú khá trôi chảy. Anh đã đưa cuốn băng anh từng kể với chú với một chuyên gia, và ông ấy đồng ý làm chứng rằng người trong hình là chú. Anh đã nhờ một phòng thí nghiệm phóng to bức hình tình rõ ràng nhất, và độ phân giải sắc nét lắm. Người của anh đã so sánh nó với hình chú chụp cho lần tuyển vai cuối cùng. Nhớ hình ấy chứ?”

“Em nhớ. Gã thợ ảnh kiểm của em cũng kha khá. Mà cụ thể anh dùng bức nào thế?”

“Anh không nhớ nhiều đến mức đó đâu, Mikey. Hình như chú mặc áo sơ mi xanh da trời thì phải. Mà nói chung là chuyên gia của anh không nghi ngờ gì chuyện người trong hai bức ảnh là một. Và thẩm phán chắc cũng sẽ nghĩ như thế thôi. Nghe thế nào?”

“Tuyệt, Stan.” Michael nhú mày. Anh nhớ rõ những bức hình đó, và không có tấm nào anh mặc áo sơ mi xanh. Thôi kệ. Stan chẳng bao giờ để ý nhiều tới màu sắc. “Vậy chắc anh sẽ sớm đệ đơn kháng cáo cho em, nhỉ?”

“Ừ. Nếu họ lên lịch ngay, và anh sẽ thúc đẩy tiến độ, có lẽ vào cuối tháng là được thôi. Vậy giờ chú nghĩ gì về ông anh trai này đây, Mikey?”

“Em nghĩ bố mẹ nhầm rồi. Họ nên đặt tên anh là Clarence Darrow [37] Gerhardt mới phải.” Mike đợi nghe tiếng cười của Stan. “Thật tuyệt vời, Stan. Hôm nay đã là hai mươi ba rồi, vậy chắc cuối tuần này em sẽ được trắng án!”

“Bình tĩnh đã, Mike. Anh bảo nó được lên lịch xem xét vào cuối tháng. Nhưng rất có thể nó sẽ bị hoãn lại. Lúc nào chẳng có chuyện như thế xảy ra. Nhưng cùng lắm cũng chỉ mất ba hay bốn tuần thôi. Chú kiên nhẫn đợi được tới lúc đó chứ, Mikey?”

“Tất nhiên rồi, Stan. Em là bệnh nhân [38] bao nhiêu năm nay rồi cơ mà. Chính xác là bệnh nhân một năm sáu ba.”

“Là sao cơ, Mike?”

“Em đùa ấy mà, Stan. Một năm sáu ba là mã bệnh nhân của em ở Oakdale.”

“Ừ, hài quá, Mike. Chú ổn thật chứ?”

Michael thở dài. Anh phải nhớ không đùa cợt gì thêm với Stan mới được. Ông anh của anh không bao giờ có nổi tí ti óc hài hước.

“Em ổn, Stan. Đừng lo cho em. Và cảm ơn đã cố hết sức mình oan cho em nhé.”

“Có gì đâu, Mikey. Vụ của chú là ưu tiên hàng đầu của anh. Nhưng anh hơi lo cho chú. Chú nghe có vẻ mệt. Có lẽ chú nên uống hai viên aspirin và nghỉ ngơi chút đi. Chắc chú hoảng hốt lắm sau khi nghe tin Sanchez, rồi bản kháng cáo, và đủ thứ.”

“Em không mệt tới mức đó đâu, Stan, nhưng có lẽ sắp rồi. Anh có định gọi cho em lúc chín giờ tối không đấy?”

“Như thường lệ. Được rồi, Mikey. Chú ngủ đi, và anh sẽ nói chuyện với chú sau nhé?”

Họ tạm biệt và Michael cúp máy. Tính ra anh đã ngủ được hai tiếng rồi mới lấy xe Toni đi mất, sau đó trở lại giường ngủ thêm sáu giờ nữa. Người

ta ngày ngủ tám tiếng là đủ rồi. Anh thấy thư thái nhất từ trước tới nay, và anh chắc chắn giọng không hề uể oải chút nào. Stan không chỉ hoang tưởng, mà còn hay lo nữa.

Michael bật máy tính và ngồi xuống. Anh thật sự không nên quá xét nét anh mình. Stan cũng có những thiếu sót, nhưng anh ấy là một luật sư có tài. Và anh ấy đã hứa sẽ cảnh báo các bồi thẩm còn lại. Michael chỉ mong lời cảnh báo của Stan có hiệu quả hơn lời cảnh báo của anh với Jose Sanchez.

Toni vừa làm xong tính toán phần trăm số nữ giới giữ vị trí quản lý trong một khu vực được định trước, và chèn số liệu vào bảng. Cô đã làm được khá khá với dự án nghiên cứu chiều nay. Giờ cô chỉ cần kiểm tên vài thống kê khác, vẽ biểu đồ và in tất cả ra. Trong lúc lưu dữ liệu, cô nhận ra kênh radio cô chọn trong phòng làm việc đang phát tin thời sự. Vì khó mà tập trung vào số má khi có giọng nói bên tai, nên cô đứng dậy định lấy một đĩa CD cô thích nghe.

Cô lắng nghe bản tin trong lúc rút đĩa Four Seasons của Vivaldi ra khỏi ngăn kéo và nhét vào ổ đĩa. Lại rắc rối ở Lebanon. Và Iran. Và El Salvador. Một đường dây buôn ma túy bị khai ra ở Los Angeles, rồi một tiệm trang sức lớn tại đại lộ Ventura bị trộm viếng thăm. Thành phố này đúng là cái gì cũng có. Một vụ án mạng nữa, tất nhiên rồi. Nơi này nhan nhản những tay sát nhân, lũ gạ gẫm trẻ con, trộm ô tô, và phường cướp đường cướp chợ. Tin tức nghe mà não cả ruột, chính vì thế mà cô chẳng mấy khi nghe.

Gì vậy? Toni vặn to âm lượng, nhưng cô chỉ nghe được đoạn cuối bản tin. Có anh Sanchez nào đấy bị giết tối qua. Tên nghe quen quen. Cô từng nghe ở đâu rồi nhỉ?

Toni bật đĩa CD và thở dài nhẹ nhõm khi bản Mùa đông của Vivaldi vang lên. Hay đó là Mùa hè nhỉ? Cô chẳng bao giờ phân biệt được giai điệu bốn bản nhạc này trừ khi đọc thông tin trên vỏ đĩa. Sao tên nạn nhân quen thế nhỉ? Sanchez. Không phải đó là cái tên Mike nhờ cô tìm trong ngân hàng dữ liệu sao? Tất nhiên, có rất nhiều người tên Sanchez. Cô biết vậy nhờ số lượng kết quả cô tìm thấy trong ngân hàng. Và kể cả nếu nạn nhân là Jose Sanchez đi nữa, đó vẫn có thể là một trong một trăm anh trùng tên

sống trong vùng này. Nếu lúc gặp lại Michael mà cô còn nhớ được, cô sẽ hỏi anh.

Giờ khi nhạc của Vivaldi đang vang lên và Toni có thể tiếp tục tập trung làm việc, cô lại không muốn quay về với các dự án nữa. Có lẽ cô cần nghỉ giải lao. Cô tới tủ lạnh để lấy cho mình một cốc trà đá, nhưng cũng chẳng giúp được cô.

Chứng mộng du của Mike khiến cô phiền lòng. Cô đã cố tỏ vẻ chẳng để tâm, nhưng đó cũng chỉ vì Mike thôi. Cô có thể làm gì để giúp anh không?

Nghĩ đến đó, Toni thử kết nối với ngân hàng điện toán tiểu bang Ohio. Cô biết mình đang chõ mũi vào đời tư của Mike, nhưng có lẽ cô sẽ phát hiện ra gì đó trong quá khứ của anh đã gây ra chứng mộng du. Rồi họ có thể cùng nhau đối mặt và giải quyết nó. Tất nhiên, cô không nhận được ủy nhiệm thư nào cho loại công việc này, nhưng cô có nghe về một nghiên cứu của một trường đại học uy tín rằng những nhân viên quán rượu và thợ cắt tóc hóa ra lại có tỉ lệ giúp người ta giải quyết những vấn đề của mình hơn cả các bác sĩ chuyên khoa có chuyên môn.

Toni ngồi ngả ra ghế và đợi kết nối. Hình như dạo này ai ai cũng dùng máy tính cả. Cô may mắn vì có thói quen vô thức ghi nhớ các con số. Cô có thể đọc vanh vách số thẻ cảnh sát cũ của Harry và số thẻ của thanh tra thang máy, dù cô chẳng có lí do gì để ghi nhớ chúng. Khả năng ghi nhớ số của cô thường là một tài năng vô dụng, nhưng đây là lần đầu tiên nó hữu ích.

Đêm qua, khi mở ví của Mike, cô đã nhớ luôn số bằng lái và số an sinh xã hội của anh. Chỉ cần nhập những mã số đó vào hệ thống điện toán của tiểu bang Ohio, cô có thể tìm hiểu nhiều hơn về đời tư của Mike Kruger mà chẳng cần hỏi anh.

Cuối cùng kết nối cũng thông. Nếu biết cách thì truy cập hồ sơ DMV cũng đơn giản thôi. Cô gõ tên Mike và số bằng lái rồi đợi chương trình tìm kiếm hoạt động. Lát sau, một thông báo xuất hiện trên màn hình. KHÔNG TÌM THẤY. THỬ LẠI? Cô gõ lại, nhưng thông báo vẫn thế. Được thôi.

Hồ sơ DMV của ngân hàng điện toán bang Ohio rõ ràng có vấn đề rồi. Cô chỉ gõ tên thôi vậy. Chứ ít cô cũng biết cái tên là đúng. Cô gõ KRUGER, MICHAEL S., đúng như trên bằng lái và đợi. Sau một lát, thông báo cũ lại hiện lên. **KHÔNG TÌM THẤY. THỬ LẠI?**

Toni thở dài. Được thôi. Cô sẽ thử cách khác. Có lẽ có lỗi do gõ chữ và cái tên bị nhập sai vào ngân hàng dữ liệu. Chuyện đó cũng thường xảy ra, đôi lúc gây ra những hậu quả nghiêm trọng nếu nhập thông tin tín dụng bị sai. Cô đánh số và chờ đợi. Vẫn có cách để tránh lỗi kỹ thuật nếu bạn biết mình đang làm gì.

A ha! Được rồi! Toni nhào tới khi cái tên xuất hiện trên màn hình. Mã số bằng lái được cấp cho Harriet B. Mathews ở Akron, Ohio.

Toni nhú mày khi ấn nút in thông tin Harriet Mathews. Cô nhớ trong đầu rằng sẽ gọi cho DMV Ohio để bảo họ rằng nên tìm người rà lại lỗi hệ thống đi. Cô thử số an sinh xã hội của Michael và mong Chính phủ liên bang sẽ nhập thông tin cẩn thận hơn.

Khó truy nhập trái phép vào ngân hàng an sinh xã hội hơn, nhưng Toni biết cách. Hồ sơ của họ thuộc hàng tuyệt mật, nhưng không được bảo vệ nghiêm ngặt như một vài ngân hàng khác. Cô gõ tên Mike và số rồi đợi.

Phải mất một lúc. Phải tìm kiếm thêm nhiều thư mục hơn mà. Với luật lệ IRS mới, hầu hết cha mẹ đều xin số an sinh xã hội cho con mình sớm sau khi chúng ra đời. Cuối cùng, sau khoảng thời gian tưởng chừng như vài giờ mà có lẽ chẳng hơn một phút, một thông báo hiện lên trên màn hình.

THƯ MỤC KHÔNG PHÙ HỢP. CHỈ NHẬP THAM SỐ ĐẦU. Toni gõ tên Mike mà không gõ số. Đợi một lúc lâu nữa, và một danh sách xuất hiện. Có hơn bốn mươi thư mục tên Michael Kruger, và ở khắp nước Mỹ. Cô in ra và xem xét cẩn thận. Không một ngày sinh nào gần với ngày sinh của anh. Nếu cô không thể tìm ra cái gì với tham số đầu tiên, vậy cô thử cái thứ hai thôi.

Cô rất cẩn thận khi nhập chín chữ số an sinh xã hội trên thẻ của Mike. Tìm kiếm bắt đầu, và cuối cùng thông tin cho số đó đã xuất hiện trên màn

hình. Toni xem xét mà nhú mày, rồi in ra. Số an sinh xã hội của Mike thuộc về Harriet B. Mathews.

“Ôi, mẹ ời!” Toni tắt máy và đọc thông tin in ra. Theo như DMV Ohio, cô Mathews ba mươi chín tuổi. Giờ nghỉ lại, cô thấy Mike cũng chừng đó. Và Harriet độc thân, tóc nâu mắt nâu. Cô ta đô con, cao sáu foot một, và nặng một trăm sáu chục pound, theo như thông tin trên bằng lái. Toni nghĩ có khi cô ta phải nặng hơn. Hầu hết phụ nữ đều khai man cân nặng trên giấy phép lái xe mà. Harriet Mathews đã nhận hai vé phạt đỗ xe vào năm ngoái, một ở Cleveland và trả ngay. Cô ta không có tiền án tiền sự. Vậy là tốt.

Toni nhún vai và chuyển sang chú ý tới bản in an sinh xã hội. Cô Mathews này đã làm việc ngay khi tốt nghiệp trung học. Cô ta không kiếm đủ để đạt điều kiện nhận những ích lợi an sinh xã hội trong năm năm đầu tiên. Vì hồi đó cô ta kiếm được chẳng bao nhiêu, nên chắc cô ta vừa học vừa làm đây.

Có rất nhiều thông tin về cô Mathews, và Toni đọc qua một lượt. Và cô nhận ra vài điều thú vị. Cô ta trả một lần khoảng hơn mười hai phần trăm tổng thu nhập cô ta đăng kí. Chắc cô ta có đi làm, vì hầu hết mọi người sẽ trả khoảng chừng một nửa và ông chủ trả nửa còn lại. Đây là một điểm chung giữa Harriet B. Mathews và Mike. Điểm khác nhau duy nhất giữa họ có vẻ chỉ là giới tính.

“Ôi Chúa ời!” Toni há hốc miệng khi một suy nghĩ kinh khủng nảy ra trong đầu cô. Có phải Mike đã chuyển đổi giới tính không? Cô đã từng gặp đàn ông chuyển giới thành đàn bà, nhưng chưa từng nghĩ người ta có thể biến đàn bà thành đàn ông. Tất nhiên, với những phép màu của y học hiện đại, ai mà biết người ta có thể cấy ghép những gì.

“Không thể nào!” Toni nói thành tiếng. Không thể. Cô đã ngủ cùng Mike, thấy từng li từng tấc cơ thể anh, và không thể nào có chuyện người anh có chất tổng hợp cấy ghép gì hết!

Toni nghĩ đi nghĩ lại và chỉ có một kết luận hợp lý. Mike dùng nhân thân giả, và cả hai số kia đều thuộc về một người phụ nữ ở Ohio có rất nhiều

điểm chung với anh. Đây là chị gái của anh chẳng? Harriet B. Mathews độc thân, vậy có lẽ vẫn dùng họ của mình, không hề có thay đổi gì do li dị hay kết hôn. Cô thử tìm tên Michael Mathews xem khai thác được gì không.

Ba mươi phút sau, Toni bỏ cuộc. Cô kết luận rằng Michael Mathews không tồn tại trong bất cứ ngân hàng nào cô có thể truy cập. Kruger rõ ràng là tên giả, nhưng vì lí gì mà Mike sử dụng nhân thân giả chứ? Anh phải chạy trốn người thân họ hàng ư? Anh gặp rắc rối với lũ du thủ du thực? Hay với luật pháp?

Toni sử dụng số Harry cho, và truy cập ngân hàng cảnh sát. Không có thông tin về Michael S. Krguer hay Michael Mathews. Harry đã bảo rằng tên trong ngân hàng dữ liệu này được đối chiếu chéo với những biệt danh được biết, vậy có nghĩa là cô đi vào ngõ cụt rồi. Vì lí do gì đó, Mike đang che giấu quá khứ, và cô không thể truy ra nguyên nhân nếu không biết tên thật của anh. Cô đoán có thể anh là nhân chứng của liên bang và FBI đã thay đổi nhân thân của anh. Nhưng họ chắc chắn sẽ không dùng các mã số thuộc về một người khác khi mà họ có thể cấp cho anh những mã số mới toanh và nhập ngay vào các ngân hàng dữ liệu hợp lí.

Cô nên làm gì? Cô không muốn chất vấn Mike về những cái mình vừa tìm hiểu được. Anh đã nói với cô về chứng mộng du và về dì Alice. Đó là lần đầu tiên anh thú thật với cô, và nếu cô thừa nhận đang chọc ngoáy vào quá khứ của anh, anh sẽ không bao giờ tin cô nữa. Hẳn phải có một lí do tốt cho việc Mike giấu thân phận thật sự của mình, và cô phải đợi tới khi anh tin cô đủ để nói ra tất cả.

Toni thở dài. Cô biết sẽ thế nào khi phải thú thực với người khác về quá khứ của mình. Cô đã lên dây cót tinh thần để thử một lần, nhưng người kia đã hoảng hốt và rời bỏ cô. Và mối quan hệ giữa họ không bao giờ được như cũ. Toni đã học được bài học đau thương rồi. Có những điều tốt hơn hết nên giữ lại cho riêng ta. Mike chắc cũng từng nhận đòn đau đó. Khi cả hai đều thấy tin tưởng để hoàn toàn thực lòng với nhau không phải rất tuyệt vời sao?

Giáo sư James Zimmer đỗ xe vào chỗ của mình tại đại học Gateway và tắt máy. Một tuần đậu xe trong sân bay Los Angeles có vẻ không làm chiếc Mazda hề hấn gì. Quảng cáo của nhà sản xuất thật đúng không sai. Nó là một chiếc xe con tuyệt vời.

Đúng 6 giờ 59 phút chiều, chuyến bay của giáo sư Zimmer hạ cánh xuống sân bay, trễ bốn mươi bốn tiếng so với lịch trình. Ông bị trễ thêm ba mươi phút nữa tại khu lấy hành lí, và rồi thêm ba mươi lăm phút đợi xe buýt sân bay, mà theo lịch trình phải có mười phút một chuyến. Cuối cùng ông cũng tới được khu đỗ xe C để lấy chiếc Mazda của mình bị kẹp giữa một chiếc Cadillac đen và một chiếc Winnebago vàng bị bụi bám, đúng ở nơi ông để nó lúc trước.

Chiếc Mazda khởi động được ngay, và lúc 10 giờ kém 15, ông trở về với chốn quen thuộc. Nếu ông là típ ham cho mình là trên hết, ông hẳn sẽ nói rằng chiếc Mazda của mình cũng mừng được trở lại. Có vẻ nó rên hừ hừ như mèo khi ông đỗ nó trong trường.

Giáo sư khóa xe và định bỏ đi thì nhớ ra cái túi du lịch nhỏ đặt bên ghế phụ. Có lẽ đem nó theo là một ý kiến hay. Đơn xin bổ nhiệm làm giáo viên dài hạn sẽ sớm được trình lên, và nếu có một anh chị sinh viên phải gió nào phá xe Mazda của ông và tìm ra thứ trong túi du lịch, lời đồn đại chắc chắn sẽ tới tai ban quản trị. Trong trường Gateway chẳng mấy khi xảy ra chuyện phá hoại tài sản, nhưng đại học vẫn thu hút một vài sinh viên cá biệt. Bố mẹ chúng mong đưa chúng tới một trường dòng sẽ giúp chúng về đúng quy củ, và thi thoảng cũng có thành công, nhưng chủ yếu là không ăn thua.

Khi giáo sư Zimmer cầm ca táp và túi du lịch qua nhà ăn tập thể, ông nhận ra mình rất vui được trở về. Mọi chuyện không tốt lắm ở Washington.

Đạo đức và Truyền thông là một khái niệm hay ho và hợp thời, nhưng cấu trúc của hội thảo thật chẳng được như kì vọng. Mỗi buổi họp lại được tổ chức tại một tòa nhà khác nhau, và bản chỉ đường ông được nhận lại rất cầu thả. Ông suýt nhờ mất một buổi họp quan trọng vì số tòa nhà bị đảo ngược mất hai chữ số, và các học sinh ông hỏi thăm đều chẳng biết gì về các buổi hội thảo hay tòa nhà là địa điểm tổ chức.

Có một vài khía cạnh tiêu cực khác nữa, những nhân tố biểu thị sự xuống dốc trong sự nghiệp của ông. Đáng buồn là số đồng đồng nghiệp của ông coi hội nghị là cái cớ để đi nghỉ mát bằng tiền thù lao của các viện tài trợ và lương họ nhận từ trường đại học của mình.

Giáo sư Zimmer đã phát biểu trước một viện sĩ hàn lâm cực kì nổi tiếng tới chỉ dự duy nhất buổi họp có ông phát biểu. Người đàn ông này đã thẳng thắn thừa nhận rằng mình dành phần thời gian còn lại trong phòng nghỉ ở khách sạn cùng cô nhân tình, mà cô ả cũng bay tới Washington bằng tiền của viện tài trợ.

Giáo sư Zimmer không ủng hộ hành vi đó, nhưng ông cũng thông cảm cho nỗi thèm khát một dạng đền đáp của đồng nghiệp. Cuộc đời của một giảng viên đại học trong thế giới ngày nay chẳng được đền đáp nhiều. Dạy học là một cuộc sống vỡ mộng và với rất nhiều người, điểm sáng duy nhất là tiền họ nhận được khi dự các hội nghị, và cơ hội hưởng thụ cuộc sống sung sướng nhờ tiền kẻ khác trong lúc có bạn bè bầu bạn.

Tổng lương của giáo sư thấp đến nực cười nếu so sánh với những lĩnh vực khác đòi hỏi bằng cấp cao. Mỗi năm các tiến sĩ y khoa kiếm được gấp mười lần tổng tiền lương của một giáo sư đại học, mà thời gian học hành của họ cũng ngang ngửa nhau đấy nhé. Giáo sư Zimmer càng buồn hơn khi phát hiện ra một vài sinh viên trong lớp ông kì này còn kiếm được nhiều tiền hơn mình. Và những sinh viên đó chỉ làm bán thời gian thôi đó!

Nhưng sao lại có người chọn theo đuổi một cái nghề lương thấp, làm nhiều giờ, ít cơ hội thăng tiến và phải tuân theo những luật lệ cứng nhắc quá ư kì quặc? Để rèn giũa những trí óc sáng láng non trẻ, tất nhiên rồi. Đó là lí do chuẩn mực mà hầu hết các giáo viên tận tâm với nghề đưa ra.

Không may thay, những trí óc sáng láng non trẻ ngày nay dường như đã mất sạch lòng kính trọng đối với những học giả hàn lâm lương còm cõi này. Ông từng nghe một sinh viên phát biểu rằng không hiểu các giáo sư có chút tài năng nào không, rằng chẳng qua họ đang cố gắng kiếm chút lương ít ỏi, chứ có dạy học gì đâu. Học sinh giờ nghe đài xem ti vi còn chăm chú hơn nghe giáo viên giảng.

Đó chính xác là lí do giáo sư Zimmer đã tới gặp ban quản trị đại học Gateway và xin được đi dự hội nghị Washington. Giới truyền thông có ảnh hưởng lớn đối với lớp trẻ ngày nay, và họ phải mở mắt mà nhìn nhận xem mình cần thực hiện những nghĩa vụ đạo đức nào để mà hành động cho hợp lí.

Ban quản trị ngạc nhiên trước yêu cầu của ông. Thường thì giáo sư Zimmer hiếm khi lên tiếng đầy nhiệt huyết như thế. Họ chẳng nghe thấy ông ho he tiếng nào kể từ ngày thuê ông.

Cũng có vài lời phản đối qua loa, và giáo sư Zimmer đã lường trước rồi. Đại học Gateway là học viện tôn giáo tư thục không hề muốn nổi đình nổi đám. Trường không muốn thu hút sự chú ý, và hội nghị này chắc chắn sẽ xuất hiện đầy trên báo chí.

Giáo sư Zimmer đã tranh cãi đến cùng. Không phải vấn đề đạo đức của sự kiện lớn này chính là điều nhà trường một mực bám lấy sao? Hình ảnh của trường chắc chắn sẽ bị tổn hại nếu các trường đại học tôn giáo khác cử đại diện tới mà Gateway lại một mực từ chối tham gia. Ông đọc cho họ danh sách các đại học tham dự và để dành những trường nổi tiếng nhất để nêu lên vào phút cuối. Đối thủ không đội trời chung của Gateway, King's Hall, cử đi ba đại diện.

Thế là vấn đề lại ra nhẽ khác. Họ vội vàng trấn an ông rằng họ cực kì ấn tượng với chuẩn mực đạo đức vững vàng của ông, nhưng giáo sư Zimmer ngờ rằng cái khiến họ ấn tượng hơn là với chuyện viện tài trợ hội nghị này đã đồng ý trả cho ông chút thù lao nho nhỏ. Vậy là họ có thể đưa ông đi dự hội nghị mà không mất một cắc nào phí công tác.

Có một cuộc bỏ phiếu, trong lúc đó ông rời phòng, và khi ông được gọi trở vào phòng làm việc riêng đó, người ta tuyên bố rằng tất cả đều nhất trí cho ông đi. Không may là họ chẳng có ngân sách trả lương theo ngày cho ông. Hoặc chi phí đi lại. Nhưng nếu giáo sư vẫn nghĩ rằng nghĩa vụ đạo đức của ông là phải tham dự, họ sẽ sắp xếp đổi giờ dạy các lớp ông phụ trách trong tuần ông vắng mặt. Chuông bắt đầu điểm khi giáo sư Zimmer đi qua nhà thờ. Vậy là sắp mười giờ rồi.

Nó luôn đổ sớm hai phút. Mọi người trong đại học đều biết điều đó, và lí do thắp chuông được đặt sớm là để sinh viên nhanh chân lên lớp, nhưng kết quả lại chẳng được như trường mong muốn. Giáo sư Zimmer rảo chân bước tới văn phòng, đi lên cầu thang, và mở cửa phòng. Giờ đã muộn và ông còn vài việc phải làm.

Khi giáo sư mở cửa và bật đèn, ông cứ tưởng mình vào nhầm phòng. Bàn làm việc vốn gọn gàng của Dorothy nay chất đầy tạp chí và sách vở.

Ông mỉm cười khi tới gần hơn để xem xét chõng lộn xộn. Có một đồng tạp chí ngổn ngang, loại mà chất đống ở quầy thanh toán tại siêu thị. “Ngôi sao phim truyền hình tiết lộ chõng mình thích mặc váy”, tiêu đề là vậy đấy. Chắc chắn ông không bao giờ nghĩ Dorothy lại đi đọc mấy vụ scandal của các ngôi sao!

Có một cuốn sách chiêm tinh quăn mép ở góc bàn và một tờ cung hoàng đạo chi chít chữ viết tay của Dorothy. Giáo sư Zimmer choáng tới độ suýt không thấy cái gạt tàn đầy đầu mẫu thuốc lá. Ông không hề biết Dorothy có hút thuốc. Hoặc đánh son, nhưng nhìn các đầu mẫu kia là thấy rõ rành rành. Hoặc sơn móng tay màu mận tím vương ở góc bàn. Ông chắc chắn ban quản trị cũng không hề hay biết, nếu không họ đã chẳng thuê Dorothy.

Giáo sư Zimmer quan sát bằng chứng về cuộc sống bí mật của thư kí riêng rồi cười khùng khục. Dorothy luôn tỏ ra là một con người đức hạnh. Hẳn phải có một luật bất thành văn về tư cách đạo đức của thư kí, cũng như của các giáo sư. Dorothy chắc chắn đã lừa ông quá ngọt, cho tới tối nay.

Ông có nên nhắc chuyện này với Dorothy và cười đùa cùng cô thư kí mà đôi lần ông nghi ngờ là tay trong của ban quản trị không nhỉ? Thôi, vậy là

không khôn ngoan. Ông chỉ khiến cô ngỡ ngàng, và thế có khi lại làm hỏng mối quan hệ làm việc giữa họ. Cô không cần biết ông đã bay chuyến sớm để trở về. Cô cứ làm việc của mình, còn ông làm việc của ông. Nhưng giáo sư cũng thấy sung sướng khi biết rằng trong cái trường này còn một người khác có bí mật cần giấu giếm.

Giáo sư Zimmer vào văn phòng và ngồi bên bàn gọi đến một số điện thoại không hề có trong danh bạ của mình. Ông nhú mào khi nghe tiếng máy trả lời tự động, nhưng tự nhắc mình nhớ ra rằng đáng lẽ phải đến mai ông mới về. Để lại tin nhắn có an toàn không nhỉ? Có chứ, chỉ cần ông cẩn thận là được.

“Xin chào, anh Jamie đây.” Giọng giáo sư Zimmer nghe trẻ hơn rất nhiều. “Anh về sớm, em yêu ạ. Giờ là mười giờ mười lăm, và anh còn dở chút công chuyện ở văn phòng, nhưng anh sẽ gọi lại cho em ngay khi về đến nhà. Anh đã mua quà cho em. Chính là cái chúng ta đã nhắc đến vào lần gặp nhau trước đây. Và đúng, anh dám mua nó!”

Giáo sư Zimmer cúp máy và vỗ vỗ cái túi ông mang từ xe vào. Ông phải lấy hết dũng khí mới dám bước vào cửa hiệu đó dù đã tự nhủ rằng chẳng ai có thể nhận ra ông. Có lẽ ông khiêu gợi nhiều hơn ông tưởng. Và giờ ông nên nghĩ tới những thứ khác, hoặc ông sẽ không bao giờ sẵn sàng tiếp tục dạy được.

Còn phải gọi một cuộc nữa. Giáo sư Zimmer ấn số và lại nghe tiếng máy trả lời tự động. Ông cũng đoán trước là chẳng còn ai ở văn phòng đó. Giờ đã quá giờ hành chính rồi. Ông để lại tin nhắn và ngay lập tức thấy khá hơn. Chỉ còn một việc nữa phải làm. Ông liền cầm hồ sơ thư kí để trên bàn và mở ra.

Tuần trước, Dorothy đã coi thi giữa kì của lớp truyền thông hôm thứ Hai giùm ông. Phải có người chấm bài, và nếu ông không bắt tay vào ngay thì không kịp mất.

Bài kiểm tra dạng trắc nghiệm, có sáu mươi câu tất cả. Vì ông có mẫu sẵn nên chấm cũng nhanh thôi. Nhưng câu hỏi tự luận cuối cùng lại mất thời gian một chút. Giáo sư Zimmer làm việc độ một tiếng và vừa xong hơn

nửa thì nghe có tiếng ai đó bước rón rén bên ngoài phòng làm việc. Ngay khi ông vừa định đứng lên xem là ai thì anh bảo vệ bước vào.

“Ôi, giật cả mình! Xin lỗi nhé, giáo sư. Tôi cứ tưởng sang thứ Hai thầy mới về.”

“Tôi cũng định thế, George. Nhưng rồi tôi quyết định bay chuyển sớm.”

George, chàng trai có vóc người săn chắc với vốn từ chẳng lấy gì làm phong phú, tỏ vẻ ngượng ngùng. “Xin lỗi khi đường đột xông vào thế này, thưa giáo sư, nhưng tôi cứ tưởng thầy là trộm.”

Ông gật đầu ra chiều thông cảm. “Đây là công việc của anh mà. Hoàn toàn không sao hết, George. Rất mừng được biết anh tận tâm như vậy. Chắc chừng một giờ nữa tôi sẽ về, vậy nếu anh thấy ai sau giờ đó thì đấy là trộm thật đấy.”

“Vâng, thưa giáo sư. Tôi sẽ để ý. Thầy muốn tôi mang cho thầy cái gì không? Tôi có cà phê bên ngoài phòng bảo vệ.”

“Không cần đâu, George. Cà phê sẽ làm tôi mất ngủ. Tôi sẽ gặp lại anh vào thứ Hai nhé.”

George đi ra, và giáo sư Zimmer lắc đầu. Đây không phải anh chàng sáng dạ nhất thế giới, nhưng lại được cái tận tâm. Nếu gặp bất trắc, ông sẽ muốn George bên cạnh chứ không phải ai khác. Người gác đêm này được cái chân tay nhanh nhẹn và có vẻ không biết sợ là gì. Giáo sư Zimmer chắc chắn không có can đảm xông vào một văn phòng khi trong tay chẳng có gì ngoài một khẩu súng cao su nếu như nghi ngờ bên trong có trộm.

Gần tới nửa đêm giáo sư Zimmer mới chấm bài xong. Ông thử gọi cho số kia thêm lần nữa, nhưng không ai nhắc máy. Ông để lại tin nhắn, lần này ngắn hơn, nói rằng mai sẽ gọi lại. Muộn thế này không nên gặp người yêu nữa. Ông kiệt sức, và muốn về thẳng nhà và leo lên giường. Dù ông biết giữa Washington D.C và Los Angeles chỉ chênh nhau có ba tiếng đồng hồ, nhưng ông nghi mình cũng bị chứng lệch múi giờ rồi.

Giáo sư Zimmer nhét đồng bài kiểm tra vào ca táp. Lớp truyền thông làm bài không quá kém, nếu xét theo mức độ khó của bài kiểm tra này, nhưng đây chắc chắn không phải những học sinh thông minh nhất ông từng dạy.

Rồi ông cầm túi du lịch, tắt đèn, khóa cửa văn phòng trước khi ra về, và bước đi trong bóng tối tịch mịch.

Lòng thanh thoi rời tòa nhà, ông mỉm cười. Đại học Gateway đẹp nhất vào ban đêm khi vầng bóng đám sinh viên lăm mồm lăm miệng. Nó được xây trên khu đất có những ngọn đồi mấp mô lên xuống với những rặng thông xanh. Khu rất này rất rộng, vẫn còn chưa được xây dựng hết, và đã được tặng cho Reverend Esmond Heath từ hồi thế kỉ trước, rồi sau này mới trở thành nơi tọa lạc của trường đại học tôn giáo này. Kiến trúc sư đầu tiên quả thật tài giỏi khi làm cho kiến trúc gạch đá hài hòa với khung cảnh một mạch xung quanh, và giáo sư Zimmer mong rằng nếu Gateway muốn mở rộng khuôn viên, ban quản trị sẽ thuê được một kiến trúc sư có tài thiết kế tương tự.

Ông không chọn đường đi qua nhà thờ - nó luôn khiến cảm giác tội lỗi dấy lên trong lòng ông, mà chọn đi trên Lối Tượng, dù đường đấy xa hơn. Phần này của đại học thuộc về khoa mỹ thuật tạo hình, và luôn treo đầy những tờ rơi màu mè sặc sỡ khoa phát ra để tuyển sinh vào mùa thu.

Nếu sinh viên nào có tác phẩm ấn tượng, nó sẽ được đặt bên cạnh con đường ngoằn ngoèo này để các thế hệ sinh viên sau và giáo viên chiêm ngưỡng. Lối Tượng dài gần bằng hai dãy nhà trong thành phố, và rợp bóng cây xanh. Nó được thiết kế sao cho những người tản bộ theo con đường lát đá đẹp đẽ này sẽ gần như vô tình bắt gặp các bức tượng. Khi sắp đặt để ánh đèn chiếu lên những bức tượng điêu khắc đẹp đẽ đó cũng là để chiếu sáng được đường đi khi trời tối.

Giáo sư Zimmer mỉm cười khi đi qua bức đầu tiên, Đức mẹ Đồng Trinh và Chúa Hài đồng mà ông thấy trông cứ như một tảng đá to tướng ôm một khối đá bé hơn. Dọc đường này thiếu gì tượng Đức Mẹ, rồi thì tượng Chúa Jesus, trong đó một số là tượng Chúa bị đóng đinh trên cây thập giá, một số thì không. Chuyện tác phẩm của sinh viên mỹ thuật trường Gateway lấy cảm hứng từ tôn giáo cũng dễ hiểu. Hồi năm ngoái có một vụ khá ầm ĩ khi một trong những sinh viên năm cuối giỏi giang nhất trường đi đặt tên bức tượng đồng khỏa thân theo phong cách tả thực đến không thể thực hơn là

Con điếm thành Babylon. Bức tượng không chiếm được một chỗ trên Lối Tượng, nhưng giáo sư Zimmer đã từng có cơ hội được chiêm ngưỡng và thấy nó rất đẹp.

Bức tượng nổi tiếng nhất được trưng bày ở đây được mang tên Khải huyền. Giáo sư Zimmer thì chỉ nhìn ra nó là một khối toàn chân với cẳng, cùng cái đầu to tướng mang ngàn vạn khuôn mặt tượng trưng cho các nhóm dân tộc chính sống tại Los Angeles. Tác giả của nó là một anh sinh viên nhà giàu. Gia đình đã mua cho cậu một khối cẩm thạch đen mắc tiền cho thằng con đực đẹo. Giáo sư Zimmer đã thấy khối đá tuyệt đẹp ấy khi nó được chuyển đến, và ông ước cậu sinh viên kia đặt tên cho bức tượng là Khải huyền trong Cẩm thạch đen và để nó nguyên hiện trạng.

Khải huyền được xuất hiện trong một bộ phim truyền hình vào năm ngoái, và giáo sư Zimmer đã tùm tùm cùng những giáo sư khác của khoa mỹ thuật tạo hình xem nó qua cái ti vi lớn của đại học. Cặp vợ chồng trong tập phim ấy sở hữu một văn phòng thám tử, còn cậu con trai là một ảo thuật gia có tài. Nhiệm vụ của cậu ta là làm trò khiến bức tượng biến mất trong khi thực ra nó vẫn ở nguyên tại Lối Tượng. Nếu cậu ta làm được, bọn người xấu sẽ bị lừa và thả con tin. Ban quản trị đại học Gateway được trả mười ngàn đô một ngày để cho phép các diễn viên và đoàn quay phim vào trường trong ba ngày quay.

Giáo sư Zimmer bước qua Khải huyền và thở dài. Có lẽ ông không hiểu nghệ thuật đương đại vì ông nghĩ bức tượng được người người tán tụng kia xấu mù. Mà tối nay chắc chắn trông nó không những xấu mà còn đáng sợ. Trong bóng tối từ những chiếc đèn pha, đám chân cẳng dường như đang vươn về phía ông, trườn đến càng lúc càng gần như một con quái thú thời tiền sử nào đó đang rình mồi. Kể cả khi bức tượng đã ở phía sau, ông vẫn có thể thấy những cái bóng xấu xí của nó in trên đường, càng lúc càng lớn khi ông rời xa nguồn sáng. Có lẽ ông đã sai khi chọn Lối Tượng cho tối nay. Có một khoảnh khắc ông còn tưởng tượng rằng một trong những cái bóng dài đó đã di chuyển.

Lại nữa kìa! Giáo sư Zimmer quay phắt lại, nhưng chẳng thấy ai. Chắc ông mệt mỏi hơn ông tưởng. Ông không chỉ nhìn thấy thứ không có thật, mà thính giác cũng đang chơi ông. Ông khá chắc mình nghe thấy tiếng bước chân rón rén ở khu vực đèn không chiếu đến. Trí tưởng tượng của ông, cộng thêm sự mệt mỏi sau một tuần dự hội nghị, đã tác động đến trí óc ông. Bản năng bảo ông nên bỏ chạy ra xe, nhưng ông biết mình sẽ thấy bản thân như thẳng ngổ nếu để George nhìn thấy cảnh mình chạy như bị ma đuổi ra khỏi Lối Tượng.

Giáo sư chậm rãi bước từng bước đều đặn. Ở nơi ánh sáng không chiếu tới kia chẳng có gì ngoài những hình ảnh do trí tưởng tượng của ông nặn ra đâu. Cuối con đường là pho Di giáo, bức tượng cuối cùng ở đây và cũng là một trong số những tác phẩm ông thích nhất. Nó được đặt vào đây mới một tháng trước, và là một đa hợp của nhiều vị thần cổ đại. Giáo sư Zimmer không biết nhiều về thần thoại, nhưng ông thích đoán xem nó biểu trưng cho những vị thần nào. Vì chân tượng có cánh, nên ông cho rằng có yếu tố của thần Mercury trong thần thoại La Mã. Tượng trong tư thế lom khom như thần Titan Atlas đỡ cả thế giới trên vai. Và có gì đó lúc trước ông không để ý - có vài chỗ trên đầu bức tượng có tóc xoắn như dây thừng. Đây là ảnh hưởng của Medusa trong số các chị em Gorgon chẳng? Tất nhiên ông nhận ra thần Thor của Bắc Âu đang cầm búa. Nó được gọi là gì nhỉ? Ông mới tra cứu hôm kia xong. À đúng rồi, Mjolnir. Và một vị thần khác, một vị thần ông chưa nhớ ra...

Giáo sư dừng sững lại. Có gì đó đằng sau bức tượng vừa nhúc nhích. Ông chắc chắn mà. Chắc như bấp luôn. Có gì đó ở đằng đấy!

Giáo sư Zimmer hồi hả chạy, cái túi du lịch và ca táp đập cả vào chân ông. Ông thấy nơi cuối Lối Tượng rồi, chỉ cần vượt qua cái cây kia thôi! Ông vừa đi được ba phần tư quãng đường thì thứ gì đó nhanh hơn và mạnh hơn tóm ông từ đằng sau. Giáo sư ngã nhào xuống con đường lát đá phiến, động xương bánh chè xuống nền đá gồ ghề. Ông không kịp cảm nhận cơn đau thấu trời mà một vết thương như thế sẽ gây ra. Cảnh tượng cuối cùng

mà bộ não đang hoảng hốt tột độ của ông có thể xử lí là cái bóng đen to tướng của cây búa hùng mạnh của thần Thor giáng xuống sọ ông.

Nhà anh đẹp quá, Lenny ạ.” Babsie đặt trứng rán vào đĩa, cho thêm bốn dải thịt hun khói giòn rụm, và đặt xuống trước mặt y. “Máy nghiền rác, máy rửa bát, lò vi sóng. Anh biết hưởng thụ phết.”

Lenny vừa mỉm cười vừa ăn sáng. Tối qua y quả là may mắn khi gặp được Babsie. Cô không chỉ là một người tổ chức cửa tiệm có tài, mà còn nấu ăn ngon tuyệt và cô thích căn hộ của y. Y mong Margo trong quan tài đang tức lộn tiết. Lần cuối cùng y đưa Margo tới, ả bảo đây là đồng rác.

Babsie nghĩ căn hộ của Lenny tuyệt vời, và y có thể hiểu lí do. Y đã thấy cái ổ cô sống khi về nhà cô vào đêm đầu tiên. Khu dân cư đó có gì tốt thì y không biết, chứ an toàn thì không, và cô phải dùng đến những bốn cái khóa để bảo vệ chút tài sản ít ỏi bên trong. Cô cũng chẳng có nhiều nhận gì. Y đã kiểm tra trong lúc cô ở trong cái buồng thay đồ tí hin mà cô gọi là phòng trang điểm. Y lục lọi xem xét nơi đó. Cô có bốn chiếc chân váy ngắn cũn cỡn, bốn cái áo cánh, một chiếc váy dài và hai đôi giày. Trong buồng thay đồ của cô chỉ có vậy, cộng thêm bộ đồ cô mặc vào cái đêm hai người gặp nhau.

Nơi ở được cái sạch sẽ. Lenny nhận ra ngay. Sàn nhà trải vải sơn cũ sáng bóng, và chẳng hề có lấy một hạt bụi. Babsie là một quản gia giỏi, nhưng cô chẳng có nhiều nhận gì để thể hiện tài cán. Đồ đạc đã cũ và xuống cấp, Lenny nghĩ cô có tặng tổ chức Salvation Army ^[39] họ cũng chẳng thềm. Mà ngẫm ra có khi cô tậu chúng từ chỗ đó cũng nên. Cô đã cố che đậy cho khéo, nhưng nệm ghế đã lún, và nhìn cũng biết đấy là đồ rẻ tiền. Cô không có ti vi và thứ duy nhất có thể phát nhạc là cái đài radio cầm tay cũ kĩ bị gãy ăng-ten. Thế nào mà cô thấy nhà y đẹp. So với chỗ của cô thì nơi đây đúng là thiên đàng.

Babsie rót cà phê, đúng kiểu cà phê đen đặc mà y thích, và ngồi xuống cạnh bên. Y đang tính hôn trộm cô thì cô lại đứng bật dậy.

“Chúa ơi, Lenny. Em đúng là đồ ngốc mà! Lúc anh đang ngủ em đã ra ngoài lấy báo, và suýt quên khuấy mất đấy.”

“Này, cảm ơn em nhé.” Lenny cười tươi hơn khi cô trở lại cùng tờ báo buổi sáng. “Em không phải làm những chuyện phiền phức vậy đâu, bé cưng. Anh đến cửa hàng rồi đọc báo cũng được.”

“Một người đàn ông nên bắt đầu buổi sáng với một li cà phê và một tờ báo. Bố em thường nói vậy đấy. Và ông ấy luôn muốn được thưởng thức cả hai trước khi chúng kịp nguội. Anh có thấy hay không, Lenny?”

“Hả?” Lenny ngược lên khỏi trang nhất. Gã sát thủ của Eddie lại ra tay rồi. Lần này nạn nhân là giáo sư James Zimmer ở đại học Gateway. Babsie lo lắng. “Sao vậy, Lenny? Mặt anh tái mét rồi kìa.”

“Một người anh biết vừa qua đời.” “Em rất tiếc, Lenny. Bạn thân à?”

“Không hẳn, cưng ạ.” Lenny thở dài. “Chỉ là người anh từng gặp thôi.” Babsie đứng lên và tới đứng sau y. Khi cô vươn tay ôm y, y nắm tay cô. Babsie mới tốt làm sao! Cô không hề có chút đều cán nào giống Margo, và có một tấm lòng nhân hậu. Nhưng giờ Lenny biết chắc đây không phải lúc để y đẩy mối quan hệ này tiến xa thêm. Y có thể bị buộc tội giết năm mạng người bất cứ khi nào kể từ ngày hôm nay, mà con số chưa dừng lại ở đó. Nếu không phải vì Eddie khiến y rơi vào mớ bòng bong rắc rối này, y chắc chắn sẽ nghiêm túc cân nhắc tới chuyện dài lâu với cô.

Mặt trời đã lên tận ba con sào mà Mike vẫn còn ngủ. Toni rón rén đi qua giường để lấy giày. Cô chưa từng ngủ tới trưa trật trưa trưa thế này. Chắc cô thích cảm giác được ôm Mike cùng ngủ trong chăn. Cô mở mắt lúc bảy rưỡi như thường lệ, nhưng ngay khi thấy anh ở bên, cô lại ngủ tiếp.

Cô nhìn Mike và mỉm cười. Anh ngủ nghiêng người co chân, và tóc rối bù như một cậu bé ngây thơ. Nhưng tối qua anh chắc chắn không hề giống một chú bé ngây thơ tẹo nào! Toni thấy nóng mặt khi nhớ lại. Thật hạnh phúc khi được ngủ bên người mình yêu, một người sẽ ở bên cô trọn một đêm dài. Toni nhận thấy áo nỉ của anh trên sàn và nhặt vắt lên ghế cho khỏi

nhăn. Rồi cô nhận ra đấy không phải cái áo anh mặc đêm trước. Anh lại mộng du và hẳn đã về nhà thay đồ.

Toni nhìn quanh phòng ngủ, nhưng có vẻ không có gì sai lệch. Rồi cô kiểm tra phòng làm việc, nhưng không nghĩ anh có lang thang trong này. Phòng khách cũng ổn, phòng bếp cũng thế. Không, Mike chẳng hề rã đông tủ lạnh trong lúc ngủ. Nhưng hẳn anh phải làm gì đó lúc nửa đêm nửa hôm. Hôm qua anh mặc áo ni đen. Họ đùa giỡn vì nó là áo trường đại học Tasmania, nên tối qua cô cứ gọi anh là con quỷ nhỏ [40]. Nhưng cái áo cô nhặt lên sáng nay lại có màu xanh da trời.

Phải đến khi nhìn thấy chùm chìa khóa trên bàn cô mới bắt đầu hoảng. Cô chắc chắn đã treo nó lên móc ở cửa hồi tối qua. Mike hẳn lại lái xe của cô trong lúc ngủ rồi. Tạ ơn Chúa là anh vẫn ổn!

Toni xỏ giày và chạy xuống ga-ra. Xe của cô vẫn ở chỗ cũ, nhưng gần cột hơn lúc trước. Cô xem xét cẩn thận, nhưng có vẻ xe vẫn ổn. Chẳng có lấy một vết trầy xước. Không bị hỏng hóc ở đâu. Chí ít anh cũng không gặp tai nạn. Nhưng anh lái xe đi đâu cơ chứ? Anh đã làm gì? Toni thấy đầu óc quay cuồng. Anh đã về nhà cô, chứ không phải nhà mình. Vậy là chứng mộng du của anh đã đỡ hơn rồi sao?

“Chào Toni.”

Toni quay phắt lại và thấy Harry vừa xuống xe. “Anh Harry. Sao anh về sớm thế?”

“Giờ với anh không phải sớm, mà là muộn rồi. Anh ở phân khu suốt mười tiếng đấy.”

“Có chuyện gì vậy, Harry?” Toni cố cười cho thân thiện. Cô đang mãi lo cho chứng mộng du của Mike nên khó cười nổi.

“Án mạng. Họ gọi anh lúc một giờ sáng.” Harry thở dài. “Anh sắp ghét nghe tiếng chuông điện thoại rồi đấy. Lúc đầu bọn anh nghĩ đó là một vụ trấn lột, nhưng nếu vậy thì nạn nhân phải chống cự chứ. Nếu em mà có gặp cướp, Toni, cứ đưa ví hoặc gì mà tay bọm đó muốn nhé.”

“Bất cứ thứ gì hả, Harry?”

“Bất cứ thứ gì giúp em không mất mạng. Và nhiều thứ thuộc khoản đó lắm.”

“Được rồi, Harry. Em sẽ nhớ. Nhưng chúng ta cũng chẳng mấy khi gặp trộm cướp trong khu này. Đây là khu vực có tỉ lệ tội phạm thấp, đúng không nhỉ?”

“Đến giờ là thế.” Harry nhún vai. “Nhưng chẳng có mấy ý nghĩa đâu, Toni. Nghĩ lại chuyện ở Westwood năm ngoái đi. Chiến tranh găng-tơ ngay trên đường phố. Và mấy tên khốn còn dám khơi khơi nhận trách nhiệm nữa chứ. Cứ có xe là chúng phóng vù ra khỏi khu ổ chuột để tới mấy khu dân cư yên bình mà gây chuyện.”

“Án mạng ở đâu thế, Harry? Westwood à?”

“Không. Ở Đại học Gateway, ngay giữa trường. Đấy vốn cũng là khu có tỉ lệ tội phạm thấp, cho tới sáng nay.”

“Gateway? Đấy không phải trường tôn giáo ở số 118 Đường cao tốc sao?”

Harry gật đầu. “Này, Toni, có lẽ em giúp được anh đấy. Anh cần nhìn nhận sự việc theo quan điểm phụ nữ. Sao một giáo sư đại học hoàn toàn bình thường lại mang một túi chứa váy ngủ mỏng tang?”

Toni động não. Sao một giáo sư đại học lại mang váy ngủ vào trường? “Em không rõ, Harry. Có lẽ ông ấy có một cô bạn gái có sở thích đặc biệt. Hoặc có khả năng ông ấy muốn là cô bạn gái có sở thích đặc biệt của một người nào đó.”

“Toni!”

Harry choáng váng, và Toni bật cười. “Được rồi, em nói thật nhé. Có thể ông ấy thích mặc đồ khác phái. Anh chắc nó là của giáo sư kia chứ?”

“Không.” Harry nhíu mày. “Đấy là đồ mới, Toni.”

“Ờ, có vừa cỡ người ông ấy không?”

Mặt Harry đỏ bừng. “Đáng ra anh nên gọi em ngay khi có chuyện, Toni. Em giỏi chuyện này hơn anh. Anh sẽ gọi và nhờ họ kiểm tra xem sao. Còn gì nữa?”

Toni nhận thấy Harry rút sổ ghi án, và cô thấy khá hơn hẳn. Cô tập trung vào vấn đề trước mắt dù vẫn lo cho Mike.

“Được rồi. Cứ cho là đồ không phải của giáo sư đi. Hung thủ hẳn đã gài vào để gây tai tiếng. Dù gì thì Gateway cũng là trường dòng mà.”

“Ờ. Nghe hợp lí đấy.” Harry viết và lại nhìn cô.

“Có lẽ đấy không phải vụ cướp, Harry ạ. Hung thủ có lẽ bài binh bố trận như thế để đánh lạc hướng các anh.”

“Bọn anh nghĩ tới khả năng đó rồi, Toni. Bọn anh không chỉ tập trung vào giả thuyết trấn lột, nhưng mọi thứ đều chỉ theo khả năng đó, trừ mấy cái quần lót vải xa-tanh hồng có cái...” Harry dừng lại và hắng giọng. “Thôi bỏ đi, Toni. Cái đó không quan trọng.”

“Nếu anh đã nói vậy, Harry. Kể em nghe anh tìm hiểu được những gì rồi.”

“Được. Giáo sư bị giết vào khoảng tầm từ nửa đêm đến mười hai rưỡi sáng nay. Một cú đánh vào đầu bằng hung khí cùn.” Harry lại hắng giọng. “Anh không nên đi sâu vào những chi tiết đẫm máu. Ông ấy đi qua sân trường để tới chỗ đỗ xe, bị người ta tấn công và lột sạch tài sản. Ví, thẻ tín dụng, mọi thứ đều biến mất. Và chúng còn vào văn phòng giáo sư và lục tung lên.”

“Giáo sư dạy môn gì vậy?”

“Ba lớp về truyền thông, gồm phát thanh, truyền hình và báo chí, và tác động của chúng tới xã hội. Thư kí đã kiểm tra phòng làm việc của ông ấy và báo rằng không mất mát gì.”

“Hung thủ của anh hẳn đang tìm gì đó. Giáo sư đó là người thế nào? Học sinh có quý ông ấy không?”

Harry gật đầu. “Ông ấy là của hiếm đấy, theo những người bọn anh hỏi chuyện. Sinh viên rất mến thầy, nhưng họ bảo ông ấy chăm điểm chặt. Còn các giáo viên cũng quý ông ấy. Không ai nghĩ ra được một lí do nào khiến có kẻ muốn giết ông ấy. À, còn một điểm. Ông ấy vừa trở về từ buổi hội nghị ở Washington D.C, và bảo vệ bảo chẳng ai nghĩ ông ấy sẽ về trước thứ Hai. Vậy là bỏ qua được giả thuyết ông ấy là mục tiêu bị ngắm từ trước.”

Toni nhú mào. “Em có ba câu hỏi, Harry. Trường Gateway có lớp buổi tối không? Có buổi họp nào vào tối qua không? Và anh có biết những tòa nhà nào mở cửa vào buổi tối không?”

Harry gõ gõ số. “Bọn anh nghĩ đến rồi, Toni. Không có lớp buổi tối, vậy nên trường hẳn vắng tanh vắng ngắt lúc giáo sư tới trường vào chừng mười giờ. Và không có buổi họp nào tối qua. Tòa nhà duy nhất mở cửa là thư viện, và nó đóng cửa lúc mười một giờ.”

“Thư viện cách văn phòng giáo sư bao xa? Có ai có thể thấy ánh sáng hắt ra từ cửa sổ phòng ông ấy không?”

“Có thể.”

“Vậy thì đúng rồi. Một sinh viên ở thư viện thấy ánh đèn từ phòng giáo sư và nấn ná lại trường sau khi thư viện đóng cửa. Anh bảo giáo sư chấm điểm chặt, vậy có lẽ sinh viên này định trộm bài thi của mình. Hoặc để thay đổi điểm. Có lẽ anh chàng không định làm hại giáo sư, chỉ đánh ngất để trộm chìa khóa văn phòng thôi.”

“Ờ.” Harry lại hí hoáy ghi chép. “Tốt đấy, Toni. Bọn anh sẽ thẩm tra mọi sinh viên đăng kí các lớp của ông ấy xem sao. Và chắc bọn anh nên thẩm tra luôn các sinh viên bị đuổi học vì thi trượt. Bộ đồ ngủ đó có thể là một cách báo thù. Và thằng nhóc đó đã làm loạn văn phòng cho hả giận.”

“Nghe họp lí đấy, Harry. Một cựu sinh viên có thể tự do vào trường không?”

Harry bật cười. “Em có thể lái xe tăng vào trường cũng chẳng ai để ý ấy chứ. Ở cổng không có hệ thống an ninh, và trường đó rộng lắm. Chẳng cứ phải đi cổng chính mới vào được đâu.”

“Thế còn cánh bảo vệ?”

“Chỉ có một người trực hồi đêm qua. Và anh ta chủ yếu dành thời gian đuổi đám học sinh trung học tới đó uống rượu làm loạn.”

“Cũng chẳng giúp được gì nhiều, Harry nhỉ?”

“Không một chút nào.” Harry thờ dãi. “Bọn anh sẽ tập trung vào sinh viên và nhân viên trường, nhưng cũng không có nhiều khả năng lắm. Kể

chúng ta cần tìm có thể là một kẻ bên ngoài chẳng hề có mối liên hệ gì với trường. Bất cứ ai lái xe lúc nửa đêm hôm qua đều có thể vào trường và giết giáo sư.”

Ebony Rose bị giai điệu chuông báo thức gọi dậy lúc một giờ chiều. Đó là bài Second Hand Rose. Cái đồng hồ là món quà bạn trai tặng cô nhân dịp Giáng sinh. Cô đã ngủ bảy tiếng. Thế là đủ rồi. Cô phải dậy thôi. Mãi tảng sáng cô mới trở về căn áp mái của mình. Cô đã tổ chức tiệc trước hôn nhân cho một cô gái.

Một nụ cười xuất hiện trên gương mặt Ebony Rose khi cô gỡ tấm chăn xa-tanh hồng và rời cái giường có rèm trướng. Cô ngủ khỏa thân vì yêu cảm giác xa-tanh lướt trên da. Đây là chất liệu mà cô yêu thích, và hồi trẻ cô chẳng có đủ tiền mà mua. Giờ thì cô để nó bao quanh mình. Làn da nâu bánh mật óng lên dưới nắng trong lúc cô mặc cái áo kimono xa-tanh màu hoa hồng và đi vào bếp. Bữa tiệc phải nói là quá vui nhộn. Họ đóng cửa câu lạc bộ lúc hai giờ sáng, và sau đó tổ chức cho Rennetta một buổi chia tay thật sự. Ebony Rose luôn tổ chức tiệc ra trò mỗi khi có cô gái nào đi lấy chồng. Cô thuê một anh chàng vũ công thoát y lành nghề nhất, đẹp trai nhất và đủ vạm vỡ để làm ngôi sao điện ảnh. Anh ta biểu diễn như thường lệ, và các cô gái reo hò vỗ tay. Đây là một màn đảo ngược vai trò và họ thích mê. Rồi, để kết thúc màn biểu diễn, anh chàng nâng Rennetta khỏi ghế và bế cô nàng tới cái giường nước họ chuẩn bị sẵn ở phòng sau.

Ebony Rose đoán Rennetta sẽ không thể nào quên buổi tiệc này. Phải rất lâu nữa cô ta mới lại được hưởng thụ như thế. Hôm nay cô ta kết hôn cùng một ông lão sáu mươi, giàu sụ, và đã bất lực. Ông ta muốn cưới Rennetta để có người mặc đồ góa phụ trong tang lễ của mình. Có một cô vợ trẻ đẹp là cách chứng minh địa vị xã hội. Không may thay, ông ta lại thuộc loại hay ghen và dọa sẽ li dị không cho cô ta một xu nếu cô ta dám chơi trò chim chuột. Vì ông ta khỏe như vâm nên chắc Rennetta phải sống thanh bạch

chừng hai mươi năm nữa. Ebony Rose nghĩ xem chừng Rennetta xứng đáng được hưởng từng xu từng cắc trong gia tài cô ta sẽ được thừa hưởng.

Từng có thời Ebony Rose cũng có tham vọng như thế. Cưới một ông già giàu có và sống một cuộc đời sung túc chẳng phải làm lụng gì. Nhưng giờ cô rất hài lòng với cuộc sống của mình. Cô thích làm chủ vận mệnh, và cô chắc chắn mình không có phẩm chất của một người vợ tốt. Giờ cô ba mươi hai tuổi, và chưa từng gặp một người đàn ông nào cô muốn lấy làm chồng. Tất nhiên là trừ một người. Và điều đó lại hoàn toàn không khả thi.

Cô giúp việc Bridget đã chuẩn bị sẵn một bình nước cam mới vắt, và Ebony Rose rót cho mình một cốc đầy thứ nước trái cây ngon lành ấy. Đó, cùng với một miếng bánh mì ngũ cốc nguyên chất, sẽ là bữa ăn duy nhất cho tới bữa tối nhẹ Bridget làm tối nay. Ebony Rose ăn bánh và nhấp ngụm nước quả. Dù đã trễ lịch trình ngày hôm nay, nhưng cô vẫn dành ít nhất một tiếng tập thể dục trong phòng tập thể dục thẩm mỹ. Cô không biểu diễn tại câu lạc bộ, ngoại trừ một vài trường hợp đặc biệt, nhưng vẫn cố gắng giữ dáng. Dù sao những màn nháy khóa thân đã giúp cô kiếm tiền mua lại cái câu lạc bộ hiện giờ cô sở hữu. Và nghề ấy giúp cô có tiền mua căn áp mái xa hoa này cùng với chiếc Jaguar màu hoa hồng hàng đặt riêng. Cơ thể là tài sản giá trị nhất của cô, và cô phải đối xử tốt với nó.

Bữa sáng xong xuôi, Ebony Rose đặt cái cốc pha lê lên bàn đá cẩm thạch vân hồng cho Bridget rửa sau. Nhưng rồi cô lại cầm lên và xả nước vào. Dù Ebony Rose lăm tiền và có một cô hầu người Ireland nhưng cô vẫn tự rửa cốc của mình.

Đến lúc vận động rồi. Cô về phòng ngủ và chọn lấy một chiếc áo nịt trong hàng dài quần áo trong tủ đồ rộng rãi. Cô có ít nhất ba mươi bộ đồ tập, đủ các màu từ hồng nhạt tới hồng tím rực rỡ. Hôm nay, cô chọn bộ màu hồng giống màu cây phong lữ mẹ vẫn trồng trong những cái chậu gốm rạn đặt trên bậu cửa sổ. Rồi cô lựa đôi giày múa cùng màu và rảo bước trên hành lang để vào phòng tập nhảy.

Trong những bài tập đầu tiên cô dùng thanh ngang chạy dọc phòng. Cơ chân trái của cô cứng tới phát đau, và không một bài giãn cơ nào có thể làm

chúng thả lỏng. Vết thương cũ lại trở về ám ảnh cô. Cô phải bắt đầu làm các bài tập trị liệu mà bác sĩ hướng dẫn, và tránh đi giày cao gót yêu thích chừng một tháng.

Ebony Rose chỉ mới lên mười khi bị bạn mẹ cô đẩy xuống cầu thang, và cô bị đứt mất vài dây chằng mắt cá. Bác sĩ phòng cấp cứu đã nổi giận, và cô phải bó bột suốt sáu tháng. Cô chưa từng cho mẹ biết chính xác lí do bạn trai mẹ đẩy cô, nhưng hẳn mẹ cũng nghi ngờ vì gã đó biến mất ngay trong đêm, và hẳn không bao giờ trở lại.

Ebony Rose nhớ đã khóc vì cô không còn chơi trượt ván được nữa. Mẹ đã khóc hết nước mắt và bảo cô rằng vết thương của cô chỉ là một phép màu trong hình thức khác, nếu cô hiểu theo đúng cách. Cô có thể chết vì cây cầu thang dốc ấy, và cô nên nghĩ theo hướng đó. Và giờ, vì cô không thể chạy chơi cùng với lũ trẻ hàng xóm trong một thời gian, cô nên tập trung giành điểm cao hơn trong lớp, và có lẽ cô có thể giành học bổng đại học. Vậy không tuyệt sao?

Thế là Ebony Rose học hành thay vì làm những thứ khác cô muốn. Và cô phát hiện ra mình thích là học sinh xuất sắc nhất lớp. Cô giành học bổng, đúng như mẹ muốn. Và cô hoàn thành hai năm đại học trước khi buộc phải nghỉ giữa chừng để chăm sóc mẹ.

Giờ cô lại bắt cổ chân hoạt động quá sức, và câu trả lời chính là lỗi của cô. Vì sao cô lại đi cái đôi giày bọc vải xa-tanh cao lênh khênh đó chứ? Và cô để mấy cô gái dụ mình uống hết cả chai sâm panh. Sau đó, cô còn nhảy disco với chàng vũ công thoát y kia nữa chứ.

Ebony Rose thở dài. Tối qua cô đã vi phạm rất nhiều quy định, và giờ phải trả giá. Chế độ tập luyện ăn uống hằng ngày của cô rất nghiêm ngặt. Cô ăn uống hợp lí và không hút thuốc. Cô không bao giờ chạm vào bất cứ loại thuốc gây nghiện nào, cũng chẳng uống thuốc trừ khi theo kê đơn của bác sĩ. Cô chỉ cho phép mình uống một cốc rượu chất lượng cao mỗi ngày, và chỉ uống nhiều trong những dịp đặc biệt.

Cô đoán các cô gái cũng nghĩ cô hơi càn cao, vậy cũng đúng với một người có địa vị như cô thôi, nhưng Ebony Rose tuân thủ nghiêm ngặt thời

khóa biểu của mình vì một lí do tốt. Ngoài kia là một thế giới khó chịu và có rất nhiều người muốn chìm cô xuống. Cô phải khỏe mạnh và phải cẩn trọng nếu muốn ở trên đỉnh thế giới.

Một giờ sau, hoàn thành bài thể dục, Ebony Rose rót ít hỗn hợp tinh dầu thảo dược vào bồn tắm xông hơi và nằm dài cho cơ bắp mệt mỏi được thư giãn. Cô yêu bồn tắm xông hơi. Thứ gần với bồn tắm xông hơi nhất vào thời thơ bé của cô là cái bồn tắm nước ấm mỗi tuần một lần đặt cuối hành lang.

Ebony Rose thở dài sườn sượt khi nhớ lại những dịp đó. Hầu như mỗi lần cô trèo vào bồn tắm là y như rằng người đàn ông nhà bên lại đập tường để đòi dùng toilet. Cô nghi ngờ hẳn đã quan sát cô đi trong hành lang, cho cô đủ thời gian để trèo vào bồn tắm, rồi sẽ cố tình gõ cửa hét đòi vào khẩn. Bao giờ lúc hẳn đi ra nước tắm cũng đã nguội, và cũng chẳng còn thêm nước nóng cho cô xả vào.

Cô cũng biết phàn nàn với mẹ chẳng ích gì. Họ chẳng dư dả tiền nong để chuyển đến nơi có phòng tắm riêng. Nhưng cô nhớ mình đã ngồi bên bàn bếp cũ và vừa xem những tờ tạp chí nhà cảnh đẹp để mẹ mang về khi khách hàng ném đi và vừa mơ mộng. Bồn tắm xông hơi, bể bơi, du thuyền, và sân tennis. Bếp với bàn gỗ nguyên khối và những dây chảo đồng treo từ trên trần nhà có xà ngang. Phòng ăn với những quả cầu pha lê và khăn trải bàn đăng ten. Một phòng ngủ rộng thênh thang với cái giường tròn lớn trải xa-tanh hồng, cùng một tủ đồ lớn có cửa gương chứa được nhiều trang phục và giày dép hơn bất kì cửa hàng nào. Và nếu được sở hữu một cơ ngơi như trong những tạp chí, cô sẽ chẳng phải động một ngón tay ngón chân. Sẽ có người lau dọn nhà cửa, đầu bếp chuẩn bị món ăn, và hầu gái giúp cô vận đồ, cùng quản gia ra mở cửa, rồi tài xế chở cô vi vu tới bất cứ đâu cô muốn. Ebony Rose quyết chí biến giấc mơ thành hiện thực.

Giấc mơ của mẹ cô không lộng lẫy như thế. Khi Ebony Rose hỏi, bà bảo mình chỉ muốn có một căn hộ hai phòng ngủ khang trang trải thảm, cùng nhà tắm có bồn tắm và vòi hoa sen.

Ebony hài lòng vì đã biến một phần giấc mơ của mẹ thành hiện thực vào năm cuối cùng đau đớn của đời bà. Mẹ Ebony Rose yêu căn hộ cô thuê vì có thể nhìn ra ngoài công viên cùng một cô hầu gái làm việc toàn thời gian là một y tá có chuyên môn hẳn hoi. Đó là bằng chứng rằng cô con gái đã thoát khỏi cảnh nghèo đói, người đầu tiên trong gia đình học đại học và là người đầu tiên kiếm được nhiều tiền như thế.

Dù Ebony Rose cũng hối hận đôi điều, nhưng cô mừng vì đã bỏ học và đi làm ăn để kiếm cho mẹ chút ít bà xứng được hưởng. Cô chỉ tiếc mẹ không sống được lâu hơn. Giờ cô có thể dễ dàng mua cho mẹ một căn nhà lớn có đủ người hầu kẻ hạ. Mẹ cô hẳn sẽ khăng khăng đòi làm hầu hết mọi việc, nhưng Ebony Rose biết bà thích được ngồi trong chiếc limo đi vòng vòng khắp khu ở cũ.

Vài phút sau, mặc chiếc áo dài màu hồng vỏ sò, Ebony Rose ngồi bên cái bàn cầu kì kiểu Pháp để xem xét công việc hằng ngày. Đèn đỏ trên máy trả lời tự động nhấp nháy, và cô ấn nút play. Sáng sớm nay về nhà cô đã mệt quá rồi nên chẳng muốn nghe tin nhắn nữa, và vừa rồi cô quên khuấy mất.

“Xin chào. Bạn có tám tin nhắn.”

Ebony Rose suýt buột miệng cảm ơn cái máy và cầm bút lên ghi lại tin nhắn. Tin đầu tiên là từ Miles, thợ làm đầu của cô. Anh chàng sẽ tới lúc năm giờ chiều nay để làm tóc cho cô, nếu cô thấy được. Quá được ấy chứ. Tin thứ hai từ một khách hàng muốn Giselle và Leona cùng tiệc tùng vào tối nay. Ebony Rose kiểm tra lịch làm việc của hai cô gái, thông báo với họ và ghi lại thời gian địa điểm. Tin thứ ba là từ bạn trai cô và khiến cô cười vui vẻ. Đôi lúc ông rất ngây thơ, và cô thấy điều đó thật dễ chịu. Ông cũng là người thông thái nhất cô từng gặp, và ông đối xử với cô như với một tiểu thư, dù ông thừa biết cô chẳng có chút liên quan gì tới từ đó. Ông là người duy nhất cô quen từ ngày xưa mà đến nay vẫn giữ quan hệ.

Tin thứ tư và thứ năm chẳng hay ho gì với nhiều cụm từ thóa mạ hết sức. Đó có lẽ là mấy lời chửi rủa từ một tên hề nào đó ở đồn cảnh sát. Họ vẫn bực vì cô đã thoát ngon lành trong lần cuối họ cố gắng thộp cổ cô.

Tin thứ sáu là từ luật sư, và quan trọng. Ông ta bảo không thấy có vấn đề gì với công ty cô muốn thành lập, Ebony mỉm cười. Thuê một luật sư đắt giá, có tầm ảnh hưởng quả là đáng đồng tiền bát gạo. Ông ta có nhiều mối quan hệ, giúp cô tránh được phiền phức, và lời khuyên luôn chân thành. Thế cực kì đáng với số tiền lên tới năm chữ số cô trả cho ông ta.

Tin thứ bảy mang theo rắc rối. Một khách hàng riêng quan trọng mời cô ăn tối lúc tám giờ tối nay tại Le Petite Chateau, một nhà hàng Pháp có tiếng ở Beverly Hills. Ebony Rose vừa nghe vừa lắc đầu. Cô sẽ dành buổi tối với bạn trai, và không có chuyện cô bỏ buổi hẹn. Kể cả nếu cô muốn đi, mà cô lại chẳng hề muốn, luật sư cũng đã khuyên cô đừng xuất hiện ở nơi công cộng với khách hàng, nhất là khách hàng riêng.

Ebony Rose ngừng nghe tin nhắn và gọi Chloe để báo cô nàng đi gặp khách hàng. Vị khách này ngưỡng mộ đôi mắt màu xanh nước biển của cô ta. Đôi kính áp tròng quả là một món đầu tư thông minh.

Chloe mừng hóm khi nghe được lời mời. Tám giờ à? Quá ổn. Cô ta nên mặc gì? Váy đen bó, Ebony Rose khuyên, cùng một cái vòng ngọc trai. Ngọc trai thật, chứ không phải loại hàng giả Chloe thích. Cô ta có thể ghé qua lúc bảy giờ để xin tư vấn, và Ebony Rose sẽ giúp cô ta chọn phụ kiện hợp lý. Đây là một buổi tối quan trọng, và nếu Chloe chơi đúng điệu, cô ta có thể một tấc lên trời chứ chẳng đùa.

Một lát sau, Ebony Rose gọi điện cho vị khách hàng nọ. Cô xin lỗi vì hiện đang bị cúm và không muốn ông ta lây bệnh. Thật tình cờ là ông ta đã nhắc tới Le Petite Chateau. Hôm kia cô có nghe Chloe nói rằng muốn đến đó. Chloe cực kì hợp với đám bạn trí thức của ông ta, và cô sẽ dặn cô ta ăn mặc thật trang trọng. Cô chắc chắn họ sẽ có một buổi tối tuyệt vời. Và cô ta sẽ vui vẻ và uống nhiều. Ông ta quan tâm như vậy thật quý hóa quá.

Khi Ebony Rose cúp máy, cô thở dài nhẹ nhõm. Cô sẽ được tự do và rảnh nợ nếu Chloe làm tốt công việc. Ông ta là vị khách hàng riêng cuối cùng của cô. Cô đã xoay xử để nhường các mối cho những cô gái khác mà không gây khó chịu cho bất kì ai. Điều này cũng chứng tỏ cô là một bà mối mát tay. Bạn trai cô hẳn sẽ nhẹ cả lòng khi biết cô đã kết thúc phần đời đó

của mình. Không phải ông không hiểu, mà ông lo cho sự an toàn của cô dù luật sư có nghề đến đâu và những đề phòng cô chuẩn bị sẵn. Ebony Rose biết mình đang chơi thế cờ khó. Giờ cô làm việc hợp pháp, hoàn toàn, trăm phần trăm hợp pháp. Còn một tin nhắn nữa, và Ebony Rose mỉm cười khi lắng nghe. Lại là bạn trai cô, hứa sẽ gọi lại vào hôm nay và nhắc cô nhớ tối nay họ có hẹn.

Giọng ghi âm lại vang lên. “Đây là tin nhắn cuối của bạn. Để lưu tin nhắn, ấn phím chín. Để xóa tin nhắn, ấn phím bảy.” Ebony Rose ấn nút xóa tin nhắn, và giọng nói lại vang lên. “Tôi sẽ xóa tin nhắn của bạn.”

Cái máy kêu vài tiếng trong khi xóa tất cả trừ tin nhắn vừa tới. Luật sư đã nhấn mạnh chuyện xóa tin nhắn sau khi nghe. Cô suýt từng gặp tình thế tréo rắc rối khi quên xóa vài tin nhắn. May thay, khách hàng của cô không để lại số và luật sư đã thuyết phục cảnh sát rằng đó là một cuộc gọi trêu đùa.

Ebony Rose liếc nhìn cái vòng tay kim cương cô mua ngay sau khi thành lập công ty đầu tiên. Giờ là gần bốn giờ, cô còn đủ thì giờ để uống một cốc trà thảo dược và đọc báo sáng trước khi Miles tới làm đẹp cho cô để đi gặp người yêu dấu.

M

Michael pha cho mình thêm một tách cà phê và ngồi xuống bên bàn. Anh đã chạy cùng Toni lúc một giờ rưỡi và ăn sáng tại nhà cô. Rồi anh về nhà tắm tấp và mặc đồ mới. Giờ anh định đọc báo sáng, dù đã là ba rưỡi chiều.

Anh dựa người vào ghế và rên rầm. Có tắm hai mươi phút dưới nước nóng hết mức anh chịu được cũng không thể làm anh bớt đau lưng. Anh có cảm giác như mình đã chẻ củi trong khi ngủ. Có lẽ thế thật. Ít nhất Toni không nhận ra anh đã lái xe của cô hồi đêm. Và cũng như những lần lái xe trong lúc ngủ khác, anh không hề biết mình đã đi đâu. Điều duy nhất anh nhớ là biển báo đường cao tốc có con số gồm hai chữ số lặp nhau. Cũng chẳng giúp được nhiều. Anh đã xem bản đồ, và đó có thể là 110, 118 hay 101. Và rất có thể anh thấy biển hiệu nhưng không chọn rẽ vào cao tốc. Không thể tin cơ thể của mình chịu nằm yên trên giường ngủ thật đang làm anh phát rồ.

Michael tháo sợi dây chun đỏ nhỏ buộc báo và treo lên năm đấm cửa bếp. Giờ anh có cả một bộ sưu tập dây chun, mỗi cái tương ứng với một ngày anh rời viện. Chúng đại diện cho tự do, hoặc là một phần tự do, theo suy nghĩ của anh. Anh không thấy tự do đến mức có thể thoải mái rời chung cư, và anh phải ở nhà chờ cuộc gọi lúc chín giờ của Stan mỗi tối. Nhưng thế còn sướng hơn ở bệnh viện nhiều, với thời khóa biểu và những quy định ngặt nghèo. Giờ anh có thể ở một mình lúc nào cũng được, và làm việc khi muốn, kể cả vào nửa đêm. Và anh có thể gặp người anh yêu miễn bất kì lúc nào.

Người đó là Toni. Anh yêu quý cô hơn ai hết. Michael chắc chắn mình muốn sống những năm tháng còn lại cùng Toni, nhưng giờ nói với cô còn

sớm quá. Anh còn chưa hề nhắc gì tới yêu đương. Khi bản kháng cáo của anh được lập và anh thực sự tự do, anh sẽ thú thực tất cả những gì anh giấu về đời mình, và bảo rằng anh yêu cô.

Trang nhất tờ báo không có thông tin gì bất ngờ. Tổng thống đang vận động Quốc hội thông qua điều luật mới. Có một bức hình lớn trên trang nhất chụp nhà lãnh đạo đất nước thủ thế trước một đại biểu Quốc hội có tiếng nói hơn. Michael nhìn gương mặt ông và nhớ ra trước khi trốn viện mình không hề biết ai là tổng thống. Có lẽ châm ngôn “Ngu dốt là hạnh phúc” cũng có phần đúng. Lại rắc rối ở Trung Đông. Có vẻ lúc nào cũng có. Và một phóng sự về người trúng giải độc đắc xổ số Powerball trị giá bốn triệu đô la. Trước khi anh vào tù không hề có xổ số. Có lẽ nó bắt đầu khi anh vào viện. Anh chẳng biết nữa. Mỗi lúc anh thấy có bài báo về xổ số, anh lại thèm chạy ra ngoài mua lấy một tờ. Nhưng nếu, nhờ một phép màu kì lạ nào đó, anh thắng lớn, vậy họ sẽ biết anh là ai. Xổ số cũng phải đợi tới khi Stan minh oan cho anh thôi.

Michael bỏ qua mục truyện tranh và xã luận. Anh sẽ đọc chúng sau. Cái anh muốn đọc là mục tin địa phương cơ. Nếu anh có làm gì khi lái xe tối qua, nó sẽ được đăng ở phần này.

“Án mạng tại đại học Gateway.” Dòng tiêu đề đập vào mắt anh. Michael thấy nôn nao khi đọc bài báo. Giáo sư James Zimmer bị giết tối qua, là nạn nhân của một vụ trấn lột bạo lực. Sao Stan không gọi báo ông ấy? Có lẽ có, nhưng giáo sư không thèm để ý.

Michael thấy tim gan nhộn nhạo khi đọc xong bài báo. Anh biết không có gã cướp cạn nào tấn công giáo sư Zimmer trong trường. Đây chỉ là một vụ được dàn dựng cho giống trấn lột, một cách che đậy tuyệt vời cho một vụ cố sát một bồi thẩm nữa. Anh muốn gọi cho Stan để tìm hiểu xem anh ấy báo giáo sư khi nào, nhưng anh không thể gọi từ điện thoại trong nhà. Stan đã nói rất rõ về chuyện này rồi. Nhưng anh có thể gọi từ bộ điện thoại công cộng tại trung tâm thương mại. Toni bảo có một trung tâm thương mại cách đây vài dãy nhà. Ngay cả một kẻ hoang tưởng như Stan cũng không thể phản đối quyết định này của Michael.

Anh cầm chìa khóa và chạy ra hành lang, sang nhà Toni mượn xe. Ít nhất lần này anh có hỏi, thay vì cứ thế khơi khơi lấy xe đi giữa đêm hôm.

Toni nhíu mày khi cầm chìa khóa của Mike và ra cửa. Cô đã nói dối ba điều. Thứ nhất, cô bảo khó tháo chìa khóa nhà khỏi chùm chìa khóa, dù tháo ra dễ như bỡn.

Rồi cô hỏi Mike có thể để chìa khóa nhà anh lại không vì trong đó có chìa mở cửa phòng giặt đồ, mà vài món quần áo của cô đang được giặt khô dưới nhà. Đây là lời nói dối thứ hai. Cô chưa bao giờ dùng đến phòng giặt đồ. Cô có máy giặt riêng và máy sấy khô ngay trong tủ ngoài hành lang. May thay, Mike chẳng bao giờ để ý.

Cuối cùng, cô nhờ Mike ghé qua cửa hàng văn phòng phẩm trong trung tâm thương mại mua cho cô ít giấy in vì cô vừa dùng hết ram cuối cùng rồi. Cô còn một cốc rượu nữa trong phòng làm việc, nhưng cô muốn kéo dài thời gian trước khi anh trở về. Nhân viên bán hàng trong tiệm văn phòng phẩm thường rất chậm bê hàng từ trong kho ra.

Ngay khi cô định ra cửa, chuông điện thoại lại kêu. Nó ở đó im re suốt bao nhiêu giờ liền. Thế mà đúng lúc này, khi cô cố thu chút can đảm để làm trò lén lút, nó lại đổ chuông. Đó là tín hiệu từ ơn trên rằng cô nên để cho Michael có không gian riêng chẳng? Không thể nào. Có lẽ lại một cuộc gọi nhầm khác, và nếu vậy, cô chắc chắn sẽ chửi um lên.

“A lô?” Toni nghe máy, nhưng đầu dây kia im lặng. Đó là một cuộc gọi ngoại vùng. Cô có thể nghe tiếng rè rè trong đường dây. Dù các nhà mạng đường dài tuyên bố hệ thống của họ hơn hẳn của các nhà mạng khác, nhưng kiểu gì cũng vẫn nghe thấy tiếng rè rè trong đường dây. Toni định cúp máy thì nghe thấy tiếng lách cách và rồi tiếng rè rè dịu đi một chút.

“Toni? Là cậu hả?”

Toni mỉm cười khi nhận ra giọng Muriel. “Ừ, là mình. Chào Muriel. Điện thoại văn phòng cậu có vấn đề à? Giọng cậu nghe nhỏ lắm.”

“Không, Toni. Mình không gọi từ văn phòng. Giờ là bảy giờ hơn ở New York, và mình không làm việc muộn thế đâu.”

“Tất nhiên là không rồi.” Toni thấy mình thấy ngổ khi nhăm lẩn như thế. “Mình quên mất khác biệt múi giờ.”

“Không sao mà. Nhiều người quên chuyện ấy lắm. Cậu không biết mình nhận được bao nhiêu cuộc điện thoại sau năm giờ tại cơ quan đâu. Mình nói nhanh này, Toni. Mình phải bắt tàu nếu muốn về nhà tối nay. Anh bạn của cậu được, rất được đấy.”

Trong một thoáng, Toni bối rối và rồi vỡ lẽ ra. “Ý cậu là Michael hả?”

“Ừ. Mình đọc mấy trang cậu gửi trên chuyến tàu sáng nay, và mình nhập tâm tới độ đi quá trạm của mình. Mình đã nói chuyện với sếp, và sếp bảo nói với người đại diện của Mike gọi điện cho ông ấy để thảo luận điều khoản hợp đồng.

Bản thảo của Mike đang ở cơ quan mình. Gửi tất cả tới nhà mình nhé. Một tiếng nữa mình sẽ về đến nhà và mình may vì không bị...”

Có tiếng ồ ồ rồi giọng Muriel lại vang lên. “Bản thảo hay lắm, Toni ạ. Mike khiến mình liên tưởng tới James...”

Đường dây bị ngắt trước khi Muriel kịp nói xong. Toni nhìn điện thoại và nghe tiếng tút tút một hồi. Rồi cô cúp máy. James nào? James Joyce? James Fennimore Cooper? James Baldwin? James này hoặc nọ cô chưa từng nghe đến? James nào cũng được. Muriel thích cuốn sách của Mike và nhà xuất bản Devonshire muốn mua nó!

Toni nhìn chòm chìa khóa trong tay. Cô có nên không? Hay là không nên nhỉ? Cô tất nhiên là nên rồi! Giờ Mike sẽ sớm có hợp đồng cuốn sách, anh cần thông minh hơn. Nếu cô biết điều gì trong quá khứ dẫn đến chứng mộng du của anh, anh sẽ dễ tập trung cho ra đời tác phẩm xuất sắc hơn.

Vậy có hợp lí không nhỉ? Toni vội vàng ra mở cửa phòng Mike. Tất nhiên là hợp lí, nhưng không quan trọng. Cô muốn làm tất cả những gì có thể để giúp người cô yêu. Nếu cô tiện thể thỏa mãn được tính hiếu kì của mình, vậy lại càng tốt.

Michael để ống nghe ra xa tai trong lúc anh trai càu nhàu gặt gồng. Anh biết Stan sẽ bực vì cuộc gọi này, nhưng anh không nghĩ anh ấy lại mất kiểm

soát thế. Anh đợi ông anh nghỉ lấy hơi để nhảy vào trước khi anh ấy kịp nói tiếp.

“Stan, bình tĩnh một phút nào. Em gọi từ điện thoại ở trung tâm thương mại. Anh biết có mà. Chỉ cách nhà em độ hai dãy nhà thôi. Hoàn toàn an toàn.”

Stan lại bực nặng cả lên, và Michael thở dài. Nếu biết anh mình sẽ phản ứng ra nông nỗi này, anh sẽ không bao giờ gọi. Cuối cùng, sau vài phút, Stan cũng bình tĩnh được chút xíu.

“Chú có chắc là không bị ai trông thấy không, Mike? Hoàn toàn chắc chắn chứ?”

“Vâng, Stan. Có cả triệu người ở đây hôm nay. Hình như có chương trình siêu khuyến mại. Chẳng ai thèm quan tâm tới một gã dùng điện thoại khi có cả tá đồ giảm giá bày la liệt.”

“Được rồi, được rồi. Xin lỗi đã gắt gỏng nhé, nhưng chú hiểu lo lắng của anh mà. Có chuyện khẩn cấp gì vậy, Mike?”

“Giáo sư Zimmer.”

“Ồ, chết tiệt, Mike! Anh rất tiếc. Anh đã định ninh phải gọi cho chú, nhưng quên khuấy mất. Cảnh sát nghĩ đó là một vụ trấn lột, vậy nên chú không phải lo lắng gì đâu. Giờ về nhà ngay và đừng té tạt đâu đấy. Chú cẩn thận chút vẫn hơn.”

“Stan này?” Mike không thể tin được ông anh mình lại nói chuyện nhẹ tênh như thế. “Vấn đề không phải ở đó. Em cần biết xem anh có cảnh báo giáo sư không.”

“Cảnh báo? Tất nhiên là có rồi! Anh bảo mình sẽ làm, phải không? Nhưng anh e là ông ấy không tin anh lắm, Mikey.

Ông ấy nói anh không có bằng chứng nào chứng minh có kẻ đang tìm giết các bồi thẩm.”

Michael nhíu mày. Lạ đây. Bốn người trong nhóm bảy người bị giết. Có lẽ đó không hẳn là bằng chứng, nhưng nếu Michael ở trong nhóm đó, anh chắc chắn sẽ không thờ ơ với con số kia.

Stan có cảnh báo giáo sư rõ ràng không? “Thế còn Rosalie Dumont và vợ Mary Clare? Anh nghĩ họ có chịu nghe không?” “Chắc chắn là có, Mike.”

“Nhưng anh có chắc không đấy? Gã sát nhân tới đây sẽ tìm đến họ. Cả hai chúng ta đều biết thế.”

“Bình tĩnh đi, Mikey. Hít sâu vào. Vậy sẽ giúp giảm huyết áp đấy. Anh không muốn chú mệt mỏi vì nói chuyện với anh. Không phải bây giờ. Ngay khi nghe về cái chết của Zimmer sáng nay, anh đã tìm người bảo vệ hai người còn lại hai mươi tư trên bảy. Người của anh tới chỗ họ rồi đó. Chú thấy khá hơn chưa?”

Michael thở dài nhẹ nhõm. “Có, Stan. Cảm ơn nhiều nhé. Chí ít họ cũng có cơ may sống sót cao hơn giáo sư Zimmer.”

“Chắc chắn rồi! Có vậy thôi à, Mikey? Anh còn có thân chủ đang đợi.”

“Còn chuyện này nữa. Anh nghĩ sao hấn làm vậy, Stan? Em cứ ngẫm mãi, nhưng không ra được lí do.”

“Anh không biết. Chú nói đúng, Mikey. Anh chẳng hiểu thế nào, nhưng lí do của thủ phạm không quan trọng lắm, phải không?”

Michael nhíu mày. Anh thấy quan trọng đây này! Có một tay sát nhân ngoài kia đang muốn đổ vấy tội cho anh. Anh hấn là đồ điên thì mới không muốn biết lí do!

“Xin lỗi nhé, Mike.” Stan phá vỡ im lặng. “Tất nhiên chuyện đấy rất quan trọng với chú. Anh không nhìn nhận vấn đề dưới quan điểm của chú. Nhưng anh có linh cảm giờ này ngày mai mọi chuyện sẽ chấm dứt.”

“Linh cảm, Stan? Em tưởng anh không tin vào linh cảm.” “Thường thì không. Nhưng lần này chú phải tin anh, Mikey. Đến mai mọi chuyện sẽ xong xuôi thôi. Cứ nghĩ thế nhé.”

Lúc đầu Michael bối rối. Stan nói gì vậy? Rồi anh nhớ ra anh trai anh đã thuê bảo vệ. “Em hiểu rồi, Stan. Nếu tên sát nhân định tiếp tục ra tay vào tối nay, bảo vệ của anh sẽ tóm liền.”

“Chuẩn. Tất cả sẽ kết thúc vào tối nay. Thế là nhẹ nhõm cho cả hai ta. Đúng không, Mikey?”

“Đúng, Stan.”

Michael nhíu mày. Stan nói nghe là lạ. Anh bắt đầu tự hỏi có phải anh trai anh chịu áp lực quá mà bị loạn trí không.

“Mikey? Anh muốn chú biết là anh rất tiếc về chuyện Zimmer. Ông ấy hơi huênh hoang khoác lác nhưng được cái là dân trí thức và hiền lành. Joyce bảo mình thấy thiện cảm với ông ấy ngay.”

Đầu óc Michael hoạt động năng hơn. Joyce là thư kí của Stan. Sao cô ấy biết giáo sư Zimmer nhỉ?

“Giáo sư Zimmer hẳn là bồi thẩm đã đưa anh cuộn băng đó. Phải không, Stan?”

“Chính xác. Và Zimmer đã giúp anh quá nhiều, Mike ạ. Hầu hết mọi người sẽ nộp thẳng cho cảnh sát. Giờ về nhà đi. Và đừng lo nữa. Mọi chuyện đều trong tầm kiểm soát. Có lẽ mai anh sẽ ghé thăm chú, để cho chú yên tâm. Chú thích gặp ông anh già này chứ, Mikey?”

“Anh biết là em muốn mà, Stan. Nhưng em tưởng anh bảo không an toàn.”

“Ồ, không an toàn đâu. Rõ ràng là không. Nhưng có lẽ anh sẽ quyết định liệu một chút.” Stan tặc lưỡi. “Nếu mọi chuyện đi đúng kế hoạch của anh, anh sẽ gõ cửa nhà chú chứ không gọi điện thoại nữa. Giờ cúp máy đi, Mikey. Và về nhà khóa cửa vào. Anh còn nhiều việc lắm.”

Michael tạm biệt và cúp máy. Thật là một cuộc nói chuyện kì quặc! Stan phê thuốc à? Cách ăn nói của Stan hôm nay khác hẳn với thường ngày. Tất nhiên Stan có nhiều chuyện phải lo nghĩ, và Michael ngắt ngang cuộc gặp thân chủ của anh ấy, nhưng anh đâu có biết Stan điên thế!

Anh vẫn còn bối rối vì tâm trạng kì cục của anh mình khi vào trong trung tâm thương mại. Anh sẽ mua giấy in cho Toni, và rồi, vì anh đã ở đây, anh sẽ mua thêm vài món đồ anh cần. Được tái hòa nhập với thế giới thật tuyệt.

Ebony Rose lên xe và rời khỏi ga-ra ngầm. Cô chưa kịp pha trà thì điện thoại đã đổ chuông. Thế là cô chạy vòng vòng như điên trong bộ đồ nhếch nhác và hét bảo Bridget giữ chân Miles ở đó nếu anh ta tới trước khi cô trở về. Cô có thể tiết kiệm được chút ít thời gian nếu gọi điện với xuống nhờ bảo vệ ga-ra đánh chiếc Jag ra cổng trước hộ, nhưng cô không thích cách hăn lái. Cô phải bỏ công bỏ sức mới kiếm được tiền mua xe, và cô không muốn một gã trẻ ranh cứ phanh xe kin kít tới mồn cả lớp.

Đèn công tơ mét sáng lên khi cô rẽ theo lối Wilshire vào đường cao tốc. Giao thông dạo này ùn tắc ghê gớm, thế nên chỉ khi nào cùng bất đắc dĩ Ebony mới lái xe trong thành phố. Sao ông ta cứ đòi gặp cô ngay nhỉ? Mà còn tại một trung tâm thương mại đông đúc nữa chứ!

Đường cao tốc ^[41] toàn ỗ gà ỗ voi. Cô không phải cẩn thận duy trì tốc độ trong mức giới hạn cho phép. Đường thế này thì cô làm sao phóng xe được, vậy nên hôm nay cô sẽ không phải nhận một tấm vé phạt nào. Chắc cô phải may lắm mới hòng gạt cần số xe quá được mức hai.

Sau khoảng thời gian tưởng chừng dài vô tận, Ebony Rose rời đường cao tốc và lái xe vào siêu thị. Cô lấy vé từ cái máy ở cửa vào khu đỗ xe và đậu xe ở tầng trên cùng. Cô luôn đậu ở tầng chót khi tới siêu thị. Hầu hết mọi người muốn đậu bên trong khu để xe, chính vì thế mà tầng mái luôn rộng rãi. Hôm nay ngoài xe cô ra, trên đó chỉ còn hai con xe tải nhỏ.

Mãi thang máy mới lên được tầng trên cùng. Ebony Rose ấn nút và vừa chờ đợi vừa sốt ruột giậm chân. Rồi cô để ý tới đôi giày đang đi. Đôi giày mọi không hề ăn rơ với cái quần âu cắt may màu hồng tím, nhưng vừa rồi cô vội quá nên cứ xỏ bừa đôi giày bệt đầu tiên nào cô thấy trong tủ đồ.

Tí nữa vào trung tâm thương mại, chắc cô sẽ lên cửa hàng rượu ở tầng năm để mua vài chai Chardonnay mà Jamie thích. Cô đã quyết uống Perrier tối nay rồi, nhưng đây là vì hôm nay cô muốn uống ít đi chứ không phải do muốn ngược đãi Jamie.

Ông thích thứ rượu đắt tiền cô rót cho và Ebony Rose biết đồng lương còm của ông không cho phép ông mua nó.

Cô mỉm cười khi thấy đèn xanh nhấp nháy trên thang máy.

Cô nghe tiếng thang máy tới. Cô tự hỏi Jamie đã có thêm tin tức gì về cuộn băng ông tìm thấy chưa. Cô chắc chắn người đàn ông ở hậu cảnh là Michael Hart. Cô hi vọng họ có thể sớm làm gì đó giúp anh ta. Người đàn ông tội nghiệp đã bóc lịch mười năm vì tội ác anh ta không gây ra, và cô, cũng như Jamie và những người còn lại, cho rằng anh có tội. Người duy nhất bỏ phiếu chỉ có nữ tu trẻ nọ. Ý kiến của cô bị lay chuyển khi nhìn về mặt đăm chiêu của nữ tu kia. Nhưng rồi chủ tịch ban bồi thẩm nhắc họ về những ngờ vực có lí. Và kể cả xơ Mary Clare cuối cùng cũng quyết định những nghi ngờ của mình là không hợp lí lắm.

Chuông thang máy kêu. Ebony Rose bước sang bên và nặn ra vẻ mặt thân thiện khách sáo. Nếu có người khác bên trong, cô mong họ không nhìn chân mình. Rồi gương mặt cô chuyển sang vẻ kinh hãi khi cửa mở và người đàn ông xông ra tóm lấy cô.

Mấy cái thang máy này tệ chưa từng thấy. Michael hít một hơi sâu khi rời thang ở tầng tư và rẽ trái để đến cửa hàng văn phòng phẩm. Thang máy luôn làm anh khó chịu, anh thấy hơi váng vất và mất phương hướng khi buồng thang máy đi lên đỉnh, dù anh chắc mình đã ấn nút dừng ở tầng bốn. Anh gần như chẳng biết gì trong độ chùng một phút, và anh không biết có phải mình đã ngất đi không. Thang máy làm anh nhớ lại lần ngồi trên đu quay tại hội chợ dì Alice và Stan dắt anh đến chơi năm nào. Và người đàn ông trong lều cố gạ gẫm anh.

Anh đã kể với dì Alice và dì giận Stan kinh lắm vì tội để anh lại một mình, và dì đã quát tháo anh trước bao nhiêu con mắt bàn dân thiên hạ. Và vì bức Michael đã khiến mình gặp rắc rối với dì Alice, Stan cho anh lên

vòng đu quay và lắc lư cabin khiến anh sợ phát khiếp. Từ hồi đó tới nay, anh luôn cố tránh đi thang máy.

Michael biết mình đang thử dốc khi bước ra từ tầng cao nhất và đợi một xe thang khác đi xuống. Nhưng anh đã quyết định bỏ vấn đề này một lần và mãi mãi. Anh buộc mình đi thang máy vài vòng. Và giờ khi đã tự chứng minh được rằng mình có thể đi thang máy mà không hề hoảng loạn, anh thấy khá hơn hẳn. Anh đã chiến thắng được nỗi sợ của mình chỉ trong chưa đầy hai mươi phút.

Trong lúc xếp hàng đợi tại cửa hàng văn phòng phẩm, Michael mỉm cười. Thật tuyệt khi được gặp lại anh trai. Và thời gian dài dằng dặc chờ đến ngày được minh oan đã sắp qua. Các bảo vệ Stan thuê sẽ tóm tay sát nhân, anh sẽ được trắng án, chứng mộng du sẽ ngưng một khi áp lực biến mất, và rồi khi đã bỏ lại những rắc rối đó sau lưng, anh sẽ được mở lòng nói cho Toni nghe điều anh đau đầu suốt mấy ngày vừa qua.

Mãi rồi nhân viên kho mới kiểm tra lượng giấy in còn giùm anh. Michael không để tâm. Anh đi lang thang trong cửa hàng và ngắm các dãy sách. Liệu có ngày sách anh viết được xuất bản không? Chuyện đó khó ngang với bắc thang lên trời, nhưng nếu có ngày đó thật, anh sẽ biết hơn Toni lắm. Cô chính là người gợi ý cho anh bắt đầu nghiệp viết.

Nhân viên kho cuối cùng cũng quay lại. Xe tải vừa đưa hàng đến, và chắc phải mất chừng mười lăm phút hoặc hơn để bốc hàng xuống.

Giờ khi đã trong trung tâm, giữa bao nhiêu con người chẳng hề đáng sợ như Stan vẫn nghĩ, có lẽ anh nên tận dụng cơ hội mà đi lang thang chút đỉnh. Và anh chắc chắn sẽ dừng lại ở tiệm hoa anh vừa thấy để mua cho Toni vài bông hồng. Cô đã giúp đỡ anh rất nhiều, và có lẽ anh chỉ có đủ dũng khí để viết ba từ anh ấp ủ bấy lâu lên giấy mà thôi.

Toni ngồi bên bàn của Mike và cầm danh sách nợ trong tay. Trong mười hai cái tên có tám cái đã bị gạch bỏ. Cô biết mọi cái tên trong danh sách, nhưng tới lúc này mới nhìn ra mối liên hệ. Họ là những bồi thẩm trong phiên xử Michael Hart. Đó là một trong những lí do cô thấy cái tên Jose Sanchez quen tai. Chắc cô đã nhìn nhận ra sớm hơn một chút nếu như

Harry nói tên vị giáo sư khi kể cô nghe về vụ án mạng sáng nay, hoặc tên người làm dịch vụ tang lễ bị giết hại.

Cô lại nhìn danh sách. Hai cái tên được khoanh bằng mực xanh. Bên dưới cái tên đầu tiên có đề “Trung Quốc” và dưới tên còn lại là “Northumberland.” Hẳn họ đã rời thành phố. Vậy là còn lại mười, tám người trong đó đã chết. Năm bồi thẩm bị giết. Mike gạch những cái tên đó bằng mực đỏ. Còn lại hai. Chỉ còn hai. Rosalie Dumont và vợ Mary Clare.

Toni sắp ngất. Trạng thái ngây ngất ấy bắt đầu từ lúc cô tìm thấy các mẫu báo về các vụ án mạng được cắt ra. Trong một thành phố cỡ Los Angeles thì án mạng cũng thường xuyên xảy ra, và cô chưa từng nghĩ những hành động bạo lực đó có thể tác động tới chính mình. Giờ ngẫm lại, Toni thấy mình sống một cuộc đời vô cùng biệt lập. Cô không thường xuyên xem ti vi, và hiếm khi nghe đài. Cô chẳng bao giờ đọc báo, và thế giới của cô thực sự chỉ xoay quanh máy tính cùng những con người sống trong chung cư này. Đó là một môi trường rất khép kín. Tất nhiên cô chẳng hay biết gì chuyện các bồi thẩm trong phiên xử Hart bị giết. Cô hoàn toàn chẳng để tâm tới chuyện xảy ra bên ngoài hòn đảo bảy tầng nho nhỏ an toàn của cô.

Chỉ còn lại hai bồi thẩm, Rosalie Dumont và vợ Mary Clare. Thật kì lạ. Đầu óc cô đang rất tỉnh táo, nhưng cơ thể lại lạnh như băng. Mọi thứ đều rõ ràng rành rành. Chỉ là cô không để ý thôi. Mike đã nhờ cô tìm Jose Sanchez vì anh này là một bồi thẩm trong vụ Hart. Và khi anh nhờ cô chạy chương trình thống kê cho ý tưởng cuốn sách mới, thật ra anh đang nghiên cứu các vụ giết bồi thẩm phiên tòa xử Hart. Nhưng sao Mike lại quan tâm thế nhỉ? Và vì sao anh không cho anh biết lí do thực sự? Cô phải tìm hiểu ra bằng được.

Toni cho tay vào ngăn kéo bàn và sờ góc trong cùng. Mấy mẫu báo là những mảnh ghép đầu tiên, và danh sách là mảnh ghép thứ hai. Phải có thêm những miếng ghép khác và công việc của cô là tìm ra chúng. Cô đang bị đe dọa cơ mà. Vì cô yêu Mike, đây là câu đố cô phải giải.

Có gì đó bị nhét sâu trong ngăn kéo, sờ giống một miếng nhựa mềm. Toni rút ra và lật nó trong tay. Một cái vòng. Loại người ta đeo cho bệnh

nhân nhập viện. Và trên đó đề tên Michael Hart.

Đột nhiên, Toni thấy mình mảy lạnh ngắt. Michael Hart - người đàn ông giết vợ mười năm về trước, hoặc người đàn ông đã bị kết tội giết vợ mười năm trước. Cô vẫn không chắc có phải anh ta gây ra chuyện đó không. Nhưng sao Mike lại có vòng tay bệnh nhân của Michael Hart? Đường như cô phải mất rất lâu để bật ra câu hỏi đó.

Chỉ còn hai bồi thẩm, Rosalie Dumont và vợ Mary Clare. Đôi chân đưa cô rời căn hộ của anh về nhà mình. May mà cô không khóa cửa. Mike đã cầm chìa khóa nhà cô. Cô khóa cửa lại và đi thẳng tới máy tính. Modem. Ngân hàng dữ liệu cảnh sát. Chuyện gì đã xảy đến với Michael Hart? Nghe giống tiêu đề của một bộ phim..

Michael Hart đã trốn khỏi bệnh viện tội phạm tâm thần Oakdale. Thông tin thú vị đây. Và Mike Kruger chuyển tới cũng trong đêm đó. Anh đang viết một cuốn sách về bệnh viện tâm thần, chân thực đến nỗi khiến cô lạnh sống lưng. Muriel cũng cảm thấy thế. Nếu Toni không lí trí hơn, cô hẳn sẽ nghi ngờ lí do mình không thể tìm ra tên Mike Kruger trong bất cứ ngân hàng nào là vì Mike sử dụng tên giả và thực ra anh là Michael Hart.

Nhưng không thể nào. Cô có lí trí mà. Nhưng Mike không hề giống Michael Hart tẹo nào. Harry đã cho cô xem ảnh chụp chân dung Michael Hart, và cô rất cẩn thận tỏ vẻ như chưa từng thấy mặt anh ta. Harry hẳn sẽ muốn biết tất cả, và cô thì luôn cố để không phải động vào quá khứ. Không ai được biết, kể cả những người bạn thân như Harry và Doris. Nhưng chẳng cần đến bức ảnh chân dung để giúp cô nhớ lại, Toni cũng biết Mike không hề giống Michael Hart tẹo nào. Con người không thể thay đổi khuôn mặt. Trừ khi, tất nhiên, họ trải qua một dạng tái cấu trúc tổng thể nào đó.

Toni bật chương trình bẻ khóa mã truy cập.

Cô đã báo Mike rằng mình chỉ dùng vào những trường hợp khẩn cấp liên quan tới vấn đề sống chết. Nhưng chỉ còn lại hai bồi thẩm, Rosalie Dumont và vợ Mary Clare. Đây chính là vấn đề sống chết.

Chương trình làm việc, nhưng Toni không có cảm giác sung sướng khi bẻ khóa thành công. Không gì có thể ảnh hưởng tới cô. Bên trong cô có

một cái gì đó đã chết, đã mù mịt và chai lì, và cô ngờ rằng chẳng có gì có thể hồi sinh nó.

Đây rồi. Toni ấn đúng tổ hợp phím yêu cầu xem toàn bộ hồ sơ Michael Hart. Thông tin chạy trên màn hình, và cô đọc được vài cụm từ. Phẫu thuật thẩm mỹ. Tổng thể. Một năm mới hoàn tất. Xương gò má. Mũi. Quai hàm. Mọi thứ khiến gương mặt một người là độc nhất vô nhị đã bị thay ở Michael Hart. Cô bỗng nhớ lại một chương trình truyền hình trước đây. Michael Hart thật sự làm ơn đứng lên? Và giờ, anh có thể cho hội đồng biết bí mật của mình không? Có phải anh đã giết những bồi thẩm tham dự phiên xử mình?

Khi nhìn màn hình, Toni nhận ra cô có tất cả bằng chứng để giải câu đố. Và tất cả đều là chứng cứ gián tiếp, hết như mười năm trước. Mike lấy xe của cô vào cái đêm Jose Sanchez bị giết. Và anh bảo rằng anh tới đường cao tốc Santa Monica. Rất có thể anh đã giết Jose Sanchez. Đó là miếng ghép đầu tiên.

Hôm nay công tơ mét trên xe cô tăng ba mươi dặm, chính xác khoảng cách từ đây tới đại học Gateway. Và Harry đã bảo rằng đến xe tăng cũng có thể ngang nhiên phi vào trường đó. Liệu có phải chính Mike đã giết giáo sư Zimmer trong đêm rồi trở về ngủ trên giường của cô? Đó là mảnh ghép thứ hai, và cô không muốn nghĩ thêm. Chỉ còn hai bồi thẩm, Rosalie Dumont và vợ Mary Clare. Cô có thể làm gì đây?

Toni cố nghĩ, nhưng đầu óc không biết bị làm sao. Có lẽ cảm giác mù mịt tác động lên cả con người cô đã lan tới trí óc. Cô nghe có tiếng gõ cửa. Anh về chẳng? Người đàn ông đó là Mike Kruger hay Michael Hart? Khi đôi chân lạnh băng đưa cô ra mở cửa, cô tự nhủ rằng anh chỉ còn phải giết có hai bồi thẩm nữa, Rosalie Dumont và vợ Mary Clare.

Harry nhấn chuông thêm lần nữa và gõ mạnh hơn. Anh mong Toni không ngủ hay bận bịu gì. Rồi anh nghe có tiếng bước chân, và cửa hé mở.

“Chào, Toni. Lạy Chúa! Trông em tệ quá. Em không ốm đấy chứ?”

Toni chớp mắt, rồi chút sắc hồng trở lại gương mặt cô. “Ôi, Harry! Em nghĩ mình miễn dịch với cảm cúm rồi. Em chỉ vừa chợp mắt một chút.”

Harry gật đầu. Anh biết đang ngủ ngon bị dựng dậy là như thế nào. Dạo này anh bị thế suốt. “Mọi chuyện ổn cả chứ, Toni? Chuyện Mike, rồi tất cả ấy?”

“Vâng, Harry. Mọi chuyện đều đâu vào đấy. Anh vào uống với em cốc cà phê nhé?”

Cô có vẻ đỡ hơn rồi, và Harry thở dễ dàng hơn. “Không được, Toni. Anh phải về đồn đây. Họ vừa gọi anh.”

“Lại án mạng à?”

Harry nhún vai. “Có lẽ thế, có lẽ không. Bọn anh đang điều tra.”

“Anh không biết có phải án mạng không à?”

“Chưa biết. Người phụ nữ này rơi từ mái trung tâm thương mại Triangle xuống. Mười hai tầng, xuống ngay đại lộ La Cienega. Em có chắc muốn nghe không, Toni? Trông em không có tinh thần lắm.”

“Em muốn nghe. Kể đi, Harry.”

“Ờ, được rồi. Anh không biết đấy là tự tử hay cô ta bị đẩy xuống nữa. Với loại công việc cô ta làm thì cũng có khả năng lắm...”

“Cô ta là ai, Harry?”

Toni trông có vẻ không khỏe chút nào. Harry chỉ ước vừa rồi mình không buột miệng nói ra.

“Không phải người quen của em đâu, Toni. Cô ta điều hành một công ty gái gọi cấp cao. Em có muốn ngồi không? Trông em như sắp ngất ấy.”

“Em ổn mà, Harry. Anh biết mới tỉnh giấc là ra sao mà. Tên cô ấy là gì?”

“Ebony Rose. Cô ta sở hữu một câu lạc bộ múa thoát y ở Sunset.”

“Đấy là tên thật à?”

“Không, là Dumont. Cô ấy lấy nghệ danh Ebony Rose khi bắt đầu hành nghề. Bọn anh muốn gán cho cô ta tội danh... Toni, anh thật sự nghĩ em nên ngồi xuống đây.” Harry tóm cánh tay Toni và đẩy cô ngồi xuống ghế. Cô run rẩy như lá trong gió. “Em muốn anh gọi bác sĩ không, Toni?”

Toni nuốt khan. “Không, Harry. Em ổn thật mà. Em chỉ đang nghĩ về chuyện có người nhảy từ mái trung tâm thương mại đó xuống. Em sợ độ cao, Harry.”

“Anh cũng thế. Nhưng nói giữa anh với em thôi nhé, anh không nghĩ cô ta nhảy đâu. Cô ta biết rất nhiều nhân vật tai to mặt lớn, và họ không phải loại công dân tuân thủ pháp luật. Em hiểu ý anh chứ?”

Toni gật đầu. “Mafia à?”

“Ờ, có lẽ không lớn tới độ đó, nhưng cũng là những gã có đủ tiền để dàn xếp một vụ tử tử trông như thật nếu như họ nghĩ cô ta biết quá nhiều. Cô ta chơi trong một hội lớn đấy, Toni.”

“Vậy anh định báo cáo đây là vụ tử tử hả, Harry? Để tránh gây thù chuốc oán?”

“Không phải anh. Em biết anh cảm giác thế nào mà, Toni. Không một kẻ tai to mặt lớn nào có thể phớt lờ luật pháp. Nhưng anh không đảm bảo được là những gã giật dây chúng ta có thể làm gì. Nếu em chắc chắn mình ổn, anh phải chạy ù đi đây.”

Harry gần ra tới cửa thì nhớ ra lí do anh ghé sang. “Toni này?” “Vâng, Harry?”

“Anh đang đợi một kiện hàng và Doris phải mãi muộn mới về. Nếu UPS [42] tới, em nhận hàng giùm anh nhé? Anh để giấy nhắn ngoài cửa nhà rồi.”

“Vâng, Harry. Và cảm ơn đã kể chuyện Rosalie Dumont cho em nhé.”

Harry xuống ga-ra và vào xe. Mãi khi đi được nửa đường tới phân khu, anh mới ớ ra. Thế quái nào mà Toni lại biết tên Rosalie Dumont nhỉ?

“Xin chào, Lenny. Có chuyện gì thế?”

Lenny thảng thốt trôn trối nhìn Eddie. Y chưa từng nghĩ gã lùn mã tử này dám trở lại sau khi làm những chuyện tà trời kia!

“Sao thế, Lenny? Cứ ngoác mồm ra thế có khi mà y táp được ruồi chứ chẳng chơi. Chắc mà y tưởng tao sẽ không bao giờ về nữa hả, Lenny?”

Lenny ngậm chặt miệng lại rồi lôi xềnh xệch Eddie vào nhà. Rồi y nhận ra Babsie đang ở đây. Y không muốn cô nghe thứ chuyện y sắp chất vấn Eddie. “Babsie, cưng ơi? Có lẽ em phải vào phòng ngủ chừng một hai phút nhé. Anh muốn nói chuyện riêng với gã này.”

“Được thôi, Lenny. Anh muốn uống bia không?”

Lenny lắc đầu. Y đang tức điên người thế này thì làm gì còn tâm trí bia với chẳng bọt, và đằng nào y cũng không muốn. Ngay khi cửa phòng ngủ đóng lại, y ném Eddie xuống ghế.

“Thằng hâm này! Mà y có biết mà y gây bao nhiêu rắc rối cho tao không? Bảo cái thằng kia dừng lại ngay!”

“Thằng nào, Lenny?” Eddie cực kì bối rối. “Tao chẳng hiểu mà y nói gì cả.”

Lenny hạ giọng. “Cái thằng mà y gọi vào cái đêm chúng ta nói chuyện Margo ấy. Mà y biết mà. Cái gã sát thủ đó đó.”

Eddie nhú mào. “Tao chẳng gọi cho gã sát thủ nào sất, Lenny. Có lẽ tao ngu thật, nhưng chưa ngu tới mức đó.”

“Thế mà y dám dúi gọi cho ai mà không dám gọi ở đây? Hả, Eddie?”

“Chúa ơi, Lenny! Mà y tưởng tao gọi cho gã sát thủ nào đó thật hả? Thả tao ra và lôi cái thùng tao bỏ ngoài hành lang vào đây. Tao gọi điện thoại để lấy thứ đó đấy.”

Lenny chăm chú nhìn Eddie xem gã này có giả tảng gì không, nhưng hẳn cực kì nghiêm túc. Chẳng lẽ y sai? Lenny gật đầu, và Eddie đi bê thùng.

“Mở ra đi, Lenny,” vừa đặt cái thùng xuống trước mặt Lenny, hắn liền nói. “Quà tặng mày đấy.”

“Cái gì đây?” Lenny mở thùng và lôi ra một cái đĩa DVD. “The Untouchables?”

“Ờ, Lenny, phim về Eliot Ness.” Eddie trông cực kì kiêu hãnh. “Tao gặp một gã có năm mươi lăm tập phim. Và tao nhớ mày từng bảo hồi nhỏ mày mê phim này lắm. Tối đó tao gọi cho thằng cha này đấy, Lenny. Thật đó. Tao nhờ hắn sao cả bộ sưu tập ra để làm quà cho mày.”

Hắn đỗ xe bên vệ đường, dưới một cái cây. Hắn chưa từng mệt mỏi tới mức này. Toàn bộ chuyện này khiến hắn căng như dây đàn. Hắn nhắm mắt một lúc và cố đẩy lùi cơn hoảng hốt đang chực khiến hắn đứng tim. Một lát sau hắn thấy ổn, trông chờ lúc mọi nút thắt đều được buộc gọn ghẽ. Nhưng con chó kinh hoàng lại đang liếm gót chân hắn. Nếu có chuyện đi chệch hướng thì sao? Nếu tối nay hắn không tìm ra bồi thẩm cuối cùng thì sao?

Hắn bắt mình nghỉ ngơi và thư giãn. Giờ chẳng còn hơi sức đâu mà lái xe, hắn nên đỗ lại để tránh gây ra tai nạn giao thông. Hắn sẽ đợi một lát cho qua giờ cao điểm. May thay, không ai nhận ra hắn ở đây. Và nếu có, họ cũng chỉ nghĩ hắn đang đợi đón ai đó từ một trong những nhà xưởng ven đường. Chỉ một lát nữa là hắn ổn thôi. Hắn chỉ cần chút thì giờ ngẫm nghĩ.

Miếng tựa ghế cho hắn cảm giác thoải mái, và hắn dựa vào đó. Cuối cùng cơ thể hắn cũng bắt đầu thư giãn. Giờ hắn chỉ phải nghĩ về chuyện gì đó dễ chịu. Một nụ hôn. Một vòng tay ấm áp ôm ấp hắn. Ngủ trong chăn, cùng người hắn yêu thương.

Carole từng là người đó. Carole xinh đẹp, với cặp bông đào ấm áp và trái tim nhân hậu. Hắn yêu cô ngay từ ngày mới gặp, nhưng rồi cô phản bội hắn, và cô không đáng được sống.

Đêm bắt đầu buông xuống, nhưng hắn chẳng để ý. Hắn đang miên man nghĩ về Carole và hồi cách đây mười năm, khi cô bảo có bầu. Cô đứng đó, ưỡn hông như thể đang ở những tháng cuối thai kì. Chưa bao giờ cô xinh đẹp đến vậy. Lúc đầu hắn không nói nên lời, nhưng rồi hắn cũng đủ bình tâm để hỏi xem cô có chắc chắn không. Và cô mỉm cười nụ cười khiến hắn

nghe chỉ thuộc về mình hẳn và nói vâng, bác sĩ xác nhận rồi. Cô đang mang bầu sáu tuần. Không tuyệt sao? Cô biết hẳn luôn luôn có con mà.

Nghẹn ngào, hẳn hỏi một câu quan trọng, một câu sẽ quyết định tất cả. Hẳn không muốn hỏi, nhưng nghĩa vụ của hẳn đã rõ ràng. Hẳn phải biết sự thật về người phụ nữ hẳn yêu. Sự thật là ưu tiên hàng đầu. Cô có chắc đây là con hẳn không?

Cô nên là diễn viên mới phải. Cô diễn giận dữ vì tổn thương quá ngọt. Nhìn hẳn bằng cặp mắt đầy đau đớn, lệ lấp lánh nơi khóe mắt. Tất nhiên đứa bé là con hẳn. Sao hẳn lại nghi ngờ cô chứ?

Hẳn tính toán nhanh, trước khi cô kịp thấy phản ứng của hẳn. Lời nói dối của cô giống như một cú tát lạnh băng khiến chức năng suy nghĩ của hẳn một lần nữa rõ ràng. Và hẳn lên kế hoạch rồi chờ đợi. Rồi hẳn trở lại để chấm dứt mọi sự dối trá. Chỉ sau khi chuyện đã qua, khi hẳn nhìn ngắm thi thể xinh đẹp của cô, hẳn mới cho cô biết lí do. Cô đã lừa dối hẳn. Đứa bé trong bụng cô không phải của hẳn. Hẳn bị rubella khi học trường luật và nghỉ mất hai tuần vào năm hai. Tất cả chỉ vì dì Alice không tin tiêm chủng có tác dụng với thanh thiếu niên, mà chỉ có tác dụng với trẻ con như Mikey thôi. Bác sĩ trong trường đã khám và báo tin xấu cho hẳn. Virus khiến hẳn vô sinh.

Màn đêm đã buông xuống, nhưng cô không dậy bật đèn. Cô vẫn ngồi trên cái ghế Harry đây cô ngồi xuống một tiếng trước. Vấn đề khó khăn này làm cô nhớ tới phiên xử của một vị thánh - cô không nhớ là vị nào - và cô phải sẵn sàng tuyên bố lựa chọn của mình. Tình hay lí. Lí hay tình. Câu đố giả tạo điển hình cho những kẻ giả tạo. Cô chưa sẵn sàng. Lạy Chúa phù hộ, cô không thể lựa chọn được.

Có tiếng chìa tra vào ổ khóa. Không còn thì giờ rồi. Thời gian đã hết.

“Toni?” Michael bước vào và bật đèn.

Cô không nói không rằng. Cô có thể nói gì đây? Cô chỉ có thể nhìn anh, và rồi cô đã quyết định.

“Toni!” Anh chạy vội lại và ôm lấy cô. “Sao thế?” “Tình. Em chọn tình.”

Anh nhúm mày. Chắc anh nghĩ cô bị điên, và có lẽ thế thật. Sau đó anh ôm cô lên và bồng cô ra ghế dài trong phòng khách. Một kẻ giết người ư? Không bao giờ! Không phải bằng cánh tay mang đầy yêu thương thế này. Không phải với đôi môi đang dịu dàng hôn cô. Không phải với đôi mắt ngập tràn lo lắng nhưng vô tội đây. Cô nghe thấy những từ ngữ vang lên trong đầu mình, chúng nghe như những câu trong tiểu thuyết lãng mạn, và cô bật cười. Nhưng cô đúng. Cô biết mình đúng!

“Sao thế, Toni? Em lo cho anh à?”

Cô gật đầu. Đúng, cô đã lo lắng. Nhưng không phải theo ý anh hiểu. Là Mike Kruger hay Michael Hart cũng chẳng quan trọng nữa rồi. Mọi bằng chứng trên thế giới này đều không thể thuyết phục cô rằng người đàn ông cô yêu là một kẻ giết người. Dù cho anh rút súng và kết liễu đời cô ngay lúc này, cô sẽ xuống mồ cùng niềm tin anh lương thiện.

“Em ốm à, Toni? Em muốn anh mang gì cho em không?” Anh vô cùng lo lắng, cô phải nói với anh thôi. “Đúng.

Nhưng giờ em khỏe rồi. Em nghĩ đó là khủng hoảng niềm tin, và em đã thắng.”

Anh nhăn mặt. Cô biết anh không rõ cô đang nói cái gì. Làm sao mà anh biết được chứ?

“Em phải giải thích với anh, nhưng cái này sẽ giúp được gì đó. Anh có cái này cho em, Toni.”

Anh chìa bó hoa. Hoa hồng. Hồng nhung đỏ sẫm, lấp lánh sương. Tất nhiên đó là glycerin. Cô từng làm cho một cửa hàng hoa, và biết thừa mảnh này. Nhưng thế cũng đẹp ngang sương ấy chứ. Và ở đó, giữa những bông hồng là một tấm thiệp đề “Anh yêu em.”

“Mike?” Giọng cô đã vững vàng hơn, kiểm soát hơn. Ý cô đã quyết và không gì có thể làm cô thay đổi. “Ừ, Toni?”

“Anh có yêu em thật không?”

Rồi anh hôn cô. Đó là một lời hứa, một hiệp ước. Đúng, anh yêu cô. Cô biết mà. Vậy nên cô mỉm cười, đột nhiên bình thản giữa mọi khó xử mà thế

giới có thể bày trước mắt. Chúng chẳng hề quan trọng. Chúng không có ý nghĩa gì.

“Em cũng yêu anh, Michael Hart,” cô nói.

Harry Evans bối rối. Toni hẳn phải biết Ebony Rose từ hồi cô ta còn là Rosalie Dumont. Hồ sơ của anh cho thấy Ebony Rose đã bắt đầu hành nghề tám năm trước, vậy họ phải quen nhau trước đấy. Sao Toni gặp cô ta nhỉ?

Anh nhìn cái bàn kim loại xám xịt và nhớ lại những gì mình biết về Toni. Thật ra là chẳng có gì. Antonia Novak, giỏi máy tính. Cô là bạn tốt, nhưng anh không biết gì về thân thế của cô, và Doris cũng thế. Anh nhớ hồi cô chuyển đến vào sáu năm trước. Anh đã hỏi cô là người ở đâu, và cô bảo sống trong nhà bố ở thung lũng hai năm, chăm sóc ông trong thời gian ông bệnh nặng. Vậy là tròn tám năm, nhưng trước đó cô ở đâu? Không phải học đại học. Cái đó anh biết. Cô ghi mình là người mới khi bắt đầu học các lớp máy tính. Có lẽ anh nên kiểm tra thông tin cá nhân của Toni xem sao. Và tiện kiểm tra luôn về Ebony Rose một thể. Cuộc đời họ phải giao nhau ở một điểm nào đó chứ.

Harry bật máy tính và nhập mã số. Giờ anh mừng vì Toni đã dạy anh một vài mẹo sử dụng. Cũng nực cười thật. Anh sử dụng những kỹ năng cô dạy để tra xét cô. Có lẽ anh chỉ lãng phí thời gian, nhưng anh có linh cảm rằng chi tiết này có thể quan trọng.

“Anh vẫn không tin được em chính là nữ tu nhỏ năm nào. Sao anh không nhận ra em nhỉ?”

“Làm sao anh nhận ra em được? Bọn em luôn mặc áo kín mít, và em luôn nhìn đi chỗ khác. Đó là một trong số những điều bọn em được dạy.”

Michael ôm cô. “Anh mừng vì em không còn là xơ nữa. Và anh mừng vì lần này em đứng về phía anh. Sao em tin anh vậy, Toni? Mọi bằng chứng đều nhắm thẳng vào anh. Theo như anh biết, anh rất có thể thực sự là kẻ đã giết các bồi thẩm. Anh đã kể em nghe bác sĩ tâm thần nói gì về chứng mộng du của anh rồi đấy.”

“Anh không giết ai hết, Mike. Anh không thể, kể cả trong lúc ngủ.”

“Ừ. Nếu không phải do anh, vậy có kẻ đang dựng chuyện cho anh. Chúng ta phải tìm ra đó là ai, và rồi có thể gọi Harry xin giúp đỡ.”

Toni lắc đầu. “Không được đâu, Mike. Harry là bạn, nhưng đến cả một người bạn cũng không tin vào một câu chuyện điên rồ thế này. Anh ấy phải hoàn thành bốn phận và nhốt anh thêm lần nữa. Và kể cả nếu anh trai anh thẳng kháng cáo, họ cũng sẽ đưa anh ra tòa vì tội giết những bồi thẩm kia. Chúng ta phải tìm bằng chứng nào đó khiến cảnh sát tin cơ.”

“Giáo sư có tìm được một cuộn phim. Cái đấy được đó. Cảm ơn chúa. Có bảo vệ. Nếu anh nghĩ em gặp bất kì... ôi, Chúa ơi!”

“Sao thế?”

“Anh vừa nhớ ra. Stan bảo anh rằng đã tự cảnh báo hai bồi thẩm còn lại.”

Toni nhướn mày. “Vậy anh trai anh nói dối anh rồi, Mike. Anh ta không báo gì với em hết. Và em dám cá là không có bảo vệ gì hết.”

“Nhưng sao anh ấy lại nói dối? Em có thể dùng máy tính kiểm tra xem kháng cáo của anh thế nào rồi không, Toni? Quan trọng lắm.”

“Được chứ. Đi cùng em.”

Dường như phải mất hàng giờ mới truy cập được vào lịch tòa án. Toni lướt qua các vụ án trong sổ ghi án, nhưng họ không tìm được gì liên quan tới kháng cáo của Michael Hart. Stan lại nói dối nữa rồi.

Toni nhíu mày nhìn anh. “Sao anh ta lại nói dối, Mike? Anh ta có thể có lí do nào?”

“Chắc anh ấy muốn anh ngồi im tới khi tay sát nhân giết sạch các bồi thẩm. Anh chỉ nghĩ ra được kết luận đó thôi. Toni, anh nghĩ chúng ta nên gọi cho Harry. Kể cả nếu anh có phải trở lại Oakdale mà em được an toàn cũng đáng.”

Toni ấn số Harry ở phân khu. “Đại úy Evans ạ. Đây là Toni Novak.”

Cô nhíu mày khi nghe điện thoại. “Không có ạ? Vậy bao giờ anh ấy về? Tôi hiểu. Không, không nhả lại gì đâu. Cứ bảo với anh ấy là tôi sẽ gọi lại.”

“Harry không có ở đó à?”

Toni lắc đầu. “Chắc phải muộn anh ấy mới về, nhưng họ không chắc là khi nào.”

“Chúng ta đi thôi, Toni. Anh sẽ đầu thú, và vậy em sẽ được bảo vệ. Em sẽ không phải làm vệt chờ bị vệt lông trong căn hộ này.”

“Không, Mike. Em không để anh đầu thú với ai ngoài Harry. Không có Harry, sẽ chẳng ai nghiêm túc nghe câu chuyện của chúng ta. Họ sẽ nghĩ cả hai ta bị điên.”

“Có lẽ thế thật.” Michael nhăn mày. “Anh chỉ ước mình có cuộn băng đó, nếu thứ đó có mặt trên đời thật.”

“Ý anh là sao?”

Michael thở dài. “Có lẽ Stan cũng nói dối về chuyện đó luôn.”

“Em không nghĩ vậy.” Toni trầm ngâm. “Làm thế chẳng ích gì cho anh ta.”

“Em có lí. Nếu cuộn băng có tồn tại và anh có nó, anh có thể chứng minh với cảnh sát rằng anh vô tội mười năm trước. Nếu có thể, họ sẽ tin anh.”

“Anh có nghĩ cuộn băng đó nằm trong văn phòng anh trai anh không?”

“Có lẽ, nhưng anh không tin lắm. Nếu Stan giữ nó ngay từ đầu, chắc anh ấy hủy mất rồi. Anh ấy chưa từng muốn xóa án cho anh, Toni. Và giờ anh ấy muốn anh nhận tội giết bấy nhiêu bồi thẩm. Anh ấy bảo vệ hung thủ thật sự nhưng anh không hiểu vì sao.”

“Tạm thời quên nó đi. Anh có biết ai giao Stan cuộn phim đó không? Có lẽ người đó còn giữ bản sao.”

“Là giáo sư Zimmer. Stan có nhắc tới chuyện ấy trong cuộc nói chuyện điện thoại chiều nay. Anh không nghĩ anh ấy nói dối đâu. Buột miệng mà.”

“Đi thôi, Mike. Em nghĩ giáo sư có giữ bản sao đấy. Em dám cá chắc.”

“Sao em chắc chắn thế?”

“Giáo sư Zimmer có thói quen sao chép mọi thứ. Đó là một điểm em nhận thấy ở ông ta trong buổi xét xử anh. Ông ấy còn sao cả ghi chú hàng ngày về buổi xét xử. Khi em hỏi lí do, ông ấy giải thích là muốn ghi chép

lại mọi thứ để phòng bản gốc bị thất lạc. Bản sao đó sẽ ở văn phòng ông ấy trong trường, Mike ạ. Đó là một điểm khác em chắc chắn.”

“Sao em chắc chắn thế?”

“Vì Harry bảo em rằng hung thủ đã đột nhập vào đó tìm kiếm gì đấy. Chắc hẳn tìm cuộn phim.”

“Nếu hẳn tìm ra rồi thì sao?”

“Đừng làm em nản lòng chứ. Chúng ta cứ cho là nó còn ở đó và đi tìm đi.” Toni ném chìa khóa cho Mike và cầm khẩu súng lục trong ngăn kéo bếp lên. “Anh lái nhé. Em dùng súng cho. Em ghét cái thứ xấu xí này, nhưng giờ em lại mừng vì Harry đã chỉ em cách sử dụng.”

Stan nhìn họ đỗ xe rồi rời xe. Họ giải được câu đố rồi sao? Đúng, họ đang đi qua kí túc xá, qua nhà thờ về phía tòa nhà văn phòng giáo sư Zimmer. Họ vào trong chẳng gặp khó khăn gì. Vừa nhận ra họ định đến đâu, hắn đã đi trước mở cửa. Nếu họ tìm thấy thứ hắn đang tìm kiếm, thế thì còn gì bằng. Nhưng nếu không tìm được, hắn sẽ kết thúc cả vụ này khi họ trở lại xe.

Lúc đầu cảnh sát sẽ nghĩ đây là hai vụ trấn lột dẫn đến giết người khác trong trường. Và rồi họ sẽ tìm được thư tuyệt mệnh và xác định thi thể. Sẽ chẳng cần điều tra kĩ lưỡng để nối các móc xích. Michael Hart đã trốn khỏi viện tâm thần để thực hiện màn báo thù điên rồ. Tối nay, kẻ này giết bồi thẩm cuối cùng, rồi sau đó quay súng bắn mình. Đó là một cái kết kinh khủng cho một cuộc đời sóng gió. Mọi mảnh ghép đều vừa in. Đây quả là một kế hoạch thông minh. Sẽ chẳng ai nghi ngờ hắn.

Hắn nhíu mày nghĩ về những nhiệm vụ cần hoàn thành nốt. Hắn sẽ giết ả chẳng gặp khó khăn gì. Nhưng còn cậu ấy? Cái này khó hơn nhiều. Hắn phải làm đúng như dự định thôi. Không có lựa chọn khác, và hắn sẽ kết thúc nhanh và không đau đớn. Cách đó nhân từ hơn. Và như vậy cũng nhân đạo hơn là buộc cậu ấy sống nốt phần đời còn lại trong viện tâm thần.

Chuyện sẽ dễ dàng hơn nếu hắn thù, hoặc ghét, hay không ưa cậu ấy. Nhưng hắn không thấy vậy. Đây là do hoàn cảnh ép buộc, một hoàn cảnh trở trêu mà thôi. Hắn không định bắt cậu ấy hồi mười năm trước, nhưng rồi chuyện lại hóa ra như vậy, và giờ hắn bị buộc vào một tình huống hắn chưa từng lường được. Hắn bị định mệnh chơi khăm, và hắn cũng chỉ là nạn nhân như bao nhiêu kẻ khác.

Họ có tìm thấy cuộn băng không? Rất có thể, dù hẳn đã tìm kỹ lắm rồi. Hẳn có thể kết thúc tất cả ngay trong văn phòng giáo sư, nhưng chờ đợi và quan sát lại khôn ngoan hơn. Nếu họ tìm ra nó, mọi chuyện sẽ kết thúc gọn gàng hơn. Tất nhiên, chẳng ai nhận ra tầm quan trọng của cuộn băng nếu sau này có vô tình vớ phải nó, nhưng hẳn sẽ hài lòng hơn nhiều nếu biết không còn sơ hở nào.

Hẳn rời xe. Không cần cầm theo súng. Hẳn để nó lại dưới ghế đợi tới lúc cần. Hẳn không nghĩ bảo vệ nhìn thấy hẳn, nhưng cứ thận trọng cho chắc.

Đêm nay thật đẹp. Yên ả. Mát mẻ. Rất an lành. Toàn bộ sân trường vắng tanh. Đây là một tối Chủ nhật, và đến thư viện cũng không mở cửa vào ngày lễ Sabbath. Thật thỏa lòng khi được đi bộ trong một sân trường đẹp đẽ và dạo qua những ngọn tháp cao cao của nhà thờ lớn. Hẳn đang mãi ngắm nghía ánh trăng hắt ánh sáng trên tòa nhà lát đá sáng bóng nên không nhận ra có bóng người đang lảng lạng lẩn vào xe mình.

“Mike!” Toni rút đĩa DVD khỏi ngăn kéo. “Chiếu đèn cho em. Nhanh lên.”

Michael chiếu cái đèn pin soi nhãn đĩa, và Toni lầm bầm chửi thề. “Ôi không! Em cứ tưởng mình tìm được rồi, nhưng đây chỉ là phân đoạn của series PBS về tu chính án thứ nhất. Nó có dấu của thư viện này. Chắc ông ấy dùng nó làm tư liệu giảng dạy.”

“Gượm đã, Toni. Không phải em đã nói với anh rằng Zimmer là người ngăn nắp nhất em từng gặp sao?” “Đúng thế, Mike.”

“Có những đĩa khác thuộc series đó trên giá sách của ông ấy. Có bìa. Và ông ấy có phải típ người vứt đĩa DVD lung tung mà không có vỏ bảo vệ không?”

“Không. Kiểm tra xem, Mike. Đây là phân đoạn ba.” Michael chiếu đèn lên giá sách. “Một và hai ở đây. Bốn đến sáu cũng thế. Em nói trên đĩa có đề tên thư viện hả?”

“Vâng. Nó đề tài sản của thư viện đại học Gateway, khoa Nghe nhìn.”

“Harry có nói có người đột nhập thư viện không?” “Không.”

“Vậy thì cuộn băng vẫn còn ở đó. Nó nằm trong hộp của phân đoạn ba. Đi nào!”

Họ chạy trong trường về phía thư viện, hai cái bóng trong màn đêm đen tối. Stan chỉ mong bảo vệ không thấy họ. Và giờ họ đang đứng bên cửa ngách, nơi bóng tối còn đen thẫm hơn. Sau một lát, cửa mở và rồi vội vàng đóng lại. Đại học Gateway được bảo vệ kém, nhưng có lẽ họ không quá lo tới chuyện sinh viên đột nhập thư viện. Sao họ phải lo chứ? Thứ cuối cùng sinh viên ở trường đại học bốn sao này muốn là trộm một cuốn sách. Họ có nghĩ đến khóa cửa lại không nhỉ? Tất nhiên rồi. Nhưng có chìa khóa của giáo sư Zimmer thì việc mở cửa chẳng có gì khó. Hắn vẫn giữ nó, để phòng lúc cần.

Hắn cầm súng và nhét vào túi. Đến lúc rồi. Ngay khi họ giao cuộn băng, hắn sẽ giết họ. Thêm hai mạng người nữa và hắn sẽ rửa tay gác kiếm.

“Đây rồi!” Michael thở dài thườn thượt. “Nhìn nhãn dán đi, Toni. Đây là bản gốc từ KLAX.”

“Chúng ta nộp nó cho cảnh sát luôn đi, Mike. Em không phải thầy bói bà đồng gì, nhưng em có linh cảm xấu rằng...”

“Và xơ đúng đó. Từ từ quay lại. Cả hai. Mikey, đưa anh cuộn băng đó.”

Michael quay lại đối diện anh mình. “Stan! Anh làm gì ở đây?”

Stan đứng dưới ánh sáng hắt ra từ những ngọn đèn tù mù để sáng cả đêm. Hắn cầm súng, và gương mặt mang vẻ buồn bã nhưng kiên định. “Xin lỗi nhé, Mikey. Đưa cho anh. Anh cần nó.”

“Đưa cho anh ta đi, Mike.” Giọng Toni run run. “Cứ làm như anh ta bảo đi.”

“Lời khuyên đúng đắn lắm, xơ. Nào, Mikey. Chần chừ chẳng giải quyết được gì đâu.”

Michael di chuyển chậm chạp và chìa cái áo khoác có cuộn phim bên trong. “Sao anh làm thế này, Stan? Em không hiểu.”

“Ôi Mikey.” Stan lắc đầu. “Chú không thấy là anh chẳng còn lựa chọn nào sao? Nó phải chết. Không còn cách nào khác.”

“Ai?”

“Carole.” Stan thở dài. “Nó yêu nhầm người, Mikey. Và rồi nó nhận ra sai lầm, nhưng đã quá muộn. Nó muốn lừa anh tin đây là con anh, nhưng anh biết không thể có khả năng đó. Không có nó đời chú còn tốt hơn, chú có thấy không? Nó cảm sùng chú. Nó chỉ là thứ điểm danh không hơn không kém.”

“Carole bảo cô ấy mang thai con anh ư?” Michael hỏi. Nếu họ gặp may, Stan sẽ mãi thao thao bất tuyệt mà lời là đề phòng. Rồi họ sẽ có cơ hội khống chế súng, hoặc hạ gục hẳn, hoặc làm gì đó để giữ mạng.

“Nó thề đây là con anh. Nó bảo không còn ngủ với chú nữa, nhưng anh biết sự thật không phải vậy. Anh vô sinh, Mikey ạ. Bác sĩ bảo rằng anh đã mất khả năng làm cha.”

“Em rất tiếc, Stan.”

“Anh cũng thế, Mikey. Nhưng anh còn tiếc hơn khi Carole lừa anh. Giờ chú hiểu vì sao anh phải giết nó chưa? Anh không thể để nó sống yên ổn với...” Stan quay phắt lại và nhắm súng vào Toni. “Bỏ súng xuống đi, xơ. Ngay!”

Toni do dự, và trong một thoáng Michael tưởng cô sẽ giơ súng và bắn để cứu anh. “Bỏ xuống đi, Toni! Đừng có ngốc.”

Ngay khi lời vừa rời miệng anh, Toni liền thả súng rơi xuống sàn. Âm thanh vang rõ mồn một trong căn phòng rộng rãi và yên tĩnh. Rồi cô nhìn anh tỏ ý chờ đợi một ám hiệu. Anh có thể làm gì? Điều duy nhất anh nghĩ được là giữ cho Stan tiếp tục nói. Cứ hỏi có thể có tác dụng. Stan thích giải thích phân trần mà.

“Giơ tay lên đi xơ.” Stan dùng súng ra hiệu. “Đúng thế. Cao hơn chút nữa. Và giờ có lẽ đã đến...”

“Em không hiểu sao anh phải giết tất cả các bồi thẩm, Stan.” Michael xen ngang. “Chỉ giết mình giáo sư Zimmer không đủ sao?”

“Chuyện này không quan trọng, Mikey. Chú không cần phải...”

Lần này tới lượt Toni xen vào. Không cần anh nói cô cũng hiểu ý anh. “Nhưng quan trọng với chúng tôi, Stan. Mike luôn nói anh làm gì cũng có lí do. Tôi biết anh ấy sẽ rất mệt lòng nếu không được biết nguyên do.”

“Có đúng thế không, Mikey? Chú thực lòng muốn biết à?”

“Đúng vậy.” Toni đã hỏi đúng câu và đúng cách. “Chuyện phức tạp quá mức, Stan ạ. Anh giải thích đi?”

“Khá là phức tạp ấy chứ nhỉ?” Stan nhướn miệng cười. “Là thế này này, Mikey. Giáo sư Zimmer bảo với anh rằng ông ta đã cho một bồi thẩm khác xem cuộn băng.”

Có một chiếc xe đẩy chỉ cách chừng một bước chân. Michael nhích thêm một chút tới chỗ nó. Đây là loại có bánh xe, và chở đầy những cuốn sách nặng trĩu. Nếu Toni có thể lừa Stan nói tiếp, có lẽ anh sẽ với được tới nó.

Toni hỏi tiếp ngay khi thấy ám hiệu. “Và ông ấy không cho anh biết bồi thẩm kia là ai?”

“Chính xác. Tôi đã giờ đủ mảnh, nhưng vẫn không moi được thông tin từ miệng ông ta.”

“Ờ, người đó không phải tôi. Đến tận tôi hôm nay tôi mới biết đến cuộn băng kia. Anh có thử tìm hiểu xem bồi thẩm đó là ai chưa?”

Stan vẫn đang nhìn Toni khi chân Michael chạm xe đẩy. Giờ anh chỉ cần xác định khóa bánh xe và nhả ra. Khi anh dùng mũi chân lần tìm, Stan bật cười.

“Tất nhiên là tôi chẳng việc gì phải tìm với chẳng hiểu. Vậy chỉ tốn công vô ích. Tôi biết nếu như giết cả đám, tôi sẽ được an toàn. Tôi chắc nếu là cô, cô sẽ tìm hiểu xem người bồi thẩm kia là ai. Phải không xơ?”

Toni thở dài. “Tôi sợ mình sẽ làm đúng như anh nói. Nhưng tôi thấy cách của anh hiệu quả hơn. Anh có mong cảnh sát sẽ đổ vấy tội cho Mike không?”

“Tất nhiên rồi. Tôi đã đọc ghi chép của bác sĩ tâm thần về những giấc mơ và chứng mộng du của nó. Quá tiện. Giờ cô hiểu chưa?”

Michael chúc mũi chân xuống. Khóa bánh được nhả ra kèm theo tiếng lách cách vang rõ, nhưng Toni đang nói và Stan không nghe thấy.

“Ờ, tôi hiểu rồi. Hoặc ít nhất tôi đã bắt đầu vỡ ra. Cảnh sát sẽ đọc ghi chép của bác sĩ tâm thần, và cho rằng Mike đã giết các bồi thẩm để trả thù. Tôi nói có đúng không?”

“Chuẩn. Và nói chuyện bấy nhiêu đủ rồi.”

“Chỉ một câu hỏi nữa thôi, làm ơn, một câu hỏi khiến tôi nghĩ nát óc mà không ra đáp án. Nếu anh giết Mike, vậy cảnh sát không truy tìm kẻ giết anh ấy sao?”

“Đây mới là phần hay ho này.” Stan mỉm cười. “Mikey sẽ tự tử ngay sau khi giết cô.”

“Tôi chẳng hiểu gì cả.” Toni lắc đầu. “Sao anh có thể biến vụ giết Mike giống như tự tử được?”

Michael đã đặt được một tay lên cái xe. Chỉ một inch ^[43] nữa thôi, anh có thể...

“Đây là phần dễ nhất,” Stan tiếp tục trả lời. “Xơ thấy đấy, tôi đã dùng máy đánh chữ trong căn hộ của Mike đã soạn một lá thư. Và khi cảnh sát tìm ra nó, họ sẽ chẳng buồn...”

Bây giờ, hoặc không bao giờ. Michael dùng hết sức bình sinh mà đẩy chiếc xe phóng đi như tên lửa. Stan quay phắt lại trước chuyển động đột ngột đó, và Michael hét bảo Toni chạy. Cô không phí bất cứ thời gian để trốn sau các giá sách, và rời căn phòng tối om. Cô đã gạt công tắc. Giỏi lắm! Giờ nếu cô chỉ việc trốn ra ngoài và gọi người đến giúp.

Mắt Michael mất một lúc để thích ứng với bóng tối đột ngột. Có ánh sáng yếu ớt hắt vào qua các ô cửa sổ, nhưng anh chỉ thích những giá sách cao cao. Giờ anh có lợi thế rồi. Stan phải tìm mới hòng giết được họ. Anh chỉ cần đứng thật yên và cầu cho Toni trốn được.

Có người di chuyển. Anh nghe có tiếng xột xoạt. Tiếng động dường như tới gần hơn, nhưng cũng khó mà phân biệt lắm. Là Toni ư? Hay là Stan?

Rồi mắt anh đã thích nghi được. Một bóng người lom khom chậm chậm di chuyển ra giá sách. Toni. Cô đang quay lại lấy súng.

Lại có tiếng xột xoạt. Âm thanh dường như xuất phát từ khắp xung quanh anh. Và anh thấy nó - một bóng hình di chuyển nhanh, cũng về phía giá sách nọ. Đó là Stan. Anh ấy đã thấy Toni, nhưng anh ấy không dám bắn xằng. Bảo vệ có thể sẽ nghe thấy, và anh ấy phải nhắm cho chuẩn.

Đột nhiên Michael vỡ lẽ ra. Stan không thể đồng thời tóm cả hai, và anh ấy phải giết Toni. Cô là bồi thẩm cuối cùng. Dù cho Michael có trốn được chẳng nữa, anh cũng không thể báo cảnh sát. Không ai tin câu chuyện điên rồ của anh khi anh không có cuộn phim, và anh chẳng gây nguy hiểm gì cho Stan nếu chạy đi cứu thân. Stan sẽ chẳng nghĩ anh chọn ở lại cứu Toni, vậy nên anh ấy chẳng thêm lo tới chuyện nhìn phía sau mình. Đấy chính là lợi thế Toni cần.

Các giá sách thư viện được chia ra, và khi họ mới vào gian phòng này, Michael đã nhận ra chúng được nối với trần nhà nhờ các đinh khuy. Giá kiểu đó cũng chắc nếu các giá sách hoàn toàn cân bằng, nhưng có một giá không được như thế. Người ta đang sắp xếp lại khu sách triết học. Bốn giá trống ở một bên, ở dưới cùng. Và Stan đang bò lom khom ngay trước nó.

Michael chạy ào tới và dùng hết sức bình sinh mà đẩy. Giá sách lắc lư và đổ sầm xuống. Có tiếng kêu đau đớn. Toni chẳng? Không, không phải Toni. Và rồi ánh sáng bừng lên làm chói mắt anh.

“Lạy Chúa, Mike! Cậu không định cho cảnh sát chúng tôi có công ăn việc làm à?” Đó là Harry Evans, đang giúp Toni đứng dậy và toét miệng cười như con mèo Cheshire [44]. “Chúng tôi vẫn dõi mắt để ý cậu suốt mà, Mike. Không có vấn đề gì, tới khi Toni tắt đèn.”

“Harry!” Toni tỏ vẻ bối rối. “Nhưng sao mà anh...” “Anh có nghề điều tra mà. Chăm sóc cô ấy nhé, Mike?”

Tôi có việc phải làm.”

Michael nghe Harry bảo lính của mình đưa Stan về đồn và giam lại. Và đừng quên cho hẳn biết quyền của mình, vì hẳn là luật sư và họ không

muốn tên này lách luật. Và rồi Toni ở trong vòng tay của anh, ấm áp, an lành và toàn vẹn. Họ vừa suýt chết! Anh sẽ không bao giờ buông cô ra nữa.

“Này, thế nào?” Harry tới và vỗ lưng Michael. “Một đêm bận rộn nhỉ, Mike?”

Toni bắt đầu cười khanh khách, và Michael không trách cô. Anh cố hôn cô, nhưng cô càng lúc càng cười tợn và chỉ sàan nhà. Những cuốn sách triết học nặng trĩch bét ra cũng phải mười pound một cuốn vương vãi khắp sàan nhà.

“May mà ở đây không chứa toàn sách của anh, Mike. Họ sẽ xuất bản dưới dạng bìa mềm. Em sẽ kể anh nghe sau. Ôi, Chúa ơi!”

Và rồi cô cười lớn hơn trong lúc Michael và Harry sừng sốt nhìn nhau. Hai người đàn ông còn đang tính cách khiến cô ngừng lại khi cô cúi xuống nhặt một cuốn sách trông rất nặng.

“Đây là sách của Wittgenstein. Ông ấy cứu mạng em đó, Mike. Bố em luôn nói rằng rồi có ngày em sẽ biết tôn trọng Wittgenstein.”

Harry nhìn họ một lát. Mike quả là người tốt. Anh chàng đang hôn Toni, và cô cũng đáp lại. Anh mở miệng định nói với họ rằng họ chẳng hề gặp nguy hiểm gì. Anh đã tháo hết đạn khỏi khẩu súng của Stan. Nhưng rồi anh quyết định không phá bĩnh. Tình yêu không tuyệt vời sao? Ngay khi về nhà, anh sẽ bảo Doris bắt đầu lên thực đơn cho lễ cưới. Nhìn hai người này thì chuyện đó cũng sắp thôi.

Hết

Chú Thích

[1] Những ngày salad là một cách nói trong kịch Shakespeare, muốn nói tới thời thanh xuân, khi người ta còn ngây thơ nông nổi, chưa có nhiều kinh nghiệm, còn mang nhiều lí tưởng (Mọi chú thích đều thuộc về người dịch).

[2] Máy trả lời điện thoại là thiết bị trả lời điện thoại bàn và ghi lại tin nhắn ấy của người gọi. Xin lưu ý, truyện được xuất bản vào năm 1989, nên một số chi tiết ít nhiều có phần xa lạ với độc giả ngày nay.

[3] Một loại hoocmon có tác dụng trên thần kinh giao cảm, kích thích vận chuyển máu về tim, thường được chỉ định trong những trường hợp cấp cứu khẩn cấp.

[4] Days of Wine and Roses là bộ phim Mỹ sản xuất năm 1962, do Blake Edwards đạo diễn. Phim nhận được bốn đề cử giải Oscar, bao gồm giải nam diễn viên chính và nữ diễn viên chính xuất sắc nhất.

[5] Ở đây nhắc tới George H. W. Bush, là phó tổng thống Mỹ từ 1981-1989, và là tổng thống Mỹ thứ 41, nhiệm kì 1989-1993. Năm 1988, ông chạy đua vào vị trí tổng thống với đối thủ Michael Dukakis.

[6] Đây là cụm từ được nhắc đến trong tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Joseph Heller, ý chỉ một tình thế tréo ngoe khi mà người ta không thể giải quyết được vì vướng mắc những điều kiện trái ngược nhau. Một ví dụ thường thấy để làm rõ tình huống này đó là, để được nhận vào làm ở một công ty, bạn phải có vài năm kinh nghiệm. Nhưng để có vài năm kinh nghiệm đó, bạn lại phải kiếm được việc đã.

[7] Nữ hoàng tháng Năm (May Queen) là hiện thân của ngày lễ Lao động, của mùa xuân và mùa hạ. Ngày nay, vào buổi lễ diễu hành nhân ngày lễ Lao động, một cô gái sẽ hóa trang làm nữ hoàng tháng Năm, trong bộ váy trắng tượng trưng cho sự trinh trắng, đội vương miện, và dẫn đầu đoàn.

[8] Aspirin: Aspirin, hay acetylsalicylic acid (ASA), có tác dụng giảm đau, hạ sốt, chống viêm; nó còn có tác dụng chống kết tập tiểu cầu, khi dùng liều thấp kéo dài có thể phòng ngừa đau tim và hình thành cục nghẽn trong mạch máu.

[9] Đơn vị đo chiều dài Anh, 1 dặm = 1,609km.

[10] Nhân vật ngẩn trong truyện ngẩn cùng tên. Ông ta ngủ một giấc nhưng khi thức dậy và trở về làng thì tất cả mọi thứ đã thay đổi. Khi ông xưng tên thì một ông già nhận ra ông và cho biết đã hai mươi năm trôi qua.

[11] Có lẽ ở đây có nhầm lẫn. Tiểu thuyết này ra đời năm 1989, trong khi Những bà nội trợ kiểu Mỹ được phát sóng từ năm 2004 đến 2012, Marcia Cross thủ vai Bree Van de Kamp. Có lẽ tiểu thuyết này được sửa đổi trong những lần tái bản nên xảy ra lỗi đáng tiếc trên đây

[12] Đơn vị khối lượng được sử dụng trong hệ thống đo lường ở Anh và Mỹ. 1 ounce = 28,3 gram.

[13] Jeopardy là một chương trình đố vui kiến thức truyền hình tại Mỹ, với các câu đố về đề tài lịch sử, văn học, nghệ thuật, văn hóa đại chúng, khoa học, thể thao, địa lí, v.v. Alex Trebek đảm nhiệm vai trò người dẫn chương trình từ năm 1984.

[14] Diễn viên người Mỹ, nổi tiếng với vai Vito Corleone trong phim Bố già phần II.

[15] Trận chung kết giải bóng bầu dục Mỹ

[16] Tên hai đội bóng bầu dục của Mỹ.

[17] Pound: đơn vị đo khối lượng của Anh, Mỹ. 1 pound = 0,453 kg.

[18] Viết tắt của John Fitzgerald Kennedy (1917-1963): tổng thống thứ 35 của Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ.

[19] Đây là một trong những loại rượu vang đỏ đắt nhất thế giới.

[20] Bảo tàng nghệ thuật neon.

[21] Như đã nói, tiểu thuyết ra đời vào năm 1989 nên một công nghệ được nhắc tới đã lỗi thời. Ở đây Stan dùng hệ điều hành MS Dos.

[22] Nguyên văn: Uncle Sam, một cách gọi chính phủ Mỹ.

[23] Foot: đơn vị đo chiều dài. 1 foot = 30,48 cm.

[24] Tên nhiều địa danh trong tiếng Anh có nghĩa, chẳng hạn như Oakdale có nghĩa là Thung lũng sồi, và Michael chọn tên Elmwood nhái lại, có nghĩa là Rừng cây du.

[25] Diễn viên hài người Mỹ (1890-1977), nổi tiếng về tài hoạt ngôn và được đánh giá là một trong những danh hài xuất sắc nhất thời hiện đại.

[26] Giáo hội Trưởng Lão, còn gọi là Giáo hội Trưởng Nhiệm, là một nhánh thuộc cộng đồng Cơ Đốc giáo Kháng Cách theo thần học Calvin có gốc tích từ Quần đảo Anh.

[27] Sở Thuế vụ.

[28] Cục Di dân và Nhập tịch Mỹ.

[29] Cơ quan Tình báo Trung ương Mỹ.

[30] Sở Giao thông Vận tải.

[31] Thợ sửa ống nước trong tiếng Anh là Plumber, bắt đầu bằng chữ P.

[32] Nguyên văn Manager Apartment Building.

[33] Ram: đơn vị tính số tờ giấy. 1 ram = 500 tờ.

[34] Một hạt thuộc tiểu bang Texas.

[35] Đây là một loại bia của Mỹ, nhưng Jose Sanchez là người gốc Mexico.

[36] Là cách nói lóng chỉ lực lượng cảnh sát phụ trách các vấn đề nhập cư.

[37] Clarence Darrow (1857-1938) là luật sư người Mỹ. Ông nổi tiếng vì đã bào chữa thành công cho hai kẻ sát nhân tuổi vị thành niên là Leopold và Loeb trong vụ chúng giết cậu bé mười bốn tuổi Robert "Bobby" Franks (1924).

[38] Ở đây tác giả sử dụng chơi chữ. Patient trong tiếng Anh vừa có nghĩa là bệnh nhân, vừa có nghĩa là kiên nhẫn.

[39] Đây là tổ chức truyền giáo Cơ Đốc có các hội viên mặc đồng phục kiểu quân sự và làm việc để giúp đỡ người nghèo, có thể hiểu nôm na là một dạng giáo binh đoàn Cơ Đốc.

[40] Có một loài thú có túi trong tiếng Anh được gọi là Tasmania devil, nghĩa là quỷ Tasmania.

[41] Nguyên văn: freeway. Đây loại đường cao tốc không thu phí các phương tiện lưu thông trên đó, chính vì thế mà việc bảo dưỡng đường cũng kém hơn.

[42] Tên viết tắt của hãng chuyển phát Mỹ United Parcel Service.

[43] Inch: đơn vị đo chiều dài. 1 inch = 2,54 cm.

[44] Nhân vật trong truyện Alice ở xứ sở thần tiên của nhà văn người Anh Lewis Carroll.

Table of Contents

Lời Dẫn

CHƯƠNG

1

CHƯƠNG

2

CHƯƠNG

3

CHƯƠNG

4

CHƯƠNG

5

CHƯƠNG

6

CHƯƠNG

7

CHƯƠNG

8

CHƯƠNG

9

CHƯƠNG

10

CHƯƠNG

11

CHƯƠNG

12

CHƯƠNG

13

CHƯƠNG

14

<u>CHƯƠNG</u>	<u>15</u>
<u>CHƯƠNG</u>	<u>16</u>
<u>CHƯƠNG</u>	<u>17</u>
<u>CHƯƠNG</u>	<u>18</u>
<u>CHƯƠNG</u>	<u>19</u>
<u>CHƯƠNG</u>	<u>20</u>
<u>CHƯƠNG</u>	<u>21</u>
<u>CHƯƠNG</u>	<u>22</u>
<u>CHƯƠNG</u>	<u>23</u>
<u>CHƯƠNG</u>	<u>24</u>
<u>CHƯƠNG</u>	<u>25</u>
<u>CHƯƠNG</u>	<u>26</u>
<u>CHƯƠNG</u>	<u>27</u>
<u>CHƯƠNG</u>	<u>28</u>
<u>CHƯƠNG</u>	<u>29</u>